

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CHỦ-NGHĨA PHA-XI NƯỚC Ý

Đảng Pha-xi (*fasciste*) là đảng hiện đương cầm quyền ở nước Ý ngày nay. Sự-nghiệp của lãnh-tụ đảng ấy là ông MUSSOLINI đã làm nên trong khoảng mười năm nay, thật là oanh-oanh liệt-liệt, khiến cho nước Ý đột nhiên chiếm một địa-vị quan-trọng trên trường quốc-tế.

Vậy ta nên biết chủ-nghĩa của đảng ấy thế nào, căn-cứ vào những phương-châm tôn-chỉ gì mà thành-công đặc-thắng như vậy.

Xét về chủ-nghĩa đảng Pha-xi còn gì bằng dẫn ngay lời của đảng-lãnh là thủ-tướng MUSSOLINI. Thủ-tướng vốn là một nhà làm báo, một tay trước-thuật, một nhà diễn-thuyết hùng-hồn, xưa nay viết và nói cũng nhiều, nhưng tán-mạn trong các báo, sưu-tập lại cũng khó. May sao gần đây, ở nước Ý có xuất-bản một bộ « Bách-khoa Tùng-thư nước Ý » (*Encyclopédie italienne*), hiện đã in đến chữ F, mục *Fascisme* chính tự tay thủ-tướng soạn lấy. Vậy ta cứ bằng-cứ ở mục ấy mà thuật về chủ-nghĩa Pha-xi, thì không còn gì đúng bằng.

Trước hẵng nên nói qua mấy lời đề giới-thiệu về bộ « Bách-khoa Tùng-thư » này đã. Sách này là một công-trình trước-tác vĩ-đại của nước Ý. Toàn-bộ là 36 quyển lớn, mỗi quyển một nghìn trang, dự-định đến năm 1937 mới hoàn-thành. Khởi-xướng tự sau khi chiến-tranh, do một bọn các văn-sĩ, bác-sĩ cùng các nhà xuất-bản muốn cho nước Ý cũng có một bộ bách-

khoa tùng-thư hoàn-toàn đặc-biệt, như bộ *Larousse*, bộ *Grande Encyclopédie* của nước Pháp, bộ *Mayer*, bộ *Brockhaus* của nước Đức, bộ *Encyclopédie britannique* của nước Anh. Nhưng mãi đến năm 1925 mới giải-quyết được cái vấn-đề tiền-tài, là nhờ có một nhà phú-hào giúp, nhà phú-hào này là ông thượng-nghị-viên TRECCANI, vừa là chủ công-nghệ, vừa là tay bác-học trứ-danh ở nước Ý. Liên lập một hội-đồng biên-tập, ngoài ông TRECCANI có ông GENTILE, nguyên Học-bộ Thượng-thư, trứ-danh về khoa triết-học, người tài cao, học rộng, hoạt-bát, phấn-khởi, đứng chủ-trương, còn thời toàn những tay học-giả trứ-danh trong nước giúp cả. Hiện nay đã in tới quyển thứ 14, về chữ F. Quyển này trước khi xuất-bản, thiên-hạ đều có ý mong đợi, vì ai cũng biết trước là sẽ có cái hứng-vị đặc-biệt: mục giải về chủ-nghĩa Pha-xi (*fascisme*), là chính tự tay thủ-tướng MUSSOLINI soạn lấy, như trên kia đã nói.

Nay xin tóm-lược đại-ý bài khảo-luận của Thủ-tướng như sau này.

* *

Trước hết thủ-tướng nói rằng phạm chính-trị có nghĩa-lý phân-minh, có thể-thống vững-vàng, cần phải có tôn-chỉ, có chủ-nghĩa cả. Chính-trị nước Ý ngày nay là một nền chính-trị phân-minh vững-vàng, vậy cũng có tôn-chỉ, có chủ-nghĩa. Chủ-nghĩa ấy, thủ-tướng giải-thích như sau này:

« Đối với chủ-nghĩa Pha-xi, thế-giới không phải là cái thế-giới vật-chất nó

hiện ra bề ngoài kia, không phải là cái thế-giới mà người ta là một cá-nhân cách-biệt với các cá-nhân khác, sống lấy một mình, bị cái luật thiên-nhiên nó chi-phối mà tự-nhiên theo về một cái đời khoái-lạc duy-kỷ trong nhất-thời. Người của chủ-nghĩa Pha-xi là người đồng-tâm đồng-cảm, đem thân sáp-nhập với cái quan-niệm quốc-gia cùng tổ-quốc: đó là một cái luật về luân-lý nó buộc chặt cá-nhân cùng lịch-đại thành một nền tổ-truyền, một mối thiên-chức, làm tiêu-diệt cái bản-năng chỉ muốn sống trong một đời eo-hẹp, tri-trục trong cuộc truy-hoan ngăn-ngủi, để lấy nghĩa-vụ mà dựng nên một cuộc đời cao-thượng, thoát hẳn ra ngoài giới-hạn của không-gian cùng thời-gian; một đời mà cá-nhân hi-sinh phóng-khí cả những lợi-lộc riêng, có khi đến hoại thân liễu chết để mà thực-hiện ra một cái thân-thể thuần tinh-thần, cho xứng-đáng cái giá-trị con người. Vậy thời cái quan-niệm này là một quan-niệm thuộc về tinh-thần, cũng là do ở cái phong-trào của thời-đại này phản-đối cái chủ-nghĩa thực-nghiệm duy-vật của thế-kỷ thứ 19. Trái với chủ-nghĩa thực-nghiệm, nhưng mà có tính-cách quả-quyết: không có hoài-nghi, không cho nhất-thiết sự-vật là vô-khả tư-nghị cả, mà cũng không hăng-hái lạc-quan như các chủ-nghĩa kia (hết thấy thuộc về tiêu-

cực) cho trung-tâm đời người là ở ngoài người ta vậy. Chủ-nghĩa Pha-xi muốn cho người ta hoạt-động, đem hết cả tinh-lực mà vào trường hành-động; muốn cho người ta mạnh-bạo hiểu rõ những nông-nỗ khó-khăn và phấn-phát ra đối-phó lại. Cho đời người là một cuộc chiến-đấu, người ta có quyền được chinh-phục cái gì là thật xứng-đáng cho mình, trước hết phải tạo lấy cho mình cái khí-cụ (về hình-thể, về đạo-đức, về tinh-thần) để gây dựng lấy. Cá-nhân đơn-độc một mình phải như thế, quốc-gia phải như thế, nhân-loại cũng phải như thế. Bởi thế nên văn-hóa thuộc về đủ các trạng-thái (mỹ-thuật, tôn-giáo, khoa-học), là có cái giá-trị cao-quí và sự giáo-dục là rất có quan-hệ vậy. Cũng bởi thế nên cái công-phu của người ta để thắng-đoạt thiên-nhiên và tạo-thành ra cái thế-giới loài người (về kinh-tế, về chính-trị, về đạo-đức, về tri-thức), cũng là có một cái giá-trị tuyệt-đối vậy (1).

Đó là cái quan-niệm về luân-lý của chủ-nghĩa Pha-xi. Thủ-tướng đã thuyết-giải về cái quan-niệm đó rồi, liền nói tiếp rằng:

‘Chủ-nghĩa Pha-xi cũng là một cái thuyết về tôn-giáo nữa, theo thuyết này thì người ta là quan-niệm theo một mối quan-hệ thâm-trầm đối với một cái phép-tắc cao-thượng, một cái ý-chí thuộc về khách-quan nó siêu-việt

(1) «Le monde pour le fascisme n'est pas ce monde matériel qui apparaît à la superficie, dans lequel l'homme est un individu séparé de tous les autres, vivant pour soi et gouverné par une loi naturelle qui, instinctivement, l'entraîne à vivre une vie de plaisir égoïste et momentané. L'homme du fascisme est celui qui communie, coïncide avec l'idée de nation et de patrie: loi morale qui lie étroitement ensemble individus et générations en une tradition et en une mission qui supprime l'instinct de la vie circonscrite dans la brève ronde du plaisir, pour instaurer dans le devoir une vie supérieure libre des limites du temps et de l'espace; une vie dans laquelle l'individu, à travers l'abnégation, le sacrifice de ses intérêts particuliers, la mort même, réalise cette existence toute spirituelle dans laquelle est sa valeur d'homme. Donc, conception spiritualiste issue, elle aussi, de la réaction générale du siècle contre le positivisme matérialiste du dix-neuvième siècle. Antipositiviste, mais affirmative; non pas sceptique, ni agnostique ou passionnément optimiste comme sont en général les doctrines (toutes négatives) qui placent le centre de l'homme hors de l'homme. Le fascisme veut l'homme actif et engagé dans l'action avec toutes ses énergies; il le veut virilement conscient des difficultés et prompt à les affronter. Il conçoit la vie comme lutte, en pensant qu'il dépend de l'homme de conquérir ce qui est vraiment digne de lui, en créant avant tout en lui-même l'instrument (physique, moral, intellectuel) pour l'édifier. Ainsi pour l'individu isolé, ainsi pour la nation, ainsi pour l'humanité. D'où la haute valeur de la culture sous toutes les formes (art, religion, science) et l'importance très grande de l'éducation. D'où, également, la valeur essentielle du travail avec lequel l'homme vainc la nature et crée le monde humain économique, politique, moral, intellectuel.»

ra ngoài từng cá-nhân một mà đặt tới địa-vị được tham-dự một cách ý-thức vào một cái xã-hội tinh-thần vậy. Người nào đối với cái chính-sách tôn-giáo của chính-thể Pha-xi, chỉ lấy thuần lễ tùy-thời mà xem xét, thời không hiểu rằng chủ-nghĩa Pha-xi không phải là một thuyết chính-trị mà thôi, trước hết là một thuyết tư-tưởng vậy». (1)

Đoạn rồi lại xét chủ-nghĩa Pha-xi về phương-diện lịch-sử, thời thủ-tướng giải rõ về cái giá-trị trọng-đại của sự tỏ-truyền (*la tradition*) trong ký-ức, trong ngữ-ngôn, trong phong-tục, trong phép-tắc cư-xử, trong xã-hội. Thủ-tướng nói rằng :

« Ngoài lịch-sử thời người ta không còn là gì nữa. Bởi thế nên chủ-nghĩa Pha-xi là phản-đối tất cả các cái thuyết duy-ngã căn-cứ ở chủ-nghĩa duy-vật mà ra, theo như học-thuyết thế-kỷ thứ mười-tám, lại phản-đối tất cả những cái ảo-tưởng cùng những sự cải-cách của phái cấp-tiến. Không tin rằng hạnh-phúc có thể có trên mặt đất này được, nhân đó bài-bác tất cả những cái thuyết về thần-học, cho rằng tới một thời-kỳ nào trong lịch-sử thời nhân-loại sẽ định-hình định-thể cả. Thế nghĩa là đặt mình ra ngoài cuộc lịch-sử cùng cuộc sinh-hoạt, vì sinh-hoạt tức là trôi - chảy luôn, tiến - hành luôn ». (2)

Thuộc về cá-nhân đối với quốc-gia thế nào, thời MUSSOLINI nói rằng :

« Chủ-nghĩa Pha-xi trái với cái thuyết duy-ngã, tức là lợi cho tư-tưởng quốc-gia, lại cũng lợi cho tư-tưởng cá-nhân nữa, vì cá-nhân sáp-hợp với quốc-gia, là ý-thức và ý-chí chung của người ta trong cái đời lịch-sử. Chủ-nghĩa Pha-xi lại cũng phản-đối với cái chủ-nghĩa tự-do cũ, xưa kia đề-xướng lên là đề chống lại với cái chế-độ chuyên-chế, cho nên từ khi cái tư-tưởng quốc-gia đã biến-hóa trong tâm-hồn cùng ý-chí của công-chúng rồi, thời cái chức-vụ của chủ-nghĩa tự-do trên lịch-sử là cáo-thành vậy. Chủ-nghĩa tự-do chỉ trọng cái lợi riêng của cá-nhân mà không biết đến quốc-gia là gì, chủ-nghĩa Pha-xi thời tuyên-bố quốc-gia là cái hình-thể chân-chính của cá-nhân. Và nếu sự tự-do phải là phẩm-cách của con người thực, chứ không phải con người phảng-phất mơ-màng trong trừu-tượng, là cái người của chủ-nghĩa tự-do duy-ngã trước, thời chủ-nghĩa Pha-xi cũng là lợi cho tự-do, chứ không phải không. Lợi cho cái tự-do chân-chính, là tự-do của Quốc-gia và của cá-nhân trong Quốc-gia, duy có cái tự-do đó mới là có giá-trị. Đối với người theo chủ-nghĩa Pha-xi, thời hết thầy là ở trong phạm-vi Quốc-gia cả, ngoài quốc-gia thời không có gì thuộc về nhân-đạo và về tinh-thần là có hẳn và có giá-trị cả. Theo nghĩa đó thời chủ-nghĩa Pha-xi là chủ-nghĩa kiêm-toàn, và Quốc-gia Pha-xi là tổng-hợp cả các giá-trị lại làm một,

(1) « Le fascisme est aussi une conception religieuse dans laquelle l'homme est vu dans son rapport immanent avec une loi supérieure, une volonté objective qui dépasse l'individu particulier et s'élève au rang de membre conscient d'une société spirituelle. Quiconque, devant la politique religieuse du régime fasciste, s'est arrêté à des considérations de pure opportunité, n'a pas compris que le fascisme n'est pas seulement un système de gouvernement, mais aussi et par-dessus tout, un système de pensée. »

(2) « Hors de l'histoire, l'homme n'est rien. C'est pourquoi le fascisme est contre toutes les abstractions individualistes à base matérialiste, type du dix-huitième siècle, et il est contre toutes les utopies et les innovations jacobines. Il ne croit pas possible le bonheur sur la terre et, par conséquent, il repousse toutes les conceptions théologiques d'après lesquelles, à une certaine période de l'histoire, il y aurait une « systématisation » définitive du genre humain. Ceci signifie se mettre hors de l'histoire et de la vie, qui est un éternel écoulement et devenir. »

« khiến cho toàn-thể sinh-hoạt trong dân-tộc có ý-nghĩa, được phát-đạt và được mạnh-mẽ ». (1)

Có một đoạn nữa nói rằng chủ-nghĩa Pha-xi là phản với chủ-nghĩa dân-chủ, vì chế-độ dân-chủ là làm cho dân bình-đẳng với số nhiều, hạ dân xuống bằng trình-độ số nhiều, thế là sai-lầm, vì dân phải quan-niệm theo về « phẩm » chứ không theo về « lượng » được. Rồi đến cuối cùng bài thời quả-quyết nói rằng Quốc-gia Pha-xi là một cái mãnh-lực, mãnh-lực thuộc về tinh-thần, gồm tất cả các trạng-thái sinh-hoạt về đạo-đức cùng trí-thức của người ta. Vậy thời Quốc-gia Pha-xi không thể chỉ khu khu chuyên cái chức trách trị-an và bảo-hộ, như là các Quốc-gia tự-do khác. Quốc-gia Pha-xi vừa là hình-thức bề ngoài, vừa là qui-tắc bên trong, tức là làm kỷ-luật cho cả tâm-thần người ta vậy, bao gồm cả ý-nguyện cùng thần-trí của người ta. Tôn-chỉ của Quốc-gia làm nơi trung-tâm-diểm cho người ta sinh-trưởng trong xã-hội văn-minh, bao-quát cả tâm-tinh của nhà hành-động cũng như nhà tư-tưởng, nhà mỹ-thuật cũng như nhà bác-học, tức là cái tinh-túy của linh-hồn vậy. Nói tóm lại chủ-nghĩa Pha-xi không phải là chỉ tạo ra pháp-luật cùng chế-độ mà thôi, lại phải khởi-đạon-luyện cho cái đời tinh-thần của người ta nữa. Chủ-nghĩa Pha-xi không phải là muốn sửa lại cái hình-thức của đời người, chính là muốn sửa lại cái nội-dung của đời người, tức là người ta, tâm-tinh của người ta, lòng tin-

ngưỡng của người ta vậy. Cho được cái mục-đích đó, nên phải có một cái kỷ-luật, một cái quyền-lực mạnh, thắng-đoạt cả thần-trí mà chi-phối một cách tuyệt đối. Bởi thế nên biểu-hiệu của chủ-nghĩa Pha-xi là cái bó búa lệnh của người vệ-binh La-mã ngày xưa (*le faisceau du lecteur*), để tiêu-biểu cho võ-lực cùng công-lý hiệp làm một.

Cứ theo như thủ-tướng MUSSOLINI giải về chủ-nghĩa Pha-xi như vậy, thời tự-trung có hàm một cái luân-lý đặc-biệt, phần nhiều căn-cứ ở cái tư-tưởng rằng đời người chỉ là một cuộc chiến-đấu hoài, khắc-khò nghiêm-trọng, phải lấy nghị-lực về tâm-thần mà chống-chối, người ta lúc nào cũng phải gắng-gỏi luôn mới xứng-đáng cái chức-trách của mình, luân-lý đó không phải là không có vẻ trang-nghiêm cao-thượng vậy. Nhưng mà luân-lý đó là thuần-thuộc về Quốc-gia, chứ không quan-hệ gì với Giáo-hội cả. Trong suốt bài giải về chủ-nghĩa Pha-xi của Thủ-tướng Ý đó, không hề nói đến tên Giáo-hội, không hề nói đến chữ Gia-tô một lần nào cả. Chủ-nghĩa đó cứ đại-khái mà nói thời chính là chủ-nghĩa của nhà triết-học GIOBERTI, mà học trò kế-thừa là giáo-sư kiêm thượng-nghị-viên GENTILE, chính là người chủ-trương bộ « Bách-khoa toàn-thư » nước Ý, đã đăng bài của thủ-tướng vậy. Chủ-nghĩa đó người nào đã xét qua về triết-học nước Ý cũng đã biết, là chủ-nghĩa lấy Quốc-gia làm cái mục-đích tuyệt-đối, hình như nuốt mất cả cá-nhân đi. Trái lại thời Giáo-hội lại cho cá-nhân là có

(1) « Antindividuelle, la conception fasciste est favorable au concept de l'Etat ; elle est favorable au concept de l'individu en tant qu'il coïncide avec l'Etat, conscience et volonté universelle de l'homme dans son existence historique. Elle est contre le libéralisme classique qui est né du besoin de réagir contre l'absolutisme et a épuisé sa fonction historique quand l'Etat s'est transformé dans la conscience et la volonté populaires. Le libéralisme niait l'Etat dans l'intérêt de l'individu particulier ; le fascisme proclame de nouveau l'Etat comme la réalité vraie de l'individu. Et si la liberté doit être l'attribut de l'homme réel et non de ce fantôme abstrait auquel pensait le libéralisme individualiste, le fascisme est pour la liberté. Il est pour la seule liberté qui puisse être une chose sérieuse : la liberté de l'Etat et de l'individu dans l'Etat. Pour le fasciste, tout est dans l'Etat et rien d'humain et de spirituel n'existe et encore moins n'a de valeur en dehors de l'Etat. Dans ce sens, le fascisme est totalitaire et l'Etat fasciste, synthèse et unité de toute valeur, interprète, développe et rend puissant (*potenzia*) toute la vie du peuple. »

những quyền-lợi thần-thánh bất-khả xâm-phạm, chức-vụ của Quốc-gia chỉ là để giữ-gìn cho những quyền-lợi ấy được tự-do thi-hành mà thôi. Tuy-nhiên Giáo-hoàng PİE XI tới nay cũng không thấy có bề-bác gì về cái bài trần-thuyết về chủ-nghĩa Pha-xi của Thủ-tướng Ý cả, trong đó có câu nói rõ-ràng rằng: đối với người trung-thành về chủ-nghĩa Pha-xi, thời phạm cái gì thuộc về nhân-loại hay thần-loại mà đứng ra ngoài phạm-vi của quốc-gia cũng là không có giá-trị gì cả, câu ấy cũng không thấy Giáo-hoàng chỉ-trích mà bình-phẩm. Vẫn biết rằng trước kia Giáo-hoàng đã từng có lần làm án cái chính-thể Pha-xi, cho là trong chương-trình và trong cách hành-động có nhiều điều xa-cách với đạo Gia-tô, và thiên-hạ chắc còn nhớ rằng trong sắc-dụ của Giáo-hoàng hồi tháng bảy năm 1931 đã có cực-lực phản-đối cái quan-niệm lấy quốc-gia làm tuyệt-đối, thôn-tính cả cá-nhân, nghĩa là phản-đối chủ-nghĩa Pha-xi đó, tức Giáo-hoàng gọi là cái chủ-nghĩa sùng-phụng mê-tin quốc-gia (*idolâtrie de l'Etat*) vậy. Nhưng ai cũng biết rằng từ khi chính-phủ Giáo-hoàng ký hiệp-ước với chính-phủ La-mã rồi, thời lời sắc-dụ của Giáo-hoàng đó không ai đã động tới nữa và mới rồi đây trong báo *Observatore Romano* là báo cơ-quan của chính-phủ Giáo-hoàng, kể cái số những lời sắc-dụ của Giáo-hoàng, không thấy kể đến lời dụ đó. Xem như vậy thời tuy chính-phủ Giáo-hoàng giữ cái thái-độ ôn-hòa như vậy, mà Thủ-tướng Ý trong bài thuật về chủ-nghĩa Pha-xi vẫn cứ công-nhiên nhắc lại những điều mà Giáo-hoàng đã phản-minh phản-đối từ trước. Dù thế nào mặc lòng, xem bài trong bộ « Bách-khoa tùng-thư » thời hiểu rằng tuy hai chính-phủ đã có ký-ước với nhau mà vẫn không giải-quyết được một cái vấn-đề quan-trọng nó phân-rẽ hai bên, là

vấn-đề quyền-hạn của Giáo-hội với Quốc-gia, vẫn chưa định được phân-minh vậy. Nói thế có phải là nói rằng hai bên lại xung-đột nhau không? Thiết-tưởng không đến nỗi thế.

Ngay sau khi ký hiệp-ước *Latran* (là hiệp-ước của hai chính-phủ La-mã và Giáo-hoàng), giáo-sư GENTILE có đăng một bài báo đã dự trước có ngày xảy ra sự xung-đột ấy. Ông tả ra hai người bạn khoác tay nhau vừa đi vừa chuyện-trò, coi ra đặc-chí lắm. Chẳng hay nói chuyện với nhau những gì? Có phải toàn là những câu chuyện ý-hợp tâm-đầu cả không? Không có lẽ được, vì hai bên đều không chịu phục nhau cả. Nhưng mà trong khi trao đổi ý-kiến với nhau thời được thêm biết nhau, và tự-nhiên có lòng mến lẫn nhau. Ấy hiện bấy giờ cái tình hình giao-thiệp của chính-phủ La-mã và chính-phủ Giáo-hoàng như vậy. Ông nghị-viên GENTILE kết-luận nói rằng tình-hình cũng chẳng nguy-cấp chi, thủ-tướng MUSSOLINI cứ tuyên-bố rằng quốc-gia là một cái bản-vị độc-lập có chủ-quyền tuyệt-đối, như vậy cũng không đến nỗi trời đổ mà sạ.

Vẫn biết thế, và có lẽ cái tình hình ấy cũng không nguy-cấp chi thật. Đời ấy sang đời khác, Giáo-hội vẫn đã qua lắm nông-nỗ khó-khăn, mà lần nào cũng là vượt được cả. Nhưng hiện nay thời chính-phủ Giáo-hoàng đối với bài thuyết-giải của thủ-tướng MUSSOLINI trong bộ « Bách-hoa tùng-thư » này cũng không khỏi lấy làm khó chịu vậy.

MUSSOLINI xét chủ-nghĩa Pha-xi về phương-diện luân-lý, triết-lý rồi, lại xét về phương-diện chính-trị và xã-hội. Trước hết nói rằng chủ-nghĩa Pha-xi ngày nay đã có tính-cách đặc-biệt hẳn, nghĩa là đối với các vấn-đề quan-hệ đến các dân-tộc trong thế-giới ngày nay đều có một phương-diện riêng để

quan-sát. Như về vấn-đề chiến-tranh : Thủ-tướng nói rằng sự chiến-tranh làm cho cái nghị-lực của người ta lên đến cực-diểm, khiến cho các dân-tộc dám ra đương đầu ở nơi chiến-địa, có một cái vẻ cao-thượng khác thường ; lại nói rằng một cái thuyết mà căn-cứ ở tư-tướng hòa-bình, thời là trái với tinh-thần của chủ-nghĩa Pha-xi. « Lại tất cả những sự kiến-thiết theo về chủ-nghĩa quốc-tế cũng trái với tinh-thần của chủ-nghĩa Pha-xi, dù gặp những trường-hợp chính-trị đặc-biệt mà công-nhận cho là ích-lợi mặc lòng, vì những sự kiến-thiết ấy là gồm những tạp-chất thuộc về tình-cảm, về lý-tưởng, về thực-tế, gây lên những cuộc phong-ba trong tâm-lý các dân-tộc, rồi thời giải-tán đi hết cả, như đã thường nghiệm thấy trong lịch-sử vậy. » (*Sont également étrangères à l'esprit du fascisme, même si celui-ci les accepte comme utiles dans certaines situations politiques déterminées, toutes les constructions internationalistes qui, comme l'histoire le montre, se dispersent quand les éléments sentimentaux, idéaux et pratiques se lèvent des tempêtes dans le cœur des peuples*). Về phương-diện quốc-gia, chủ-nghĩa Pha-xi đã trái với cái tinh-thần chủ-hòa, về phương-diện cá-nhân cũng vậy. Kẻ thanh-niên theo đảng Phi-xi, gặp khi ra chiến-đấu mà bị thương, thời trên cái « băng » buộc vết thương đó có viết một câu : « Ta chẳng cần gì », câu ấy có ý-nghĩa sâu-xa lắm, không những là tỏ ra cái thái-độ can-đảm đối với sự đau-dớn, lại là tiêu-biểu cho một cái chủ-nghĩa không những là thuộc về chính-trị mà thôi, chính là một cách đoàn-luyện người ta đề ra chiến-đấu với đời, cam-tâm chịu hết mọi sự nguy-hiềm ; có thể cho là một cái lối sinh-hoạt mới cho dân-tộc nước Ý. Đạo Pha-xi không ưa những cái cách-bộ của các dân-tộc làm ra mặt cầu-thần với nhau, và tuy vẫn sinh-trưởng trong xã-hội các

dân-tộc văn-minh, nhưng đối với các dân-tộc ấy vẫn có ý nghi-ngờ cần-thận, như nhìn vào trong người con mắt cho biết cái chân-tâm của họ thế nào, biết quyền-lợi của họ thay đổi làm sao, không bị lừa về những cái bóng dáng bề ngoài, hảo-huyền không thực. Thủ-tướng lại nói rằng : đạo Pha-xi không những công-kích cái chủ-nghĩa xã-hội, mà lại công-kích hết-thảy các chủ-nghĩa về dân-chủ, cho lý-thuyết là sai-lầm mà thực-hành có tai-bại. Chính-thể dân-chủ có thể giải nghĩa là cái chính-thể cho dân thời-hồ được cái ảo-tưởng làm chúa-tể trong nước, mà thực quyền chúa-tể thời không ở đầu dân, ở những cái sức mạnh ngấm-ngấm vô-trách-nhiệm vậy. Chính-thể dân-chủ là cái chính-thể không có một ông vua mà thực có nhiều vua, có khi lại áp-chế và tai-hại hơn là một ông vua chuyên-chế vậy. Bởi thế nên đảng Pha-xi trước năm 1932 vì lẽ tùy-thời có tỏ ra cái thái-độ thiên về chủ-nghĩa dân-chủ một chút, nhưng đến khi tiến quân lên kinh-dô La-mã thời bỏ hẳn cái thái-độ đó, cho rằng cái vấn-đề hình-thể quốc-gia ngày nay không lấy gì làm hệ-trọng và cứ xét kỹ các chính-thể quân-chủ, dân-chủ từ trước đến giờ, thời quân-chủ hay dân-chủ nữa cũng không phải là cái chính-thể vĩnh-viễn mãi-mãi, chẳng qua là những trạng-thái đề tiêu-biểu cho cái trình-độ chính-trị, cho lịch-sử, cho cở-diễn, cho tâm-lý một xứ nào đó mà thôi. Chủ-nghĩa Pha-xi ngày nay là vượt hẳn ra ngoài phạm-vi quân-chủ dân-chủ đối nhau, phạm-vi ấy phải dân-chủ vẫn chưa thoát được vì vẫn có cái bụng thiên cho quân-chủ là hư-hại cả mà dân-chủ mới thật hoàn-toàn.

Ngày nay có những nước dân-chủ rất là chuyên-chế, rất là bảo-thủ, mà có nước quân-chủ lại rộng-rãi, hoan-nghênh những sự thí-nghiệm rất bạo về chính-trị cùng về xã-hội. Thủ-tướng

MUSSOLINI không ưa trong chủ-nghĩa dân-chủ ngày nay là không ưa cái « giả-dối vô-nghĩa-lý của cái thuyết bình-dẳng về chính-trị, cái thói quen công-chúng vô-trách-nhiệm, cái ảo-trông hạnh-phúc và tiến-bộ vô-cùng » (*le mensonge conventionnel absurde de l'égalitarisme politique, l'habitude des irresponsabilités collectives, le mythe du bonheur et du progrès indéfinis*). Đối với các thuyết tự-do, thời chủ-nghĩa Pha-xi cũng hoàn-toàn phản-dối, về đường chính-trị cũng như về đường kinh-tế. Chủ-nghĩa tự-do về thế-kỷ trước có thịnh-hành, nhưng không nên cho là hoàn-toàn tuyệt-dối, coi như một cái tôn-giáo của loài người cho muôn đời về sau vậy. Thực ra thời chủ-nghĩa tự-do chỉ thịnh-hành có trong khoảng mười-lăm năm mà thôi. Xuất-hiện vào khoảng năm 1830 để chống-lại với cuộc « Thần-thánh đồng-minh » (*Sainte alliance*) là cuộc vận-dộng muốn xóa-lùi Âu-châu về thời-kỷ trước cuộc Cách-mệnh năm 1789, và đến năm 1848 thì chủ-nghĩa ấy đương toàn-thịnh, hồi bấy giờ chính Giáo-hoàng PIÉ IX cũng khuynh-hướng theo cái thuyết tự-do vậy. Nhưng mà thịnh rồi thời suy ngay, suy cho đến kết-quả là cuộc Âu-chiến vừa rồi. Tuy-nhiên MUSSOLINI nói rằng chủ-nghĩa Pha-xi vẫn là phản-dối với tất cả các chủ-nghĩa xã-hội, tự-do, dân-chủ, nhưng không phải là có cái dã-tâm muốn đi giạt lùi trở lại, muốn cho thế-giới lại khôi-phục lại cái tình-trạng trước năm 1789. Vì đã bước lên rồi, không thể lại đi trở lại được. Đạo Pha-xi là muốn chi-phối cả toàn-thế sự sinh-hoạt trong một dân-tộc, không có giống các chủ-nghĩa cũ từ xưa đến giờ và thực là một cái hiện-tượng mới trong lịch-sử thế-giới. Chủ-nghĩa Pha-xi là chất lọc lấy cái tinh-t túy của tất cả các chủ-nghĩa tự-do, xã-hội và dân-chủ mà chung-đúc thành một cái đạo mới.

Phàm những điều gì lịch-sử đã công-nhận thời giữ lấy, còn ngoại-giả bãi bỏ đi hết.

Cho dầu thế-kỷ thứ XIX là thế-kỷ của chủ-nghĩa tự-do, chủ-nghĩa xã-hội và chủ-nghĩa dân-chủ, thế-kỷ thứ XX này bắt-tất phải cứ quanh-quẩn trong mấy cái chủ-nghĩa đó. Phàm các thuyết chính-trị là thay đổi luôn. Còn các dân-tộc thời vẫn sinh-tồn mãi. Có thể cho thời-dại ta này là thời-dại trọng oai-quyền, là thời-dại thuộc về phái « hữu » vậy; thế-kỷ thứ XIX là thế-kỷ của cá-nhân, thời thế-kỷ thứ XX này sẽ là thế-kỷ của quốc-gia. Đoạn rồi thủ-tướng giải-rõ cái quan-niệm về « Nhà-nước » thế nào, quan-niệm ấy có thể tóm lại một câu rằng : « Thiên-thượng, thiên-hạ, duy quốc độc-tôn » (trên trời, dưới trời, duy có nước là tôn-trọng hơn cả). Cho nên chủ-nghĩa Pha-xi chính là chủ-nghĩa duy-quốc, hoàn-toàn phản-dối với chủ-nghĩa duy-ngã. Thủ-tướng nói rằng tự năm 1929 đến giờ, xét cuộc tiến-hóa về kinh-tế chính-trị trong thế-giới, thời lại càng rõ rằng chủ-nghĩa Pha-xi là vững-vàng và thích-hợp lắm. Thống-nhiếp hết thầy, chế-ngự hết thầy, chi-phối hết thầy, là quốc-gia vậy. Những sự mâu-thuẫn của chế-độ tư-bản, gây ra nông-nổi khủng-hoảng, ai có thể giải-quyết được, duy có quốc-gia mà thôi. Những tình-trạng khốn-nạn trong các xã-hội, ai có thể điều-dinh được, duy có quốc-gia mà thôi. MUSSOLINI nói rằng : « Hồi đề-xương lên chủ-nghĩa tự-do, JULES SIMON nói rằng phận-sự của Nhà-nước là phải làm thế nào cho mình thành ra vô-dụng, phải dự-bị đề từ chức có ngày ; MAC CULLOCH thời quả-quyết rằng Nhà-nước không nên can-thiệp vào việc chính-trị quá, lại HUMBOLDT thời nói rằng Nhà-nước nào lười-biếng là Nhà-nước ấy hay hơn cả. Vậy thời vong-linh của ba ông ấy bây giờ ở đâu ? » (*Où sont donc les ombres de Jules Simon,*

qui, à l'aube du libéralisme, proclamait que l'Etat doit travailler à se rendre inutile et à préparer sa démission; de Mac-Culloch, qui affirmait que l'Etat doit s'abstenir de trop gouverner, de Humboldt, selon lequel l'Etat paresseux devient être considéré le meilleur?) Thủ-tướng lại nói rằng một cái chính-phủ quốc-gia tựa vào hàng triệu con người vui lòng công-nhận, sẵn lòng phụng-sự, thời không phải là một chính-phủ chuyên-chế như chính-phủ các vua chúa về đời trung-cổ vậy.

Trong quốc-gia Pha-xi, cá-nhân không phải là bị tiêu-diệt đi, chính là được tăng-gia lên, cũng như là trong một quân-đội, tên lính không phải là bị giảm đi, chính là nhờ cái số đông của các lính khác mà tăng sức mạnh lên vậy. Chính-phủ Pha-xi là chủ tổ-chức cho dân-tộc, nhưng tổ-chức rồi thời vẫn để cho cá-nhân được rộng đường mà xoay-sở, chỉ hạn-chế những cái tự-do vô-ích hay có hại mà thôi, còn cái nào là cốt-yếu thời vẫn giữ.

Đoạn kết-luận trong bài của Thủ-tướng nói rằng chủ-nghĩa Pha-xi là một cái đạo sống người, cứ xem như có người thành-thực tin-ngưỡng thời đủ biết. Mà lòng tin-ngưỡng ấy đã chiếm-đoạt được tâm-hồn người ta nhiều lắm: trong khoảng mấy năm nay biết bao nhiêu kẻ đã hi-sinh mình

đi để thờ chủ-nghĩa; đạo Pha-xi cũng đã có nhiều người « tử vì đạo » (martyrs) rồi đó.

..

Trở lên là lược-thuật lời của thủ-tướng MUSSOLINI, lãnh-tụ đảng Pha-xi nước Ý, giải-thích về chủ-nghĩa Pha-xi. Xem lời-lẽ thì chủ-nghĩa này nghiêm-nhiên là một tôn-giáo, một cái đạo, đạo Pha-xi vậy. Thần của đạo này là Nước, vì là đạo thờ nước, lấy câu « duy Quốc độc-tôn » làm tôn-chỉ. Cái nguyên-tố của nhân-loại, không phải là cá-nhân, không phải là gia-tộc, là Nước. Nước là tuyệt-đối; người ta có sống trong nước, sống vì nước, mới là sống một cách hoàn-toàn. nếu sống chỉ vì mình, không biết đến nước, là sống một cách nhỏ-nhen, không giá-trị vậy.

Đạo Pha-xi sau này thế nào không biết; nhưng trong khoảng mười năm nay đã có công cải-tạo chấn-chỉnh cho cả một dân-tộc. Nước Ý trước năm 1922 ủy-mĩ suy-đồi, nước Ý ngày nay cương-cường mãnh-liệt. Công ấy là tay một người làm nên. Người ấy là tựa vào cái chủ-nghĩa vừa thuật trên kia mà hành-động. Vậy thời có thể nói chủ-nghĩa Pha-xi là kết-tinh được cả cái quốc-hồn Ý-đại-lợi vậy.

T.-C. biên-dịch





Quan viên sáp vào tễ

*Bức vẽ của họa-sĩ Nam-sơn 1931
(Vẽ bằng mực tàu, sơn tàu và phấn trắng,
hiện bày ở Đông-dương Kinh-lễ-cục Paris).*



Chợ gạo trên hữu-ngạn sông Hồng-hà

Bức vẽ của họa-sĩ Nam-sơn 1929

(Vẽ bằng mực tàu, đã đem đấu-xảo tại Hội «Sa-lông» Mỹ-thuật Pháp năm 1930. Hiện Nhà-nước Pháp mua rồi).

CÁI PHONG (CẦU TRỰC-NGÔN 求直言)

Trực-ngôn là lời nói thẳng. Lời nói thực. Lời nói theo con mắt kẻ quan-sát trông thấy về việc chính việc giáo, lại-tệ dân-tình, dân-sinh quốc-kế, cái gì lợi cái gì hại, cái gì nên bảo-tồn, cái gì nên chấn-chỉnh, cái gì nên trừ-khử và cái gì nên canh-cải thi-vi, nghĩ thế nào cứ thế mà nói thẳng ra. Nói thẳng ra để mong có ảnh-hưởng cho thực-tế. Thế là những lời trực-ngôn. Những lời trực-ngôn là những lời nói có bổ-ích về trị-đạo, là những lời nói không biết giấu giếm che đậy, không biết tán-tụng hư-huyền, không có ý hiển-mị để moi-câu gì vậy. Thế cho nên đời mới phải lấy trực-ngôn làm quý mà phải cầu. Tới thường khảo-cầu cái đạo hóa-dân trị-quốc trong thiên-hạ, mới biết cái phong « cầu trực-ngôn » thực là một cái thượng-sách của các nước cổ-kim đông-tây, không những vì cái kế tiến-bộ mà lại chính vì cái kế trảng-trị cứu-an nữa.

Kể cái lịch-sử « cầu trực-ngôn » trong thiên-hạ, sớm nhất thì ở Thái-Đông, mà thịnh-hành thì ở các nước Thái-Tây ngày nay. Ở Thái-Đông Trung-quốc thì từ đời Tây-Hán; Việt-Nam thì duy có đời Lê Thánh-tôn. Song đó đều là những cách làm-thời cả. Gặp những khi chế-độ cũ lâu ngày trần-hủ hoặc sai lạc mất chân-tinh-thần, những khi việc nước rối-bời lòng người ngo-ngác, lúc đó may được có đấng nhân-chủ có nhiệt-tâm về trị-hóa, có tư-cách khả-dĩ hữu-vi, muốn canh-cải lại cho cuộc đời tiến-bộ, nhân-dân được hưởng cái phúc thẳng bình, mà duy-trì lấy cuộc cứu-an trảng-trị, thì hạ-chiếu để cầu lấy những lời trực-ngôn. Nhân đó mà thế-vận bèn bước lên trình-độ khá cao vậy. Lịch-sử còn đó, há phải lời nói vu. Tiếc thay, đã biết cách đó là hay

mà không biết lấy làm định-lệ, chỉ được từng lúc và được từng ông vua mà thôi. Những ông vua mà dùng được cái phong cầu trực-ngôn đó đã nói như trên, tất phải là những bậc có độ-lượng có chí muốn làm, chịu bình-tâm mà nghe lời nói phải.

Thế cho nên đời Hán Văn-đế còn sót cái tệ từ đời nhà Tần chưa cải, Giả Nghị bèn cho là những việc đáng thống-khốc, đáng cả thở dài. Vua Hán Vũ-đế cùng-binh độc-vũ, trong nước sa nghèo, Cấp Âm dám can rằng: « Bệ-hạ trong lòng thì đa-dục mà bề ngoài thì làm ra như là nhân nghĩa 陛下內多欲而外施仁義 ». Ấy thế mà hai vua đều không những không giận mà lại lấy làm khi-trọng. Vua Lê Thánh-tôn nước ta thì sử đã khen là « Mong được nghe lời can thẳng 冀聞直諫 ». Vua đã cầu trực-ngôn rồi lại cho đi dò hỏi những sự tặt-khở của dân-gian, những điều hay dở về chính-sự. Lời dụ của vua ban cho quần-thần có câu:

« 黎景微, 阮如堵, 危瑄等, 率皆阿諛, 惟陳鸞, 阮茂, 阮善, 憂君愛國, 每事盡言 ».

« Lữ Lê Cảnh-Huy, Nguyễn Như-Đồ và Phạm Du đều là bọn a-dua nịnh-nọt. Duy có Trần Thốc, Nguyễn Mậu và Nguyễn Thiện là có lòng thương vua yêu nước, gặp việc gì cũng nói hết hay dở ». Coi đó thì biết những cuộc thịnh-trị ở đời Tây-Hán, đời Lê Hồng-đức không phải là ngẫu-nhiên vậy... Đến như những nhà chính-trị nhân-tuần hẹp lượng thì không thể được. Đời Hậu-Lê chúa Trịnh Giang cũng hạ lệnh chỉ cho các quan đều phải tỏ bày ý-kiến về việc chính-trị. Bấy giờ có Bùi Sĩ-Tiêm trần-ngôn mười điều. Sử nói mười điều ấy đều thiết-trúng vào

những việc thời-tệ cả. Trong có một điều về văn-thê thi Sử nói rằng :

« Văn-thê của Bản-triều ta, mới chính-đốn từ đời Thiệu-bình, đại-thành ở đời Hồng-đức. Đến trung-gian bèn biến ra làm lối văn chấp nhật các sách lại, rồi lại biến ra làm lối văn giải nghĩa tỉ-mỉ từng chữ từng câu. Thậm-chí làm cho những lời trong kinh sử thành những lời khuyên-sáo trần-hủ cả. Vậy xin tôn-sùng lấy cái học chân-chính, để chấn-chỉnh lý nho phong. Xin từ nay về sau phạm những sách văn-tập như: *Ngốc-trai*, *Đề-cương trường-sách* 呆齋提綱長策 (sách làm mẫu cho học trò trích mà làm văn sách), cấm tuyệt cả đi.»

« Văn sách hỏi về việc cử thi xem qua ý thi-phi đại-lược để biết học-lực, còn hỏi về việc kim thi xem kỹ những điều cơ-nghi chính vụ để biết kinh-luân. Như thế thi văn-thê đều phải theo về nơi chính cả, mà tức là cái nghĩa chính-văn-thê để khuyên hiền-tài đó ».

Ấy chỉ có thế mà Trịnh Giang nổi giận, cách chức Bùi Sĩ-Tiền đuổi về nhà quê. Như thế còn hỏi mà làm gì và ai còn dám nói nữa. Nhưng mà trực-ngôn bị tội, không những không hay cho đời mà chính cũng bất-lợi cho họ Trịnh từ đó.

Con đường tiến bộ của Đông-phương sở-dĩ gián-đoạn, lúc suy lúc thịnh và tri-trệ cũng vì cơ đó.

Bên Tây-phương từ cận-thế lại đây, dân-trí cả mở-mang, trị-hóa mau tấn-tới là nhờ được từ khi cái phong trực-ngôn thịnh-hành thành ra thói quen tự-nhiên hằng ngày. Cái phong trực-ngôn ấy phô bày ra ở đâu, há không phải ở tờ nhật-báo dư? Từ cái khi chế-độ báo quán thành-lập, luật ngôn-luận tùy trình-độ dân-trí mỗi nước mà cho hoàn-toàn hoặc một vài phần tự-do bàn nói. Phạm nhân-dân trong một nước đều được kiệt tâm-tư suy xét mà

đem những điều lợi-bệnh của dân-gian, những sự đặc-thất của đương-cục mà phô-bày chân-thực lên báo-chương. Nhà chính-trị nhân đó biết rộng được những điều nguyện-vọng của nhân-dân, nhất là được rộng tài-liệu mà tuyển-trạch, mà khứ-thủ. Quốc-gia không phải ra lệnh cầu trực-ngôn mà trực-ngôn cứ tự đem ra đề cống-hiến. Thực là một cách « bắt cầu chi cầu » rất khôn-khéo. Cũng vì thế mà cuộc trảng-trị cứu-an của các quốc-gia, đường tiến-bộ của các dân-tộc bên Âu-Mĩ vài trăm năm nay, đâu đấy đều chỉ có tiến mà không có thoái cũng là nhờ ở đó vậy.

Nay muốn biết lời trực-ngôn sao mà đáng quý thì nên đọc lại một câu trong lời sắc dụ của vua Lê Thành-tôn trên kia : « Có lòng thương vua yêu nước, gặp việc gì cũng nói hết dõ hay » Ấy cái tâm-lý của kẻ trực-ngôn là chỉ ở hai chữ thương yêu mà chính là thương yêu cuộc hiện-tại đó. Vì lòng thương yêu hiện-tại, muốn duy-trì và muốn chính-đốn, muốn cho cuộc hiện-tại được tiến-bộ một cách nơi bậc bước lên. Vậy trông thấy những cái tích-tệ, những cái sai-lầm, những cái ần-khuất của dân-gian, thế tất muốn đem giải-bày mà trung-cáo mách-báo. Thương yêu càng thiết thì nói càng thẳng, nói càng thẳng thì việc càng hiển-lộ chân-thực rõ-ràng. Như thế há không có lợi cho việc đời dư? Ấy cái tinh-thần của lời trực-ngôn chỉ có như thế. Nó đã trái với những lời a-dã nịnh-nọt, mà nó cũng không giống với những lời cố ý chàm-chọc, cố ý quạ-khích phá-hoại hay là phi-báng vậy. Ấy người thần ngôn phải nên bình-tĩnh rộng lượng thì mới phân-biệt được.

Tuy-nhiên, lại phải xét lời trực-ngôn sẽ do ở đâu mà có được. Cầu ở nơi thôn-dân dư, không có thể có được. Đó chỉ

là thể sát cái lợi bệnh mà thôi. Bởi vì phạm việc có đủ tri-thức lịch-duyet mới biết phân-tích mới hiểu được nhân-do sự thực. Kẻ thôn-dân ít được học-hành lại hay nghi-ngờ nhất sợ, có khi trước công-môn hỏi: « một với một là mấy? », họ cũng không dám nói ngay.

Cầu ở nơi đương-đạo dư? khó có thể có được. Chỗn đương-đạo xa dân-giã lại thường bận chức-vụ sở-chuyên mà ít xem xét rộng được. Lại hoặc sợ trách-nhiệm mà vẩn-sức đi, hoặc vì lộc-vị mà kiêng kỵ, đều không dám nói thật.

Vậy thì cầu ở một người đặc-biệt dư? tưởng cũng khó có thể được hoàn-toàn. Bởi vì đất nước cực rộng, việc nước cực phiền, vì có một người thông minh xuất chúng đi nữa, cũng chỉ tường ở chỗ nọ mà phải lược ở chỗ kia.

Thế thì muốn có trực-ngôn để bổ-cứu cho trị-đạo sẽ cầu vào ở đâu? Tôi xin thưa rằng không nhất-định ở đâu được. Nhất-định ở thôn-dân không được, nhất-định ở đương-đạo không được, mà nhất-định ở một người nào cũng không được. Phải ở nhiều người mà là những người bất-kỳ ở thôn-dân, ở đương-lộ, duy có tri-thức lịch-duyet, có lòng yêu thương hiện-tại, có công quan-sát và sẵn lòng muốn nói mà không có tư-ý gì. Thế thì mới nói thẳng được. Nhà chính-trị vốn tính tuyền-trạch, sẽ được bác-thái mà điều-hòa.

Ngày nay báo-quán thịnh-hành, dân-trí phát-đạt, các quốc-gia trong thế-giới muốn mưu tiến-bộ, mưu cuộc trảng-trị cứu-an, muốn có trực-ngôn, không cần phải hạ sắc-lệnh cầu, mà chỉ mở rộng chế-độ báo-quán, mở rộng đường xuất-bản và ngôn-luận, là trực-ngôn tự tranh nhau đem ra cống-hiến.

NGUYỄN TRỌNG-THƯỢNG

Nhân bản-chí chủ-nhân Phạm Tiên-sinh có Chỉ triệu về Kinh linh chức « Thượng-thư sung Ngự-tiền Văn-phòng Đồng-lý », việc quản-lý tạm giao ông Lê Văn-Phú trông nom, việc biên-tập ông Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến coi. Còn tôn-chỉ và thể-tài báo vẫn không thay đổi gì cả.

Nam-Phong kinh-khải

CÁI BỆNH TỰ-TỬ

Trong xã-hội Việt-Nam ta hiện nay, thường thấy nói có cái dịch tự-tử. Gái non trăm mình xuống sông xuống hồ, trai trẻ uống thuốc độc bằng nha-phiến với dấm thanh, những việc đó hằng thấy in trong mục thời-sự các báo. Một cái xã-hội có nền-nếp, thì người ta không khi nào nghĩ đến quyên-sinh. Sở-dĩ có kẻ chán đời đến không muốn sống ở đời nữa, là vì cái hoàn-cảnh bức-tức, khiến cho người ta đã không biết sống làm vui, thời sao có biết thiệt-thời làm thương. Cái dịch tự-tử trong xã-hội ta, âu cũng là cái triệu-chứng xã-hội đương qua một hồi khủng-hoảng về tinh-thần vậy.

Nay người ta ai cũng ham sống mà sợ chết. Kia như những kẻ khốn-cùng, bữa không có mà ăn, những kẻ tàn-tật, bệnh trong người dề-dề, những kẻ già yếu, chỉ còn sống thoi-thóp, cũng vẫn thiết tha về sự sống, tưởng như chết đi được là thoát nợ đời mà vẫn không chịu chết, xem đó thì biết cái lòng ham sống nó mạnh là dường nào. Thế mà có kẻ trái lại cái lòng ham-muốn tự-nhiên của giống sinh-vật đó, nhiều khi vì có chẳng đâu-đâu, vì danh-dự, vì ái-tình, vì tiền-tài, vì sự-nghiệp, một lúc bất-bình, quyết chí quyên-sinh, tưởng giá nghĩ lại cho kỹ thì không đáng chết chút nào, thế mà cũng liều mình chết quách đi cho rồi, thế là nghĩa làm sao vậy, thế là bởi lẽ gì vậy?

Trong bài lục dịch sau này, tác-giả giải rõ về duyên-cớ sâu-xa của cái bệnh tự-tử, đại-khái nói rằng: người ta muốn cho sống ở đời được điều-hòa thì tâm-thân mình đối với hoàn-cảnh ngoài phải thời-thường giao-thông mà hoán cải lẫn nhau, đáp-đổi mà hưởng-ứng với nhau, không hề mâu-thuẫn, không hề sai-biệt một chút nào. Nay nếu vì một cơ gì, tinh-thần sảng-loạn, thân mình như đoạn tuyệt với thế-giới bên ngoài, cái óc dăm-dăm đau-đau, tạo ra những cái tư-tưởng cuồng-võng bất-kinh, u-sầu ảo-nảo, như bài ra chất độc để tự diệt mình, thời bấy giờ đối với nhất-thiết sự đời, như ngư-ngợ ngác-ngác cả, sống ở đời mà như nằm trong giấc mộng, sự sống sự chết là phó mặc cho cái ngẫu-nhiên hết cả. Ngẫu-nhiên gặp sự bất-bình, không thể chịu được, thế là muốn chết đi ngay cũng cam-tâm. Nhưng ngẫu-nhiên được cái khoái-lạc, hay bị sự kích-thích, được vui lòng hả dạ, hay bị chuyên-đông tinh-thần, chợt tỉnh dậy, thời thôi, không còn tưởng đến chết làm gì nữa.

Thế thì ra người ta đã đến cách-biệt với thế-giới bên ngoài, thì sống với chết là chuyện mơ-màng mộng-mị cả. Hễ tỉnh được cái ác-mộng ra, lại tiếp-tục giao-thông đáp-đổi về hoàn-cảnh, thì trong với ngoài lại điều-hòa với nhau và không có sự gì chênh-lệch nữa. Tác-giả ước-ao có một hạng thầy thuốc về tinh-thần, dùng phương-pháp tâm-lý mà chữa cái bệnh tự-tử, chúng ta cũng nên ước-ao như vậy.

Observations sur le suicide

Si la crise mystérieuse qui s'est abattue sur le monde depuis deux ans a eu des réper-

Xét-nghiệm về cái bệnh tự-tử

Cái nạn khủng-hoảng bí-hiêm nó gieo xuống thế-giới tự hai năm nay,

ussions graves sur un grand nombre de groupes humains, politiques, industriels ou financiers, auxquels elle a fait mesurer l'instabilité des choses humaines en apparence les plus solides, son action s'est fait sentir plus cruellement encore chez les individus soudain arrachés aux organismes qui leur servaient d'armature. De là cette contagion de suicides dont on suit avec angoisse la courbe ascendante; de là ce vacillement d'esprits énergiques en face d'une panique dont les causes ne sont pas toujours appréciables. La mort volontaire de Kreuger, puis celle de Eastman, sont de ces événements qui révèlent l'ébranlement profond de notre époque. Elles nous forcent aussi à nous interroger une fois de plus sur les motifs souvent indiscernables de tout suicide.

A première vue, il semble, en effet, facile de concevoir que, sous la pression de certaines circonstances, exceptionnellement douloureuses, il soit naturel de préférer la mort à la douleur; mais si l'on médite, par ailleurs, sur l'attachement physique et moral presque insurmontable qui lie l'homme aux manifestations de sa propre existence, on jugera qu'il y a dans la force destructive qui rompt cet attachement quelque chose qui ne vient que partiellement des circonstances. En quoi consiste ce quelque chose? Tout le problème est là.

On voit dans des asiles de vieillards, des malheureux privés de famille et démunis d'argent, épuisés par des maladies et souffrances sans nombre et une vie de misère, supplier en sanglotant leur médecin de ne pas les laisser mourir. Ce ne sont pas des cas extrêmes et rares; l'attitude de ces mori-

thet đã có ảnh-hưởng nghiêm-trọng đến nhiều các đoàn-thề trong loài người, đoàn-thề chính-trị, công-nghệ, tài-chính, coi đó mới biết rằng sự-nghiệp của người đời, dù bề ngoài rất vững-vàng mà thực cũng là bấp-bóng hết cả; không những ảnh-hưởng đến các đoàn-thề mà thôi, lại ảnh-hưởng một cách khốc-lại hơn nữa đến cả cá-nhân đột-nhiên bị lla ra ngoài các cơ-thể đã làm trụ-cốt cho mình tự trước đến nay. Bởi đó mới sinh ra cái dịch tự tử, càng ngày càng lan mãi ra, coi mà ghê thay; bởi đó mới thấy những kẻ vốn cương-quyết xưa nay, đối với cái nạn khủng hoảng không giải rõ nguyên-nhân nó thế nào, thành ra rụng rời lảng-chi cả. Nhà đại-tư-bản nước Thụy-điền KREUGER tự-tử, rồi kể đến nhà đại-tư-bản nước MI EASTMAN cũng tự-tử nữa, đó là những cái triệu-chứng rõ ràng thời-đại ta đương bị lay chuyển dữ. Mấy việc đó cũng bắt buộc ta phải tự hỏi một lần nữa về những lý do u-âm của cái bệnh tự-tử thế nào.

Mới xét ra thời tương cũng dễ hiểu rằng người ta có khi bị những cơ-hội đặc-biệt nó bách xúc, đau - đớn lạ thường, muốn chết đi còn hơn là chịu khổ; những nếu lại nghĩ lại rằng người ta cũng lại vốn có cái lòng thiết-tha quyến-luyến về thân mình, đời mình, thời sẽ thấy trong cái lòng muốn tự-hoại mình đi làm cho đoạn-tuyệt cái dây quyến-luyến đó, nó có một cái gì không phải toàn là ở cả cơ-hội bên ngo ài mà ra. Cái đó thế nào? Ấy cả vấn-đề là ở đó.

Ở các nhà thương nuôi người già, thường thấy những kẻ khổn-nạn, không có con, không có tiền, bệnh-lật hao-mòn, đau đớn trầm-trệ, cực-khổ vô-cùng, mà còn kêu-van khốc lóc với thầy thuốc xin đừng để cho chết. Sự đó không phải là lạ-lùng hiếm-có chi; cái thái-độ của những kẻ thập-tử nhất-sinh

bonds est parfaitement normale, et l'acceptation sereine de la mort presque exceptionnelle. Par ailleurs, des êtres de tout âge refusent de supporter la contrariété la plus faible et se tuent pour des motifs dérisoires ; je me souviens qu'en 1911 une jeune fille étrangère se jeta dans le Tibre plutôt que de suivre sa famille qui allait quitter Rome. Il lui semblait impossible qu'on pût vivre ailleurs. Il a paru, en 1812, un livre fort curieux sur les mœurs anglaises ; on y relate qu'un Anglais, ayant fait exécuter pour son plaisir, chez lui, le *Requiem* de Mozart, n'avait pu supporter la tristesse de cette musique et s'était brûlé la cervelle à la fin de l'audition. Un lord Scarborough se trouvait embarrassé entre une maîtresse qu'il aimait et une femme qu'il estimait et à qui il avait fait une promesse de mariage ; ne sachant à quel parti se décider, il opta pour la mort. Un jeune homme de vingt-sept ans, beau, riche et de sang illustre, sans souci d'aucune sorte, Philippe Mordaunt, prit un grand dégoût de la vie. Il l'exprima en vers français dont voici le dernier quatrain :

L'opium peut aider le sage.
 Mais selon mon opinion.
 Il lui faut, au lieu d'opium,
 Un pistolet et du courage.

Il exécuta son programme jusqu'au bout, ne donnant pas d'autre raison que la lassitude que son âme avait de son corps et son désir d'en déménager.

Beaucoup de nous ont eu parfois la pensée d'en finir avec les difficultés de l'existence ; ils ont résisté à cette tentation. Par contre, nombreux sont ceux qui se sont dépêchés dans l'autre monde pour avoir subi des tracasseries moins douloureuses. Dire que les uns étaient plus faibles que les autres est une cons-

idéologie là cái thái-dộ thông-thường như vậy, và kẻ nào diêm-nhiên chịu chết thật là ít lắm. Trái lại thời lại có kẻ, bất cứ già trẻ lớn bé, gặp phải sự gì trái ý một chút là không chịu được, vì cái cơ chẳng đâu đâu cũng tự-tử ; lời còn nhớ năm 1911, có một người thiếu-nữ ngoại-quốc dám đầu xuống sông Tibre vì không chịu theo gia quyến dời thành Rome. Dường như đi chỗ khác thời không thể sống được vậy. Lại năm 1812 có xuất bản một quyển sách lạ về phong tục người Anh, trong sách có nói một người Anh nọ, nhân vui chơi cho đánh bản đàn *Requiem* của MOZART ở nhà, rồi nghe giọng nó tiêu-lao quá không thể kham được, nghe xong lấy súng bắn vào đầu chết. Lại một nhà qui-phái kia, LORD SCARBOROUGH, một bên thời thương yêu tình-nhân lắm, một bên thời cũng qui chuộng một người đàn bà đã có hứa lấy làm vợ, không biết quyết bề nào, cũng tự-tử. Lại một chàng thanh-niên hai-mươi bảy tuổi, đẹp trai, giàu có, giọng sang, không phải lo lắng gì cả, tên là PHILIPPE MORDAUNT cũng tự nhiên sinh ra chán đời. Làm thơ bằng chữ Pháp đề tỏ cái nỗi chán đời đó, có bốn câu cuối cùng nói rằng :

Người khôn dùng thuốc phiện,
 Nhưng cứ theo ý tôi ;
 Thì không nên dùng thuốc,
 Phải có gan dùng súng.

Cái chương-trình đó, rồi chàng ta thì hành cho đến cùng, chỉ lấy có một lẽ rằng linh-hồn đã chán thân-thể rồi, muốn thoát mà đi cho xong.

Trong chúng ta cũng nhiều người có khi có cái tư-tưởng muốn dứt hẳn cho khỏi những sự phiền-khổ ở đời ; song dù muốn vậy mà vẫn chống lại được. Trái lại cũng có nhiều kẻ vì gặp trắc-trở một đôi chút, cũng chẳng đần độn gì, đã vội quỵn-sinh mà lìa cõi trần. Nói rằng kẻ nọ không có gan bằng kẻ kia, là

tataton, non une explication : de quoi est faite cette force ou cette faiblesse ? Il faut remarquer qu'au cours du moyen âge, où la vie fut très dure, le suicide a été rare ; qu'il ne l'est pas moins aujourd'hui dans la Russie soviétique, comme il le fut au cours de notre Révolution. Quand la menace de la mort plane farouchement sur les hommes, il s'éloigne pour revenir dans des périodes plus heureuses.

Je citais tout à l'heure des cas bizarres de suicides anglais. Mais en voici une série, non moins extraordinaire, qui a été relevée officiellement en France entre 1830 et 1860. Si nous reconnaissons que ces cas sont à la limite du possible, nous n'avons pas fait avancer la question d'un pas. Sous Louis-Philippe, ère particulièrement facile, quelques rentiers se tuèrent par crainte d'être ruinés, quand on parla de la réduction de la rente ; une femme a mieux aimé mourir que de s'entendre traiter de canaille par ses voisins ; une jeune fille se tue parce qu'on lui a fait observer, non sans vivacité, qu'elle a oublié de broder une rose sur une bretelle, — et ce détail date cette histoire ; une femme se pend de douleur de perdre ses cheveux ; une autre, parce que son mari lui reproche de lui avoir servi un poulet trop dur ; une jeune fille se jette par la fenêtre, sous le prétexte qu'on l'a grondée d'avoir mis trop d'eau dans un potage. Enfin, un garde municipal s'est brûlé la cervelle parce que son brigadier ne lui a pas permis, avant une revue, de descendre de cheval pour satisfaire un besoin naturel.

La puérilité et l'absurdité de ces motifs ne font pas que le processus psychologique du suicide soit différent dans ces cas et dans ceux qui sont causés par l'amour, la ruine, les déceptions de carrière ou les souffrances physiques. On peut supposer, en effet, que brusquement la communication se trouve interrompue entre le monde extérieur et le

expérience thực như vậy, chứ chưa phải là giải nghĩa được làm sao : vì gan hay không gan đó là tại sao vậy ? Nên biết rằng về đời trung-cổ, sự sinh-hoạt rất khổn-khó, thời cái bệnh tự-tử lại ít lắm ; lại ở nước Nga Sô-viết ngày nay, cũng như về đời Đại-cách-mệnh nước Pháp cũng vậy. Khi người ta đương bị nguy-hiểm, chỉ nơm-nớp những sự chết, thời cái bệnh ấy nó xa đi, đến hồi sung-sướng nó mới lại hiện ra :

Tôi vừa mới kể mấy chuyện tự-tử kỳ quặc của người Anh. Nay lại một sắp những chuyện cũng lạ-lùng như vậy, xảy ra ở nước Pháp, đã công-nhiên ghi chép trong khoảng năm 1830 và 1860. Nói rằng những việc đó là những việc không ngờ mà có, thời cũng không giải được cái vấn-đề một chút nào. Về đời vua LOUIS PHILIPPE, là đời sự sinh-hoạt rất dễ-dàng, có mấy nhà tư-bản nghe thấy nói giảm lợi tức quốc-trái, sợ bị phá sản, liền tự-tử ; lại có người đàn bà muốn chết đi còn hơn là chịu mang tiếng bất-lương với hàng xóm ; lại có con gái tự-tử chỉ vì phải mang quên không thêu bông hoa hồng vào giải áo, — chỉ xem một việc nhỏ đó là đủ biết chuyện về thời-đại nào ; lại người đàn bà thất cổ, vì mất tóc mà sinn ra phiền não ; người nữa cũng thất cổ vì chồng mang làm thịt gà rắn quá ; lại một người thiếu-nữ nữa nhày qua cửa sổ chết cũng vì bị mang nấu canh cho nhiều nước quá. Lại lên lính tuần-thành kia bắn súng lục vào óc vì trước khi duyệt-binh thấy đội không cho xuống ngựa để đi tiện.

Tuy những cơ đó là những cơ trẻ con, cơ vô-lý cả, nhưng dù là vì những lẽ đó, hay vì tình, vì tiền, vì tự-trắc-trở về công-danh, vì sự đau-dớn đến thân-thể mà tự-tử, cái nguyên-ý về tâm-lý cũng là một vậy. Có thể cho là bản-thân người tự-tử với cái thế-giới bên ngoài hình như bỗng đứt đoạn tuyệt giao-

patient ; il ne se fait plus entre la sensibilité de celui-ci et le fait de vivre cet échange distrayant qui nous permet de nous renouveler sans cesse et de ne pas nous épuiser. Une pensée unique et excédante fonctionne dans un cerveau à peu près obturé et se répète jusqu'à la satiété, créant une exaltation douloureuse qui supprime peu à peu tout contrôle. Tous les suicidés ont traversé ces états de fièvre radoteuse, qui se sont répétés bien souvent avant d'aboutir à la crise finale. Celle-ci est due à une saturation de l'esprit par ses propres toxines. Le désespéré cherche à mourir, non plus pour échapper à la déception initiale, qu'il lui arrive de perdre de vue, mais pour fuir ce délire conscient qui ne lui laisse aucun repos. Il ne voit plus la disproportion effarante qu'il y a entre ce délire et son point de départ ; il s'empoisonne avec ses propres réflexions au point de ne plus pouvoir se tolérer soi-même. Il faut admettre qu'en se tuant le suicidé n'a pas une conscience exacte de sa fin totale ; tout se passe comme s'il ne croyait pas à sa mort. Tolstoï a merveilleusement montré cela quand il nous dépeint Anna Karénine se jetant sous la locomotive. Jusqu'au bout, Emma Bovary continue également à avoir confiance dans sa vie.

Il arrive que des rescapés, atteints, peu de semaines après leur sauvetage, d'une maladie grave, tremblent de peur devant cette mort qu'ils ont recherchée peu avant, et comme s'ils la réalisaient pour la première fois.

thông với nhau vậy ; cảm giác của người ấy cùng với sự sống ở bên ngoài, không có thời-thường trao đổi với nhau nữa, có trao đổi thì bản-thân mới được mới-mẻ luôn mà không đến nỗi ho-kiệt đi vậy. óc đã hình như bị tắc không thông với ngoài nữa, chỉ độc tư-lưỡng một mình, tư-lưỡng quá thành ra ê-chề, rồi đến kịch-liệt đau-đớn, không thể tự-kiểm được mình nữa. Những kẻ tự tử, trước khi hạ-thủ, đều qua những hồi trong lòng nóng-sốt mà trong tri-lần-thần đó, thường thường xảy ra nhiều lần như vậy, rồi kết-cục mới đến tự-sát. Sở-di đến thế là vì thần-tri bị độc bằng chính chất độc của mình sinh ra vậy. Kẻ tuyệt-vọng muốn chết, không phải là để tránh khỏi cái nỗi thất-vọng lúc ban đầu, có khi bấy giờ cũng quên đi rồi, nhưng để cho thoát cái bệnh cuồng-sống, — sống mà vẫn sáng, — nó day-dứt mình không lúc nào yên vậy. Bấy giờ không trông thấy cái bệnh sáng đó với cái nguyên-nhân đã phát-sinh ra nó, hai đàng chênh-lệch nhau biết dường nào ; cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh một mình, rồi như tự mình đầu độc cho mình đến không thể dung được cái bản-thân của mình nữa. Phải cho rằng người tự-tử lúc giết mình đi là không nhận chân về cái chết hoàn-toàn của mình ; việc xảy ra dường như tự mình không tin ở cái chết của mình vậy. Tolstoï đã minh-chứng điều đó một cách rất tài-tình trong khi tả nàng ANNA KARÉ-NINE ném mình vào xe lửa đang chạy. Lại nàng EMMA BOVARY trong tiểu-thuyết của FLAUBERT đến lúc chết cũng vẫn còn tin ở sự sống.

Nghiệm ra có những kẻ tự-tử hụt, mấy tuần sau khi đã cứu được, chợt mắc một cái bệnh gì nặng, bấy giờ rui-lên sợ chết, không nhớ rằng cái chết ấy trước kia chính mình cần mà không được, hình như bấy giờ mới biết rõ chết là thế nào vậy.

Il faut donc admettre que le suicide soit une production particulière à certains cerveaux, dans certaines périodes de moindre résistance, et presque en dehors des causes déterminantes. Il se pourrait qu'il y eût là un phénomène spécial, et on en découvrira peut-être un jour les lois. Il est bien difficile d'accepter l'idée d'une prédestination, mais avouons cependant qu'il se trouve un grand nombre de gens, même en dehors des esprits religieux, qui y demeurent totalement réfractaires, quelles que soient les circonstances.

Pour d'autres, cette tentation se présente dans des moments bien différents. Napoléon a voulu se tuer deux fois : d'abord, sous l'effet de la misère, quand, tout jeune, il vivait avec sa mère et ses sœurs ; puis, à la veille d'abdiquer, à Fontainebleau. Mais quand tout espoir fut terminé, qu'il n'eut plus devant lui que l'enfer de Sainte-Hélène^o et les morsures du cancer, il ne pensa pas au suicide, mais s'éprit — ou presque — d'une enfant. Il s'en allait à la rencontre d'une jeune fille de seize ans, et pour l'apercevoir de plus loin il emportait avec lui sa lorgnette, la lorgnette d'Austerlitz et d'Iéna !

On peut dire qu'une fois que l'individu s'est retranché du monde pour alimenter uniquement son obsession, sa vie et sa mort ne sont plus qu'une question de hasard. Il serait intéressant de savoir à quels incidents ceux qui se sont interrompus dans leur marche à la mort ont dû de conserver leur existence. On serait frappé, si on l'apprenait, de l'insignifiance, de l'enfantillage de ces détails, non moins grands que les motifs meurtriers que nous relevions tout à l'heure. Mais dès qu'on touche à de certains problèmes,

Vậy thời phải cho sự tự-tử là một cái bệnh riêng của mấy người có cái óc không vững vàng, gặp vào hồi thiếu-lực không đủ chống lại với bệnh, chứ cái nguyên-nhân phát-sinh ra bệnh không đến nỗi kết-quả như vậy. Có lẽ đó là một cái hiện tượng đặc-biệt, rồi có ngày cũng phát-minh được cái phép tắc nó thế nào. Nói rằng là do liễn-định thì cũng khó nghe thật, song cũng phải chịu rằng có nhiều kẻ — không nói những người tu-hành làm chi, — dù gặp cảnh-ngộ thế nào mặc lòng, tuyệt-nhiên không nghĩ đến tự-tử bao giờ.

Còn những kẻ khác thời sự cảm đó đó nó xuất-hiện ra nhiều lúc khác nhau. Như NAPOLÉON muốn tự-tử hai lần : lần đầu là khi còn nhỏ ở với mẹ và các chị, vì khổn cùng mà muốn tự-tử ; lần sau là khi sắp phải thoái vị ở Fontainebleau. Nhưng đến hồi tuyệt-vọng hẳn, trước mắt chỉ còn cõi ngục Sainte Hélène với cái bệnh ung-độc nó cắn dứt, thời bấy giờ không có nghĩ đến tự-tử, lại hầu như mẹ một đứa con nhỏ vậy. Cõi ngựa đi theo một cô thiếu-nữ mười sáu tuổi, đem theo cái ống nhòm để tự-đăng xa cũng trông thấy bóng hồng, — mà cái ống nhòm đó chính là cái ống nhòm đã từng dùng ở trận Austerlitz cùng trận Iéna.

Có thể nói rằng người ta tự khi đã cách-biệt với thế giới bên ngoài mà chỉ tự mình nuôi cái tư-tưởng luân-quần của mình, thời sự sống sự chết chỉ là một câu chuyện ngẫu-nhiên mà thôi. Những kẻ đã sắp tự-tử rồi mà lại thôi, giá biết được vì những cơ ngẫu-nhiên gì mà còn được sống lại, thì cũng là một câu chuyện hay. Sẽ lấy làm lạ mà thấy rằng những cơ ấy nó trẻ-con nhỏ mọn là dường nào, chẳng khác gì những cơ khiến cho người ta tự-tử như vừa kể trên kia. Nhưng có nhiều chuyện hễ nói đến, thì ai cũng có ý muốn trang-tác, thành ra cứ lời của

chacun joue la comédie et les témoignages personnels deviennent suspects. Si beaucoup de suicides sont dus à la vanité, à l'amour-propre blessé sous toutes ses formes, et à l'exagération du rôle social, combien de fois la plus légère satisfaction n'aura-t-elle pas sauvé les prédisposés à la fureur autodestructrice? Ce ne sont pas toujours les grands mouvements qui font agir l'homme, mais les menues déceptions et les imperceptibles bonheurs

Voilà, je pense, les principes dont devraient s'inspirer les docteurs en médecine morale s'il y en avait. Et pourquoi n'y en aurait-il pas? Je vois facilement des cabinets de spécialistes ouverts aux hommes qui ont momentanément assez de la vie. Ces thérapeutes auraient pour mission de distinguer la cause particulière de chaque cas de désespoir et de trouver le remède qu'il comporte. Une organisation puissante, s'appuyant même sur l'Etat, viendrait seconder leurs efforts. Dans une société bien constituée, le suicide devrait être à peu près impossible, sauf en cas de tourment métaphysique. Que de gens auraient été guéris de leur désir de mourir si on les avait nommés présidents de quelque chose ou si on avait pu leur montrer la photographie de la femme pour laquelle ils voulaient quitter la vie, — plus âgée de dix ou quinze ans! Que d'autres auraient été protégés par une maladie injectée à temps! M. Henry Bernstein a montré jadis, dans une de ses meilleures comédies, un homme près de renoncer, mais rattaché à l'action parce qu'il apprend que sa femme le trompe. C'est de la bonne psychologie. Les médecins

người dương-sự không thể tin được. Nhiều người tự-tử là vì cái lòng hư-vinh, cái tình tự-ái bị khuất-nhục—tình tự-ái này nó vẫn có nhiều trạng-thái khác nhau,— và vì quá trọng cái địa-vị trong xã-hội, nhưng cũng lại biết bao nhiêu người mê-cuồng muốn tự-tử, hễ được hả da một chút đỉnh thời không còn nghĩ đến quyền sinh nữa? Sự cử-động của người ta không phải là bao giờ cũng vì những cơ trọng-đại cả, thường là vì những cái thất-vọng nho-nhỏ cùng những sự khoái-lạc côn-con cả.

Nếu có các ông y-sĩ về tinh-thần, thì đó là những điều mà các ông ấy phải chăm-chước. Mà sao lại không có một hạng y-sĩ như vậy? Tôi tưởng nên có những nhà chuyên-môn mở phòng khám bệnh để chữa riêng cho những kẻ dương gặp lúc chán đời. Các nhà trị bệnh đó sẽ xét từng người vì duyên đặc-biệt gì mà thất-vọng, và sẽ tìm phương thuốc cho mỗi người. Có thể đặt một cái cơ-quan lớn có thể lực, tựa vào Nhà-nước để giúp sức cho các tay chuyên-môn đó. Trong một xã-hội có nền-nếp thì sự tự-tử phải là một sự hèn như không thể có được, trừ khi vì nỗi đau-đớn về hình-nhị-thương thì không kể. Biết bao nhiêu kẻ muốn quyền-sinh mà giá được bầu làm chủ-tịch một hội gì, hay giá có người đưa cho xem cái ảnh người đàn bà mình thương-yêu đến không được thì muốn chết đi cho đành, mà ảnh ấy giá đi mười hay mười-lăm năm, thì có lẽ không muốn chết làm chi nữa! Lại biết bao nhiêu kẻ già tiêm cho cái bệnh gì sớm thời sau không còn mắc bệnh ấy nữa. Nhà soạn kịch HENRY BERNSTEIN xưa kia có làm một bài kịch hay lắm, tả một người dương chán đời mà được tin vợ có ngoại-tình thời lại có chí hành-động. Đó cũng là một phép tâm-lý hay. Ấy các y-sĩ như tôi m-

dont je rêve auraient ainsi bien des procédés en réserve. Mais il leur faudrait surtout prouver à leurs malades à quel point, d'ici peu de mois, les laisserait indifférents l'incident fâcheux qu'il leur est impossible de supporter. Il faut pour atteindre à la sagesse constater d'abord de combien d'oublis est faite notre mémoire.

EDMOND JALOUX.

tưởng trên kia đó, thiếu gì những phương-pháp dự-bị có thể dùng được. Nhưng thứ nhất là phải chứng rõ cho người bệnh biết rằng cái sự bất-bình hiện nay cho là không thể chịu được đó, cách vài tháng nữa thời sẽ dửng-dưng như không vậy. Người ta muốn cho có tư-cách kẻ đạt-nhân thời trước hết phải biết rằng, trong ký-ức của mình biết là bao nhiêu chuyện dễ quên vậy.

HỒNG NHÂN dịch



TRUYỆN LÀNG NI

Ti-khuru-ni là cái danh-hiệu chung của hạng người đàn-bà xuất-gia tu-hành trong cõi Phật. Làng ni là một cái xã-hội bọn sư đàn-bà. Trong xã-hội ấy từ xưa cũng không thiếu gì các vai nữ-lưu hoặc là tri-tuệ, hoặc là từ-thiện, hoặc là can-đảm, hoặc là tài-tình, hoặc là những vai nhan-sắc tuyệt-trần chẳng kém gì Tây-Thị Ngọc-Hoàn, hoặc là những vai văn-chương tuyệt-thể chẳng kém gì nàng Ban ả Tạ.

Duy hạng người ấy đã là hạng người xuất-thế xuất-gia, đem chất bồ-liễu hiến vào cửa không, thực đã dùng như câu : « Thuộc ba trăm sáu mươi quyền kinh, chữa lãng-uyên bông-hồ nhưng thoát-tục », mà thực cũng đã trái hẳn cái tâm-lý người thường như câu : « Hay tám vạn nghìn tư mặc kệ, không phong-hoa tuyết nguyệt chẳng nên đời ».

Những hạng tu-hành giả - dối thì không kể, còn thì những hạng chân-tu-ra, tuy phù-dung là nét mặt, dương-liễu là lòng mi, mà thực ra thì đã lấy chất thu-thủy làm tinh-thần, lấy chất băng-ngọc làm cốt-cách. Cho nên người đời thường-thức đến những hạng người ấy, chẳng khác nào thường-thức cái hoa sen ở trong nước, cái hoa mai ở trong tuyết; lại chẳng khác nào thường-thức chị Hằng ở trên cung trăng. Kẻ thường-thức cũng nên có một cách thoát-tục xuất-trần, sẽ thường-thức được những hạng danh-hương trong Phật-quốc ấy.

Những hạng danh-hương trong Phật-quốc ấy, sở-dĩ quý-báu thơm đẹp, khiến người ta sùng-bái yêu-mến chẳng thôi đó, là vì hạng ấy đối với cuộc đời đã dứt được tấm lửa lòng. Lửa lòng là gì? Tức là một bầu lợi-dục chứa ở trong lòng người ta. Cỗ có câu rằng :

« Lợi-dục khu-nhân vạn hoả ngu, » nghĩa là cái lợi-dục nó xui khiến (thoá-giục) người, ví như hàng vạn con trùn đàng đuôi đã bị lửa đốt, đàng đầu có việc quàng-xiên tán-loạn chạy đi mà chẳng biết ngánh lại. Ấy cái giống lửa lòng có phần nguy-hiểm là thế. Than ôi ! thương thay !

Nên chi đối với giống lửa lòng ấy có ba hạng người : trong trí-não tự-nhiên chẳng chút lửa lòng là hạng người tềa Phật; trí-não bị cái lửa lòng nó xui-khiến là hạng người ngu-si; trí-não với lửa lòng giao-chiến luôn-luôn mà kết-quả trí-não được phần thắng-lợi là hạng người tu-hành. Xưa nay những nhà nói về nghĩa tu-hành mà chăm-chăm quả-quyết nói đi nói lại về sự dứt lửa lòng, thì không ai bằng cụ Tiên-diễn. Như đã nói rằng : « Cho hay giọt nước cảnh dương, lửa lòng rửa hết mọi đường trần-duyên ». Rồi lại nói rằng : « Trần-duyên đã dứt lửa lòng, còn chen vào chốn bụi hồng làm chi ! ». Đã hay rằng người ta đối với cuộc đời trong đám bụi hồng cũng không thể sao toàn tránh được hết, nhưng lại chẳng nên đem ít nhiều giọt nước trên cảnh dương để vãn-bồi bồ-cứu đấy hay sao !

Nhất là ngày nay, loài người bết thầy đều đã nhiễm cái không-khí tự-do, mà cái chủ-nghĩa khai-phóng, xô nhau về đường vật-chất quá lắm. Thậm-chi có một hạng người đàn-bà nước kia, vận-động một cách vô-si, đường vật-chất chẳng đạt được đến cực-điêm chẳng thôi. May mà chính-phủ nước ấy đã sớm-sũa ngăn cấm đi, nếu không thế, thì loài người mấy nổi chẳng biến ra loài vật ! Người đời còn mê-mộng cái văn-minh vật-chất nữa hay thôi ? Nên chi những người thức-giá bên Âu

Mĩ đã có người rắp đem cái tinh-thần Phật-học để bồi-cứu cho phần vật-chất thái-quá, đó cũng là một vị thuốc cần-kíp cho loài người ngày nay.

Nước ta lâu nay, tân-văn nọ sách-vở kia, nói về vấn-đề phụ-nữ tướng cũng chẳng ít. Duy có một hạng người phụ-nữ tu-hành thì chưa có ai đã từng nói đến, há chẳng phải là một điều còn khuyết đó dư? Duyệt-giả nên biết rằng không phải là bảo cho ai nấy đều xuất-gia tu-hành cả được. Song những kẻ xuất-gia tu-hành kia nghiêm-nhiên là một áng danh-hoa trong Phật-quốc chẳng chút bụi trần, há chẳng đủ làm gương cho khách hồng-quần đó thay! Cũng ví như trời mùa hạ, không có thể làm cho ai nấy đều trừ bỏ cho hết được cái khí viêm-nhiệt, song một vật nước đá kia, mát lạnh trong sạch, khiến cho người ta lòng phiền-nhiệt dễ tiêu-tán, há chẳng phải là một vật cần-kíp cho trời mùa hạ đó thay! Nhân khi thông-thả, trộm lưu-tâm đến vấn-đề Phật-học trong nữ-giới, tìm ra được một hạng người tu-hành chân-chính trong cửa không, mà cũng có lắm về thú-vị li-kỳ, gồm có mấy truyện, nhân xếp đặt thành từng bài mà kể ra để làm gương cho phụ-nữ, duyệt-giả cho là thế nào? Truyện kể như sau:

I

Bà sư Tiểu-Vân

Bà sư Tiểu-Vân nguyên là một vị sư tu-hành chân-chính ở chùa Gia-hưng, sắc đẹp lạ thường, trông như người ngọc, chẳng khác gì một vị thiên-tiên. Khéo làm văn, thông kinh-điển, nghề thơ lại càng ít người theo kịp. Song Tiểu-Vân vốn tính khiêm-nhượng, hề nghe có người khen đến cái tài mình thì tỏ ra ý-từ nhưn-nhường, tự mình lấy làm hổ-thẹn.

Một hôm có một người danh-sĩ vốn thuộc về phái nhà Nho đến thăm chùa Gia-hưng, cầu tiếp-kiến Tiểu-Vân. Tiểu-Vân ra tiếp-kiến, người danh-sĩ mới nghe vài lời chào hỏi đã biết ngay là kẻ văn-học phi-thường. Nhân hỏi rằng:

— Trộm nghe sư bà là bậc thiên-tài, những thơ của sư bà làm ra bấy lâu, hiện có tồn-cảo không?

Tiểu-Vân đáp rằng:

— Tôi là một kẻ ở ngoài cuộc đời, theo dõi việc nghiên bút cũng hơi biết làm thơ. Nhưng mỗi khi thảo thành, lại đem đốt đi, chứ không muốn đem vết chân chim hồng trong đám bùn tuyết linh tinh ấy, mà lưu lại cái vết lãng-mạn ở trong chốn nhân-gian, để cung cho kẻ thức-giả chê cười.

Tiểu-Vân nói thế là ý khiêm-nhượng, không muốn đem nghề thơ khoa-trương, khiến cho trọn cái chủ-nghĩa thanh-tĩnh huyền-mặc của nhà Phật, chứ kỳ-thực thơ Tiểu-Vân vẫn có tồn-cảo.

Cuối cùng người danh-sĩ phải gác đề sự thơ không dám hỏi đến nữa, mới hỏi đến nghĩa kinh rằng:

— Kinh-điển nhà Phật ý-nghĩa cao-siêu, chúng tôi ngu-độn không lĩnh-hội được chốn huyền-diệu, sư bà có hiểu rõ được chí-lý ấy không? Xin đừng tiếc lời vàng ngọc.

Tiểu-Vân liền đáp rằng:

— Nghĩa-lý nhà Phật với nghĩa-lý nhà Nho cũng giống nhau, nguyên không có chốn gì khó hiểu. Trong kinh Phật những chốn hiển-minh mà dễ hiểu, thì không gì bằng lời nói trong *Đa-tâm-kinh*. Ngài có biết cái chốn diệu của nhà chùa ấy không? Nay lục-căn nếu mà chưa hết, trách nào sắc-tướng khó vào cõi không. Lục-căn là gì? Lục-căn tức là lục-dục, lục-dục tức là lục-tặc, lục-tặc tức là lục-chướng. trừ-khử được lục-chướng tức là lục-

thông. Như là muốn trông sắc đẹp, đó là giặc mắt xui nên; muốn nghe tiếng dâm, đó là giặc tai xui nên; muốn ngửi hương nồng, đó là giặc mũi xui nên; muốn ăn thức ngon, muốn biện lời nói, đó là giặc lưỡi xui nên; sợ đau sợ chết, sợ rét sợ nực, đó là giặc thân xui nên; cái lòng tham-dục nó vô-cùng, chẳng tranh cướp chẳng thôi, đó là giặc ý xui nên. Muốn trông thấy cái chân-tướng chân-tâm, trước hết phải cùng với sáu thứ giặc ấy chiến-thắng, để tuyệt đường ma-chướng. Cho nên phải lấy sáu phép trong *Tâm-kinh* là phép không mắt, không tai, không mũi, không lưỡi, không thân, không ý, để tóm lại hết thầy trong đường tu.

Người danh-sĩ liền hỏi :

— Thế nào là phép không mắt ?

Tiểu-Vân đáp :

— Người tu há không mắt, nghĩa là không mắt tục đầy mà thôi. Như là đối với cảnh sáng-láng, khi đã ngắm soi thì coi mình cũng như vẻ nguyệt ban đêm; đối với cảnh phồn-hoa trong khi mộng-tỉnh, thì coi nó cũng như vẻ hoa bốn mùa.

Lại hỏi :

— Thế nào là phép không tai ?

Tiểu-Vân đáp :

— Người tu há không tai, nghĩa là không tai trần đầy mà thôi, như là tiếng chim vui cảnh sớm, tiếng suối đáp chuông chiều, nhờ những tiếng ấy mà quên được lòng lợi-danh.

Lại hỏi :

— Thế nào là phép không mũi ?

Tiểu-Vân đáp :

— Người tu há không mũi, nghĩa là không mũi hôn-trọc đầy mà thôi. Như là khói trầm buổi sớm, thiếu gì sự-nức tâm-hương, mùi sạ ban đêm, khôn nhiệm nồng-nàn tình-ái.

Lại hỏi :

— Thế nào là phép không lưỡi ?

Tiểu-Vân đáp :

— Người tu há không lưỡi, nghĩa là không lưỡi ngu-si đầy mà thôi. Như là biện-luận càng nhiều càng thấy loạn, ngọt-ngon chẳng giảm chẳng thành tu

Lại hỏi :

— Thế nào là phép không thân ?

Tiểu-Vân đáp :

— Người tu há không thân, nghĩa là không thân ác-liệt đầy mà thôi. Như là thân vàng sợ gì đau, thân đá sợ gì chết, mùa hè chẳng được cái nực, mùa đông chẳng được cái rét.

Lại hỏi :

— Thế nào là phép không ý ?

Tiểu-Vân đáp :

— Người tu há không ý, nghĩa là không ý tham-lam đầy mà thôi. Như là tát cạn bể tham để vào nước cực-lạc, rập tắt lửa dục để lên cõi liên-hoa. Cho nên người ta chẳng trông thấy sự lợi-dục, thì cái tâm-thường như nước lặng, hề thấy một sự lợi-dục thì cái tâm liền như nước sôi. Ôi ! cái tâm đã như nước sôi chẳng yên-lặng được, thì cái bệnh ma-chướng theo đó mà sinh, cái nghiệp phù-ván theo đó mà khởi. Cho nên nhất-thiết đối với những phần sắc-tướng ở nhân-gian, nên dùng định-thức và định-lực để chế-trị nó đi. Cũng ví như thanh bảo-kiếm chém đứt mớ loạn-ti mà không quân-ngại, chất hàn-băng tiêu-tan lò thân-hỏa mà chẳng nhiệt-phiền đó vậy.

Người danh-sĩ nghe nói, cả lấy làm kính-phục mà than khen rằng :

— Bà sư Tiểu-Vân chẳng khác nào một vị sinh-phật ra thuyết-pháp, chắc là sở-đắc được chốn dịch-xác cao-siêu, chẳng phải những kẻ ngoài miệng Nam-vô kia có thể vi được. Và lại miệng như hoa sen nở, tài tựa bông liễu bay, so vào trong bọn ti-khuru mới đây, thực là tuyệt không người nào, mà chỉ có người ấy vậy.

II

Bà sư Tuệ-Không

Chùa Phúc-thọ có bà sư tên là Tuệ-Không, cũng là một đóa diễm-chất trong thiên-môn. Mặt phù-dung, mày dương-liều, xinh-sắc nhẹ-nhàng, đi trong luồng gió tựa như người bay. Sắc đã có một, tài cũng không hai. Thơ hay vẽ khéo, chữ lại càng tốt. Chữ thì học lối chữ ông Triệu Tùng-Tuyết nhà Tống, mà vẽ tú-nhuận diễm-lệ lại có phần hơn. Duy Tuệ-Không thanh-giá tự-xử quá cao, một mảnh giấy một nét chữ chừa từng khinh-dị đem ra cho người. Những người quan sang hào-nhĩ đua nhau đến xin tranh xin chữ, cửa thiền cơ-hồ không ngày nào vắng người. Hễ được một bức thư hay là một bức họa của Tuệ-Không, thì coi như một vật chi-bảo, giá đáng liền-thành. Mà Tuệ-Không thì trước sau không hề lấy tiền thù-tặng của ai cả, vì thế người ta lại càng ngưỡng-mộ.

Một hôm Tuệ-Không đi ra ngoài vân-du, ven đường gặp một ông lão ăn mày tỏ ý kêu nài. Tuệ-Không hẹn rằng: "Ngày mai đến chùa tôi, tôi sẽ bố-thí cho." Lão ăn mày y hẹn mà đến, Tuệ-Không tịnh chẳng bố-thí cho tiền gạo gì cả, chỉ đưa cho một vài tờ giấy, trong có ít nhiều nét chữ nét vẽ gì đó. Lão ăn mày lấy làm ngẩn-ngại, lại tỏ ý kêu-nài. Tuệ-Không bảo rằng:

— Ông cứ cầm mảnh giấy ấy đi đến các nhà hào-phù mà tiêu-dao như trước, hễ ai hỏi mua thì ông bán đi làm phương-tế-độ cho hàng ngày, hễ hết thì tôi lại cho.

Lão ăn mày nghe lời, đi tiêu-dao các nơi, kẻ hào phú tranh nhau mua, giá được rất đắt. Người ta đều lấy làm quái-rằng lão ấy bởi đâu mà được nét chữ nét vẽ của Tuệ-Không, thậm-chí có kẻ ngờ-rằng lão ấy ăn cắp của Tuệ-Không mà được. Chẳng bao lâu lão ăn mày ấy đã trở nên một hạng

người lúc nào túi tiền cũng rung-rinh, thừa ăn thừa mặc, sức vóc lại khỏe mạnh hơn người. Lão ấy cảm ơn Tuệ-Không, nhưng không biết lấy gì báo-dáp, mới kết một cái thảo-lư ở ngoài cửa tam-quan xin làm người thủ-hộ.

Tuệ-Không vì có nghiêm-khắc thanh-cao, không chiều thói tục, cho nên bọn thồ-hào ở gần miền lấy làm căm-giận, muốn rửa hờn cho bỏ ghét, bèn thuê một bọn côn-dồ thừa-cơ làm cho Tuệ-Không một phen quẫn-nhục.

Một hôm Tuệ-Không một mình đi chơi núi cách chùa đã hơi xa. Bọn côn-dồ theo gót đến nơi thấy Tuệ-Không có một mình, liền vây lại bức-bách, nào là giọng đùa tiếng cợt, khó kham được vào tai. Tuệ-Không khi ấy khôn xiết quẫn-cấp, vượt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời, chỉ đối với bọn vô-lại van-vỉ xin tha. Bọn vô-lại không những chẳng nghe, lại muốn ra tay thị-hùng. Tuệ-Không đứng trong cơn nguy-bách ấy, chợt gặp lão ăn mày kia ở đâu đến, trông thấy tình-hình, ùng-ùng nổi giận, tức-khắc giơ tay đánh lui bọn côn-dồ mà hộ-tống Tuệ-Không đi về chùa. Tuệ-Không lại muốn báo ơn lại lão ấy, nên tự dấy bức thư nét họa thường-thường kể-tiếp cho luôn.

Về sau lão ăn mày ấy đã trở nên một người tiền-phù mà suốt đời chẳng đi đâu nữa.

Người ta bảo rằng Tuệ-Không là một vị Quan-âm tái-thế, mà lão ăn mày kia là một vị Hộ-pháp tiền-thân vậy.

III

Cô tiểu Tu-Tâm

Tu-Tâm là một cô tiểu ở chùa Vĩnh-hưng, vì tuổi còn nhỏ, chưa được liệt vào hàng chư-ni. Song Tu-Tâm sinh ra, vốn là kẻ linh-lợi khác thường, tuổi dẫu bé mà đã hơn người, dáng đã xinh đẹp, miệng lại có tài biện-

thuyết, tâm lại có kế-hoạch khéo-khôn; con mắt rất tinh đời, xem người như trông thấy gan ruột, tính lại u-lĩnh, suốt ngày ở trong phòng thiền, ít người nghe thấy tiếng. Vì cơ ấy người sư già ở chùa đó tuy kính-trọng Tu-Tâm, mà kỳ-thực rất ghen-ghét Tu-Tâm.

Nguyên người sư già chùa ấy có tính tham-lận, coi đồng tiền như tính-mệnh, thường nhớ việc kỷ-niệm ngày sinh-nhật đức Quan-âm bồ-tát, giả-danh cầu Phật dùng kế thu tiền. Tu-Tâm thường ngỏ lời chê sư già rằng: «Người nhà Phật chỉ nên tùy duyên mà độ-nhật, nay so kẻ từng đồng, chừa vào cho đầy túi tham ấy, toan để làm gì? Chỗ Phật là chỗ rất thanh-lĩnh mà bị cái hơi đồng ấy nó hun xông, thì bóng Phật cũng mờ-ám đi mà không còn sắc-tướng gì nữa ».

Một hôm người sư già tuyên-ngôn với người rằng: «Đức Quan-âm đại-sĩ trong chùa ta, thường trong lúc ban đêm phát-hiện ra ánh sáng. Lão-ni này khi bước lên điện, thường nghe tiếng đức đại-sĩ phán lời phạn-âm, v. v. ».

Tu-Tâm biết rằng lời ấy là lời bịa-dặt để nói dối kẻ ngu đấy thôi, đối với những lời bịa-dặt ấy thường tỏ ý khinh-bĩ mà mỉm cười. Song Tu-Tâm lại nghĩ rằng mình cũng là đệ tử trong cửa Phật, không tiện bộc-bạch những điều gian-ác của sư già, trong lòng mới sinh ra một kế, cứ về khoảng ban đêm nghe trộm cái cách của sư-già hành-động thế nào, thì thấy trên điện chỉ có một mình sư già tự nói lầm-rầm, dường như đối với người mà nói. Sư già làm ra như thế là ý muốn khiến cho người khác biết, tự-nhiên kẻ xướng người họa để thần-diệu cho cái thuyết của mình.

Tu-Tâm thì đã đi guốc ở trong bụng sư già, mới bày ra một trò ác để mua một trận cười. Đến hôm sau vào lúc

hoàng-hôn, Tu-Tâm vào nép mình trước ở đằng sau lưng khám Phật. Kịp khi sư già đến, lễ-bái xong, lầm-rầm khấn-cáo và kêu cầu với Phật xá cho cái tội nói càn. Tu-Tâm nghe nói lấy làm bật cười, mới tự trong khám ngó đầu ra ngoài bức màn mà sẽ nói rằng: «Ừ thì xá tội cho mày, nhưng từ nay về sau mày không được thế nữa». Người sư già cả kinh-hãi chẳng kịp phân-biện hư-thực, ôm đầu như chuột trốn mà đi. Sáng ngày mai sư già đem sự đêm qua có đức Quan-âm hiển-hiện bảo với chư-ni, ai nấy cũng đều kinh-hãi. Tu-Tâm thì chỉ bưng miệng cười thầm mà thôi. Rồi tự đẩy người sư già cũng chừa được cái máu tham ấy đi, thấy hơi đồng không dám mê lắm nữa, khiến cho cảnh Phật lại được thanh-lĩnh. Than ôi! Có tiền Tu-Tâm há chẳng phải thực là Quan-âm hiển-hiện thuyết-pháp, ai bảo là Quan-âm giả đó thay!

IV

Cô sư Ngô-Đàm

Am Hưng-phúc ở chùa Bảo-sơn, chư-ni ở chùa đó đều để tóc mà tu-hành, người nào người ấy mặt hoa tươi đẹp, tóc mây xanh dờn, cũng là một sự đặc-biệt trong làng ni. Trong đó có một người sư tuổi còn trẻ tên là Ngô-Đàm, đẹp như người ngọc, phong-vận thanh-tân, sở-trường lối hãn-mặc, tinh khéo nghề thơ-văn. Kẻ sĩ phong-nhã nhiều người đến kết bạn giao-du, đưa thơ xướng-họa đã thành sự quen, nhưng thủy-chung đều lấy lễ giữ-giữ, chưa từng chút sai khuôn phép.

Có một chàng văn-sĩ kia, hành-vi khinh-bạc, vốn đã bị người trong nước xem khinh. Chàng ấy mộ cái sắc của Ngô-Đàm, thường tỏ ý trêu-gheo. Ngô-Đàm trước sau chẳng chút động tâm.

Một hôm chợt có một phong thư đưa lại, ngoài bì chẳng đề chỗ ở và người phát thư, chỉ đề mấy chữ: «Hưng-

phúc-am Ngô-Đàm-ni thu nhận », nét bút thì hùng-tú, rõ-ràng là nét chữ của đàn ông, bọn chư-ni trong tâm cũng trộm lấy làm ngờ. Thích-ngộ khi ấy Ngô-Đàm đi đầu vãng mặt, chư-ni nướ trộm phong thư ra xem, nhưng chư-ni bình-nhật chỉ là hạng người hơi biết chữ mà thôi, khi đó trông vào bức thư, mắt nhìn trông-trọc không hiểu gì cả, mới cầm bức thư ấy lên trình người sư già trong am. Người sư-già xem xong vỗ xuống án kinh, đùng-đùng cả giận, vì trong thư không có lời gì khác, chỉ rành-rành là một bài thơ tình vậy. Thơ rằng :

*Tuổi vàng đã biết kể từ phen,
Đôi ngả tương-tư đã mấy niên ;
Chỉ nguyện hóa thân làm nệm gấm,
Đềm đềm cho khách khỏi sầu-miền.*

Dưới thơ đề ba chữ « Đa-tình-nhân ». Lời thơ rất là suồng-sã vô-lẽ.

Một lúc Ngô-Đàm trở về, sư già đưa thơ cho Ngô-Đàm xem, cơn giận chưa ngớt, trách mắng Ngô-Đàm vô-hạnh. Ngô-Đàm khi ấy như gặp một tiếng sét, bàng-hoàng chẳng biết thế nào, vội-vàng khóc òa lên. Chư-ni kẻ nào kẻ nấy đều bụng miệng cười.

Ngô-Đàm tự nghĩ rằng mình gặp cái oan khó bạch, chỉ có một sự chết là có thể bạch được mà thôi. Song lại nghĩ đi nghĩ lại rằng bà Thị-Kính ngày xưa, « thuở làm vợ thì chồng ngờ thất-tiết ; lúc làm trai thì gái đồ oan tình ». Thị-Kính sở-dĩ thành Phật là vì nhân được, ta ngày nay lại chẳng nhân được hay sao ? Chỉ học bà Thị-Kính là đủ, còn tiếng thị-phi đành để mái ngoài.

Sau cũng có kẻ vì Ngô-Đàm giải-oan mà biểu cho sư già rằng : « Cây quế ở trên cung trăng có thể ngăn-cấm được người lên cung trăng mà vịn bẻ, chứ có thể ngăn-cấm được người đứng dưới đất mà trèo-cột được không ? » Người sư già sau cũng tỉnh-ngộ ra, lại kính-đãi Ngô-Đàm như trước. Nhưng Ngô-Đàm

từ đấy khép cửa phòng văn, lấy sự làm thơ làm sự đại-giới. Trong am Hưng-phúc trước kia vui-vẻ lí-thủ chừng nào, sau này u-sầu tịch-mịch dường nào, ai nấy đều thóa-mạ chàng văn-sĩ ấy.

V

Cổ sư Ngọa-Vân

Ngọa-Vân là một người đẹp trong cửa Không, tuy mầu thiền ăn mặc chỉ ưa nâu sồng, nhưng vẫn hiện ra một chiều phong-văn, một dáng thanh-tán, hai làn thu-thủy, đôi nét xuân-sơn cũng đủ khiến người hồn xiêu phách lạc.

Gần miền ấy có một ông nhà giàu là Lục Cầm-Xuân, thời thường đến chơi chỗ cảnh thềm của Ngọa-Vân ở, trông thấy Ngọa-Vân, kinh-dị cho là người trời, nhằm lâu chẳng chớp mắt, đứng ngáy như người gỗ. Ngọa-Vân thấy dáng-bộ Cầm-Xuân đáng nực cười, liền mỉm miệng một cười. Cầm-Xuân tưởng rằng Ngọa-Vân có ý với mình khôn xiết mừng-rỡ. Duy ngại vì tai mắt người khác, chửa dám cùng với Ngọa-Vân chuyện-trò.

Sau khi Cầm-Xuân đã về nhà, mộng-hồn điên-đảo, tâm-y động-lay. Từ đấy Cầm-Xuân đến chùa luôn luôn, giả-danh ngoạn-cảnh, nhưng thực thì chỉ Cầm-Xuân chẳng ở cảnh chùa mà ở cảnh khác vậy. Cầm-Xuân cũng có lúc chợt gặp Ngọa-Vân, hai người nói chuyện, Cầm-Xuân hỏi thì Ngọa-Vân đáp, bẽ Cầm-Xuân hơi thiệp đến giọng lả-loi, thì tức-khắc quay đầu rảo bước đi, vốn nghiêm-nhiên là bậc thanh-tu không thể xâm-phạm được.

Như thế đã hơn một năm. Chợt gặp năm ấy là năm mất mùa, giá thóc rất cao, dân ăn chẳng đủ, mà nhà giàu thì vẫn chứa thóc làm cao không chịu bán. Cầm-Xuân cũng chứa thóc mấy kho, giữ làm của quý. Ngọa-Vân nghe biết Cầm-Xuân có nhiều thóc, vùng đứng lên nói rằng : « Ta chẳng cứu dân đói,

dân đòi nguy cả đến nơi », mời vắng mình đi đến nhà Cẩm-Xuân. Cẩm-Xuân kinh-ngạc hỏi có Ngọa-Vân lại, Ngọa-Vân đáp rằng :

— Ông có tình với tôi đã lâu, tôi há chẳng biết, nhưng tôi nghĩ rằng đã vào cửa Không, lục-căn đã thanh-tĩnh, cho nên chẳng dám chút manh ra cái niệm tà. Chẳng ngờ đêm hôm qua tôi nằm mộng thấy đức Quan-Âm đại-sĩ bảo tôi rằng : « Mày với Phật vô-duyên, nên hoàn tục làm lễ mọn chỗ nhà giàu, sớm-sữa sinh ra con quý. Duy phải sửa-sang chùa tháp, tó lại tượng vàng. Mày với Cẩm-Xuân vốn có túc-duyên, nên đem cái thân của mày đổi lấy thóc người ấy, được số thóc bao nhiêu, mày sẽ đem kinh-lý về việc ấy ». Tôi vì có thể cho nên đường-đốt tó bày, xin làm vợ mọn ông, ông có thể thu-chứa được không ?

Cẩm-Xuân cho rằng tương-tử-tương-mộ đã nhiều ngày, mà nhất-đán được như nguyện ngay, tức-khắc khảng-khái nghe lời. Ngọa-Vân mới sai người đi chở thóc ở nhà Cẩm-Xuân về chùa để chần-cấp cho bọn dân đòi. Sự xong Ngọa-Vân liền lánh đi phương khác. Kịp khi Cẩm-Xuân nghe tin, thì tung-tích Ngọa-Vân đã mù-mịt như chim hoàng-hạc bay đi rồi, chẳng biết đâu mà tìm nữa, chỉ kêu rằng mắc lừa mà thôi.

Ôi ! Sách Phật chỉ dạy nói thật, không dạy nói dối, chỉ dạy cứu người không dạy lừa người. Song chẳng nói dối sao phá được kho thóc của kẻ lặn, chẳng lừa một người sao cứu được mệnh chết của muôn người. Như có Ngọa-Vân kia há chẳng phải là con nhà tu-hành mà kiêm có tình-cách quyền-biến đấy dư ?

VI

Cô sư Tuệ-Nhân

Am Định-phúc có người ni tên là Tuệ-Nhân, tuổi mới mười sáu, dung-

quang yêu-diệu, sắc đẹp có thể làm no được người. Tính đoan-trang nghiêm-khắc, cả ngày không có dáng cười, chỉ suốt ngày tĩnh-tọa đốt hương, lặng-lẽ không nói một lời gì cả. Người ta khen cô là người tu-hành đã có định-lực, nhưng không biết rằng kẻ thương-tâm ấy có nông nổi riêng, thương sa nước mắt lúc vắng người. Những giọt hoen-ố ở bên gối đó, đều là giọt huyết-lệ vậy, có nét mặt vui-vẻ gì để mở ra với người. Trời tình khó và, bề hận ai khơi, ấy Tuệ-Nhân sở-dĩ suốt ngày chẳng nói chẳng phải là không có cơ.

Vì Tuệ-Nhân vốn là con nhà giàu, đọc sách biết chữ, lấy lễ giữ mình. Trông thấy con gái tục-hư bỏ cả lễ-giáo, lấy làm đau xót, chẳng muốn theo đời, cam tâm trái tục, đối với những hạng phụ-nữ lẳng lơ trong hiện-thời, không giao-du với ai cả.

Nhưng khổn thay người thanh phạm lạ, kẻ biết thì ít, kẻ ghét thì nhiều, lời gièm-pha vì thế dấy lên.

Nguyên Tuệ-Nhân đã cùng với một chàng họ Hà ước-thệ sự hôn-nhân, hai người vốn quen biết nhau, chỉ là vị-hôn phu-thê đấy mà thôi. Lại gì « cười vợ thì cười liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm-pha ». Bọn phụ-nữ kiêu-ngoại kia, vì có ghét Tuệ-Nhân là kẻ bất-hợp-thời, nhân đặt điều cho Tuệ-Nhân là kẻ có ngoại-tình, mục-dịch là để phá-hoại sự lương-duyên của Tuệ-Nhân. Trước khi lời gièm pha mới khởi lên, chàng họ Hà còn chưa thật lấy làm tin, về sau điều tiếng dăng-dăng, miệng kẻ chúng làm chầy được vàng, chàng họ Hà mới cả phát giận, vội đi đến nhà Tuệ-Nhân bảo Tuệ-Nhân rằng :

— Bên ngoài đồn dấy việc nàng đấy, nàng có biết không ? Tôi đã không thể kham được, cho nên lại đây đề hỏi nàng.

Tuệ-Nhân không biết nói thế nào, chỉ trở thề trời đất, hết sức biện-bạch là

người ngoài vu-oan. Gã họ Hà cười nhạt nói rằng: «Tuy rằng sự ấy không chừng-có gì thật, nhưng « thế-gian chẳng ít thì nhiều, không đưng ai dễ đặt điều cho ại ». Bọn kia với nàng không ân-oán gì cả, mà lại vu-oan cho nàng là ý làm sao? Tôi muốn đề bụng không nói ra cũng không thể được. Tôi đi về đây, tùy nàng muốn làm thế nào thì làm.

Chàng họ Hà nói xong ngậm-ngùi trở ra về. Tuệ-Nhân biết rằng sự khó biện-bạch, mới thở dài tự nói một mình rằng: « Đời người còn dài, đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh, tưởng cũng khó ầu ở lâu với người ấy được. Xem ra chàng họ Hà cũng là một người ngu, rộng vàng có thể tắm nước ao tù được chăng? Nhưng ta với người ấy, tuy chưa chẵn gối cũng đã vợ chồng, một quả chuông mà đem đi treo mấy

cửa chùa, thì sao đủ làm gương cho thế-tục. Chi bằng ta nên cầu lấy một cái kế-sách tự-toàn ».

Tuệ-Nhân nghĩ đi nghĩ lại chưa được kế-sách gì, chợt tỉnh-ngộ ra mà nói rằng: « Được rồi! » Nói xong liền cầm dao đem mái tóc xanh như mây ở trên đầu cắt bỏ đi, lánh thân vào chùa học đạo làm ni.

Sau chàng họ Hà nghe tin Tuệ-Nhân đã thí-phát tu-hàn, cả lấy làm bối lại, đến chùa thỉnh tội cầu xá. Nhưng Tuệ-Nhân tỏ ý cự-tuyệt. Tuệ-Nhân ở trong am, trừ việc tụng kinh niệm Phật ra, trong tâm còn mang một khối uất uất. Người ta bảo rằng chàng họ Hà là Thiện-sĩ tái-thế, mà Tuệ-Nhân là Thị-Kinh hậu-thân.

NGUYỄN ĐÓN-TRẠC

MỘT LÀNG Ở XỨ BẮC-KY HIỆN NAY

Xã-hội nước Nam ta lấy hương-thôn làm bản-vị. Muốn biết cách sinh-hoạt trong xã-hội, phải biết cách sinh-hoạt trong một làng. Muốn biết cách sinh-hoạt trong một làng, phải điều-tra cho kỹ-lưỡng: diện-tích, dân-số, tục-lệ, hương-chính, nhất-thiết kê ra cho rõ-ràng, cốt lấy sự-thực, không cần văn-hoa, dùng lối thống-kế, không dùng nghị-luận, khiến cho nhà khảo-cứu về dân-sinh, kẻ cầm quyền ở trong nước, có thể căn-cứ vào đó như những tài-liệu đích-xác để giải-quyết các vấn-đề về dân-sinh quốc-kế vậy.

Sau đây là một bản điều-tra thống-kế về một làng ở xứ Bắc-ky, thuộc bậc trung bình, có thể làm tiêu-biểu cho phần nhiều các làng khác.

Mặt làng.

Làng (xã) gồm có 4 xóm (thôn). Xóm nhất 9 ngõ, xóm nhì 5 ngõ, xóm ba 4 ngõ, xóm tư 2 ngõ

Số người

Kể cả đàn ông, đàn bà, con trai, con gái, già trẻ có 4000 người, mà trai từ 18 tuổi trở lên, 60 tuổi trở xuống, thời

có 1000 suất. Học cũ, thời có 1 cử-nhân, 15 nhất-nhị trường, thí, khóa-sinh; học mới, thời có 6 thành-chung, 10 cơ-thủy; con quan, thời có 2 ấm-sinh, 3 viên tử; làm quan, nha, thời có 1 tri-phủ, 1 docteur, 1 phán-sự, 1 giáo học, 1 thừa-phái, 2 trợ-giáo, 3 khâm-hộ; các hạng lính, thời có 1 phó-quản, 1 suất đội, 4 cai, 15 lính tay trơn;

cụ hương chức, thời có 1 chánh-tổng, 4 lý-trưởng, 10 phó-lý, 40 suất-xã, khản-thủ, phân-thu, tộc-biểu, trương-tuần, thủ-lộ, trưởng ngõ; làm thợ, thời có 1 cửa hiệu đóng bàn, ghế, 50 thợ mộc, thợ nề, thợ may, thợ làm đồ vật; buôn bán, thời có 1 hiệu tạp-hóa, 1 chủ thuyền, 20 gánh hàng xách; vạ đánh cá, thời có 30 chiếc thuyền chài; còn hầu hết là nghề làm ruộng; ngoài mùa cấy cấy gặt hái, thời có nghề làm gạo bán buôn, nuôi lợn, dệt vải, trồng dâu, nuôi tằm, và làm tương cà, dưa, mắm.

Giúp đỡ lẫn nhau, thời có họ mua, phường cấp; Âm-nhạc, thời có hội cô-đào, hội bát-âm, hội kèn trống; chơi vui, thời có hội đánh cờ người, hội hát trống-quân; thể-thao, thời có lò gậy, lò vật, hội đá « ban », hội múa võt

Ăn uống, thời toàn dùng cơm tẻ, nước chè, món ăn, số nhiều phải dùng dưa, mắm, hơn là thịt cá, mà ngồi vuông từng cỗ bốn người một.

Sự mặc, phần nhiều là dùng đồ vải, ngoài mấy người Âu phục ra, đàn ông, thời xen tóc, đội khăn thâm xếp nếp, hoặc đội mũ tây; đàn bà, thời để tóc dài, mà đội khăn vấn ngang, màu thâm hoặc nâu; đàn ông, thời ưa trong áo trắng, ngoài áo thâm, thân áo rộng khít thân người, trùm phủ kín gối, tay áo dài chằm dặng, cửa tay áo, nắm bàn tay lại, rút được áo ra, khuy áo cài về phía tay phải, cổ áo, cao 4 phân tây; áo đàn bà cũng may như áo đàn ông, mà áo trong ưa màu nâu non, đào ngọc, hoặc xanh lơ, thân áo thời trùm đến ngang cổ chân, cổ áo thời thấp hơn cổ áo đàn ông; quần thời đều ưa dùng ống rộng 30 phân tây, dài phủ kín mắt cá chân, đàn ông ưa giã trắng, đàn bà ưa nhuộm thâm; áo quần lót thịt, hoặc đi làm lúc mùa màng, thời đều dùng áo cộc, phủ kín hông, cổ áo cao 1 phân tây, khuy cài giữa bụng, quần ngắn chằm gối, đàn-

bà, thời dùng áo cổ thìa, trong ngực có yếm, lưng có thắt lưng; tất, dây, giép, guốc, và đồ che nắng mưa, như ô, nón, áo-lời, thời tùy từng mùa, tùy từng người.

Thay mặt làng mà làm môi-giới cho Chính-phủ, thời có một lý-trưởng, giúp việc lý-trưởng thời mỗi xóm có một phó-lý. Cách bầu-cử theo như nghị-định bầu-cử tổng-lý của quan Thống-sứ Bắc-kỳ, tùy-thời chế-nghi. Xóm nào không bầu được phó-lý, hoặc phó-lý làm không xuê việc, thời bầu thêm ra 1 trương-tuần, có 20 người tuần-đình, có đủ nón bọc vải nâu, áo cộc vải nâu, quần vải nâu, và đồ dùng làm việc như dao, gậy, giáo, mác, mai, cuốc, đèn, đuốc, tù-và, trống, mõ cầm canh. Bốn xóm lại có 4 sãi-đình, để đi rao, đi mời coi đình và hầu-hạ khi đình đám. 20 ngõ, thời cử ra 20 người trưởng ngõ, để giao-thiệp với lý-trưởng, ngõ nào không cử riêng ra được, thời cử một người có tên trong hội-đồng kỳ-mục, hoặc tộc-biểu, cũ hoặc mới, ở trong ngõ ấy hoặc ở gần ngõ ấy sung vào.

Phần đất

Phần đất, có 1500 mẫu Nội 100 mẫu ruộng công, là ruộng chia cho đình-suất; 100 mẫu ruộng đình, chùa, tư-vấn, hậu, là ruộng cho dấu-trung; 900 mẫu, là ruộng tư-gia; 400 mẫu là đất dân-cư.

Có một đoạn quan-dê ở phía nam làng, vừa là đường đi, dài 3 cây-số, một đầu xuống đò, một đầu lên huyện.

Có hai cửa cống, bởi hai con ngòi, từ sông Cái chảy vào, để lấy nước vào làng, và tháo nước ra.

Có một con đường ruột làng, từ đông sang tây, làm trụ cho 10 con đường khác, đi quanh-có trong làng, qua 4 đình, 4 chùa 2 văn-chỉ, 1 nhà thờ hậu, 1 nhà thờ đạo, 1 nhà hội-đồng, 2 trường học, 1 nhà hộ-sinh, một nhà phát thuốc, 5 đ.ếm canh, 7 giếng nước ăn, là những

đường đi chia rẽ 4 xóm, 20 ngõ, 4 mặt đồng-điền, và thông với những đường các làng chung quanh đi đến.

Có 5 quả chuông, ở 4 chùa và 1 nhà thờ đạo, đánh lúc chiều, mộ, và trưa, để báo cho mọi người đều biết giờ ăn giờ làm, và giờ nghỉ. Còn như ngày giờ làm lễ, làm việc ở đình, chùa, văn-chỉ, nhà thờ hậu, nhà thờ đạo, nhà hội-dồng, nhà học, lại có hiệu trống riêng.

Có dư xây một nhà hàng cơm, bán đủ giò, nem, chả, cuốn, đồ xào, đồ nấu, xôi vò, chè đường, lá ga, trung-cốm, xu-xuê, chanh gừng, để thay vào sự ăn uống ở đám hiếu, đám hỷ.

Lại dự xây một nhà hát, có đủ buồng xem, sân khấu, để lúc nhàn rỗi mua vui. Song những nơi ăn chơi đó, đàn bà con gái, nếu không có chồng con cha mẹ đưa đi, thời không được đến.

Việc quản-trị

Có một hội-dồng quản-trị, thay vào hội-dồng kỳ-dịch ngày xưa, là 20 viên hội-dồng tộc-biểu, một thủ quỹ, một thư-ký, một sổ chi-thu, mỗi năm chi-thu 3000 \$ 00, một chưởng-bạ, giữ sổ điền, và hình-điền, một hộ-lịch, giữ sổ sinh, tử giá-thú. Lại có một hội-dồng kỳ-mụ : hơn 30 viên, kiểm-duyệt sổ chi-thu, theo như nghị-định cải-lương hương-chính và tờ thông-tự đình theo nghị-định ấy, của quan Thống sứ Bắc-kỳ, tại Hà-nội, ngày 25 tháng 2 năm 1927.

Mẫu cho cải-lương chóng được tiến-tới, thời hội-dồng chia ra làm nhiều bầu trị-sự, mà tổ-chức nên những công-việc sau này :

1^o — Cứ 10 năm hoặc hơn, lại tổ-chức cho mỗi xóm một số « vào làng », là ngày 4 hoặc ngày 15 đầu năm thời đồng-dân họp tại đình, xét sổ, xét lời xin, của những người đã 17 tuổi trở lên, mà biên tên, tuổi vào làng, cho những người ấy, ngay dưới tên bốn người hương-lão chức-dịch năm trước,

giao cho bốn người hương-lão chức-dịch năm sau.

Hương-lão chức-dịch, thời người nào đầu cổ ở trên, cuối cổ ở dưới ; vào làng, thời ai cha trước ở trên, nay con cũng được ở trên, cha trước ở dưới, nay con cũng phải ở dưới, thứ đến người mới hai đời, thứ nữa đến người mới một đời, là những người không được dùng mới phải cho vào, mà người nào ông hoặc cụ tổ, là người làng thời được ở trên người vào làng quê mẹ, quê vợ, và người mới đến, vậy ở dưới chôn bên tên tuổi những người vào làng, phải trừ rộng ra ít nhiều, để chừa chữ « Mới một hai đời », và phòng khi còn phải chừa chữ « nộp theo », chữ « chuộc ngôi », của những người có những việc ấy.

Vào làng năm trước, thời năm sau phải chịu sự đóng góp, mà một hai cổ cuối sổ gọi là « trai em », thời được miễn sự phu-đài, vì đã trích ra để giúp việc cổ hương-lão chức-dịch khi đình-đám, như tế thần, tế thánh, tế hậu. Người theo Gia-giáo, thời giúp việc các viên-chức coi lễ tại nhà thờ, từ một năm hoặc hơn, cho đến năm có người vào thay.

Đóng góp được đủ 37 năm nghĩa là đã 55 tuổi, thời được lên ngôi « hương-lão », mà bốn người đầu các cổ hương-lão, lại không phải chừa chừa là « nộp theo », là « mới một hai đời », thời được sung vào cổ « hương-lão chức-dịch », được lĩnh tiền biện lễ tế thánh tế thần, tế hậu, và giữ đồ thờ, đồ tế, các nơi đình, văn-chỉ, và nhà thờ hậu ; người theo Gia-giáo thời trông coi đồ làm lễ tại nhà thờ, từ một năm hoặc hơn, cho đến năm có người lên thay. Cổ hương-lão chức-dịch nào, gặp năm xóm mình phải chức-dịch việc tế thánh, tế hậu làng, thời được sung vào việc chức-dịch làng nữa. Còn những người, đã 55 tuổi, mà đóng góp chưa đủ 37 năm,

thời phải nộp theo mỗi năm 1 \$ 00 cho đủ, rồi mới được lên ngôi hương-lão, mà phải chua chân là « nộp theo ».

Lên hương-lão rồi, thời chỉ phải nộp sưu nhà nước, cho đến năm 60 tuổi, trong năm năm ấy, ai bỏ thiếu lại năm nào, thời phải nộp tiền chuộc ngôi, mỗi năm 1 \$ 00, mà phải chua chân là « chuộc ngôi », rồi mới được ngồi lên cỗ khác, như người đã đóng góp đủ, hoặc đã chuộc ngôi đủ. Song một cỗ « bó lão », là cỗ trên nhất, thời chỉ những người đã đóng đủ 42 năm, lại không phải chua chân là « mới một hai đời », là « nộp theo », là « chuộc ngôi », mới được ngồi đến.

Sở vào làng xóm nào, thời giao cho bốn người hương-lão chức-dịch xóm ấy giữ, mỗi năm người giữ sở phải đưa trình hội-dồng hương-chính một lần, để làm sở đình, mà lúc làm sở vào làng mới giao ra, thời hội-dồng thu sở cũ lại, xếp vào tủ làng, để lưu-chiêu.

2^o—Cứ một năm lại một lần tở-chức cho mỗi xóm một danh-sách « hội hương âm xóm », nhân trích lấy những quan-viên bành-lễ, trong bốn xóm, mà tở-chức danh-sách « hội hương-âm làng », để giữ việc tế-lễ chung xóm và làng.

Cách tở-chức : Hợp cả hội-dồng kỳ-mục, hội-dồng tộc-biêu, hội-dồng kỳ-dịch ngày xưa : và các hương-lão, chung lại làm một hội « hương-âm xóm », mà chia ngôi ra làm ba hàng, là « Hương-lão », « quan-viên », « dự-bỏ ».

Hương-lão, thời kể từ người 55 tuổi trở lên, mà đóng góp đủ hoặc nộp theo đủ 37 năm, trừ người phải chuộc ngôi, mà chưa chuộc được, thời ngồi đầu, phải ngồi nguyên đầy. Còn thời ra lão sau ngồi dưới, ra lão trước ngồi trên, một cỗ trên nhất là cỗ « bó-lão », thời chỉ những người không phải chua chân, một khoản gì mới được ngồi đến.

Quan-viên, thời kể từ trưởng-ngõ, thủ-lộ, trưởng-tuần, khán-thủ, phần-

thu, tộc-biêu, hộ-tịch, địa-bạ, thư-ký, thủ-quy, suất-xã, chánh phó hương-hội lý phó trưởng, chánh phó đồng, cùng hương-chức khác, hoặc làm hoặc mua mà tên gọi việc làm, ngang hàng với các hương-chức ấy. Những cỗ trên nhất, là cỗ văn từ tú-tài, vũ từ phó-quản, quan từ trợ-tá trở lên, cho đến đồ cao, quan to, nhất trong nước.

Ngồi xen vào, những cỗ quan-viên, thời kể từ có bằng làm thợ, hoặc làm thợ, đã có giấy quan trên khen, lĩnh sáu năm, tư-diễn ba mẫu, môn-bài 3 \$ 00, khóa thí-sinh nhất nhị-trường, cơ-thủy-thành-chung, cửu-bát-phẩm, cai đội, viên-tử, âm-sinh khán-hộ, trợ-giáo, thừa-phái, hội-nghị-viên, đốc-công, chủ ruộng, chủ buôn, có sở-sách lối mới, hoặc làm nghề-nghiệp khác, mà lợi-từc mỗi năm có hơn 600 \$ 00, chủ bút một nhà báo, và văn-sĩ khác, có danh-dự bội-tinh. Quan-chức ngạch cũ, ngạch mới, đã làm việc tại các tòa, các sở công, mà cách thi, việc làm, ngang hàng được với những viên-chức như tú-tài, quản-cơ, trợ-tá trở lên.

Dự-bỏ, là những cỗ đặt ra để dãi các viên-chức, đã nộp tiền vọng, mà vì theo Gia-giáo, vì đi làm ăn nơi khác, vì cỗ mình được ngồi lên hiện đủ, thời ngồi ra dấy, chờ khi có khuyết, sẽ xin bỏ vào. Nếu một góc cỗ khuyết mà có đến 2,3 viên-chức xin bỏ vào, thời viên-chức nào nộp tiền vọng trước nhất, được bỏ trước nhất. Đã ngồi cỗ quan-viên, nếu cứ tuần-tự mà ngồi lên, thời dù ngồi đến cỗ trên nhất, cũng chỉ phải nộp tiền vọng một lần, nếu năm nay ngồi cỗ dưới, năm sau ngồi lên cỗ trên, cách nhau đến hai ba cỗ trở lên, thời mỗi lần ngồi lên, phải nộp tiền vọng một lần, mà cỗ mình sẽ ngồi lên ấy chưa khuyết, thời được ngồi nguyên cỗ hiện ngồi ấy, chờ cỗ kia khuyết thời bỏ lên, chứ không phải ngồi sang cỗ dự-bỏ.

Viên-chức nào, vì có lỗi mà bị cách-bãi, hoặc có nợ làng xóm, mà không trả, hội-dồng đã làm biên-bản phạt, bắt phải ngồi nguyên góc cổ biện được ngồi bao nhiêu năm, thời danh-sách hội hương-âm hàng năm, trong hạn viên ấy còn phải phạt, chỉ bằng bỏ cho các viên khác.

Quan-viên hành-lễ ngày đình đám, thời trích lấy những cỗ dầu hàng hương-ảo quan-viên sung vào. Hương-lão, thời mỗi xóm, đều 1 y một cỗ bó-lão; quan viên thời xóm nhất 7 cỗ, xóm nhì 5 cỗ, xóm ba 4 cỗ, xóm tư 3 cỗ. Viên-chức nào, được ngồi vào số cỗ kê trên đó, thời tức là « quan-viên hành-lễ trong xóm » rồi, phải sung vào việc tế lễ chung trong xóm. Một cỗ Bó-lão là cỗ Tư-vấn, 2 viên chức ngồi cỗ trên nhất hàng quan-viên, lại có tên trong danh-sách hội-dồng ký-mục, hoặc tộc biểu, thời tức là viên chúa-tể và thứ-tể.

Tiền vọng vào hội hương-âm xóm. Quan-viên hành-lễ, mỗi vị phải nộp 10 \$ 00. Quan-viên hàng, mỗi vị phải nộp 5 \$ 00, mà chỉ những viên-chức ngồi cỗ quan-viên mới phải nộp tiền vọng. Tiền khao nhiều gấp hai tiền vọng, song viên-chức nào nghèo quá, thời có thể miễn cho số tiền khao.

Danh-sách « hội hương-âm làng », thời trích lấy những vị có chân quan-viên hành-lễ trong 4 xóm mà tở-chức nên. Song ngồi ăn ngồi, hàng hương-lão, hàng quan-viên, cách xếp đặt đều theo như cách xếp đặt cỗ quan-viên trong xóm, nghĩa là chỉ kê chức-phận sang hèn giàu nghèo mà định trên dưới, chứ không kê tuổi nhiều ít. Hương-ảo thời kể từ 60 tuổi trở lên, lại có tên ở danh-sách quan-viên 4 xóm. Dự-bổ, thời kể từ có tên dự-bổ vào cỗ quan-viên hành-lễ bốn xóm mà thôi.

Hội hương-âm làng, trừ những cỗ còn dự-bổ ra, hết thầy là quan-viên hành-lễ. Viên-chức hội-dồng ký-mục, thời tức là viên chúa-tể. Viên nào cao

hàm thứ-nhi viên chúa-tể, thời tức là viên thứ-tể, thường giữ việc viết văn-tế.

Danh-sách hội hương-âm xóm và làng, đều chép chung làm một bản, mà sao ra làm bốn, giao bốn vị chúa-tể 4 xóm thi-hành. Lúc làm bản mới xong, thời giữ bản cũ chính lại ở tú-làng mà làm bằng ừ.

3^e - Cứ một năm lại tở-chức cho mỗi xóm một số « phu-phen », là hợp tất cả số người ở vào phần đất trong xóm, trai từ 18 tuổi trở lên, 54 tuổi trở xuống, trừ những lúc nước dâng, nhà cháy, giặc đến, chốc lát, ai cũng có thể cứu-cấp, thời không ai được tránh việc, không ai được kê công. Đến như công-việc, đã đến trọn ngày, hoặc trọn đêm, thời đều chia làm hai hạng, là « đi phu » và « chuộc phu », gánh vác đỡ nhau, mà giao cho lý-phó trưởng thi-hành.

Đi phu, thời kể từ người làng khác, xóm khác, rồi đến người trong xóm, hễ không phải là hạng người nhà-nước trừ phu cho, như phạm-hàm chức-sắc, 61 tuổi trở lên, lính tại-ngũ, hoặc trừ-bị, v. v., lại không phải là hạng người làng vẫn trừ phu cho như hết thầy quan-viên hương-lão mà vẫn ở trong xóm, thời đều kể là hạng đi phu, ít tuổi đi trước, nhiều tuổi đi sau, bắt đầu từ người làng khác, xóm khác, rồi đến người trong xóm, hết lượt lại bắt đầu lại. Đi phu, thời mỗi người mỗi ngày, được trợ-cấp 0 \$ 10, mỗi đêm được trợ-cấp 0 \$ 05, do Lý trưởng phát cho, song phải có giấy phó-lý hoặc trương-tuần thay mặt phó-lý cấp cho mới được lĩnh tiền.

Mỗi người đi phu, mỗi năm phải đi 10 ngày 20 đêm trở lên. Năm bình-thường, thời chẵn đủ ý ấy, có thể rút kém xuống. Lý-phó trưởng, trương-tuần, mỗi lượt phu, cũng được trợ-cấp như số tiền trợ-cấp cho phu, mà cấp ngay cho lúc có việc.

Chuộc-phu, thời kể tất cả những người có tên ở hội hương-âm trong

xóm, mà không phải là hạng nhà-nước đã trừ phu cho; lại không phải là hạng quan-viên hành-lễ. Thứ đến người xóm khác, làng khác, mà danh-giá ngang với quan-viên hương-lão trong xóm. Thứ đến người phải đi phu, mà bận việc đi học, đi buôn bán làm ăn nơi khác, thời đều kê vào hạng chuộc-phu, mỗi người mỗi năm, phải nộp 1 \$ 00, mùa hạ 0 \$ 50, mùa đông 0 \$ 50, do lý-trưởng hoặc hương-chức khác, đã thu thuế thay cho lý-trưởng, thời thu thay cả tiền chuộc phu. Gặp năm nhiều việc, ngoài số lương nuôi phu canh phòng ngày đêm. Lại còn phải mua tre nứa cắm dề lúc rạn, hoặc mua rơm củi, cung quan-quân, lúc đóng ở làng, mỗi người góp 1 \$ 00 chuộc phu chi không đủ, thời bỏ cho điền-hộ mỗi mẫu 1 \$ 01 trở lại, mà gặp năm ít việc, 0 \$ 50 chuộc phu góp tại mùa hạ chi không hết, thời miễn hẳn việc thu số tiền 0 \$ 50 chuộc phu góp mùa đông.

Ngoài việc thu thuế, thu tiền chuộc phu, lý-trưởng phải trách-nhiệm đến việc làm phải ủy cho phó-lý vật phu, và vật-liệu làm vào việc phu, lại phải lĩnh tiền chuộc phu, chi vào việc phu phen, đã phải ủy ấy. Nếu tiền chuộc phu thu chưa kịp, hoặc chi đã hết, thời làm giấy mượn tiền lưu-trữ ở quỹ làng mà chi, việc xong sẽ bồi thu ngay mà trả vào. Mỗi lượt phu, lý-trưởng phải làm một bản kê đưa sang hội-đồng, kê tách bạch lượt phu ấy, vật bao nhiêu người, vật liệu những gì, chi hết bao nhiêu tiền, bởi sức-vả số mấy, hay khâu-truyền của quan sở-tại, hoặc tự ý lý-trưởng xét ra việc nên làm mà làm, để tiện việc vào sổ hội-đồng nhật-ký, và khỏi làm-hỗn. Lúc thu thuế thu tiền chuộc phu, thời có phát mõ rao, và hiệu trống thu.

Ngoài việc đưa tuần-dinh đi tuần-phòng, phó lý phải chiều theo lời phái lý-trưởng đã ủy cho mà vật biện phu

liệu cho sung số, rồi đưa đến chỗ việc làm, mà trông coi, hoặc ủy người trông coi cho phu làm. Lúc 6 giờ sớm và 6 giờ chiều, là lúc đòi phu, mà lý-trưởng phát tiền trợ-cấp cho phu, cho lý phó-trưởng ngay chốn phu làm ấy, phó-lý hoặc trương-tuần thay việc phó-lý phải có mặt ở đấy, để xem xét việc phu phen lĩnh tiền, và lĩnh số tiền trợ cấp của mình.

Vật phu, thời phải chiều lần lượt số người đi phu, ở số xóm mình, mà cấp cho mỗi người một phái, kê rõ phái cấp cho tên mõ, đi phu ngày hoặc đêm nào, ở xứ mõ. Việc gấp thời cho gọi ra nơi có việc, giao người coi làm, rồi sẽ phải cấp cũng được. Người đi phu nào, nhà có thân-tang, cưới vợ, ốm, thời được triệu cho một lượt, trong lúc có việc. Lúc canh, lúc báo cấp, lúc giục phu, đều có hiệu trống, hiệu mõ, hiệu tù-và.

Sổ phu phen bốn xóm có bốn bản chính, bốn bản sao; bốn bản chính giao cho lý-trưởng, bốn bản sao giao cho phó-lý, đều chiều chức-trách thi-hành, mỗi năm làm lại một lần, để thay đổi những người ở hạng đi phu, chuộc phu, cần phải thay đổi thêm bớt.

4e - Cứ mười năm hoặc hơn, lại tổ-chức cho bốn xóm chung một lễ đình-đám, để quan-viên hương-lão đều theo, nhất là những cổ «quan-viên hành-lễ», cổ «hương-lão chức-dịch», là những người có trách-nhiệm đến việc hương-âm hơn hết.

Bốn người hương-lão chức-dịch, mỗi khi nhận được biên-bản hội-đồng giao cho, lĩnh tiền hiện lễ, trước hết phải sai sãi-dinh đi mời quan-viên hành-lễ, (lễ làng thời mời quan-viên làng, lễ xóm thời mời quan-viên xóm, lý phó-trưởng, trương tuần đương-thứ, vị nào chưa được là quan-viên hành-lễ cũng được mời, quan-viên hương-lão khác thời nghe hiệu trống mà ra dự tế, chứ không phải mời); thứ

đến báo cho nhạc-công, như bát-âm, phường trống biết mà dự-bị việc nhạc; thứ đến sai những trai em giúp việc mình, làm những lễ-vật trong biên-bản đã dặn, và bày những tế-khí như sau này :

Nơi tế Thần (tức thành-hoàng làng), tế thánh (tức Khổng phu-tử), trước bệ thờ, thời bày một sập lễ, là sập sê bày những lễ-vật, như xôi, thịt, trầu, rượu, hoa, quả, mé sập cắm lọng che.

Ngoài sập lễ thời đặt ngang ra một hương-án, là án bày tế-khí, như bát hương, ống hương, ống hoa, cây đèn, cây nến, diuh và đồ phụ-tùng vào đỉnh, chúc-bản, v. v., hai đầu hương-án cắm hai quạt che.

Ngoài hương-án hai bên đầu, bày dọc ra hai đá tửu-tôn, trên đá có đài đựng chén, nậm đựng rượu, mà phủ đi một bức vóc hoặc giạ, gọi là mịch, hai cạnh ngoài đá tửu-tôn, có cắm tàn che.

Đầu ngoài hai tửu-tôn, mỗi bên đều đặt một đá dề thau, chứa nước ngũ-vị-hương, là nơi quán-tây. Cạnh đá quán-tây có treo một vuông khăn tay, dề dùng việc thuế-cân.

Phía sau hai đá tửu-tôn và quán-tây, mỗi bên đều đặt sẵn một ghế đầu, dề viên thông-họa-xương, đứng xương tế, một đá chiêng, đá trống-cái dề nhạc-công đánh diêm vào lúc nhạc, một khuôn phản ngồi, dề nhạc-công ngồi cò-nhạc.

Giữa chốn hương-án trông ra, hai đá tửu-tôn trông vào, thời dưới giải ba chiếu ngang, trên phủ đi một chiếu dọc, gọi là chiếu dọc, trên chiếu dọc lại phủ đi bốn bức nệm nhồi bông, diện-tích một thước tây vuông, một bức trong, một bức ngoài, một bức tả, một bức hữu, dề đỡ mỗi cho viên chúa-tế và hai viên chuyên đọc chúc lúc quỳ lúc lạy.

Nơi tế-bậu thời sập lễ-hương án, tửu-tôn, đều cắm lọng xanh hoặc đen,

mà không cắm tàn quạt, nhạc-công thời không đánh diêm trống cái và chiêng.

Nơi kỷ-niệm vua Gia-long ta cùng các vĩ-nhân khác, thời cũng bày nghi-vệ như nơi tế thánh tế thần. Song sập lễ tức là ban thờ, chỉ giải chiếu mà không bày lễ-vật, sau sập có căng một bức trướng, dề cách bệ thờ thần ra, ngoài hương-án, thời không bày đá tửu-tôn quán-tây và chiếu dọc, mà giải ngang ra hai hàng chiếu, dề quan-viên hành-lễ đứng làm lễ, hàng chiếu trên gần hương-án nhất là chốn viên chúa-tế đứng, thời giải một chiếu. Việc làm lễ kỷ-niệm chỉ có năm viên-chức là : tả-chức-văn, thông-xương, phần-hương, đọc chúc, họa-xương, phải hành-dộng. Còn quan-viên hành-lễ khác, từ viên chúa-tế trở xuống, ngoài tuần cúng-tĩnh-niệm, không ai phải hành-dộng một việc gì.

Những ngày đình đám, trước cửa đình, cửa văn-chỉ đều có treo và cắm giải những cờ ngũ-hành, mà ngày kỷ-niệm vua Gia-long ta, thời nhà hội-đồng nhà học, lại có treo cờ tam-tài nữa.

Mỗi khi làm lễ rồi, bốn người hương-lão chức-dịch, phải báo trai em cất dọn tế-khí đầu vào đấy, và đem lễ-vật ra làm cỗ, dề quan-viên hương-lão ở đấy cùng yến-âm. Quan-viên hành-lễ vị nào vắng mà có lời trước, thời được biếu mỗi vị một góc cỗ, viên chúa-tế thời một nửa cỗ, do trai em đem biếu tận nhà. Ấy là cỗ có thịt lợn, thịt trâu, bò, chứ cỗ thịt gà, thời không phải kính biếu ai cả, mà một hai lễ thịt lợn hoặc thịt trâu bò tại ngày đóng đám, thời phải rọc từ đầu đến chân sinh-vật mà làm phần thịt thối, chia từ viên chúa-tế trở xuống, trai 18 tuổi trở lên, mỗi người một phần bằng nhau, đưa về trường ngõ giao cho trai em trong ngõ, những người trên cỗ trai

em giúp việc hương-lão chức-dịch, đưa biểu tận nhà từng người.

Lý - trưởng phó - lý trưởng - tuần đương-thứ, mỗi khi tiếp lời mời ra làm lễ, đều phải sức cho tuần-phiên trong xóm, nón áo gọn-gàng như khi đón rước quan khách, mà quan-phòng những nơi làm lễ cho nghiêm, nhất là những ngày đình đám, có trò chơi vui, như hát cô đào, chèo, trống-quân, múa sư-tử, đánh cờ người, v. v. , lý-phó-trưởng trưởng-tuần đương-thứ là lương-dân, thời còn phải làm lễ hoặc hậu-bái, là Giáo-dân thời còn phải xem lễ nữa.

Quan-viên hành-lễ thời trước giờ làm lễ đã phải vận quốc-phục lành-lặn sạch-sẽ đến nơi làm lễ, mà vận lễ-phục thường dùng, như mũ xếp, áo thâm, hia ống, vị nào có triều-phục thời vận triều-phục, vào tế thánh tế thần và kỷ-niệm tiên-đế cũng được. Hai viên thông họa xướng, thời đứng lên hai ghế đầu trước, theo nghi-tiết từng lễ mà xướng họa, đề các quan-viên hành-lễ khác chiều phần việc viên chúa-tế đã cắt cho mà làm.

Nghi-tiết tế thánh tế thần thời theo như Thọ-mai gia-lễ; tế hậu thời kém nghi-tiết tế thánh tế thần một tiết khởi-chung-cổ; nghi-tiết kỷ-niệm thời có : 1^e) Nhạc-công tự-vị; 2^e) Khởi-chung-cổ; 3^e) Hành kỷ-niệm lễ chư viên tự vị; 4^e) Thượng hương; 5^e) Độc kỷ-niệm văn; 6^e) Cúc cung tĩnh-niệm; 7^e) Lễ tất. Mỗi tiết cách nhau 10 phút đồng-hồ.

Mỗi khi làm lễ rồi, viên chúa-tế phải trông coi nơi ăn ngồi cho hết thầy quan-viên hương-lão đều được từ-tế, bốn người hương-lão chức-dịch phải bảo ban trai em hầu hạ hân-hoai. Trừ lễ kỷ-niệm chỉ có trầu rượu ra, lễ nào đã có thịt xôi, thời đều có ăn uống. Lúc ăn uống cũng được nói chuyện, song không ai được nói tiếng nước ngoài, không ai được hai người nói chung một

câu chuyện, mà phải kiêng tiếng mày tao chữ rủa, là những tiếng lúc đồng người càng phải kiêng. Vợ cả vợ kế quan-viên hương-lão, nhân ngày đình đám có ra xem lễ, thời được ngồi xen vào góc cổ, mà chồng mình được ngồi, song phải ăn mặc lành-lặn sạch-sẽ, mà 55 tuổi trở lại, lại phải có lời chồng con cho ra mới được ra, hương-lão chức-dịch phải trông coi trầu nước cho chu đáo.

Bản-lệ đình đám xóm nào, thời giao cho viên chúa-tế xóm ấy giữ. Lệ đình đám làng thời cũng như bản-lệ đình đám chung bốn xóm, ở một viên chúa-tế trong bốn xóm, lại là chủ hội-đồng kỳ-mục thi-hành. Lệ thời cứ mười năm hoặc hơn lại một lần tổ-chức lại, song nếu quá nửa số quan-viên hành-lễ xin sửa đổi lại khoản gì cho hợp-thời, thời năm nào hội-đồng cũng có thể họp mà tổ-chức lại.

5^e — Cứ ba năm lại tổ-chức cho bốn xóm chung một kỳ chia ruộng công, và ký cho dấu-trung ruộng đình chùa tư-văn và hậu.

Ruộng công thời ba năm một kỳ chia lại cho dân-dinh từ 18 tuổi trở lên, 60 tuổi trở xuống mỗi người một phần bằng nhau, khu nào tốt nhất thời chia cho các tộc-biểu, thứ đến những vị quan-viên hành-lễ cao hàm, mà tuổi chưa đến 60. Khu nào xấu nhất, thời chia cho các người cuối cổ vào làng năm ấy, chia vào khoảng bắt tay cây cấy mùa hạ.

Ký chia ruộng hội-đồng chỉ phải làm một biên-bản giao cho lý-trưởng hiệp với địa-bạ mà chia, mà chỉ cho một số tiền, mua giầy giăng lúc đó, cọc đóng làm mốc. Còn lý-trưởng địa-bạ và hai người phụ đề các viên-chức ấy sai-phái, thời chiều lệ trợ-cấp việc phu phen hàng ngày, chỉ cho mỗi người mỗi ngày một hào.

Ruộng cho dấu-trung thời ba năm cũng một lần cho dấu-trung lại, dấu

vào những ngày bắt tay cây cấy mùa đông, mà cho đấu bằng cách mở phiếu kín, nghĩa là trước kỳ cho đấu-trung, hội-đồng đã làm sẵn một bản sổ kê tách-bạch từng thửa ruộng cho đấu-trung, thửa nào bao tiền, trước từ của công cả làng thứ đến của công từng xóm, rồi sao ra làm bốn bản, niêm-yết ở đình bốn xóm để ai muốn trung thửa nào thời viết vào một cánh phiếu, mà đấu từ giá đã kê trở lên.

Lại làm cho bốn xóm bốn hòm nhận phiếu đấu-trung, như kiêu hòm nhận thư ở nhà giấy thép, để ai đã làm phiếu trung thửa nào, thời bỏ phiếu ấy vào đấy. Lại giao hẹn: ai đấu được thửa nào, thời ngay sau lúc mở phiếu, phải ký-quỹ ngay ba phần mười số tiền trung trong ba năm. Còn bao nhiêu sẽ chia làm ba phần bằng nhau, nộp làm ba hạn trong ba năm, mà hạn nào cũng nộp đúng sau ngày mở phiếu ấy năm ngày, nếu sai một hạn nào, hội-đồng cũng có thể cho đấu-trung lại, hoặc cho thuê bằng giá đã kê, từ mùa ấy cho đến kỳ đấu-trung sau, mà không phải giá số tiền đã ký-quỹ, hoặc công cấy-cấy của người đã sai hạn.

Như vậy, mỗi kỳ cho đấu-trung, trong hai-mươi-bốn ngày sẽ có luôn bốn kỳ hội-đồng: kỳ thứ nhất, là kỳ họp kê từng thửa ruộng cho trung; kỳ thứ hai, là kỳ niêm-yết bản kê giá ruộng, hòm nhận phiếu, giấy giao hẹn về việc cho đấu-trung; kỳ thứ ba, là kỳ mở phiếu đấu-trung, thu tiền ký-quỹ của người đã đấu-trung được; kỳ thứ tư, là kỳ thu tiền ruộng đã cho đấu-trung. Mỗi kỳ cách nhau đều năm ngày, kỳ nào cũng có trống hiệu hội-đồng, mà kỳ thứ hai, thứ ba, thứ tư, lại có sãi đình đi rao cho mọi người đều biết. Những kỳ thu tiền cho đấu-trung ruộng, phần năm thứ hai, thứ ba sẽ có giấy yết-thị và mō rao riêng. Người đấu-trung được thửa ruộng nào đã nộp tiền kỳ nào, đều có giấy chánh-

hội phát-ngân, thủ-quĩ thu-ngân ngay trước mặt hội-đồng và công-chúng.

Sổ chia ruộng công, sổ đấu-trung ruộng đình, chùa, tư-vấn, hậu, bao giờ cũng có bản lưu ở sở hội-đồng, ai muốn xem, nói với chánh-hội, hoặc thư-ký, lúc nào cũng được.

6e — Cứ 5 năm hoặc hơn, lại tổ-chức cho bốn xóm, chung một trường học chữ quốc-ngữ. Ngoài học-qui trường hương-sư và Nho-học, đạo-học, Phật-giáo, Gia-giáo, nghệ-học, v. v..

Cách tổ-chức: cứ một ngõ hoặc hai ba ngõ ở gần nhau, lại đặt ra một trường dạy chữ quốc-ngữ, để bắt buộc những kẻ làm ông, làm cha, làm chủ nhà, phải cho con trẻ từ năm sáu tuổi trở lên, mà chưa biết chữ quốc-ngữ đến học. Học-trò không phải nộp giấy khai-sinh (là giấy khai với hộ-tịch, hạn trong một tháng, tại ngày mới đẻ), lại không phải nộp tiền học-phí, tiền nuôi thầy giáo.

Trường học thời nhân những tam-quan chùa, nhà thờ tổ các họ mà dựng. Trong trường có đủ bàn, ghế, bảng đen, phấn viết, tủ sách, báo, hội-đồng sắm ra, mà người coi-trường coi giữ.

Thầy giáo thời cử những quan-viên hương-lão, hoặc người có bằng thấp nhất là sơ-tuyên yếu-lược sung vào, mỗi tuần-lễ dạy ba ngày, buổi sáng dạy con gái, chiều dạy con trai, dạy bằng sách hội-đồng đã mua cho. Còn ba ngày nữa, là ngày công-chúng đến đọc báo. Đàn bà con gái, có thể thuê những số báo đó, mỗi ngày mỗi số một xu đem về nhà mà đọc, tiền thuê ấy cho người coi trường học.

Ngõ nào nhiều người dạy được, thời bốc thăm, ai được dạy những tuần-lễ nào, thời cứ tuần-lễ ấy đến mà dạy. Ngõ nào không ai dạy được, thời bỏ người ngõ khác sung vào, hoặc nhờ những thầy gia-đình giáo-dục ở trong những ngõ ấy kiêm-sung.

Thầy giáo những trường dạy chữ quốc-ngữ này, không có lương nuôi. Song ai còn phải đi phu, chuộc-phu, hội-đồng đều miễn trừ cho. Nếu là hạng người nhà-nước đã trừ phu cho, hoặc người xóm khác, làng khác thì mỗi năm hội-đồng biếu một món tiền vào kỳ nghỉ hè, bằng tiền chuộc phu nặng nhất.

Trường học chữ quốc-ngữ, cứ 5 năm hoặc hơn, lại tổ-chức lại một lần, là do trình-độ tiến-hóa mà tổ-chức cho thích-trung.

7e — Cứ mười năm hoặc hơn, lại tổ-chức cho bốn xóm chung một hôn-lễ, để mọi nhà đều theo. Tuân theo lệ vào sổ giá-thú ở hộ-tịch các làng đang thi-hành tại Bắc-kỳ ngày nay. Chú rể phải là người đã 18 tuổi trở lên, cô dâu phải là người đã 17 tuổi trở lên mới được vào sổ, mà phải có cha mẹ đôi bên ký chủ-hôn, nếu cha mẹ khuyết một vị nào, thì phải có chú bác rất thân, ký chủ-hôn cho.

Hạn vào sổ giá-thú, thời ở trong tám ngày, sau ngày làm lễ cưới. Thường thời dùng vào ngày làm lễ lại mặt cho cô dâu, vì ngày ấy bố mẹ chồng có sắm quà bánh cho cô dâu chú rể về chơi nhà gái, nhân mời hộ-tịch đem sổ đến, mà khai vào cho, hoặc cùng đến nhà hộ-tịch mà xin khai vào sổ. Còn từ ngày làm lễ lại mặt tức là ngày đôi bên khai vào sổ giá-thú trở về trước, thời có lễ cưới là quan-hệ nhất, rồi đến xin cưới, xâu tết, ăn hỏi, xem mặt, mọi lễ. Lễ-vật thời công của nhà trai, mà tin đi mỗi về thời nhờ vào một người thân cả hai nhà làm mai-mối.

Xem mặt là lễ hai nhà cho chú rể cô dâu được biết mặt nhau lần trước nhất, bằng cách một bên theo bề trên ra chào, để xem ý đôi bên thuận hay là không thuận, rồi sẽ nói cho biết chuyện, phỏng khi một bên không

bằng lòng, thì một bên cũng không phải bẽ mặt.

Ăn hỏi là lễ hai nhà có ăn với nhau một bữa cơm tại nhà gái, cho hề-hả câu chuyện, đôi bên con cái đã bằng lòng nhau, và cũng mở đường cho chú rể đi xâu tết, thời nhà trai có đem theo rượu thịt, lại mời thêm một hai người bà con cùng đi. Nhà gái thời mời một hai người bà con đến tiếp chuyện.

Xâu tết là lễ mùa nào của ấy kính biếu, cho đôi bên quen biết thêm ra. Hai nhà cùng giàu-có, thời cá-dé vải-chua, dưa, đỗ, ngỗng, vịt, gạo cốm mới, chim ngói, v. v., mà thông-dụng thời có hai lễ giỗ bậc rất thân, bằng trâu, cau, rượu. Một tết nguyên-đán, bằng bánh trưng, đường. Lễ xâu tết chỉ phải đi một năm tròn thời được cưới, không bên nào được viên là xâu tết chưa đủ, mà để quá-thì cho bên nào. Nhà trai đình-hôn thời mất không số tiền đã đi xâu tết; nhà gái đình-hôn, thời phải đền tiền bằng giá số xâu tết đã nhận. Người đang tang chồng mà lấy chồng, kẻ đang tang vợ mà lấy vợ, thời phạm vào luật Hình, nên phải gia hạn xâu tết lên hơn một năm. Kẻ sắp có tang cha mẹ, song tuổi đã lớn, sợ quá thì mà cưới chạy tang, nên rút hạn xâu tết xuống có 6 tháng trở lại, đó là tùy tình yêu-mến nghĩa nên chăng.

Xin cưới là lễ xin với nhà gái y cho những ngày giờ định làm lễ cưới, những đồ dùng sẽ may sắm cho cô dâu lúc về nhà chồng, tiền dầu hương lễ tổ-tiên nhà gái, lúc chú rể đến lễ, tiền chi-phí ngày làm lễ cưới ở nhà gái, tiền cheo, cỗ hai họ ăn uống ngày cưới tại nhà gái. Thường thời nhà gái nhận chu-biện cả, nhà trai chỉ phải đưa đến món tiền một trăm hoặc năm bảy chục đồng bạc, rồi làm ra năm mươi cỗ đưa dâu, mừng rể tại nhà mình, và sắm cho cô dâu một đồng-phòng có đủ giường, ghế, chiếu, chăn, màn gối, đèn đóm.

Cưới là lễ hai nhà cho chú rể cô dâu lên cửa lên nhà, cùng trăm nghìn muôn ức triệu nhà khác, hưởng một hạnh-phúc gia đình. Về phần nhà gái thời mời năm bảy người họ rất thân đưa cô dâu về nhà chồng; về phần nhà trai thời mời năm bảy người họ rất thân đưa chú rể đi đón vợ. Ở nhà lại nhờ một ông gia hạc trên trong họ, vợ chồng đầy đủ, con cái vuông tròn, giải chiếu động-phòng cho chú rể cô dâu, rồi niêm cửa buồng lại, chờ cô dâu đến thời chú rể mở cửa mà đón cô dâu vào buồng. Theo Nho-giáo thời bày tế tư-hồng tại ngoài sân. Theo Gia-giáo thời đến nhà thờ làm phép cưới. Lúc sắp rời nhà gái chú rể cô dâu phải vái tạ cha mẹ ông bà nhà vợ. Lúc đến nhà trai chú rể cô dâu phải vái chào cha mẹ ông bà nhà chồng. Lúc hai họ ra về chú rể cô dâu phải vái tiễn bà con hai họ.

Cưới được năm ba ngày thời làm lễ lại mặt cho cô dâu, nhân vào sổ giá-thú như đã nói ở trên.

Hôn-lễ cứ 10 năm hoặc hơn lại tổ-chức lại một lần, cho khỏi trái ngược với thói hay tục nước. Mỗi lần tổ-chức lại đều có sao ra bốn bản, niêm yết ở bốn đình để mọi người đều biết.

8° — Cứ 10 năm lại tổ-chức cho bốn xóm, chung một chương-trình xây đắp mới, theo như địa-dò dân-cư, đã nhờ sở Lục-lộ vẽ cắm cho, là bắt đất ở đắp theo đường đi, chứ không đắp đường đi theo đất ở như trước. Vay trừ ra mấy nơi nên tồn-cò, đã vẽ gạch ra, còn hầu hết là xây đắp mới.

Trước hết dự-bị vay những món nợ trả lãi góp, để chi vào việc xây đắp mới. nợ thời vay những món từ 300\$ trở lên, một vốn một lãi, trả góp làm 240 tháng, luôn trong 20 năm. Người chủ nợ lại được khắc tên vào bia kỷ-niệm việc xây đắp mới, ngay từ lúc đưa tiền ra mà nhận văn-tự.

Xây đắp thời bắt đầu từ 3 đoạn đường dọc, 10 đoạn đường ngang, dài

cộng 12 cây số, rộng 6 thước tây, cao 1 thước, diện-tích cộng 20 mẫu. Đất đắp nên đường ấy 72.000 thước khối, thời lấy vào những thửa ruộng diện-tích cộng 10 mẫu, sâu 2 thước, cách xa mỗi bên đường đều 20 thước, là những thửa ruộng liền với những ruộng cộng 100 mẫu, sẽ lấy đất sâu đều hai thước, lập nên dân-cư mới, cộng 200 mẫu, phụ vào 200 mẫu dân-cư cũ và nền nhà hội-đồng, nhà học, nhà hộ-sinh, nhà phát thuốc, nhà hàng cơm, nhà hát, nhà bia, giếng nước ăn, điểm canh, v. v. . Giá ruộng đồ đồng mỗi mẫu 200\$, thời 30 mẫu làm vào đường đi, đó là $200 \times 30 = 6000$ \$ 00. Công xẻ đắp mỗi thước khối đi đó là $0\$10 \times 72.000 = 7200$ \$. Tổng-cộng 13 đoạn đường đi dọc ngang, dài 12 cây-số kể trên sẽ phải chi đến 13.200 \$. Nếu mỗi năm đều vay được 2000 \$ để chi vào việc đường đất đó, thời 200 nhà vừa tiền bán ruộng vừa tiền thầu lấy đất, mỗi nhà sẽ có 10\$00 vào kỳ tháng tám tháng ba, mà trong khoảng 7, 8 năm sau, làng đã nghiêm-nhiên có những đường đi thẳng-thang cao ráo, ấy là chưa kể đến số tiền dự bán những đoạn đường cũ không đi đến, để chi vào phí đắp đường mới, thời số nợ dự vay mỗi năm 2000 \$ đó sẽ bớt đi được một vài phần. Những đoạn đường mới đắp đến đâu trồng vải-chua, nhãn đến đấy, thời số tiền dự thu để trả những món nợ trả góp làm 20 hạn đã vay trước, sẽ thêm ra được số tiền hoa-lợi cây hai bên đường.

Thi-dụ: Năm thứ nhất vay 2000 \$ thời năm thứ nhất phải dự trả 200 \$ 00; năm thứ hai vay 2000 \$ thời năm thứ hai phải dự trả 400 \$; năm thứ ba thứ tư trở đi cũng vậy, nghĩa là năm nào cũng phải dự trả góp ngay số nợ đã vay năm ấy, mà lại phải góp trả cả số nợ đã vay năm trước. Bao giờ không dự thu khoản gì để góp trả đủ nữa, thời đình việc vay nợ lại, cho đến năm

những món nợ trước đã hết hạn trả góp 20 năm, sẽ lại bắt đầu vay. Những đất ở hai bên đường mới đắp, chỉ được trồng găng ruối làm giậu, mà không được đào ao trồng tre.

Khi nào đường đi đã đắp xong rồi, sẽ dự-bị đến việc xây đắp khác, mà một khoản lập dân-cư mới, thời có người mua đất đến đâu sẽ mua ruộng thuê lập lên đến đấy. Đất tính giá đất một gấp hai, tiền cho trả làm 20 phần luôn 20 năm, cũng như số nợ làng vay trả góp làm 20 hạn. Thí-dụ: một sào đất giá 70\$ thời tính là $70 + 70 = 140$ \$, trả làm 20 hạn là $140 : 20 = 7$ \$00. Còn những người tự mua lấy đất mà lập lên, thời đất ấy coi như đất dân-cư cũ. Song lúc lập phải trừ những nơi trong địa-đồ dân-cư đã gạch ra, dẫu không được đào xê đến.

Chương-trình xây đắp mới, trước sau phải đóng chung vào một quyền, cho đến ngày lập thành một dân-cư mới, như trong địa-đồ đã nhờ sở Lục-lộ vẽ cắm cho. Địa-đồ dân-cư cũ và mới đều có vẽ rút lại, mà khắc vào hai mặt bia kỷ-niệm.

9^e — Cứ mười năm hoặc hơn, lại do ngôi thứ hương-âm mà tổ-chức cho bốn xóm, chung một lệ đưa đám ma để các hiệu-chủ cùng người có trách-nhiệm đến việc giữ phong-hóa đều theo.

Số người đưa đám thời tùy-tiện hiệu-chủ, mời ngô, mời họ, mời biểu, mời giáp, hoặc thuê một hội đưa đám khác cũng được.

Đồ dùng vào việc đưa đám, như linh-xa, phủ cữu và đồ phụ-tùng khác, đã có của làng sắm ra, gửi ở nhà chùa, dùng ít dùng nhiều tùy-nghĩ hiệu-chủ, duy hai bức công-bổ và đan-triệu, thời trai có trung-tín, gái có trinh-thuận mới được dùng.

Lễ-nhạc đưa đám như kèn, trống, bát-âm. Nhà Nho-học thời theo *Thọ-mai gia-lễ*, mà khâm-liệm và mời bà con đến tế-bái; nhà Phật-giáo thời

mời nhà sư đến tụng kinh, chú-hộ đội cầu Phật; nhà Đạo-giáo thời mời thầy phù-thủy đứng đầu, làm phù bùa yểm đảo; nhà Gia-giáo thời xin lễ tại nhà thờ, mời họ cầu kinh, cũng đều tùy-nghĩ gia-chủ. Song không dám nào được để người chết ở trong nhà đến hơn 3 ngày, thời cũng không hiếu-chủ nào được bày ra cúng tế lâu quá, mà ngày thứ ba ấy, phép nước lại phải đến nhà hộ-tịch, vào sổ khai tử cho người chết. Tang phục, nghi-trượng, tiền chuộc lệ ăn uống, thời phải theo lệ định sau này, mà phải nhân một hàng nước, điểm canh, hoặc làm riêng ra một nhà cháo, để tiếp quan khách và mời viên chúa-tể trong xóm mình đứng thi-hành các lệ, cùng những người giúp việc viên ấy, là lý phó-trưởng dương-thờ. Viên chúa-tể mặc bận thời mời viên thứ-tế sung vào.

Tang-phục, thời theo như *Thọ-mai gia-lễ*, mà may vận là xô gai, chàm, xám, chỉ phải vận lúc làm lễ, lúc đi đưa. Còn thời vẫn được vận đồ cát-phục như thường, chỉ phân-biệt là khăn áo, đều dùng vải thâm, đại-tang thời sờ gấu, hoặc viền gấu. Người vận Ấu-phục thời đại-tang, khiinh-tang, đều đeo thêm một mảnh băng thâm ra ngoài mũ, hoặc ngoài tay áo.

Nghi-trượng đưa đám, thời chia làm năm bậc. Những người lúc sống ngôi hương-âm ngồi ngang nhau, thời lúc chết nghi-trượng được dùng như nhau, hoặc hơn kém nhau một hai bậc.

Đám ma các quan đầu bộ, đầu tỉnh, là bậc nhất, thời nghi-trượng được dùng đủ đôn bát-cống, long-đỉnh, đồ bát-biểu, tàn, tán, lọng vàng, lọng xanh, lọng đen, cờ ngũ-hành, trống cái, chiêng.

Đám ma từ tú-tài, phó-quản, trợ-tá trở lên, là bậc nhì, thời nghi-trượng kém bậc nhất là đôn bát-cống, lọng vàng và tàn, tán.

Đám ma chánh phó-tùng, lý phó-trưởng, chánh phó hương-hội, là bạc ba, thời nghi-trượng kém bạc nhì là long-đình, đồ bát-bửu; song vị nào đã làm chúa-tể từ một xóm hoặc đã ngồi cỗ bỏ-lão, hoặc đã có phẩm-hàm đến chánh-cửu-phẩm, thời được dùng nghi-trượng như bạc nhì.

Đám ma bỏ-lão, thủ-quĩ, thư-ký, địa-bạ, hộ-tịch, là bạc tư, thời nghi-trượng kém bạc ba, là cờ ngũ-hành, chiêng, trống cái. Song vị nào đã có sắc tông-cửu-phẩm, thời được dùng nghi-trượng như bạc ba.

Đám ma hương-lão từ cỗ nhì, quan-viên từ tộc-biểu trở xuống là bạc năm, thời nghi-trượng kém bạc tư, là long xanh. Song vị nào do nghi-định quan Thống-sứ bầu ra, thời được dùng nghi-trượng như bạc tư.

Đám ma vợ cả, vợ kế, thời được dùng nghi-trượng như đám ma chồng, vợ lẽ thời kém chồng một bạc. Cha mẹ lúc sống ngồi kém chỗ con một hai bạc, trong năm bạc đó, thời được dùng nghi-trượng như nghi-trượng đưa đám ma con. Nếu kém đến ngoài năm bạc đó, thời được dùng nghi-trượng như đám ma vợ lẽ của con. Còn những bậc danh-phận hơn con, thời bậc nào đã có nghi-trượng bậc ấy được dùng, đã kể ở trên.

Tiền chuộc lễ ăn uống, thời chia làm 6 hạng: nhất 30 \$ 00, nhì 25 \$ 00, ba 20 \$ 00, tư 15 \$ 00, năm 10 \$ 00, sáu 5 \$ 00. Nghèo nộp ít, giàu nộp nhiều, sau ngày đưa đám năm mươi ngày phải nộp.

Viên chúa-tể, mỗi khi tiếp được lời mời trong xóm có đám ma, phải chiều thì giờ hiếu-chủ định cất đám mà đến nơi, hoặc ủy viên thứ-tế đến thay. Một mặt bảo cho những người đã do hiếu-chủ mời đến đưa đám, đến đình mà lấy những nghi-trượng kê khuất ấy được dùng mà ai lấy thức gì ở đâu, sau phải giao trả người giữ thức ấy như trước; một mặt bảo cho lý phó-trưởng đương-thứ trong xóm, sức cho tuần phiên nón áo gọn-gàng, chia nhau xem xét những nơi đám ma đưa đi qua, nhất là nơi có quan khách, đến thăm viếng hiếu-chủ.

Việc xong, từ viên chúa-tể trở xuống cho đến lý phó-trưởng, đương-thứ đương-thứ, chỉ được cùng quan khách thăm viếng, nhận lời hiếu-chủ hoặc người thay mặt hiếu-chủ, cảm ơn ở một nhà chào, mà hiếu-chủ đã làm ra.

Lễ đưa đám ma, 10 năm hoặc hơn lại tổ-chức lại một lần, lại sao ra bốn bản phụ, giao bốn vị chúa-tể bốn xóm thi-hành.

Đào Đình-Hào



NGHỀ BÁO BÊN ÂU-MÍ (1)

1) Cái địa-vị của tờ báo. — Tờ báo tiếng Anh gọi là « Newspaper » nghĩa là trở về các tờ nhật-báo tuần-báo xuất-bản ra có định kỳ. Tính-chất các tờ báo ấy chỉ cốt là thuật chép lấy thời-sự cho tương; so với các tờ tạp chí tàng-san chuyên luận-thuật về chính-trị học-thuật và công-việc xã-hội, tự-trung có hơi khác. Từ khi bên Âu Mi vật-chất liền hóa mau quá, sự-nghiệp phân-phiền, vậy nên các nhà báo cũng phát-đạt lên mãi đến tuyệt-đỉnh. Luận về chủ quan thì tờ báo đã mi-bị, tài-liệu đã phong-phú, điều gì cũng càng ngày càng thêm hoa-mĩ cho đến cùng-cực. Luận về khách-quan thì xã-hội nhân-dân đã biết cần đến tờ báo, không thể một ngày nào thiếu được. Xét tại sao mà tiến-bộ chóng như thế, là bởi có mấy cái nguyên-nhân: Một là khoa-học phát-minh, nghề máy-móc in hoạt-bản càng ngày càng cải lương khéo thêm ra. Hai là trên thế-giới ngày nay giao-thông tiện-lợi, sự-nghiệp xã-hội càng thêm phát-đạt, tài-liệu về tin tức tân-văn càng thêm nhiều mãi ra. Ba là việc giáo dục đã phổ-thông, nhân-dân càng thêm nhiều người biết chữ, vậy nên tờ báo tiêu thụ càng rộng. Ngoài những lẽ ấy ra lại còn nhờ về tin điện-báo phát-minh nhanh-chóng, nó cũng có quan-hệ đến sự-nghiệp tờ báo nhiều lắm; vì có cái lợi-khí thông-tin ấy, nên cái hiệu-dụng tờ báo lại càng phát-triển thêm ra.

Ngày nay trên xã-hội Âu Mi, hệu-dụng của các tờ báo càng rộng mãi ra, không khác gì như vải lụa, như gạo thóc, là một vật rất cần về đường sinh-

hoạt cho loài người. Các hạng người trong xã-hội không kỳ là giàu sang nghèo hèn, ai ai cũng lấy sự xem báo làm một việc cần trong hằng ngày, không thể một ngày nào thiếu được. Người thức-giả cho làm bởi tại cái công-hiện giáo-dục phổ-cập, nên mới nhiều người biết chữ mà thích xem báo, thì cũng là phải. Nước Tàu gần đây về nghề làm báo cũng có phát-đạt lên dần, tờ báo phát-hành ra tuy cũng có tiêu-thụ rộng hơn trước, song những người mua báo để xem, phần nhiều chỉ mượn tờ báo làm đồ tiêu-khiển, chứ không có việc gì quan-hiết cả; cho cái công-hiệu của tờ báo cũng như cái đồ chơi du-hỷ, không phải là cái phẩm-vật rất cần của xã-hội. Nhưng cái cơ đó k ông phải thuộc về vấn-đề giáo-dục, chỉ cốt tại các tờ báo tự mình làm thế nào cho hay thích-dụng với sự yểu-cầu của xã-hội hay không. Các nước bên Âu Mi thì không thế, đường sinh-hoạt của xã-hội, có cái quan-hệ mật-thiết với tờ báo. Kể như những bậc hơn ra thì như nhà chính-trị cũng mượn tờ báo để phát-biểu chính-kiến, nhà luật-sư cũng mượn tờ báo để buôn bán các vấn-nghiệp, nhà thương-mại cũng mượn tờ báo để dò xét tình hình buôn bán ở nơi thành thị, và để đăng lời quảng-cáo. Những bậc kém ra thì như các nhà hát cũng mượn tờ báo để chiêu khách đến xem, những kẻ lao-động mượn tờ báo để đi tìm công việc các nhà thường cũng mượn tờ báo để xét xem những đồ vật gì rẻ để mà mua. Ấy người ta cần tờ báo đã không lúc nào rời được ra như thế; vậy nên chức-vụ của nhà

(1) Nguyên hán-văn của Dũ-chi trong tập Đông-phương văn-khố.

báo lại càng nặng nề lắm, không những là chỉ chép việc cho tường, nói bán cho thẳng, mà đã hết được cái chức-trách nhà báo đâu. Nói rút lại thì chức-vụ các nhà báo cốt là làm thế nào cho thỏa được những sự nhu-cần của các phương diện trong xã-hội mà thôi. Cái bản-chất của tờ báo tuy rằng phức-tạp như thế, nhưng cứ thông-thường mà nói ra thì có ba điều: Một là làm cái cơ-quan để sưu-tập các tin mới, rồi lại phân-phát đi cho nhanh chóng; hai là làm đại-biểu cho ý-chí cả công-chúng; ba là làm mối-giới cho các nhà công-thương thực-nghiệp giao-thiệp với nhau; vì có ba điều ấy nên cái chức-trách nhà báo rất là trọng-đại vậy.

Xem như cái cách các nhà báo tờ chức gần đây, thì ai cũng phải kinh-di lạ thường, phạm những chốn đó thành lớn trên thế-giới đâu cũng có cái vết-chân của các nhà ký-giả bên Ấu-Mi; các việc thời sự ở các nơi, lớn thì như những việc chính-trị, ngoại-giao bí-mật, nhỏ thì như những việc lật-vật ở chốn thị-tỉnh phố-phường, không việc nào giấu được tai mắt các nhà ký-giả. Đến như cách in các tờ báo mà phát-hành ra lại nhanh chóng lạ thường, xem như những tờ báo lớn bên nước Anh nước Mi mỗi ngày một tờ độ mười cột hay mười hai cột, in ra đến mười lăm mười sáu vạn lời nói, cứ nối liền các tờ báo in ra trong một ngày, dài có đến năm sáu mươi dặm Anh; giấy phẳng ra rộng có đến ba bốn mươi mẩu Anh; càng ngày càng đòi hỏi thêm ra, suốt năm hoạt-động, chưa thấy nhà thực-nghiệp đại-tư-bản nào mà lại có cái qui-mô rộng lớn đến như thế. Còn về phần nội-dung thì thực là làm rộng kiến-vấn cho người ta, sau này sẽ kể ra cách biên-tập và phương pháp phát-hành.

2) Cách sưu-tập tin-tức và cách biên-tập.— Công-dụng của tờ báo cũng

vi như cái tàu; cái tàu thì cốt chở những hàng-hóa ở chỗ này đem đến chỗ khác; tờ báo thì cốt cốp nhặt những tin mới ở nơi này, đem đi báo-cáo các nơi kia. Vậy nên cái việc của các nhà báo trước nhất là đi nhặt lấy những tin ở các nơi, rồi lại đem những tin ấy mà lan rắc ra trong xã-hội. Cái cách đi sưu-tập các tin-tức thực là một chức-vụ trọng-yếu của các nhà báo. Gọi là tin mới phân ra có ba hạng: một là tin ở bản-hạt, hai là tin ở các địa-phương, ba là tin quốc-tế. Cái cách đi sưu-tập những tài-liệu về tin-tức ba nơi trên ấy nó có khác nhau sẽ kể như sau:

Bên Ấu-Mi về nghề làm báo rất là phát-đạt đến tuyệt-đỉnh, đâu những nơi thành ấp ít người ở, mà cũng có tờ báo phát-hành ra; vậy nên tờ báo phát ra thường chỉ hạn ở một địa-hạt mình ở, (song những tờ báo lớn như báo Thái-ngộ-sĩ ở nước Anh, báo Thái-dương ở nước Mi nó có cái giới-trị quốc-tế thì không như thế). Tờ báo ở nơi này ít khi tiêu-thụ đến nơi khác, là vì cái tâm-lý của người xem báo, phần nhiều chỉ chú-ý về việc ở nơi mình, tờ báo cốt là làm cho thỏa cái sự nhu-cần của xã-hội, vậy nên những tờ báo lan-vấn trong bản-hạt chiếm một cái địa-vị rất trọng-yếu trong làng báo bên Ấu Mi. Các tờ báo thông-thường, xã-hội có hoan-ngheh hay không, thì chỉ cốt tại chép được những tin-tức ở trong bản-hạt có được tường thực hay không; bởi vậy cái cách đi nhặt tin-tức trong bản-hạt, lại phức-tạp hơn cái cách đi nhặt tin ở nơi khác. Các tờ báo lớn bên Ấu Mi về những cách đi lấy tin ấy cạnh-tranh nhau rất là kịch-liệt sẽ kể như sau.

Phạm những nơi đó hội đồng đĩo là cái chỗ phát-sinh ra những tin-tức có đến năm sáu mươi nơi; như là nơi thị-chính-sảnh, các tòa thăm-phán, sở cảnh-sát, sở cứu-hỏa, nơi bệnh-viện

công-cộng, ga xe hỏa, nhà giam-ngục, sở khám-nghiệm, v. v., đều là những nơi các người phóng-viên nhà báo lúc nào cũng đến hỏi han biên chép luôn. Những hạng người phóng-viên ấy suốt ngày ra vào những nơi công-sở chỉ chuyên đi dò xét tin-tức mà thôi; còn soạn ra thành cáo thì không phải việc mình, gọi là người thám-phóng (WART-CBER). Người thám-phóng tức là làm tai mắt cho tờ báo mà là cái cơ-quan tin-tức đạt đến trước nhất; những nơi đó-thành ở bên Âu Mỹ người thám-phóng la-liệt như quán cờ, dẫu cái việc nhỏ nhất cũng không giấu được người thám-phóng dò xét, cũng như là tai mắt người ta, vắng nghe tiếng kêu, thoáng thấy bóng sáng, đều nghe thấy cả không sót một điều gì. Người thám-phóng đã dò được tin-tức, thì liền dùng máy nói báo tin về tòa báo; trong tòa báo lắp được tin máy nói, thì đã có người biên chép ra thành cáo, mà sửa sang lời nói cho thành văn. Lại hợp những tin báo cáo của các phóng-viên mà tập thành lại, đó đã hơi đủ cái hình-thức tờ báo. Sau cùng lại do người tuyển-lựa các cáo biên chép tin-tức ấy mà tra xét cho cẩn-thận; nếu bài cáo nào chép chuyện không được đích xác thì bỏ đi, bài cáo nào dài quá cũng san bớt đi, trong lời bài cáo có câu nào chứa êm thì sửa sang lại, rồi đặt ra một câu đầu để làm đề án, mà giao in. Vậy nên trong một tờ báo phát-hành ra, trải qua mấy người phóng-viên đi dò xét, rồi đến người soạn cáo biên chép, lại đến người tuyển-cáo sửa sang, người tuyển-cáo thực là chịu cái trách-nhiệm hoàn toàn, phải nên thăm-thận tra xét công việc rất là năng-nề vậy. Các tờ báo bên Âu Mỹ tuy những việc mới xảy ra trước vài giờ đồng hồ khi tờ báo sắp ra, mà cũng đăng ngay tin-tức lên được rất là kỹ càng, xem thế thì cái cơ-quan vận-động nhanh chóng biết là chừng nào!

Các tờ báo lớn bên Âu Mỹ về các nơi địa-phương trong nước và ngoài nước, nơi nào cũng có người đặc-biệt phóng-viên ở đó để thông tin, nhưng cái chức-vụ không trọng-yếu bằng người phóng-viên đi lấy tin-tức trong bản hạt. Tuy khi nhà Công-cộng thông-lấn-xã sáng-lập ra, thì phạm những tin các nơi ở tin ngoại-quốc, đều nhờ về sở thông-lấn-xã cả, cái cách đi lấy tin-tức lại tiện hơn là phải sai người phóng-viên đi; vì thế cái chức-vụ của người phóng-viên đi lấy tin các nơi và ngoại-quốc, không lấy làm trọng-yếu mấy nữa. Hiện nay các nhà báo lớn cũng có sai phóng-viên đi các nơi rất nhiều, mà nhất là nhà báo Thái-ngộ-sĩ nước Anh; còn như tờ Thần-báo và tờ Mỗi-nhật diệp-báo ở bên nước Anh, thì phạm những nơi đó-lợi đông-đảo đều có đặt một người phóng-viên đặc-phái cả; ngoài ra các báo thì ít khi đặt phóng-viên ở các nơi.

Người ký-giả nhà báo có phép được tùy lúc vào yết-kiến các bậc nhân-vật trọng yếu, để dò xét tin mới, thì cũng có bổ-ích cho tờ báo nhiều; vì rằng tin các phóng-viên báo-cáo về, và tin-tức điện truyền cũng có chỗ không thực đích-xác, chưa chắc đã tin ngay được, vậy nên người ký-giả phải vào yết-kiến đến nơi để diện-chất cái chân-tướng về sự thực. Cái cách vào yết-kiến thực là một chức-vụ rất khó khăn cho nhà ký-giả; vì khi vào yết-kiến, mà cái người mình yết-kiến ấy lại bí-mật không nói thực, hoặc là nói sơ-lược mấy câu, hoặc là nói phiếm-dàm một chuyện, để cho người nghe không biết đâu mà dò; đương khi ấy người ký-giả phải có cái tài linh-diệu mẫn-tiếp khéo lựa mà dò lấy chân-tinh; và trước khi vào yết-kiến phải dự-định cái mục-đích là cần vào diện-chất lấy việc gì; nếu mình không dự-định trước mà cứ vội-vàng vào yết-kiến, thì lắm khi không dò hỏi được điều cốt-lử.

Cái chủ-nghĩa tờ báo là cốt làm cho đón được cái tâm lý người xem, những tin-tức tài liệu gì mà người xem lấy làm hoan-nghênh thì phải cốt chú-ý chăm-chước. Những người biên-tập các tờ báo lớn bên Luân-đôn về cái sự kén chọn tin-tức đã có phép nhất định, nếu trong nội dung bài cáo về tin ấy, mà không có quan-hệ gì đến phần nhiều người xem báo, hoặc là có hai phần trong ba phần người xem báo không ưa thích những tin ấy, thì cái cáo ấy bỏ đi ngay; vậy nên trong tờ báo in ra đều là những bài mới mẻ, tin tức đời-dào, mà có quan-hệ đến sự sinh-hoạt trong xã-hội cả; nếu không thế thì phát-hành ra không được chạy mấy. Cái tài-liệu về tin tức nó phải theo cái linh ưa muốn của người xem báo, vậy nên những việc lớn lao về chính-trị, về pháp-luật, thì thường lắm khi nhà báo không chú ý đến; mà chỉ chăm nhặt lấy những tin đánh nhau bị thương và những tin trộm cắp lừa đảo ở những nơi phường phố xóm làng, thì lại biên-chép đăng lên báo rất tưng-tưng; các việc ấy lại rất là quan-thiết cho những thân-gia người xem báo, mà lại rất là có thú-vị. Bên nước Mỹ cũng vậy, tờ báo bên Mỹ phạm những việc xảy ra ở chốn thành-thị đều rất là nhỏ nhặt, cũng nói phở phang lên để cho động đến người nghe xem. Khi nào có sự nhân-mạng phát-sinh ra, thôi thì chép ra dài đến mấy bài, tường-thuật không sót tí gì cả; còn đến như sự lớn-lao về chính-trị thì chỉ lo-thơ chép mấy hàng chữ mà thôi. Còn những tin mới lạ khác mà hay đâu người xem phải chú ý đến, thì chỉ có việc chiến-tranh. Các nhà báo bên Âu Mỹ, gặp khi có chiến-tranh thì tất là sai người đặc-phái phóng-viên đến nơi chiến-địa, để chép lấy mọi việc, có phần trọng-yếu hơn các tin khác. Đương lúc chiến-tranh phần nhiều người phải chú ý đến tờ báo, nên các tờ báo tiêu-thụ thêm nhiều; đến sau ít

lâu rồi cũng nhạt nhẽo quên đi dần, Cái nghề làm báo cũng có cái tinh-chất đầu-cơ, vậy nên khi đi chép lấy tin tức, cạnh-tranh nhau kịch liệt phú-thường. Nhớ năm xưa bên nước Anh nhà đại-học: Ngưu-tân với nhà đại học Kiêm-kiều, có cuộc bơi đua. Khi bơi đua người xem như kiến, hai bên thẳng pho khi gết lên băng rồi, thì các nhà báo tranh nhau chép lấy tin đăng lên báo cho nhanh chóng lên trước. Khi ấy có một nhà báo xưa nay tiêu thụ ít lắm, mới nghĩ ra một cách trước khi đua bơi in ra hai hạng báo: một hạng báo tin là nhà đại-học Kiêm-kiều được ưu-thắng, một hạng báo tin là nhà đại-học Ngưu-tân được ưu-thắng, đến khi cuộc đua vừa xong thì tờ báo ấy lập tức phát-hành ra báo tin địch là một bên nào ưu-thắng; người xem ai cũng kinh-ngạc là tờ báo in rất chóng, được trước hết các báo, nhưng không biết rằng tờ báo ấy đã sắp đặt in ra từ trước vậy.

3) Tờ-chức ra các thông-tin-xã. — Nghề làm báo bên Âu Mỹ đã phát-dạt lên rồi các nhà báo lớn mới mưu cái cách sưu-tập tin tức cho liên-lợi, và làm lợi-ích cho đường doanh-nghiệp, mới hợp các báo lại cùng góp nhặt lấy tin gọi là công-cộng tân-văn-xã. Công-cộng tân-văn-xã nơi nào cũng có đặt ra người đặc-phái phóng-viên để lấy tin tức ở các nơi để đưa về các nhà báo. Cái cách ấy cũng như là một cửa hàng tư-bản lớn, ở các nơi lập ra một sở thông-tin lớn-lao mà phát-thụ cho các nhà báo. Cứ theo cách ấy thì các nhà báo đỡ bớt phóng-viên, và được tỉnh-phí, liên-lợi không phải là ít. Hiện nay những nơi công-cộng tân-văn-xã rất lớn ở trên thế-giới, thì nhất là Liên-hợp báo-xã (Association Press) bên nước Mỹ, và Báo-chỉ-công-hội (Press Association) bên nước Anh, Liên-hợp-báo-xã bên nước Mỹ sáng-lập từ năm 1850. Khi ấy điện-báo trên bề

Hai-lây-dương chưa được thông-lãnh, các tờ báo bên Mi muốn truyền tin tức bên Âu, phải nhờ về tàu thủy; các nhà báo lại cạnh-tranh nhau, nên kết-quả về sự thông tin phí-liền rất lớn; có ảnh-hưởng thiệt-hại về đường, doanh-nghiệp; bởi vậy các nhà báo ở Nữ-ước, biết sự cạnh-tranh là hại, mới liên-kết với nhau mà lập ra Liên-hợp báo-xã; sở Liên-hợp báo-xã sai phóng-viên sang Âu-châu dò lấy tin tức mới mà báo-cáo về, báo-xã ấy nhận được tin mới thì lập tức thông tin cho các nhà báo; những tiền phí-dụng trong báo xã ấy thì do các nhà báo phải chia nhau mà chịu; từ đấy các nhà báo mới bớt cái sự cạnh-tranh về đi lấy tin tức, mà cũng bớt được kinh-phí đi nhiều. Lúc mới sáng-lập ra báo-xã ấy thì chỉ có mấy nhà báo ở Nữ-ước; đến sau các nhà báo các nơi mới theo nhau dự vào; nay các nhà báo bên Mi dự vào Liên-hợp báo-xã kể có bảy trăm nhà, thực là một đoàn-thể báo-chỉ liên-hợp rất lớn trên thế giới vậy. Cái chức-vụ của Liên-hợp báo-xã bên Mi có ba điều: Một là sưu-tập lấy tin-tức như là sai phóng-viên đi các nơi điện truyền tin tức về. Hai là giao-hoán tin tức, nhà báo nào đã dự vào báo-xã, nếu có tin tức riêng thì cũng đều phải đưa đến báo-xã, lại do báo-xã ấy thông báo cho các nhà khác mà lấy giá rất rẻ, để thu lấy cái lợi-ích giao-hoán lẫn cho nhau. Ba là mua lấy tin tức, như là Lộ-thấu-xã có được tin tức gì thì Liên-hợp báo-xã mua lấy, mà chuyển lổng đi các nhà báo có dự vào báo-xã. Song, báo xã ấy phạm-vi tuy rằng lớn-lao, nhưng là do một phần các nhà báo tổ-chức nên, chứ không phải là cái cơ-quan công-cộng; nếu nhà báo nào mà muốn dự vào báo-xã ấy thì phải do các nhà báo trong báo-xã ấy ưng cho mới được, nếu không thì không được dự vào, xem như tờ báo Thái-dương ở bên Nữ-ước, bị

phải tờ báo Thế-giới ở Nữ-ước công-kích mà không được dự vào Liên-hợp báo-xã, bắt-đắc dĩ phải lập ra một Tân-van-xã để chống lại thì biết. Nhà Báo-chỉ-công-hội ở bên nước Anh, lập ra từ năm 1865, là bởi các nhà báo trong nội địa liên-hợp lại mà tổ-chức nên. Lúc mới sáng-lập thì tình-chất nó khác ngày nay, khi ấy các sở điện-báo bên nước Anh chưa thu về là của nhà nước, trong nước có ba sở điện-báo công-ti rất lớn, phạm những tin điện-báo thông tin cho các nhà báo, không do ba nhà điện-báo ấy thì không truyền-đạt được; bởi vậy các công-ti điện-báo tư-gia ấy, mới chiếm lấy cái lợi báo tin cho các báo, các nhà báo phải chịu khốn đốn phí-liền lắm, nên các nhà báo mới liên-hợp nhau lại mà lập ra một sở điện-báo công-ti chỉ để truyền-đạt những tin tức cho các nhà báo, cho khỏi phải sự bó buộc của ba nhà điện-báo tư-gia kia; về sau khuếch-sung ra dần, cố mưu cái cách tiện-lợi thông tin cho các nhà báo; năm 1868, các sở điện-báo nước Anh đã thu về quyền quốc-hữu, bởi vậy cái sở điện-báo công-ti của các nhà báo liên-hợp sáng-lập ra kia mới đổi ra làm điện-báo thông-tin-xã, tức là Báo-chỉ-công-hội vậy. Cái thế-lực của nhà Báo-chỉ-công-hội bên nước Anh cũng giống cái thế-lực của nhà Liên-hợp báo-xã ở bên nước Mi; duy nhà Liên-hợp báo-xã hạn-chế những người dự vào rất nghiêm; bên nước Anh thì không thế, những tờ báo phát-hành ở trong nước, ngoài thành Luân-đôn ra, không kỳ là nhà báo cũ báo mới, đều được tùy-thời mà dự vào Báo-chỉ-công-hội cả, chứ không có hạn-chế. Đó cũng là một cái đặc-sắc Báo-chỉ-công-hội bên nước Anh.

Lộ-thấu-điện-xã (Reuter) là một sở thông-tin trứ danh trên thế-giới, liếng lăm khắp đi các nơi, ai cũng biết cả. Điện-xã ấy khi mới sáng-lập chỉ là một

nhà điện-báo công-ti, phạm-vi nhỏ-hẹp; về sau khếch-trương dần ra, mới thịnh đến ngày nay. Đương khi năm 1849 người Hức tên là Lộ-thấu-nam-tước (BARON JULIUS DE REUTER) mới sáng-lập ra nhà Lộ-thấu điện-báo-xã, chỉ cốt là lấy điện-báo để truyền tin tức về việc quốc-tế. Lúc mới sáng-lập ra thì chỉ ở đất Ai-khắc-lai-tước-ti-nhĩ (Aix-la-Chapelle) và thành Bách-lâm bên nước Phô; đến năm 1851, mới lập một tổng-cục ở thành Luân-đôn; đến năm 1865 thành ra một sở Quốc-tế điện-báo-xã của bốn nước: Anh, Đức, Pháp, Mĩ; năm 1875 mới đổi làm Hữu-hạn điện-báo công-ti. Về sau sự-nghiệp càng ngày càng khếch-trương, sai phóng-viên đi các nơi trên thế-giới để phát-thụ những tin tức cho các nhà báo các nước, dẫu nơi thành-thị xa lánh, nơi nào cũng có phóng-viên của Lộ-thấu-xã, đó là một sở doanh-nghiệp của tư-gia tở-chức nên, mà sau mới biến thành ra một sở Thông-tin-xã lớn lao của quốc-tế mà có cái tinh-chất một nửa là công. Ngày nay cái cơ-quan của Lộ-thấu-xã khắp cả trên thế-giới, chẳng như mạng nhện, hình như làm tai mắt chung cho cả loài người, có bồ ich cho nghề-nghiệp các nhà báo không sao kể xiết. Hồi Âu-châu đại-chiến-tranh khi mới rồi, tin tức các nơi không được nhanh chóng, về việc báo tin chiến-sự chỉ nhờ về Lộ-thấu-xã thông-tin cho, người đời ai cũng biết cả, thành công rất là rõ rệt.

Ngoài Liên-hợp-báo-xã, Báo-chỉ-công-hội, Lộ-thấu-thông-tin-xã ba nhà ấy ra, còn những thông-tin-xã do công-cộng tở-chức nên không kể xiết được. Kể những nhà thông-tin lớn thì như nhà Trung-ương tân-văn-xã bên nước Mĩ và Lạp-phân tân-văn-xã do Thái-dương báo ở Nữu-ước lập ra, đều là những nhà Liên-hợp báo-xã lớn-lao; lại có mấy nhà cạnh-tranh với Báo-chỉ-công-hội nước Anh là sở giao-hoán

điện-báo công-ti và Tân-văn-xã ở Luân-đôn. Nhà Tân-văn-xã ở Luân-đôn lúc mới sáng-lập lên chỉ do mấy người văn-nhân tở-chức, sau khếch-trương dần ra, nay rất có thế-lực ở bên nước Anh.

Những nhà thông-tin-xã kể trên kia, chức-vụ là cốt sưu-tập và phân-phát những tin-tức lớn-lao về việc chính-trị, việc ngoại-giao, việc xã-hội. Ngoài ra lại còn nhiều nhà thông-tin-xã chuyên-môn nữa; như là chuyên đi dò xét nhật lấy những tin-tức về việc buôn-bán ở các nơi đô-thị, thì có Thương-nghiệp điện-báo xã; chuyên nhật lấy những tin về phái lao-động ở các nơi thì có Lao-động thông-tin-xã; chuyên nhật lấy những tin về việc đua-chơi du-hí, thì có Du-hí tân-văn-xã. Những nhà chuyên-môn thông-tin như thế cũng nhiều. Lại còn các nơi cơ-quan thay hộ các nhà báo và tạp-chí đi sưu-tập lấy những tranh ảnh kẻ ra cũng nhiều. Những nơi cơ-quan ấy đã chuyên phái người đi chỉ chụp lấy những ảnh thời-sự ở các nơi, để phân-phát bán cho các nhà báo. Những tranh-ảnh trong các tạp-chỉ bên Âu Mĩ, thường vẫn có một cái địa-vị trọng-yếu; phỏng như sự-biến gì vừa mới xảy ra hôm nay, mà tờ báo xuất-bản sớm hôm sau, đã thấy đầy ra những tranh ảnh mới chụp; vì sao mà được có cái công-hiệu ấy, là nhờ có những cơ-quan công-cộng tở-chức ra cực kỳ nhanh chóng vậy.

Các nơi thông-tin của các nhà báo bên Âu Mĩ tở-chức rất là hoàn-bị, ai cũng phải khen. Lớn thì như là cách tở-chức ra nhà Lộ-thấu-xã đã kể ở trên; nhỏ thì đến những nhà làm bài văn du-hí tiêu-thuyết để đăng ở cuối tờ báo, cũng đều có lập ra xã biên-lập công-cộng, để làm ra những thư văn ấy bán cho các nhà báo. Lại như trong nước Anh có mấy nhà báo hằng ngày chỉ biên-lập lấy những việc lớn lao về chính-trị ngoại-giao, in ra nhiều bản

để bán cho các nhà báo trong nước ; cái cách biên-tập rất là hoàn-mĩ, dấu số dòng số chữ cũng theo như cách thức tờ báo mà sắp định sẵn, không phải thay đổi mấy. Những nhà báo ở trong nước chú-trọng không ở về những việc chính-trị ngoại-giao lớn, vậy nên chỉ mua những bài đã biên tập sẵn, rồi cứ theo thể mu in ra, không phải tốn công sửa đổi, thì tiện-lợi biết chừng nào ! Tóm lại, sự-rghiệp các nhà báo khi mới phát-đạt, phần nhiều hay cạnh-tranh nhau mà không biết liên-hợp ; đến khi đã phát-đạt rồi, mới biết rằng các nhà đồng-nghiệp liên-kết với nhau thì có thể bớt được sự phi-tồn ; bởi thế các nhà báo bên Âu Mĩ ngày nay mới liên-hợp với nhau.

4) Nghề làm báo. — Làm báo cũng là một nghề doanh-nghiệp, phải xét xem đường liêu-thụ rộng hay hẹp, và nhận được quảng-cáo nhiều hay ít mới đoán định được. Nói về đường liêu-thụ thì các tờ báo khá chia làm hai hạng : Một là hạng tờ báo phổ-thông, cách liêu-thụ phải cho phổ-cập cả nhân-dân, vậy nên biên chép thuật chuyện chỉ cốt thông-tục, tài-liệu chỉ cầu thiên-cận, mục-đích là cốt làm thế nào cho gọi được hứng-thú quần chúng thích xem. Hai là hạng tờ báo chuyên-môn, như là Chính-đảng cơ-quan báo, và những tờ báo chỉ chuyên trọng về học-thuật và công-thương thực-nghiệp, hoặc là chủ-trương riêng về một điều gì. Những tờ báo chuyên môn ấy, tuy không hay phổ-cập cả nhân-dân, nhưng một phần người cũng lấy làm quan-hệ mật-thiết, đều thích mua cả. Tức như là báo Tinh-kỳ ở nước Đức là một thứ báo chỉ nói về việc học máy móc ; có nhiều những bài báo-cáo chuyên-môn về cơ-giới-học, chỉ có ít số người tinh về máy móc xem mới hiểu được ; thế mà bán ra cũng được hơn hai vạn tờ ; đó là bởi tại nước Đức về cách học máy móc rất là phát-đạt, trong nước những cơ-

giới-học-hội, cơ-giới chuyên-gia, và những người nước ngoài đến nước Đức học về máy móc, đều thích mua thứ báo ấy cả, cho nên tiêu thụ được rộng vậy. Đến như những tờ báo phổ-thông, phát-thụ được nhiều hay ít là có quan-hệ với khi xuất-bản chóng hay chậm. Những các tờ báo về buổi sớm (Thần-báo) thường khi cứ mặt trời mọc lên là phát-hành rồi ; những tờ báo bán ra các nơi, thì thường khi nửa đêm đã xuất-bản, đã có xe thuê riêng đem tổng-đạt đi. Lại như tờ Mỗi-nhật tán-vân và Bưu-báo ở bên Luân-đôn, thì ở các tỉnh đều có phân-quán in ra mà phát-hành ; những tin tức trọng-yếu phần nhiều cũng giống như tờ báo xuất-bản ở thành Luân-đôn ; nhưng mà ghi chép những tin ở các tỉnh lại có phần tường-tế hơn ; làm như thế thì nhà báo cũng phi-tồn lắm ; nhưng, vì cách doanh-nghiệp muốn làm cho rộng ra thì phải làm như thế.

Gần đây người Âu Mĩ cái trình-độ sinh-hoạt càng ngày càng cao, vật-giá thêm đắt, duy giá tờ báo vẫn rẻ. Năm 1631, tờ Ba-lê-báo (GAZETTE DE PARIS) xuất-bản ở nước Pháp, mỗi tờ chỉ có 6 centimes (hai phân rưỡi bạc Tàu, khi ấy đã cho là giá rất rẻ. Nhưng tờ báo ấy chỉ độ một trang nhỏ, tin tức tài-liệu cũng không khác gì những tờ báo kia mấy. Về sau cách ấn-loại và khoa-học máy móc càng ngày càng phát-đạt, giá giấy rất rẻ, tài-liệu tờ báo lại khuếch-sung thêm ra, tin tức lại nhanh chóng hơn trước, mà giá bán lại càng rẻ. Về cuối thế-kỷ mười bảy, bên nước Anh có tờ báo bán chỉ nửa centime. Sau này điện-báo phát-minh, nghề làm báo lại càng nhanh chóng hơn trước. Về hồi thế-kỷ mười chín, sự-nghiệp công-thương phát-đạt, vật-giá dâng-dũng, thế mà ảnh-hưởng cũng không lây đến tờ báo ; vả lại nội-dung tờ báo ngày nay có phần phong-phú hơn và trăm năm trước nhiều lắm, mà

giá bán cũng không khác gì khi xưa. Từ năm 1855 trở về sau, báo nước Anh ngoài tờ báo Thái-ngộ-sĩ ra, thông thường các báo vẫn bán mỗi tờ là một centime; giá bán như thế lnh về tiền giấy, tiền công sắp chữ, tiền in cũng không đủ; thế mà các nhà báo vẫn đứng được không sao cả, vì rằng cái giá tiền bán báo trực-tiếp lấy của người mua xem tuy rằng số ít, mà gián-tiếp được lời các số lại gấp hai hơn thế. Cái cách gián-tiếp được lời là bởi lẽ gì? Chỉ trông về tiền đăng quảng-cáo mà thôi.

Món tiền quảng-cáo là một mớ. đại-lớn thu vào của các nhà báo. Các nhà buôn đăng quảng-cáo lên tờ báo, để giới-thiệu cho người xem, cái tiền phí đăng quảng-cáo ấy lại lấy về các khách mua hàng; không khác gì là nhà báo gián-tiếp mà lấy tiền của những người mua báo. Nhà thống-kế đã nói rằng Âu Mi những người hằng năm tốn về tiền đăng quảng-cáo, tính ra đến sáu vạn vạn bảng. Những tiền đăng quảng-cáo ấy các nhà báo và các nhà tạp-chi mỗi năm thu vào được nửa phần, cũng là một số to vậy. Trong nước Anh có những nhà báo nhà tạp-chi, mỗi năm thu được tiền quảng-cáo ước đến bốn năm nghìn vạn bảng; các nước bên Trung-Âu nhà báo thu tiền quảng-cáo cũng ngang bằng số ấy; bên Bắc-Mĩ thì gấp đến bốn lần; một số tiền to ấy đều là người xem báo phải chia nhận, mà lại do các nhà buôn gián-tiếp trả lại cho nhà báo.

Trên này thuật về nghề làm báo phát-đạt là bởi tại cái kết-quả về máy móc và nghề ấn-loát nó phát-đạt lên; cái cách in ra tờ báo cũng lắm cách lạ-lùng; các báo bên Âu Mi đều dùng thứ

chữ chì mới, mỗi ngày sắp đến một trăm vạn chữ văn cái, là một điều lạ. Số tờ báo tiêu-thụ rất nhiều, những giấy mỗi buổi sáng in ra nổi dài lại đến năm sáu mươi dặm, là hai điều lạ. Tờ báo từ lúc biên-tập, lúc sắp chữ in cho đến lúc phát-hành, chỉ độ sáu bảy giờ đồng-hồ, mà chỉ do sức và mười người làm thành ra, là ba điều lạ. Được những sự lạ lùng ấy đều là bởi cái hiệu-quả về khoa-học phát-minh vậy.

II

1) Thống-kế các tờ báo bên Âu Mi. — Tờ báo bên Âu-châu phát-hành ra trước tự La-mã. Từ hồi 691 trước kỷ-nguyên, người La-mã mới làm ra một thứ báo gọi là Mỗi-nhật kỷ-văn, chỉ chuyên thuật những chuyện chiến-tranh đi sẵn, nước ngập lửa cháy và những việc đien-lẽ về tôn-giáo, cũng hơi giống như tờ Kinh-báo của nước Tàu khi xưa. Đời gần đây mới phát-hành ra một thứ báo lên là Tát-tắc-thái ở bên nước Ý, sáng lập ra từ năm 1536. Tát-tắc-thái là một thứ tiền nhỏ (cũng như centime) giá báo chỉ bán độ một tát-tắc-thái. Về sau này nghề ấn-loát càng ngày càng cải-lương, nghề làm báo cũng càng ngày càng phát-đạt; đến nay phạm-vi các tờ báo lại càng khuếch-sung thêm ra, thành là một lợi-khí văn-minh, khác với tờ báo đản-giản về thuở xưa vậy.

Cứ theo sách Bách-khoa-toàn-thư chép rằng năm 1900, cả toàn thế giới phát-hành tờ báo có đến ba vạn một nghìn linh hai mươi sáu thứ báo. Những các thứ báo phát-hành ở bên Âu Mi là bao nhiêu số sẽ liệt biểu như sau:

Tên nước	Số các thứ báo	Tên nước	Số các thứ báo
Anh	2.902	Đức	3.278
Pháp	2.400	Áo	564
Nga	280	Ý	251
Thụy-sĩ	600	Li-li-thi	290

Hà-lan	312
Đan-mạch	145
Lư-xâm-bảo	12
Bồ-đào-nha	79
La-mã-ni-á	47
Bảo-gia-lị-á	15
Thổ-nhĩ-kỳ	22
Gia-nã-đại	742
Nam-Mĩ cộng-hòa	340

Thụy-điền	213
Na-uy	132
Tây-ban-nha	338
Hy-lạp	47
Tắc-nhĩ-đuy-á	24
Môn-đức-nội-kha-la	2
Mĩ	15.904
Trung-tây Ấn-độ	129

Xem biểu trên này thì nghề báo nước Mĩ rất là phát-đạt, các thứ báo phát-hành ra chiếm đến phần nửa cả toàn thế-giới; rồi thứ hai đến nước Đức nước Anh nước Pháp, phát-hành các thứ báo cũng đến hai ba nghìn thứ; còn các nước khác thì không mấy nước được đến hàng nghìn thứ báo. Ngoài các nước Âu Mĩ ra, ở Ấn-độ phát-hành các thứ báo rất nhiều linh ra cũng được sáu trăm thứ; nước Nhật cũng có một trăm năm mươi thứ báo; nước Tàu độ bốn mươi thứ; còn như những đất thuộc-địa ở bên Phi-châu Úc-châu, cũng có phát-hành ra được nhiều thứ báo, nhưng đều là kiều-dân Âu Mĩ tổ-chức ra cả. Sau này sẽ kể sự-nghiệp các nhà báo bên Âu Mĩ như sau.

2) Sự-nghiệp nghề báo bên nước Anh.— Thành Luân-đôn là một nơi trung-tâm báo-giới nước Anh, cũng là một nơi trung-tâm báo-giới cả toàn thế-giới. Phạm những công việc quốc-tế và những sự-biến phát-sinh ra ở các nước, tự tờ báo Luân-đôn đăng báo lên, thì đủ làm cho cả thế-giới chú ý; trụ-trung đứng đầu báo-giới cả toàn thế-giới thì nhất là báo Thái-ngộ-sĩ.

Báo Thái-ngộ-sĩ sáng-lập từ năm 1785 tự người Anh là Hoa-nhĩ-đức sáng-lập lên đặt tên là Vũ-trụ nhật-san, phát-hành được ba năm, sau đổi tên là Thái-ngộ-sĩ. Khi ấy nước Anh đồng nhà vua là Tị-thoát (Pitt) chuyên quyền, thi-hành chính-trị chuyên-chế báo Thái-ngộ-sĩ hết sức công-kích, hài-xích chính-phủ; bởi thế mới được hài lòng cả

bọn xã-hội trung-đẳng; nhưng Hoa-thái-đức vì thế mà phải bọn cầm-quyền ghen ghét, bị giam và phải bị phạt tiền mấy lần. Đương khi ấy các tờ báo nước Anh có đăng những tin ngoại-quốc, đều do chính-phủ lấy tin đưa cho; duy báo Thái-ngộ-sĩ tự mình lập lấy cơ-quan trực-tiếp nhận lấy tin tức nước ngoài, cho nên tin tức rất chóng. Đến năm 1803. Hoa-thái-đức nhường cho con là Ước-hàn Hoa-thái-đức kế làm chủ-nhiệm nghiệp báo. Khi ấy là một tờ báo lớn đệ-nhất thế-giới, mà số tiêu-thụ chỉ độ một nghìn mà thôi. Hoa-nhĩ-đức về sau mất năm 1812, con là Ước-hàn cũng có tài cán giỏi mới kinh-doanh làm cho tờ báo Thái-ngộ-sĩ được thịnh đến ngày nay, phần nhiều là nhờ về sức của Ước-hàn. Từ khi Ước-hàn chủ-nhiệm việc báo, hết sức khuếch-trương doanh-nghiệp về việc báo của mình, cách biên-tập, cách ấn-loát đều cải-lương cả, đến năm 1814 mới bắt đầu dùng máy hơi nước để in báo, mỗi một giờ in ra được một nghìn hai trăm tờ (khi ấy dùng máy in báo chỉ có một nhà báo Thái-ngộ-sĩ mà thôi). Lại đặt thêm phóng-viên ở các nơi. Trận đại-chiến toạt-thiết-lư nhà báo Thái-ngộ-sĩ sai Lạc-tân-sinh (Henry Crabb Robinson) làm phóng-viên ở nơi chiến-địa, nhà báo mà sai phóng-viên đến lấy tin ở chiến-địa là bắt đầu từ đó. Vì thế báo Thái-ngộ-sĩ mới tiêu-thụ nhiều thêm lên, năm 1834 phát-hành đến một vạn tờ; năm 1847 phát-hành đến bốn vạn tờ; đến khi

trận chiến-tranh ở Khắc-lý-mê-á thì tờ báo phát hành đến năm vạn một nghìn tờ, Năm 1852, tướng-quân Huê-linh-thôn mất, báo Thái-ngộ-sĩ ra ngày 19 tháng một có đăng truyện Huê-linh-thôn bán đất đến bảy vạn tờ, xưa nay chưa có như thế bao giờ; khi ấy chính-phủ nước Anh xét nét về tờ báo rất nghiêm, trước kia mỗi tờ báo phải dán tem 4 centimes, sau mới giảm xuống 1 centime, đối-đầu với nhà ngôn-luận rất là nghiêm ngặt. (Đến năm 1855 mới bỏ cái luật ấy đi). Các tờ báo Anh bị phải nghiêm-ngặt áp chế nên đường liêu-thụ cũng kém bớt đi, duy tờ báo Thái-ngộ-sĩ vẫn càng ngày càng tăng-tới, thành ra một tờ báo lớn nhất nước Anh. Những người chủ-bút biên-tập đều là bậc danh-nhân khi ấy, phóng-viên khắp cả hoàn-cầu. Cuối thế-kỷ thứ 19, thế-lực thực-dân của nước Anh, lan rộng ra khắp năm châu, báo Thái-ngộ-sĩ cũng theo cái thế-lực nước Anh mà khuếch trương ra, ngôn-luận báo ấy người khắp hoàn-cầu ai cũng chú-mục. Nay mà nói đến một tay cự-phách trong báo-giới hoàn cầu ai cũng phải khen đến báo Thái-ngộ-sĩ. Xét xem cái cơ thành-công là bởi tại kinh-doanh trong hàng hơn trăm năm, công lao rất là khó-rhoc. Người khai-sáng ra báo Thái-ngộ-sĩ là Hoa-thái-đức ở về cái đời quỉ-tộc chuyên-chế mà hay cầm cán viết nói thẳng không sợ gì búa rìu, làm đại-biểu cho dư-luận bọn trung-dãng giai cấp; vậy nên hay dựng nên công-nghiệp không phải kẻ tầm thường vì được; vì rằng ngôn-luận của Hoa-nhĩ-đức, đến cứ-tình hợp lẽ, thống-trách những kẻ cầm quyền làm sai mất đường chính-trị, mà lời nói nghiêm-chính khác với những kẻ khích-liệt chỉ chuyên thóc mách công-kích những việc riêng; bởi thế mới bị phải chính-phủ sợ hãi. Ngày nay báo Thái-ngộ-sĩ đối với chính-phủ nước Anh đứng về cái địa-vị giám-đốc, thế-lực hoàn-toàn có

thế chuyên lay được các quan lo cầm quyền trong triều; sở-di có được cái uy-quyền ấy là nhờ về Hoa-nhĩ-đức khi xưa lấy cái nghị-lực và nhiệt-huyết cố tranh mãi mới được, chứ không phải là ngẫu-nhiên vậy.

Ngoài báo Thái-ngộ-sĩ ra ở thành Luân-đôn báo buổi sáng cũng còn một vài tờ báo có thế-lực, như là Mỗi-nhật điện-báo (Daily Télégraph), Ti-đán-đạt-đặc (Standard) và Thần-báo (Morning Post). Báo Ti-đán-đạt-đặc với Thần-báo đều là tờ báo cơ-quan của đảng bảo-thủ; ở về trên lịch-sử thì Thần-báo lại là kinh-địch với báo Thái-ngộ-sĩ. Lại còn như Mỗi-nhật bưu-báo (Daily Mail), Mỗi-nhật tân-văn (Daily News), Mỗi-nhật kỷ-lự: (Daily Chronicle) đều là những báo rẻ tiền. Duy tờ Mỗi-nhật bưu-báo tiêu-thụ lại nhiều hơn, mỗi ngày phát-hành được đến trăm vạn tờ. Mỗi-nhật tân-văn thì là tờ báo cơ-quan của đảng Tự-do, là một nhà trừ-danh tiêu-thuyết tên là Khước-nhĩ-li-địch-côn-tư (Charles Dickens) sáng-lập ra.

Hiện nay những tờ báo buổi chiều ở thành Luân-đôn khi mới phát-hành là tờ Địa-cầu báo (Globe) sáng-lập ra năm 1803. Nhưng tình người thành Luân-đôn thích xem báo buổi sớm đã thành thói quen, vậy nên báo buổi chiều không tiêu-thụ được mấy. Song gần đây có tờ báo Văn-gian-tân-văn (Evening News) và tờ Tinh-báo (Star) đều là báo buổi chiều mà cũng được thành-công bán ra chẳng phải là ít. Còn những các tờ báo buổi sớm buổi chiều trừ-danh cũng nhiều nhưng không hề được. Thành Luân-đôn lại có ba thứ đồ-họa nhật-báo. Còn đồ-họa tuần-báo thì cũng nhiều, mà bán ra cũng rộng lắm.

Ngoài thành Luân-đôn ra, báo nước Anh chỉ có báo Tô-cách-lan-nhân (Scotsman) ở đất Tô-cách-lan là có thế-

lực mà trừ-danh hơn cả, tiêu-thụ đến sáu bảy mươi vạn tờ. Ngoài ra như báo *Mạn-gia-tư-đức-giám-thủ-giả* (Manchester Guardian) và *Bá-minh-hãn nhật-báo* (Birmingham) cũng có tiếng lẫm. Lại như *Lợi-vật-phổ-nhật báo* (Liverpool Daily Post) là tờ báo cơ-quan của đảng tự-do, xuất-hiện ra cũng đã lâu. Còn những báo cơ-quan của các công-đảng ở bên nước Anh cũng rất nhiều; nước Anh vốn là nước công-đảng phát-đạt, nên tiêu-thụ báo cũng không phải là ít. Lại còn báo *Mỗi-nhật-kính* (Daily Mirror) là tờ báo của phụ-nữ phái-hành trước nhất ở bên nước Anh, sáng-lập từ năm 1903, tài-liệu phần nhiều chú ý về phương-diện phụ-nữ.

3) Sự-nghiệp nghề báo bên nước Pháp.— Nghề báo bên nước Pháp là đạo quân liên-khu cho các nước Âu-châu. Năm 1631 đã có tờ *Pháp-lan-tây báo* (Gazette de France) phát-hành ra ở thành Paris được vua Pháp *Lô-dịch XIII* bảo-hộ cho, và có soạn bài cho đồng báo. Sau đến năm 1789, bên nước Pháp mới manh-nha cuộc chính-trị nghị-hội, có xuất-hiện ra tờ *Nghị-chính báo* (Journal des Débats) bàn-luận về chính-trị cũng có giá-trị. Năm 1815, vua *Nã-pha-luân* lên ngôi, phá bỏ nghị-hội chính-trị, tờ báo *Nghị-chính* mới đổi tên là *Đế-quốc-báo* (Journal de L'Empire). Sau khi cách-mệnh rồi, ngôn-luận tự-do, các tờ báo phát-hành ra rất nhiều, thực là khơi ngòi trước cho báo-giới bên Âu-châu vậy.

Ngày nay các nơi đô-hội bên Âu-châu không kể thành *Bách-lâm*, ui cũng phải cho thành Paris là ra báo rất nhiều. Nghề báo ở Paris tuy là phát-đạt, nhưng phần nhiều nghèo-khốn không hay tự-lập được, phải nhờ về người chu-cấp; nên rồi thành ra tờ báo của một tư-nhân hay là làm cơ-quan cho một chính-đảng nào; ít

thấy được tờ báo nào hay có cái giá-trị trung-lập bất-ỷ. Lại nhất là ở bên Pháp những tờ báo có thể lực mà được nhiều người xen., không phải là báo buổi sớm mà lại là hai thứ báo buổi chiều: một là tờ *Thời-báo* (Temps), hai là tờ *Nghị-chính-báo*. Hai tờ báo buổi chiều ấy tiêu-thụ rất nhiều, đều là tờ báo thuộc về phái đôn-kiên đảng cộng-hòa. Còn như báo buổi sáng mà thuộc về phái cộng-hòa thì có năm thứ, mà trừ-danh nhất là tờ báo *Phi gia-la* (Figaro). Thuộc về đảng xã-hội cấp tiến cũng có bốn thứ báo; thuộc về đảng *Bảo-thủ* có ba thứ báo. Báo buổi sớm không kể tờ *Phi-gia-la*, còn thì thường giá độ năm centimes. Ngoài thành Paris ra, các nơi trong nước Pháp cũng còn có nhiều tờ báo, nhưng phạm-vi còn hẹp nhỏ, không kể ra làm chi nữa.

4) Sự-nghiệp nghề báo bên nước Đức.— Ở thành *Bách-lâm* bên nước Đức phát-hành các tờ báo nhiều nhất, hơn hết cả các nước Âu-châu. Không kỳ là doán-thề chính-đảng nào, ở thành *Bách-lâm* đều có mấy thứ báo cơ-quan; tụ-trung tiêu-thụ nhiều nhất là *Bách-lâm nhật-báo* (Berliner Tageblatt) là một tờ báo cơ-quan của đảng Ôn-hòa tự-do; lại còn tờ báo *Lạc-cóch-áo-tễ-giai* (Lokal Anzeiger) là một tờ báo thương nghiệp mà đăng quảng-cao rất nhiều; ngoài ra những đảng bảo-thủ, đảng tự-do, đảng xã-hội, đều có mấy thứ báo cơ-quan, mà tiêu-thụ cũng nhiều; còn như *Ma lập báo* (Morgen Post) là tờ báo cơ-quan của đảng dân-chủ giá bán rất rẻ, mà tiêu-thụ cũng nhiều. Những tờ báo ở *Bách-lâm* thường dùng hai thứ chữ đề in; như những bài tiêu-thuyết, bài văn-nguyên nào cao-thượng thì in bằng bản-thẻ chữ Đức; còn những bài quảng cáo về tin buồn bán thì in bằng thẻ chữ *La-mã*; đó là thói quen như vậy, chẳng biết lợi có sao. Những tờ báo của nước Đức

thì hẹp nhỏ lắm, chỉ đăng những tin tức và bài bình-luận thì đã hết cả toàn trang rồi. Còn những bài chép về việc văn-học, khoa-học, thì lại in thêm ra vài tờ phụ-trương; mỗi một tờ phụ-trương chuyên chép một việc từ đầu đến cuối. Còn những tờ báo in thêm ra về ngày chủ nhật cũng nhiều, chép đầy ra những bài kiệt tác của danh-nhân học-sĩ không phải vì như những bài chỉ quen lối nói theo. Nếu mà mua được một tờ báo in thêm ngày chủ nhật ấy thì có thể cũng như là một quyển tùng-thư không thiếu gì cả. Ở bên Mỹ những tờ báo in thêm về ngày chủ-nhật có đến năm sáu mươi trang lớn; nào là tin tức, bức vẽ, bức ảnh, làm ly đầy trượng, nhưng tìm lấy một bài văn có giá-trị thì không được mấy; so với tờ báo Đức thì khác hẳn.

Ngoài thành Béc-lin, còn những nơi liên-bang trong nước Đức phát-hành ra cũng còn vài thứ báo mà truyền-bá cũng rộng, như là tờ báo Phát-lan-phúc-đức-tân-văn (Frankfurter Zeitung), và Cờ-ni-tư-khắc-tân-văn (Kolnische Zeitung) bán ra ngoại-quốc cũng nhiều.

5) Sự-nghiệp nghề báo các nước Ý, Áo, Nga. - Các nhà báo bên nước Ý phần nhiều túng thiếu, không mấy nhà hay độc-lập được; duy có hai tờ báo lớn là Il Secolo và La Corriere della Sera phát-hành ở đất Mễ-lan là có thể-lực. Ở La-mã cũng có nhiều thứ báo, nhưng không bằng hai thứ báo ở trên.

Bên nước Áo có tờ báo tên là Neue Freie Presse thực là chiếm một địa-vị trọng-yếu ở bên Âu-châu; vì tờ báo ấy chép những việc kinh-tế của người Do-thái rất là quan-hệ. Ngoài ra ở thành Duy-dã-lạp cũng có nhiều nhà báo to. Ở Hung gia-li có tờ báo to nhất là Pesther Lloyd.

Người nước Nga tư-tướng rất là phát-đạt, nhưng khi trước còn đời quân-chủ chuyên-chế, thường hay cấm

đoán ngôn-luận, nên nghề làm báo tiên-bộ rất chậm. Từ khi cách-mệnh rồi biến-đổi cũng nhiều, nhưng chưa xét được tương.

Còn như nước Thụy-sĩ, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, Ba-nhĩ-cán, và các nước bên Âu-châu về nghề làm báo, còn là bậc hậu-tiến cả; duy có một nước Thụy-sĩ là phát-đạt hơn.

6) Sự-nghiệp nghề báo bên nước Mỹ. - Nước Mỹ là một dân-tộc tự-do trên thế-giới, cho nên cơ-quan ngôn-luận phát-đạt hơn cả các nước. Các tờ báo xuất-bản ra rất nhiều, mà bài bác cạnh-tranh nhau cũng dữ. Lấy nghề làm báo làm một nghề doanh-nghiệp cạnh-tranh, nên nhiều khi không tiếc gì bỏ ra món tiền to để cầu làm cho tờ báo được cải-lương tiến-bộ. Vậy nên nghề làm báo phi có đại-tư-bản thì không hay duy-trì được lâu. Noy ở thành Nữu-ước tờ lớn nhất về đảng Cộng-báo hờn là tờ báo Hi-lạp-nhĩ-đức (Herald), về đảng Dân-chủ là tờ Thế-giới-báo (World; còn như những tờ báo Nữu-ước Á-mi-li gia (New York American) Thoát-li-bản (Tribune), Thái-ngộ-sĩ (Times) Thái-dương-báo (Sun), đều là những tờ báo to cả; nhưng tờ báo Thái-dương có cái thanh-vọng trác-trừ hơn. Còn như các tờ báo buổi chiều thì có tờ Nữu-ước văn-báo (New York Evening Post) là trứ-danh hơn cả.

Ngoài thành Nữu-ước ra các nơi bên nước Mỹ nhà báo lập ra như rừng; cũng nhiều nhà trứ-danh không kể hết được, như là ở Ba-si đốn, Hoa-thịnh-đốn, Chi-gia-kha, Gia-lợi-phúc-ni, đều là nơi các báo rất phát-đạt. Đại-khái tờ báo nước Mỹ chỉ đón cái lòng hiếu-đại hi-công của quốc-dân mà phổ-phang ra nhiều việc khoe khoang. Nói đến cách ấn-loát, cách biên-tập, cách phát-hành thì tờ-chức rất hoản-loàn hơn cả các nước; còn đến như các tờ Tuần-báo, Họa-báo, Phụ-nhân-báo, và các tờ báo chuyên-môn phát-hành cũng nhiều, các

nước không thể kịp được. Nói về tờ báo chuyên môn về việc cơ-giới thì tờ báo *Thiết-thời-dại* (Iron Age) ở nước Mĩ ra đã lâu năm, mà tiêu-thụ khắp các nước trên thế-giới. Lại còn tờ báo về một tinh-kỳ tên là *Á-mĩ-lị-gia cơ-*

giới gia (American Machinist) có đặt ra ba sở báo ở các thành Nữ-uớc, Luân-dôn, Bắch-lâm, ba nơi đồng-thời cùng xuất-bản; qui-mô rất là rộng-lớn lắm!

HỒNG-CHAU dịch

VIỆT-NAM ĐỊA-DU NGŨ NGÔN THI

越南地輿五言詩

Quyền thượng

Tựa

Địa-cầu budi giao-thiếp,
Năm châu hết hõn-dồng;
Trái qua muòn dậm đất,
Địa-dư học cho thông.
Thiêu-diểu hời cạnh-tranh,
Bốn bề cùng liên-hợp;
Đi suốt bốn phương trời,
Địa-dư học cần lắm.
Địa-dư học thế nào?
Cho thu được ký-quan;
Trước địa-dư tở-quốc,
Sau địa-dư doanh-hoàn.
Ta là người Nam-quốc,
Sinh-trưởng ở Nam-phương;
Địa-dư của tở-quốc,
Trước phải nện am-tường.

TIẾT THỨ I

Cương-vực

Đường-dương nước Nam ta,
Thiên-thư đã định phận;
Ở dưới vị Đầu Ngưu,
Đối ngang hàng Dực Chấn.
Hoàng-hoàng nước Việt ta,
Địa-cầu nổi tiếng lâu;
Tây Ai-lao đông biển,
Nam Xiêm-la bắc Tàu.

Trước kia là mặt bể,
Sau bồi nên bình-nguyên;
Đất thành đất vạn-cỏ,
Nước thành nước thiên-niên.
Xét trong địa-dư đồ,
Đề-phong cả bốn mặt;
Mạn nam bắc thì dài,
Chiều đông tây thì ngắn.
Bốn nghìn tám trăm năm,
Quốc-vận vẫn lâu bền;
Ba trăm nghìn phương-lý,
Cảnh-thò há nhỏ-nhen.
Bờ cõi của tở-quốc,
Đã hơi biết đại-lược;
Trái xem các lịch triều,
Dựng gậy tên hiệu nước.

TIẾT THỨ II

Quốc-hiệu

Ach-hùng tạo thời-thế,
Đầu tiên phải chính-danh;
Kiến-quốc lập danh hiệu,
Rồi sau vạn-sự thành.
Nước ta dựng đã lâu,
Lịch-triều gọi khác nhau;
Huy-chương theo tự trước,
Hiền-biện rệ! về sau.
Xưng hiệu là Xích-qui,
Nguyên tự đức Kinh-dương;

Xung hiệu là Văn-lang,
Khởi tự đức Hùng-vương.

Sinh-sắc hiệu Vạn-xuân,
Tự vua Lý-đế Phần ;
Phong-lưu hiệu Nam-Tấn,
Tự vua Ngô Xương-Văn.

Đinh xưng Đại-cồ-việt,
Quốc-hiệu đã phi-dương ;
Lý Lê xưng Đại-Việt,
Quốc-hiệu càng trưng-hoàng.

Gia-long hiệu Nam-Việt,
Minh-mệnh xưng Đại-Nam ;
Muốn viết cả tiền-cổ,
Và hơn cả cận-kim.

Xung hiệu là An-Nam,
Nguyên tự người Chi-na ;
Chẳng qua bên đế-quốc,
Chí muốn yên nước nhà...

Khuyên ai yêu nước tổ,
Quốc-hiệu nghĩ sao đây ?
Văn-minh so nước Bắc,
Cường-thịnh sánh phương Tây.

Thiết-tưởng gọi « Hùng-Việt »,
Hay gọi là « Thái-Nam » ;
Đề tiếng hùng muôn thuở,
Mong vạn thái nghìn năm.

Quốc-hiệu các lịch-dại,
Đã hơi biết qua qua ;
Muốn ngắm nơi đô-hội,
Tìm hỏi dấu Kinh-hoa.

TIẾT THỨ III

Quốc-đô

Nhìn kỹ chốn kinh-hoa,
Càng nhìn càng lý-thù ;
Kẻ gọi làm đế-đô,
Người tôn làm thiên-phủ.

Trăm quan đều hội họp,
Muôn họ hết tuân theo ;
Vấn-vật đâu hơn đó,
Thôn quê dễ sánh nào.

Lịch-triều ta đóng đô,
Thường thường cũng đổi thay ;
Tuy rằng khuôn đất chuyền,
Cũng bởi cuộc trời xoay.

Hùng-vương đóng Phong-châu,
Tức là nơi Bạch-hạc ;
Trung-vương đóng Mi-linh,
Tức là đất An-lãng.

Tiền-Lý đóng Long-biên,
Nghiep để mới mở-mang ;
Tiền-Ngô đóng Cồ-loa,
Nền vương dân vững-vàng.

Tháng-cảnh đất Trường-an,
Đình Lê cùng định vị ;
Vượng-khi thành Thăng-long,
Lý Trần Lê kế-trị.

Tây-sơn đóng Đồ-bàn,
Anh-hùng thuở tam-phân ;
Hoàng Nguyễn đóng Thuận-hóa,
Hùng-oai dậy tứ-lân.

Đại-địa còn nhiều nữa,
Hoàng-thiên vẫn dè dánh ;
Phong-hội dần dần mở,
Trị-bình đợi thánh-minh.

Nghìn thu gương nhật nguyệt,
Muôn thuở vẽ sơn-xuyên ;
Thái-bình như gặp-gỡ,
Xin hiến vạn-niên-thư.

Nhìn xem chốn kinh-đô,
Đã được biết thắng-tích ;
Suy rộng khắp xưa nay,
Xét xem chốn khu-hoạch.

TIẾT THỨ IV

Khu-hoạch

Vạch đất định dân-cư,
Thay trời lập địa-vị ;
Nhân tiện lối sơn-xuyên,
Vạch làm khu chính-trị.

Xét lịch-dại nước ta,
Phân-hoạch chốn cương-vực

Dài ngắn đã không cùng,
Kinh-lý xem cũng khác.

Chia làm nước năm bộ.
Khởi tự đức Hùng-vương ;
Phân ra làm mười đạo,
Khởi tự vua Đinh-hoàng.

Lê đời lộ, phủ, châu,
Lý chia hai-bốn lộ ;
Danh-hiệu chép Địa-dư,
Đến nay vẫn còn rõ.

Trần-hợp mười-hai lộ,
Lê đặt mười ba tuyên ;
Danh-hiệu chép địa-dư,
Đến nay vẫn lưu-truyền.

Hoàng Nguyễn nay khai-sáng,
Mở-mang khắp bốn bề ;
Hơn cả triều Trần Lý,
Vượt cả thuở Đinh Lê.

Tây giáp nước Ai-lao,
Đông gần Trung-quốc-hải ;
Nam đến tỉnh Hà-tiên,
Bắc cực trấn Tuyên Thái.

Phân-dịnh làm ba kỳ,
Thiết-lập ra các tỉnh ;
Lớn nhỏ cùng giữ-giàng,
Quy-mô rất tề-chỉnh.

Trung-ương một chính-phủ,
Tả hữu hai Trực-kỳ ;
Trong Nam là Nam-kỳ,
Ngoài Bắc là Bắc-kỳ.

Địa-bạt xứ Trung-kỳ,
Lưng núi mà mặt bể ;
Chia mười-bốn tỉnh đạo,
Đều có quan phân-lý.

Thanh-hóa và Nghệ-an,
Quảng-bình và Quảng-trị ;
Hà-tĩnh và Thừa-thiên,
Quảng-nam và Quảng-nghĩa.

Bình-dịnh và Bình-thuận,
Khánh-hòa và Phú-an ;
Hai đạo mới tăng-thiết,
Ninh-thuận và Lâm-viên.

Địa-phương xứ Nam-kỳ,
Gọi là miền Tây-cống ;
Chia làm hai-mươi tỉnh,
Pháp-quan đều quân-thống.

Sóc-trang với Bắc-liêu,
Bến-tre với Trà-vinh ;
Gò-công với Mĩ-tho,
Tân-an với Tây-ninh.

Vĩnh-long với Sa-déc,
Châu-dốc với Long-xuyên ;
Gia-dịnh với Chợ lớn,
Rạch-giã với Hà-tiên.

Thủ-dầu-một, Cần-thơ,
Biên-hòa với Ba-riá ;
Triều vua Tự-đức xưa,
Nhượng Tây làm Thuộc-địa.

Địa-phương xứ Bắc-kỳ,
Pháp-quan đều bảo hộ ;
Chia làm hai-bốn tỉnh,
Hai đạo hai thành-phố.

Hà-dông cùng Hà-nam,
Ninh-bình cùng Thái-bình ;
Hưng-yên cùng Kiến-an,
Bắc-kạn cùng Bắc-ninh.

Hải-ninh cùng Quảng-yên,
Sơn-tây cùng Phú-thọ ;
Cao bằng cùng Lạng-sơn,
Tuyên-quang cùng Vạn-mô.

Hải-dương cùng Nam-dịnh,
Phúc-yên cùng Vĩnh-yên ;
Hòa-bình cùng Yên-báy,
Bắc-giang cùng Thái-nguyên.

Lão-nhai (Lao-kay) cùng Hà-giang,
Xung-yên chốn Thượng-du ;
Quyền-chính hai đạo ấy,
Quan binh đều nhận thu.

Hà-nội cùng Hải-phòng,
Biệt làm nơi thành-phố ;
Chủ-quyền thành-phố ấy,
Độc-lý đều quân-cổ.

Ba kỳ ấy hợp lại,
Non nước vốn không xa ;

Ở khoảng sông Cửu-long,
Và khoảng sông Nhị-hà.

Hai sông rót xuống bề,
Bồi thành hai bình-nguyên ;
Dân-cư và cây cấy,
Cỏ hoa tốt bại ngàn.

Duyên bình-nguyên Cửu-long,
Ở miền nam bản-quốc ;
Ấy là xứ Nam-kỳ,
Nguyên là Lục-lĩnh trước.

Duyên bình-nguyên Nhị-hà,
Đối ngàn bề Đông-kinh ;
Ấy là xứ Bắc-kỳ,
Nguyên xưa là Bắc-thành.

Trung-lâm-diềm hai kỳ,
Quanh-co dài một dải ;
Phía tây giáp sơn-lâm,
Phía đông gần đại-hải.

Tức là đất Trung-kỳ,
Là Trung-ương chính-phủ ;
Núi Bình và sông Hương,
Giang-sơn nguyên co chủ.

Người thương vì đất ta,
Hình-thế rõ như vách ;
Trung-kỳ một đôn ngang,
Bắc Nam hai thúng gánh.

Nhũ khuyển người tở-quốc,
Hết sức cùng lo toan ;
Ghé vai và kẻ cõ,
Gánh vác lấy giang-san.

Nay thiết ngỗ đất ta,
Hình-thế cũng lạ cách ;
Giương tựa rồng góc đầu,
Ruổi tựa phượng giơ cánh.

Nhũ khuyển người tở-quốc,
Giùm cánh mà liền vây ;
Gặp thời theo ngọn gió,
Tựa-thế bỗng lên mây.

Khu-hoạch nơi hành-chính,
Cũng đã biết phân-minh ;
Hình-tử trong thổ-địa,
Cũng phải biết cho tinh.

TIẾT THƠ V

Hình-thế

Ba kỳ Trung, Nam Bắc,
Cương-vực đã liền nhau ;
Lại xét xem địa-thế,
Đất-cát cũng không đều.

Nơi cao nơi chũng thấp,
Chỗ tốt chỗ xấu-xa ;
Phong đèm mà kẻ tính,
Đại-lược chia làm ba.

Một là đất sơn cước,
Tức là đất Thượng-du ;
Ở xứ Trung Bắc-kỳ,
Núi rừng đứng nhấp-nhò.

Hai là đất bình-nguyên,
Tức là đất Trung-châu ;
Ở khoảng sông Mi Nhị,
Cấy lúa trồng hoa-mần.

Ba là đất cao-nguyên,
Cao tới linh nghìn thước ;
Ở địa-hạt Trung-kỳ,
Mắt trông nghìn dặm được.

Hình-thế trong ba kỳ,
Đại-lược đã như thế ;
Núi sông trong ba kỳ,
Bày ra rõ như vẽ.

TIẾT THƠ VI

Danh-sơn

Đất đã bồi tích mãi,
Đột lên thành núi non ;
Làm xương sống đất nước,
Nghìn thu vẫn chẳng mòn.

Chép theo Địa-dư-chí,
Cử đề núi hữu-danh ;
Dọc ngang tờ giấy trắng,
Tá vẽ bóng non sông.

Núi non nước Nam ta,
Chơm-chờm liền một dải ;
Xét nguyên phát-mạch ra,
Đầu tự Văn-nam lại.

Một dãy Hải-vân đứng,
Thiên-hiềm chốn Xuân-kinh ;

Một dải Hoành-sơn chạy,
 Hùng trấn Nam Bắc thành.
 Ngũ-hành như mây gấm,
 Đá gương tỉnh Quảng-bình ;
 Ngự-bình như màn dù,
 Tiền-án chốn hoàng-kinh.
 Chín-chín đèo Hồng-lĩnh,
 Trong có động Hương-sơn ;
 Chồng chồng núi Tam-diệp,
 Giữa có lối trùng-quan.
 Ngũ-hành phò vẻ đẹp,
 Thuộc về tỉnh Quảng-nam ;
 Nhác trông như mãnh-lũ,
 Tựa-nương góc núi năm.
 Thần-qui rất u-ảo,
 Thuộc về tỉnh Biên-hòa ;
 Cõi tựa dáng thần-qui,
 Đợi thư ra sông Hà .
 Tót-vót núi Tản-viên,
 Trọng trấn ở Sơn-lây ;
 Cao kê dư muôn trượng,
 Tán đủ rợp tầng mây .
 Cao cao non Yên-tử,
 Núi tổ miề Hải-dông ;
 Mới khoáng đầu canh năm,
 Đã thấy tỏ vàng hồng.
 Tam-đảo ba trái đứng,
 Trấn-thành tỉnh Thái-nguyên.
 Trời thu lên ngoạn-thường,
 Chẳng khác thú dăng-tiên.
 Đờ-sơn chín trái đứng,
 Cảnh thú tỉnh Quảng-yên ;
 Trời hè ra hứng mát,
 Chẳng kém thú Đào-nguyên.
 Hương-sơn chín-chín núi,
 Đệ nhất động trời-nam ;
 Trúc mai mùi sực-nức,
 Ghi dấu phật Quan âm.
 Linh-sơn muôn vạn trái,
 Vạn-mã ngựa triều thiên ;
 Cây rung văng-vẳng gió
 Ghi dấu Đờng-phi-tiên.
 Sái-sơn phong-cảnh đẹp,
 Vui vẻ hội ngày xuân ;

Dấu xưa Từ Đạo-Hạnh,
 Ngấn đá vẫn còn vân .
 Dục-sơn sơn-thủy lối,
 Vui-thú hội ngày thu ;
 Dấu xưa Trần Hưng-đạo,
 Hương lửa vẫn thơm-tho.

Danh-sơn trong bản-quốc,
 Đã hơi biết qua qua ;
 Suy ra cho thêm rộng,
 Xét đến cả giang-hà .

TIẾT THỨ VII

Giang-hà

Nguồn suối dùn-dùn lên,
 Chảy thành ra sông bề ;
 Làm huyết-mạch đất nước,
 Muốn thuở không bao cạn.

Chép theo địa-dư-dồ,
 Cử đề sông có tiếng ;
 Vùng-vẫy giữa ao nghiên,
 Vẽ ra dòng nước biếc

Sông biển nước Nam ta,
 Phân chi và biệt phái ;
 Xét nguyên phát-mạch ra,
 Đều tự Tây-tạng lại.

Sông Hương trong suốt đáy,
 Thuộc về phủ Thừa-thiên ;
 Học quanh thành Thuận-hóa,
 Chảy xuống bề Thuận-an,

Sông Lam dòng nước biếc,
 Tức gọi là sông Cả ;
 Nguyên danh gọi Long-xuyên,
 Dòng to trong xứ Nghệ.

Dòng dòng sông Mã chảy,
 Lớn hơn sông Lam-giang ;
 Thuộc về tỉnh Thanh-hóa,
 Đi qua các mỏ vàng.

Cuồn-cuồn sông Lương chảy,
 Là dòng lớn châu Thang ;
 So với dòng sông Mã,
 Thủy-thế cũng mệnh-mang.

Quảng-nghĩa có Trà-khúc,
 Sông này chín khúc quanh ;

Nông-xa nhờ tiện-lợi,
Thương-thuyền được thông-hành.

Quảng-bình có sông Linh,
Hai sông rót xuống bề ;
Thủy-thể rất mỏng-mênh,
Sóng cồn cũng vỗ mạnh.

Cửu-long trong Lục-lĩnh,
Hình « cửu-long tranh-châu » ;
Sông lớn nhất bản-quốc,
Có tiếng ở hoàn-cầu.

Phúc-long trong Gia-định,
Tức là sông Đồng-nai ;
Suối trong và lại ngọt,
Có tiếng ở trong đời.

Vĩnh-long có Tiền-giang,
Dòng nước ngọt chùng nào ;
Hoa màu nhờ nhuận thấm,
Tốt đẹp kể nhường bao.

Lại còn có Hậu-giang,
Xem ra cũng lắm màu ;
Điền-hòa tốt vô-số,
Ngư-lợi kể nhường bao.

Sông lớn nhất Bắc-kỳ,
Thứ nhì nước Nam ta ;
Sắc nước hồng-hồng đỏ,
Ấy là sông Nhị-hà.

Sông thứ nhì Bắc-kỳ,
Chảy ra bề Đông-kinh ;
Sắc nước xanh-xanh biếc,
Ấy là sông Thái-bình.

Thượng-du sông Nhị-hà,
Đà đục mà Thao trong ;
Hạ-lưu sông Nhị-hà,
Luộc biếc mà Vị hồng.

Thượng-lưu sông Thái-bình,
Sáu đầu châu hợp lại ;
Hạ-lưu sông Thái-bình,
Năm ngành sông đều chảy.

Các sông lớn nước ta,
Đã được biết nguyên-mạch ;
Suy xét cho rộng ra,
Xem công-việc đê-chính.

TIẾT THỨ VIII.

Đê-chính

Giang-hà ngày chảy xuống,
Nên phải thuận dòng sông ;
Đê-bồi năm ngàn đắp,
Thành ra chỉ luống công.

Nước ta có đê-chính,
Lý Trần khởi-vi-thủy ;
Lý đắp đê Cơ-xá,
Trần đắp đê Đĩnh-nhĩ.

Tự Trần cho đến Lê,
Đều đặt quan phòng-hộ ;
Tu-trúc kẻ nhiều phen,
Phá-hoại bao nhiêu độ.

Trải đến triều Gia-long,
Đê-thức cả sửa định ;
Lớn nhỏ cùng giữ-giàng,
Qui-mô thực chấn-chỉnh.

Nay có quan Bảo-hộ,
Đê-thức càng phân-minh ;
Quát sa lấy đất sét,
Đâm-chủ rất công-trình.

Kể từ trước đến nay,
Bao người bàn đê-chính ;
Hưu-đê và trúc-đê,
Bời-bời không nhất-định.

Nghị-luận nhà trúc-đê,
Cũng muốn cầu hạnh-phúc ;
Rằng đời hết tệ-phong,
Đại hưng-công kiến-trúc.

Cựu-đê đắp tăng bồi,
Cứ bề đào rộng sâu ;
Tốn nhọc có một bận,
Yên vững được dài lâu.

Hà-bá dù có tiếng,
Cũng không làm họa-hại ;
Dân xứ Bắc-kỳ ta,
May ra nhờ tiện-lợi.

Nghị-luận nhà hưu-đê,
Cũng muốn cầu lợi-ích ;
Rằng bãi hết việc đê,
Thì trừ được tệ-chính.

Xây thêm các cầu cống,
Khai tạc các ngòi sông ;
Đề không đâu ách-tắc,
Đề mọi chốn giao-thông.

Ba-thần dù có giỏi,
Cũng chẳng làm nguy tai ;
Dân xứ Bắc-kỳ ta,
May ra khỏi thiệt-thời.

Ôi lời bàn trúc-dê,
Thực chưa phải vậy thay ;
Nhân-lực được là mấy,
Tranh sao được với trời.

Ôi lời bàn hươu-dê,
Cũng gần gần đúng lẽ ;
Thuận dòng nước chảy thông,
Đề cho xuôi xuống bể.

Tôi lạm nghĩ việc dê,
Hươu-dê là rất phải ;
Dấy được bao ích-lời,
Trừ được bao tổn-hại.

Ai nay tài Hạ-Vũ,
Khai-tạc quản gì công ;
Trăm sông cho thuận tính,
Xuôi dòng tới bể Đông.

Trăm họ yên tường nhận,
Muốn phương tỉnh sông hồng ;
Trông sông nhớ công-đức,
Muốn thuở khói hương chung.

Sông dê mọi lẽ đó,
Đã lược biết cao-thâm ;
Xét xem các suối vực,
Và các xứ hồ đầm.

TIẾT THỨ IX

Suối vực hồ ao

Bốn mùa không bao cạn,
Suối đáy thường trong veo ;
Tức là suối vực đó,
Tới xem đất hiêm-nghèo

Bốn bên đều đất cạn,
Nước tích chũng thành vũng ;
Tức là hồ đầm đó,
Thường đọng ít khi thông.

Nước ta ở Á-Nam,
Thủy-thế nhiều giai-thú ;
Suối vực chẳng nơi không,
Hồ đầm đâu cũng có.

Suối Vũ-môn Thanh-hóa,
Cá lên đó hóa rồng ;
Suối Giải-oan Yên-tử,
Gậy trời lên ngược dòng.

Hương-sơn suối Long-tuyền,
Rồng phun màu ngọt quá ;
Gia-định suối Qui-sơn,
Rùa nhả màu trong quá.

Vực Yên-sinh Lệ-trạch,
Linh-dị kẻ vô-chứng ;
Chuông khánh khi mây tối,
Trống còi buổi sáng trăng.

Vực Hà-châu Thái-nguyên,
Thăm-thẳm kẻ vô-tận ;
Thủy-cơ chưa dễ cùng,
Địa-lôi khôn dễ bắn.

Bắc-kạn hồ Ba-bê,
Hình giống tựa liên-châu ;
Hà-thành hồ Hoàn-kiếm,
Vằng-vặc chiếu sao Ngưu.

Hồ Tây chim ngói ngon,
Tiếng lừng hai-bốn tỉnh ;
Hồ Hải cá Sấu lạnh,
Tiếng vang trong Bình-định.

Hồ Non tỉnh Nghệ-an,
Vạn mẫu cùng liên-tiếp ;
Hồ Bạch tỉnh Bình-thuận,
Hai bờ đứng bích lập.

Hồ Nguyệt tỉnh Hưng-yên,
Bóng trắng soi cang tỏ ;
Hồ Bích đất Hà-thành,
Bóng dương soi cang rõ.

Hưng-hóa sáu đầm lớn,
Giao-long nổi lặn nhiều ;
Hà-tiên ba đầm rộng,
Qui-ngư kẻ xiết bao.

Đầm Sét cá rô béo,
Tiếng lằm khắp mọi nơi ;
Đầm Hạc cá chim tốt,
Có tiếng ở trong đời.

Quảng-ngãi có đầm sen,
Mùi hoa thơm bát-ngát ;
Quảng-bình có đầm Kê,
Vàng trắng soi sáng-suốt.

Đầm Linh huyện Thanh-tri,
Gương nga soi sáng-sủa ;
Đầm Nhiệt đất Phù-ni,
Cá tôm đều sắc đỏ.

Suối vực và hồ đầm,
Đại-lược đã được biết ;
Suy ra cho rộng sâu,
Xét xem các hải-khẩu.

TIẾT THƯ X

Hải-khẩu, hải-loan

Trăm sông đều hội-hợp,
Muôn phái hết triều-tôn ;
Nhỏ gọi là hải-khẩu,
Lớn gọi là hải-loan.

Nước ta phía đông-nam,
Bề vòng quanh bọc lại ;
Một trăm bốn-ba sở,
Đều gọi đông-nam-hải.

Nghê-an cửa Hội-thống,
Quảng-bình cửa Nhật-lệ ;
Quảng-nam cửa Đà-năng,
Bình-định cửa Thi-nại.

Thuận-an và Tư-dung,
Đều thuộc Phú-xuân-kinh ;
Trà-lý và Ba-lạt,
Đều thuộc tỉnh Thái-bình.

Hải-phòng cửa Cẩm-hải,
Nam-định cửa Quần-liêu ;
Kiến-an cửa Đồng-triệu,
Gia-định cửa Cần-giờ.

Hiện nay người Tây-nam,
Đều mở làm phụ-đầu ;
Trên bờ lập thương-phố,
Dưới bến đỗ thương-tàu.

Hải-ngạn Trung Nam Bắc,
Đường bề rất tênh-tênh ;
Hơn hai nghìn cây-số,
Hàng-lộ hết thông-hành.

Một là Đông-kinh-loan,
Là vịnh Bắc-kỳ ta ;
Theo đường hải-loan ấy,
Đông tới vịnh Chi-na.

Hai là Xiêm-la-loan,
Là vịnh Nam-kỳ ta ;
Theo lối hải-loan ấy,
Tây tới sang Lãng-sa.

Hiện nay người Đông Tây,
Đi lại đều không ngại ;
Kẻ tỏ lối xuất-dương,
Người thông đường hàng-hải.

Đã biết cả hải-loan,
Lại tường cả hải-khẩu ;
Nên suy-xét thiên-thời,
Đề cho biết khí-hậu.

TIẾT THƯ XI

Khi-hậu

Nước ta gọi viêm-phương,
Vi ở gần nhiệt-đới ;
Non Bắc chạy dài sang,
Bề Nam quanh bọc lại.

Thường có gió đổi thay,
Bốn mùa xoay chuyển khác ;
Xuân hạ luồng đông-nam,
Thu đông cơn tây-bắc.

Khi-hậu trong ba-kỳ,
Cũng hơi có phân-biệt ;
Bắc-kỳ khí điều-hòa,
Trung thấp Nam-kỳ nhiệt.

Gió mưa tùy thí-nghiệm,
Nóng lạnh vẫn suy xem ;
Đã có phong-vũ-biêu,
Và có hàn-thử-châm.

Có lúc gặp cơn dông,
Hay khi nổi gió bão ;
Thiên-văn-dải thông truyền,
Hải-trung-điện dự-báo.

Khi-hậu trong ba kỳ,
Đã hơi biết đại-khái ;
Phải nên suy rộng ra,
Đề xét xem tộc-loại.

TIẾT THỨ XII
 Chung-tộc

Giống ta giống da vàng,
 Nguyên từ ở Tàu sang ;
 Đựng nên tông-tổ-quốc,
 Gây thành phụ-mẫu-bang.
 Phát-sinh từ phận núi,
 Di-thực ở dòng sông ;
 Một đàng ở Nhị-hà,
 Một đàng ở Cửu-long.
 Nảy nở và sinh-sôi,
 Thành dân-tộc Nam-Việt ;
 Gốc rễ ngày sâu bền,
 Cành nhánh ngày cao lớn.
 Xét đương khi truyền giống,
 Hợp cùng Giao-chỉ ta ;
 Chỗ Hồng vừa nảy lá,
 Mầm Lạc đơm màu hoa.
 Trước khởi đức Kinh-dương,
 Vụ-tiên cùng kết nguyên ;
 Thứ đến Lạc-long-quân,
 Âu-cơ cùng giao-duyên.
 Trăm trai sinh sản ra,
 Chia ở khắp non biển ;
 Châu kê có nghìn muôn,
 Chắt hàng dư ức vạn.
 Trải qua đời Tần Hán,
 Cho đến thuở Tùy Đường ;
 Sĩ-phu tránh nạn lại,
 Quan-lại nổi chân sang.
 Ngày sinh đầy đất nước,
 Năm lâu thành quê làng ;
 Có họ làm nho-sĩ,
 Có họ làm hào-cường.
 Có họ làm sĩ-hoạn,
 Có họ làm đế-vương ;
 Có họ làm qui-tộc,
 Có họ làm dân thường.
 Nông, công và thương-cò,
 Muôn phái kẻ dưng bao ;
 Binh y và tiều-mục,
 Muôn chi kẻ cũng nhiều.
 Như ở đời nhà Tần,
 Năm-mươi vạn sang thú ;

Như ở đời nhà Hán,
 Chín quận cho phân trú.
 Như Sĩ-Nhiếp đời Hán,
 Sang dạy dân văn-tự ;
 Như Đổ-Viên đời Tấn,
 Sang làm quan Thứ-sử.
 Như Lý Bi Thái-bình,
 Chống Lương khai nghiệp đế ;
 Như Trần Thừa Túc-mặc,
 Thay Lý nổi thiên-vị.
 Ba nghìn người đời Minh,
 Lại ở nơi Đông-phố ;
 Cùng những người Đường-nhà
 Khắp đâu đâu cũng có.
 Tồn-liên đền ở Bắc,
 Con cháu sang ở Nam ;
 Nhà thành nhà vạn cò,
 Họ thành họ nghìn năm.
 Tròn trán và vuông chân,
 Đúc lại lò thiên-diễn ;
 Dạng hiệp và hóa-sinh,
 Thành ra người giống Việt.
 Di-dân Giao-chỉ xưa,
 Phải cường-quyền nén lăm ;
 Phần di ở núi cao,
 Phần nấu vào rừng râm.
 Bộ lạc ngày sinh-sôi,
 Còn bốn-mươi-năm giống ;
 Hoặc gọi là Thổ-nhân,
 Hoặc gọi là Man-tục.
 Còn trung-khu các tỉnh,
 Và sở-tại thôn-dân ;
 Chiếm ở phần đa-số,
 Thuần là giống Hoa-nhân.
 Vào bậc giới vũ-công,
 Với người tài văn-học ;
 Nổi tiếng ở xưa nay,
 Đều là dòng Hoa-tộc.
 Xem dân-số ngày nay,
 Ước hai-mươi triệu lẻ ;
 Sau này tiến-hóa lên,
 Không biết đâu mà kê.
 Ôi người sinh có giống,
 Cùng giống khí-huyết thân ;

Cũng như cây có giống,
Một giống cành nhánh phân.

Ta là giống Nam-quốc,
Sinh-trưởng ở Nam-phương ;
Sự giữ giống phải nghĩ :
Người cùng giống phải thương.

Giống ta cùng một bọc,
Từ đức Lạc-long-quân ;
Khác đời và khác hội,
Cùng giống vẫn cùng thân.

Giới-hạn có Nam Bắc,
Thân sơ không Việt Tần ;
Giống hay ta mừng rỡ,
Giống hèn ta bán-khoản.

Coi nhau như đồng-bào,
Đừng coi như quá-lộ ;
Vinh-nhục liền một bầy,
Ca-khốc cùng một tổ.

Ôi người sinh có tổ,
Tổ gây sông núi vững ;
Cũng như sông có nguồn,
Nguồn chảy dài dằng-dặc.

Đất ta đất Quế-Tượng,
Giống ta giống tiên rồng ;
Uống sông nên nhớ nguồn,
Yêu nước chớ quên ông.

Ông ta họ Hồng-bàng,
Gây trước đức Kinh-dương ;
Vua Đinh khi nhất-thống,
Nam-tộc chủ Nam-phương.

Trải qua khi Bắc-thuộc,
Sỉ cũ bao giờ quên ;
Nghĩ đến công gây dựng,
Tử tôn cố sức lên.

Đời hết cơ hèn yếu,
Làm nên cuộc mạnh giàu ;
Mở mặt cùng năm giống,
Chen vai với sáu châu.

Giống ta xưa chẳng yếu,
Họ ta trước chẳng hèn ;

Văn-phong ngang Trung-quốc,
Vũ-lược mở ngoài biên.

Câu thơ lui giặc Tống,
Bài cáo bình quân Minh ;
Cụ Trương và cụ Trãi,
Danh tiếng vẫn còn rinh.

Chi-lãng đuổi quân Tống,
Bạch-đăng phá quân Nguyên ;
Cụ Lê và cụ Trần,
Danh tiếng vẫn vang truyền.

Các anh nghĩ thế nào ?
Tôi lo sợ xiết bao ;
Lo sao không then trước,
Sợ sao chẳng hồ sau.

Kìa ông tuy có nọc,
Cùng loài chẳng đốt nhau ;
Kìa hồ tuy rằng dữ,
Cùng giống há ấu nào.

Ấy giống vật còn thế,
Hưởng loài người vậy ru !
Đó là lời nói thực,
Há phải là nói vu.

Này công rắn cắn gà,
Này rước voi dầy mã ;
Này dạy khỉ trèo cây,
Này nuôi bùm mắc vạ.

Ngạn-ngữ vẫn ỡ-truyền,
Cách-ngôn cũng thâm-bí ;
Lời đó ý sâu-xa,
Ai ai nên ngẫm nghĩ.

Nghĩ thế nào thì nghĩ,
Đề dân-tộc vẽ-vang ;
Nổi danh trong thế-giới,
Tiếng tựa tiếng chuông vàng.

Nguyên-ủy chúng tộc ta,
Đã được biết lược thuật ;
Suy xét cho rộng ra,
Xem các bậc nhân-vật.

(Còn nữa)

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

VIỆT-NAM TÔ-QUỐC TÚY NGÔN

VII

VIII. Giao-tế

- 252 — Vuốt mặt không nề mũi (1).
 253 — Tranh quyền cướp nước gi đây,
 Coi nhau như bát nước đầy thì hơn (2).
 254 — Tri nhân tri diện bất tri tâm (3).
 255 — Trách người một trách ta mười,
 Bồi ta bạc trước cho người lệ sau (4).
 256 — Thủa giàu sang nhiều kẻ yêu vì,
 Khi nghèo khó lắm người gièm báng (5).
 257 — Thơm-thảo bà lão ăn thừa,
 Bà ăn chẳng được bà lừa cho tôi (6).
 258 — Thời quyền phải biết chiều hơi,
 Khuyên người phải biết lựa lời khôn-
 ngoan (7).
 259 — Thế tình chuộng lạ tham thanh,
 Bên khinh bên trọng ra tình xấu chơi
 (8).
 260 — Thế-gian giúp miệng lao-xao,
 Ai giúp đồng nào cho đỡ khó-khăn (9).
 261 — Tin bọm mất bò, tin bạn mất vợ
 nằm co một mình (10).

1) Ở mặt có mũi là cao hơn. Vuốt mặt mà vuốt chính giữa thì tất bị mũi làm vướng không vuốt được sạch. Vì như mình có việc gì trách kẻ nào ở trước mặt người tôn-thân của nó, mình không biết nề người tôn-thân của nó, không để cái quyền phân-xử cho người ấy mà tự-do nói nó quá lời thì tất bị người ấy trách lại mình. Thế là không biết cách giao-tế khôn-ngoa.

2) Bát nước đầy mà động đến thì sánh nước ra. Có bưng lên phải rất chú-ý, hơi lệch là nước dáo ra. Sự giao-tế mà coi nhau đến như bát nước đầy là tử-tế lắm. Nghĩa là trong khi giao-tế chỉ sợ hơi có chút gì chềch-lệch mà sinh ra mất lòng nhau, nên phải giữ ý giữ từ rất cẩn-thận. Như thế há không

tử-tế lắm dư. Người ta mà sở-dĩ sinh ra thù-oán tàn-hại nhau là vì có hai cơ tranh-quyền với cướp nước. Nay ở đây mà đã không có hai cơ trên thì làm sao mà không yêu nhau chiều nhau cho thân-vui, còn có những ý-tử thù-oán nhau làm gì. Câu này thực có nghĩa bình-đẳng, nghĩa xã-hội vậy.

3) Tri nhân tri diện bất tri tâm 知人知面不知心, nghĩa là biết người biết mặt chứ không biết được bụng người ta thế nào. Đây là nói về sự giao-tế không nên vội tin người. Giao-tế là có việc cần phải gặp nhau, đi lại với nhau, chứ không phải thân-tình bạn hữu đã lâu. Biết người ấy là thế, biết mặt là thế, thì hãy cứ biết thế, còn cái bụng người ta thì nó hiểm như sơn-xuyên, đã biết bụng có như mặt như người không mà dám tin chắc là hay dở.

4) Đây là nói về giao-tế muốn công-bằng không gì bằng tự trách mình trước rồi mới trách người sau. Mà trách mình phải nghiêm đến mười phần, trách người nên khoan độ một phần thôi. Như thế trong sự giao-tế không bao giờ đến quyết-liệt được. Câu này là lời người biết tự-hối, biết rằng cái việc mà người xử tệ với mình này còn là sau, chứ thực thì mình đã ở bạc với người ta trước rồi. Còn trách gì người nữa.

5) Đây là nói cho biết cái tệ-tục trong sự giao-tế bao giờ cũng chuộng giàu ghét nghèo.

6) Đây là nói cái ơn-huệ giả-trá của sự giao-tế. Già hay tham, thế thì cái miếng mà bà lão nọ đã ăn còn thừa, tất là miếng xương rắn bị dai, bà không

thế ăn được mới lừa ra mà cho tôi. Lấy là n-lý của người cho mà đoán thì biết cái ơn-huệ ấy không có gì là chân-thành.

7 Quyển là cái quảo, cái ống tiêu, cái sáo. Thổi sáo thổi quyển có biết lựa cái chiều hơi nó đi ra thì mới kêu, Đây là nói khi khuyên dỗ người nào phải biết tùy tính người ấy mà lựa lời cho khôn-khéo, thì người ấy mới tin nghe mình cũng như thổi quyển có biết lựa chiều dùng hơi mới kêu vậy.

8) Đây là nói về thế-tinh vốn nông-nổi mà kiêu-bạc. Phàm sự giao-tế hề thấy mới lạ là ham chuộng, thì đối với sự cố-cựu là khinh mà xử xấu chơi ra mặt ngay.

9) Đây là nói sự giao-tế chớ vội tin lời mà chực nhờ vào lưng người. Trong khi giao-tế thấy nhau từng-bần hoặc thiếu tiền để làm sự gì, thì ai cũng hứa giúp lao-xao cả lên. Song đó là chỉ nói giúp ở lỗ miệng đó thôi, chứ thực thì có ai bỏ của giúp cho nhau đồng nào bao giờ đâu.

10) Sợm, bợm-bãi, là kẻ gian-dối chỉ đi lừa-đảo mà ăn đã lành nghề. Đây là nói giao-tế không nên quá tin ai. Xưa có người gửi lái bán hộ bò, ngờ đâu nó là quân bợm lường mất cả bò; lại có người gửi vợ nhờ bạn trông nom, ngờ đâu bạn là quân tặc, chim mồi vợ. Như thế là ngu, không biết đạo giao-tế.

262 - Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau (1).

263 - Tiếng chào cao hơn mâm cỗ (2).

264 - Vị tình vị nghĩa, ai vị đĩa xôi dầy (3).

265 - Tiền trao ra, gà bắt lấy (4)

266 - Rút dây còn sợ động rừng,
Bàng đầu thẳng trọc nề lòng ông sư (5).

267 - Lời nói chẳng mất tiền mua,
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau (6).

268 - Nhà giàu yêu kẻ thật-thà,

Nhà quan ưa kẻ vào ra nịnh-thần (7).

269 - Lời nói quan tiền thùng thóc,

Lời nói dùi đục cẳng tay (8).

270 - Vô lăm vập đầu (9).

271 - Hòn bắc ném đi hòn chì ném lại (10).

1) Đây là nói về cái mẹo ngoại-giao. Tiền bạc bao giờ cũng vẫn là cái máy sử-ling người đời, mình muốn vận-dộng việc gì, muốn khiến ai thi-hành cái mực thước mưu-kế gì cho mình, thì cứ thả tiền bạc ra trước là được. Trái lại, mình đã biết cái mẹo đó, khi người đời chực dùng để sai khiến mình, thì mình phải hiểu mà tránh thì mới thoát khỏi cái cạm ngoại-giao.

2) Đây là nói về cái lễ giao-tế. Thân nhau không ở yến-tiệc, nhưng thời-hồ cũng có yến-tiệc mới càng tỏ ra thân nhau. Cái lễ-nghĩa đó nó trọng ở tiếng mời chứ không ở mâm cỗ to hay nhỏ. Vì thế cho nên kẻ vụng giao-tế nhiều khi trong một tràng-hợp, kẻ mời người không, người ta không há-m gì bữa cỗ của mình, nhưng nó tỏ ra kẻ khinh người trọng, đến sinh hiềm-khích. Cho nên biết người ta không đến cũng cứ mời.

3) Đây là nói về lòng tiếp khách khi yến-tiệc phải thành-kính, khi nhà mình có yến-tiệc mời tân-khách bà con đến dự. Người sang-trọng mình kính đã đành mà người nghèo-khó mình lại càng phải bả-hé yêu-quí. Phải biết rằng người ta có đói là đói cả năm chứ không đói một bữa. Nhiều người bận việc hoặc tử-phận nghèo bèn mà cũng phải đến, là người ta vị tình vị nghĩa nhà mình, chứ không phải vị mâm cỗ to có đĩa xôi dầy của nhà mình đâu.

4) Đây là nói về cách giao-tế muốn khỏi sinh ra lời-thôi với nhau về sau, thì phàm sự đổi trao phải có giá-trị tương-dương cho xong ngay đi, như kẻ bán gà, tiền đưa vào thì bắt lấy gà.

Chữ đừng cả tin, đừng ấp-úng cho chịu, mà sau sinh mất lòng.

5) Trọc là cạo hết tóc như đầu sư— Sư 師 là thầy dạy người ta học, vì thầy tu có đạo-dức nên cũng gọi là sư. Đây là nói sự giao-tế phải biết có chỗ còn phải nê-giải hơn là cái việc xảy ra, cái dây tuy nhỏ nhưng nó đan-dít vào trong rừng, nếu rút cái dây ấy tất rung động đến cả rừng. Thằng bé con cũng trọc đầu như ông sư, nó tuy thơ-dại mà mình nghịch báng vào đầu nó trước mặt ông sư, tức là mình có ý mượn đầu nó mà ngạo-sược cái đầu từ-bi đạo-dức của ông sư. Hai việc đó tưởng không hề gì mà thực can-hệ. Phải nên sợ nên nê.

6) Đây là nói về việc giao-tế càng cần ở lời nói. Nên thân nên sơ, được việc hồng việc đều ở lời nói. Lời nói vừa lòng chỉ phải dụng-ý chứ không mất tiền mua, sao không biết lựa.

7) *Nịnh-thần* 佞臣 là kẻ bầy-tôi dua-nịnh tâng-bóc của vua. Dùng ra thông-tục thì nịnh-thần là kẻ nịnh. — Đây là nói cho biết hai cái tính ưa thích của nhà quan nhà giàu. Nhà giàu nhiều của, kẻ thất-thậ không tham, nên nhà giàu yêu. Nhà quan kiêu-ngạo, kẻ nịnh-thần khéo tâng-bóc nên nhà quan ưa. Những kẻ giao-quyết kiếm ăn đã sành những khéo giao-tế ấy, đến nhà giàu thì làm ra thực-thậ; đến nhà quan thì dở ngay cách nịnh-nọt. Ta trông mà biết ngay.

8) Đây là nói cái lợi hại của lời nói khéo với vụng trong sự giao-tế, chứ không phải là dạy người ta học cách nói nịnh để bòn rút. Còn như đối với chỗ chí-thân, phải lấy thực-tình mà xử. Có khi nói bị dúi-đục căng tay cũng nói, mà nói được quan tiền thúng thóc cũng không nên nói.

9) Đây là lấy sự vô-vấp thật mà ví với sự giao-tế hữu-thủy vô-chung. Hai bên vô lấy nhau mạnh mẽ thì tất bị vấp vào nhau đau nhiều, sự giao-tế

cũng vậy. Hễ mới biết nhau mà đều làm ra nồng-nàn thân-thiết quá là có ý lợi-dụng ở trong. Tới khi một bên bị thiệt to rồi tất ghét mà nói xấu, hoặc không lợi-dụng được cũng sinh hiềm. Cho nên đạo giao-tế cứ thoang-thoảng như hoa nhài, càng lâu càng thơm mới hay.

10) *Bắc* là chất rất nhẹ lấy ở ruột cỏ cây. *Chi* là loại kim rất nặng. Đây là nói cách thù đáp với cái vật người ta đưa đi tặng mình một phần (*bắc*), cái vật mình đưa lại đáp trả phải gấp mấy mươi lần (*chi*). Như thế mới xứng, mới lịch sự, mới bền lâu.

272 — *Lời nói quan tiền lắm lựa (1).*

273 — *Người sao một hẹn thì nên,
Ta sao chín hẹn thì quên cả mười (2).*

274 — *Ở đời phải xét thiệt hơn,
Đừng nghe tiếng sáo tiếng đàn mà
sai (3).*

275 — *Năng mua thì lột lừa đường,
Năng đi năng lại coi thường nhau đi*

276 — *Nói như rót vào lỗ tai (5). (4).*

277 — *Nói con rắn trong lỗ bò ra (6).*

278 — *Nói ngọt lọt đến xương (7).*

279 — *Lạ gì phường phố chúng bay,
Ăn sòng nói gió nước mây lạnh-lùng
(8).*

280 — *Miếng trầu là đầu câu chuyện (9).*

281 — *Dao năng liếc thì sắc,
Người năng chào thì quên (10).*

1) Đây là nói cái giá-trị của lời nói trong khi giao-tế. Đối với kẻ xa cơ lỡ vận, mình lấy lời thành-thực an-ủi cho họ yên lòng và phần-chấn tự-cường lên, thực quý hơn là kẻ khác tặng cho họ quan tiền lắm lựa.

2) Sự giao-trúc phải lấy tin làm trọng, nhỏ từ bữa tiệc mời, ngày đi chơi, lớn đến việc kinh-lễ thực-ngiệp, việc hôn-nhân, việc xã-hội, việc nước và việc quốc-tế, dù bằng lời nói, dù bằng giấy tờ, đã hẹn thế nào phải theo như thế. Sau bởi duyên-cớ gì mà phải cáo-từ, phải xin bãi ước thì phải có lời

nói lại, c bàn-bạc lại cho thỏa-thuận thì người ta mới không trách mình là thất-tín hay là bội-ước được. Người mà được đời tín-nhiệm, không những là người đạo-đức mà lại muốn nói gì làm gì cũng được nhiều người theo. Đến như kẻ không thực-hành lời nói của mình, mất lòng tín-nhiệm của đời, thì khó mà làm nên được sự-nghiệp gì.

Đây như là giọng của kẻ tình-nhân trách bên kia thất-tín. Ý nói : Người ta thì chỉ một hẹn với nhau là nên việc, mà ta thì sao hẹn với họ đến chín bận thì họ quên đến cả mười, nghĩa là quên đến quá cái số hẹn, không còn biết trọng tín-ước là gì nữa. Vậy câu này có thể dùng cả ra sự giao-tế cũng được.

3) Đây là nói trong trường giao-tế phải biết tự xét lấy mình cho tinh, đừng tin những lời nói ngọt mà bị lừa. Trong thời giao-tế, người ta hay nói khéo để phỉnh-phờ kẻ khờ mà kiếm-trác. Lời nói phỉnh-phờ của họ nó cũng véo-von réo rất lên bổng xuống trầm, tán-dương hão-huyền, khiến kẻ nhẹ dạ dễ siêu lòng tưởng thực như tiếng sáo tiếng đàn làm say mê lòng người. Vậy trong khi giao-tế, mình phải tự xét cái sự thiệt-hơn lợi-hại ấy, phải tự xét cái tài-đức của mình, nếu tin lời họ ngợi-khen mình một cách quá-đáng là khờ-dại mà bị họ cuỗm mất phần hơn phần lợi của mình. Xem chuyện *con tôm với con sứa* trong thơ ngụ-ngôn ta và chuyện *con cáo với con quạ* trong thơ ngụ-ngôn tây thì đủ hiểu.

4) Lúa bên đường mà được nắng mưa thì càng trút nhiều mầu xuống mà nắng tốt. Sự giao-tế lúc chưa phải là thân-tình mà nắng đi lại là có ý cầu lợi, nên hay bị coi thường. Đây là nói sự giao-tế phải thoang-thoảng, chớ vồ-vập mà bị người khinh.

5) Đây cũng là nói cho biết tính-cách những lời nói khéo khi giao-tế.

Lời nói khéo khiến cho người nghe phải lắng tai không bỏ đi được tiếng nào, như rót cái vôi nước vào tai người nghe mà không rót vãi ra ngoài tí nào. Những khi ấy thì phải nên chú-ý kéo lằm.

6) Đây là tả cái sức thần-diệu của lời nói khéo mà kẻ mưu mẹo họ dùng trong khi giao-tế. Rắn là một con vật vô-tri, ăn sâu trong lỗ, thế mà bị lời nói khéo cảm dỗ còn phải bò ra nữa là người. Thế cho nên nhỏ thì những lời quyến yển rủ anh, thay đổi vợ chồng; lớn thì những lời du-thuyết « tung-boanh 從橫 » xoay-xỏ thế nước. Thiện thì hay vô-cùng mà ác thì hại vô-số.

7) Đây cũng là hình-dung cái tính-cách lời nói ngọt

8) Tiếng ăn, chính nghĩa là nhai-nuốt, như : *ăn uống*. Khi đi với tiếng nói như : *ăn nói* thì nghĩa cũng là nói; đi với tiếng mặc như : *ăn mặc* thì nghĩa cũng là mặc. *Ăn sóng nói gió* nghĩa là lời nói phiến-phúc giáo-giở mà có ý nguy-hiểm như cơn sóng-gió. Đây là lời kẻ què mùa thực-thà bị kẻ phở-phường quay-quắt mà mắng lại.

Phở-phường là chỗ giao-thông đờ-hội, dẫu nhau bằng khôn-ngoan, kiếm ăn bằng mưu mẹo, buôn-bán đổi trao nhiều. Nên hay sinh ra cái tệ-lục phiến-phúc giáo-giở, không thuần-nhất chân-thực như nơi nhà quê. Song đâu cũng có người giữ được bản-lĩnh. Lời nói này có ý chàm-lớp không phải lời chính-dáng.

9) Miếng trầu chén nước là cái lễ tiếp khách dùng đến. Song đối với nữ-lưu thì miếng trầu lại còn cần hơn chén nước. Có miếng trầu cho vui miệng mà nâng câu chuyện lên, nên gọi là đầu câu chuyện. Lại một nghĩa nữa. Lễ giạm vợ lấy coi trầu làm đầu, có coi trầu đến để làm lễ mới dám ngỏ câu chuyện cầu-hôn.

10) Đây là nói khi mới biết nhau thì lấy cái lễ chào mặt để làm quen. Xem con dao kia có năng liếc thì mới sắc, cũng như sự giao-lễ có năng chào hỏi nhau thì mới thành quen.

282 — Có đi có lại mới toại lòng nhau (1).

283 — Có mặt ông sứ vắng mặt thẳng ngó (2).

284 — Ấm mận trả đào (3).

1) *Toại* 遂 là thuận, là thỏa. Trong lễ giao-lễ, một bên thì-lễ thì một bên phải đáp-lễ lại. Nghĩa là bên kia đến chơi nhà bên nọ thì bên nọ lại phải tới chơi nhà bên kia. Bên kia tặng biếu hoặc mời bên nọ, thì bên nọ lại phải tặng biếu hoặc mời lại bên kia. Như thế thì mới thỏa lòng cả hai bên.

2) Ông là hiệu tôn-sung, sứ là quan sứ-thần. *Thẳng* là tiếng gọi khinh, *Ngó* là nước Tàu, ta gọi cả nước Tàu là Ngó. Nhưng hồi nước ta cường-thịnh, trong thì lo vững thế-lực, nhưng ngoài thì vẫn dùng cách ngoại-giao của nước nhỏ giáp-cận với nước lớn, gọi là chịu tiếng thụ-phong ngoài cương-lỏa cho yên việc can-qua. Song sứ-thần sang nước ta có việc bang-giao gì, nhiều kẻ hay lên mặt kiêu-ngạo, cho nên có mặt thì ta gọi là ông sứ, vắng mặt thì ta lại gọi là thẳng ngó, không có ý thực bụng kính trọng. Câu này không phải là dạy cái cách bang-giao cứ nên như thế, song coi đó thì biết cái lòng bang-giao của một nước lớn Trung-quốc và cái ý xā-giao của các người sứ Tàu không đủ cảm được nhân-tâm. Có đi có lại cũng là lẽ thường.

Về sau câu này thành lời cửa miệng để đoán cái tâm-lý trong khi giao-thiệp mà kẻ dưới đối với kẻ trên. Như quan dưới đối với quan trên, ti-thuộc đối với quan trưởng, dân đối với quan và kẻ làm ăn đối với chủ, kẻ người

ta tự biết rằng cái cách xử-tri của Lê trên kia là đáng oán, mà thấy kẻ dưới đó vẫn tôn-kính, thì người ta biết ngay là lối « lá-mặt », trước mặt ông sứ vắng mặt thẳng ngó đó mà thôi.

3) Đây cũng là cái nghĩa có đi có lại như câu thơ 282 trên. Lại một nghĩa là trai gái tặng-láp cho nhau, do câu thơ ở kinh *Thi Tâu* có câu : « Đầu ngô dĩ đào, báo chi dĩ lý 投我以桃報之以李 » tặng cho ta quả đào, ta trao quả mận. Là lời của con trai con gái bảo nhau.

IX - Chức-nghiệp

285 Vua Ngô băm-sáu tàn vàng,
Thác xuống âm-phủ chẳng mang được gì.

Chúa Chòm uống rượu ti-ti,
Thác xuống âm-phủ kèm gì vua Ngô (1).

286 — Văn thi phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ học cày cho xong (2).

287 — Trăm nghề làm thợ trai kia,
Muốn cho khéo việc quản gì dụng công.
Đại-mộc phải cầu lương-công,
Nhớ lời minh-huấn dòng-dòng còn đàng.

Tri khôn ai bảo ai hay.

Tác gang nhận ở trong tay mặc dầu (3).

Vua Ngô là vua Tầu. Băm-sáu là ba-mươi sáu, số tất. Tàn vàng là cái tàn bằng gấm vóc sắc vàng. Âm phủ 陰府 là cái cung phủ dưới âm. Phái Phái-giao chia ra hai cõi : Dương-gian là cõi người sống ta ở, Âm-phủ là cõi dưới âm của ma ở. Chúa Chòm là vua Trang-tôn 莊宗 nhà Hậu-Lê. Bấy giờ Mạc cướp ngôi Lê. Trung-thần Nguyễn Kim vào cõi Ai-lao khởi binh và tìm được người giòng-dõi nhà Lê lập lên làm vua ấy là Trang-tôn, tục gọi là chúa Chòm và truyền rằng chúa Chòm hay rượu, say-sưa cả ngày.

Đây là lời của phái « yếm-thế », không cần đến chức-nghiệp gì. Cho

việc đời cả vào trong một cuộc túy-lý can-khôn (辨巽乾坤) nghĩa là thu trời đất vào trong cuộc say. Ý bài thơ này cho nghĩa là : cũng là hai ông vua, vua Ngô nước đại-quốc nghĩ-vệ đến bẫm-sáu cái tàn vàng, so với chúa Chōm chỉ đánh rượu tí-tí ở một khu rừng nhờ người ta mới thu-phục lại mà tôn lên, thì vua Ngô sang trọng oai-linh biết chừng nào. Tuy thế nhưng tới khi kết-liệu cuộc đời, xuống đến âm-phủ, thử hỏi vua Ngô có mang được chút sang-trọng oai-linh nào xuống không? Vậy thì vua Ngô nhọc lòng nhọc sức, cầu lấy cái tôn vinh, nhưng rồi cũng là tay không như chúa Chōm ở dưới âm-phủ chẳng hơn được cái gì. Nghĩ đến lúc còn sống ở trên Dương-thế suốt ngày say títt cung-thang, thu cả hay hèn nhục-vinh vào một bầu mà tu cả vào bụng cho nó thích, thì chúa Chōm lại còn sướng hơn vua Ngô.

Cái tư-tưởng chán đời lãng mạn đến như thế thì còn thiết gì đến những chức-nghiệp sinh-nhai nhật-dụng nữa.

Tuy-nhiên phái này không toàn-thị là kẻ tầm-thường cả đâu. Phần nhiều là những người kỳ-thủy có chí-khí lớn, nhấi-đán bị tỏa-triết, không đủ sức kiên-nhẫn tự phẫn-lệ tri thủ, sinh ra bi-phẫn, mượn chén rượu chảnh-choáng tiêu-sầu khiên-muộn, lâu thành nghiện, nịnh tính phồng-tùng mãi-miệt trong làng « ma men », mà hết thầy việc đời nghiêng bầu dốt cả giang-sơn vào chén, còn thiết gì nữa. Có người lại cho câu này là chê chúa Chōm vô-chí nhờ được lưng người rồi chỉ say-sưa tới ngày, không nghĩ gì đến việc trả thù khôi-phục đối với Mạc nữa.

2) Văn thi phú lục là bốn thể văn ứng-thí ngày xưa. Văn là văn-sách, luận, kinh-nghĩa. Thi là thơ, ngữ-ngôn hoặc thất-ngôn. Phú là lối văn biền-ngẫu, mà câu thi hoặc đối hoặc không, hoặc ngắn hoặc dài, song-quan cách-cứ

tùy dùng mà đều có văn. Lục là lối văn tứ-lục tức là bài biểu bài chiếu.

Hay là bảo cho kẻ học trò biết liệu tài mà chọn nghề-nghiệp. Liệu mình có cái tài viết được văn thi sẽ cố theo đuổi về cái nghề văn-học, thì mới có cái phần tranh-khởi đoạt-giáp với người ta. Bằng không, văn, thi, phú, lục không có cái gì hay giỏi thì chịu ngay đi. Trở về làng cũ làm ngay lấy cái chức-nghiệp đi cày, là cái chức-nghiệp tự mình sẵn có, là cái chức-nghiệp căn-bản của nhà của nước. Có chí ra cũng đủ sinh nhai, đóng góp với làng nước, chọn bôn-phần làm người thì thôi. Còn hơn là cứ giả-danh học-hành, mượn mầu kinh-sử giông-chơi, tổn hại cho cha mẹ không nên cơm cháo gì, thành cái bệnh ngay lưng, ông dở ông, thẳng dớ thẳng, học không hay cày không biết, gánh nặng đau vai, năm dài chết đói. Thật là nguy-hiêm cho thân-gia xã-hội. Lời này khuyên kẻ học-trò phải tự lo thác lập nghiệp rất là thiết-dàng.

Ấy là ngày xưa bình-thì dễ làm ăn mà các bậc tôn-trưởng cũng phải khuyên cho con em biết tùy tài chọn nghề như thế. Phương-chi ngày nay, lập-thân chẳng cứ gì một bậc khoa-giáp, nghề-nghiệp chẳng cứ gì chỉ làm văn với đi cày. Buôn-bán thợ-thuyền, chức-nghiệp thật nhiều, làm gì cũng có thể giàu-có về vang được, có thể giúp nhà giúp nước được. Vả kinh-tế khó-khăn cạnh-tranh xô-xát, xã-hội nào nhiều kẻ phân lợi, nghĩa là không làm ra lợi trực-tiếp gián-tiếp mà ấu hại vào xã-hội, thì xã-hội ấy suy-dồi. Vậy kẻ thiếu-niên lại càng phải sớm tự lo liệu.

3) Đại-mộc 大木 là cây gỗ to, lương-công 良工 là người thợ khéo. Chữ ở sách Mạnh-tử, gỗ to phải có thợ khéo mới làm nên việc.

Hay là nói về cách thức làm nghề. Làm trai ở đời, trăm nghề biết tinh

được nghề gì cũng có ích. Song nên tay thợ khéo là phải dụng-công mới được. Xưa nhà Đại-hiền Mạnh-tử cũng nói đến « thợ khéo » thì biết người thợ khéo có giá-trị ở đời đã lâu. Tuy-nhiên, khéo bởi trí-khôn, trí-khôn do tự mình, không ai có thể dạy bảo cho mình được. Thầy chỉ dạy bảo cho mình biết cái mẫu-mực tắc-gang mà thôi, còn nhận được cái tắc-gang ấy mà sinh ra tài khéo thì ở mình. Vậy muốn khéo phải dụng-công.

298 — Trăm năm trong cõi trời chung,
Trăm nghề cũng phải có công mới
thành.

Cứ trong gia-nghiệp nhà mình,
Ngày đêm xem sóc giữ-gìn làm ăn.
Chữ rằng : « Tiều-phủ do cần » (1).

299 — Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó-nhọc có ngày phong-lưu.
Trên đồng cạn dưới đồng sâu,
Chồng cày xong, vợ dắt trâu ăn bờ (2).

300 — Ôn trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì cày cạn, nơi thì bừa sâu.
Công-lênh chẳng quản bao lâu,
Ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng.
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu (3).

301 — Ông cả ngồi trên sập vàng,
Cả ăn cả mặc lại càng cả lo.
Ông Bếp ngồi trong xó tro.
Ít ăn ít mặc ít lo ít làm (4).

1) Đây là dạy cho kẻ kế-nghiệp của cha mẹ. Người ta sống chung trong cái hạn trăm tuổi với nhau ở giữa cõi đất trời, phải có nghề nghiệp góp với nhau cho cùng đủ sinh-hoạt. Song nghề gì cũng phải có công-phu mới được. Kẻ thừa-kế được nghề-nghiệp của cha mẹ cũng lại càng phải dụng-công lắm mới duy-trì được, mới phát-đạt được. Ngày xưa cho rằng : « Đại-phủ do thiên, giàu to là bởi trời ; tiều-phủ do cần, giàu nhỏ là bởi siêng-năng ». Chữ trời ấy có hai nghĩa, kẻ thường thì lấy làm

bởi số của ông trời đã định ; người thức giả thì lấy làm bởi cái lẽ trời tự-nhiên xui khiến, dù có tư-cách cũng lại phải có tao-ngộ mới được. Về sự giàu to đã đành như thế, song lại có câu : « Có gan làm giàu ». Thì người cũng có thể thắng thiên được. Còn như giàu nhỏ thì thực là bởi siêng-năng có thể quyết lấy được chứ không sai.

2) Đây là nói cái cảnh điền-dã của hai vợ chồng một nhà trung-sản. Chồng khỏe đi cày, vợ yếu làm việc nhẹ. Vợ đem cơm trưa ra, chồng cày xong, vợ dắt lấy trâu cho ăn cỏ quanh bờ, để chồng nghỉ cơm nước. Mỗi người mỗi chức-nghiệp thực là vui-vẻ.

3) Đây là lời khuyên về nghề nông. Nhân lúc ngoài đồng đang làm ruộng để cấy lúa. Nơi thì đang cày khô, nơi thì đang bừa nước để cấy. Tả cảnh đến đấy thì nghị-luận để khuyên. Cho rằng kia trông cái ruộng đang bừa, nước trắng xóa như bạc kia, thế mà chẳng quản công-lênh vào đấy thì chả bao lâu nữa bát cơm quý như vàng ở đấy mà ru. Coi đó thì biết cò có câu : « Một tấc đất là một tấc vàng », thật không sai. Vàng ở đó chứ ở đâu, mà bỏ cái nghề-nghiệp quý-báu ấy để đi bôn-su vào đám lợi-danh luồn cúi, vị-tất đã được sẵn vàng. Vậy khuyên ai chớ có bỏ những cái ruộng của ông cha để lại thành ruộng hoang.

4) -- Cả là lớn, nhỏ. Ông cả là người đàn anh có thế-lực phong-phủ nhất trong làng. Nay ở Nam-kỳ còn giữ tục ấy. Cho nên người con trai con gái đầu lòng nhà phú-quí, ở Bắc-kỳ gọi là « cậu cả, cô cả », mà ở Nam-kỳ thì kêu là « anh hai, chị hai ». Nghĩa là nhường cái tiếng « cả » cho tôn-trưởng mà mình nhún xuống ngôi thứ hai. Cũng vì nghĩa đó, người ta cho bài này là phong-dao của Nam-kỳ. — Bếp là người đi ở chỉ nấu bếp mà thôi, nên gọi là « nhà bếp, chú bếp ». Song « ông

bếp ở đây thì nghĩa lại khác. Tục có câu: « *bất ly 1áo-quán nhất thốn 不離灶君一寸* ». Không lìa vua bếp ra được một tấc. Nghĩa là chỉ chúí xó trong bếp — nấu ăn bầu vợ con —, không còn dám thò ra đến ngoài mà đua ganh với ai, tang-bồng hồ-thĩ bốn phương gì nữa. Thế thì « ông bếp » này là chỉ vào người chủ nhà hèn-mạt, chứ không phải nói về người đi ở nấu bếp. Cho nên lại có câu phong-dao hoạt-kê của người đàn bà tự-trào người chồng của mình hèn mạt, không có tài trí ra ngoài ganh đua với đời, mà rằng: « *Chồng người đi ngược về xuôi, chồng em ngồi bếp để ... vào tro* », thì dù chứng ông Bếp đây là người chủ sui-xó.

Đây là so-sánh hai cách làm ăn, cả thể với sui-xó, để khích-khuyến chức-nghiệp phải nên mở-mang mới mong thịnh-vượng. Xem ông cả sớ-dĩ được chễm-trệ ở trên cái sập sơn son thếp vàng kia, ăn nhiều mặc tớn như thế thì ông lại càng phải lo nghĩ to. Còn như cái ông chỉ ngồi chúí trong xó tro, gọi là ông Bếp nọ thì còn phải ăn mặc tớn kém gì mà còn phải lo với lảng. Thật giống như chuyện ngụ-ngôn « *Con trâu với con chuột nhất* ».

302 — *Muôn vản chớ lấy học trò,
Dài lưng tớn vải ăn no lại nằm.
— Hay nằm thì có vông đào,
Dài lưng thì có áo trào nhà vua.
Hay ăn thì có thóc kho,
Việc gì mà chẳng ăn no lại nằm (1).*

303 — *Mặt trời tang-tảng rạng đông,
Chàng ơi trở dậy đi đồng kéo trâu.
Phận hèn bao quản nắng mưa,
Cây sấu bira kỹ được mùa có phen (2).*

304 — *Trời cho cây cấy đầy đồng,
Xứ nào xừ nấy trong lòng vui ghê.
Một mai gặt lúa đem về,
Thờ cha kính mẹ nhiều bề hiếu-trung
(3).*

305 — *Dạy con từ thừa tiêu-sinh,
Gần thầy gần bạn tập-tành lễ-nghi.
Học cho cách-vật tri-tri,
Văn-chương chế-tác nghề gì cũng
thông (4).*

306 — *Công-danh theo đuổi mà chi,
Sao bằng chăm-chỉ giữ nghề canh-
nông.
Sớm khuya có vợ có chồng,
Cây sấu bira kỹ mà mong được mùa (5).*

1) — *Muôn vản là muôn vản, lời thề nghĩa là không có thề nào... , hoặc muôn vản đời. Vông đào, cò-tục chưa có xe, đi đường xa dùng cái vông hai người khiêng, lễ phân ra có đẳng-cấp khác nhau. Thường-dân thì vông đôn và mui đều để mộc, quan-trưởng thì vông nhuộm xanh, đôn, mui sơn then thếp thiếc thếp bạc, quan đại-lhãn thì vông nhuộm đỏ, đôn sơn son thếp vàng. — Áo trào là áo lễ khi vào hội triều hoặc châu vua. — Thóc kho là lương phát, cò-tục lương các quan-lại quân-lính đều phát gạo của kho đã xay giã rồi, mỗi học gọi là « *một cái lương* ».*

Đây là lời người con gái với người học-trò ngày xưa đối đáp nhau về đường chức-nghiệp. Cô con gái này thấy cậu học-trò nọ muốn cầu thân với mình, cô bèn đem cái hiện-tượng của anh đồ khi đang tưng-học ra mà nói diều: không cất nhắc việc gì, lưng cứ dài ra cho tớn vải, lại ăn rồi thì nằm cho tớn cơm mà nào đã chắc nên công-chuyện gì, cho nên thề thề nào cũng không lấy bọn đó được, vì nó có nguy-hiểm cho sự thực-nghiệp của gia-đình xã-hội về sau. Đó là lấy lời hoạt-kê mà khuyến-kích. Anh đồ bèn đem cái chức-nghiệp của mình sớ-dĩ phải nằm như thế là đã có một cái mục-dích tất đạt được mà bù lại, chứ không phải là lười mà mặc cho tớn vải, ăn cho tớn cơm của xã-hội đâu. Cho nên nhận rằng có « *dài lưng tớn vải, ăn no lại nằm* » thực. Nhưng nằm như thế là để làm cái nghề sời kinh

nấu sủ, nghĩ-ngợi văn bài dấy chừ không phải là nằm chơi. Thế thì nay mai đây mà tranh-khôi đoạt-giáp với đời được cũng là nhờ ở cái lúc ăn no lại nằm này. Lúc bấy giờ giúp vua phò nước, kinh-luân đức-nghiệp lẫy-lừng, vua với nước cũng thù-đáp lại. Hay nằm đã có võng đào người khiêng đi, dài lưng tổn vải đã có áo trèo gấm vóc vua ban cho, ăn khỏe đã có thóc kho đem cấp. Chức-nghiệp như thế há lại chả to dư? Đó cũng lại là tỏ sự thực mà nói hoạt-kê đáp lại.

Ngày xưa đã lấy hai câu đầu bài thơ này làm cái cờ đề hỏi văn-sách (Truyện là ở đời Tây-son .

Nay trích lục cả đầu bài và bài làm ra đây cho biết cái vận-sự học-hành thi-cử ngày nọ, cũng là một cách phụ-lục thêm vào cho tập ngạn-ngữ phong-dao:

Đầu bài :

Hỏi : « Lấy chông cho đàng tằm chông, bỏ công trang-diềm mà hồng rắng đen. Lời rằng : « Chẳng tham ruộng mẫu ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ ». Tiếc rằng : « Dài lưng tổn vải, ăn no lại nằm ». Tăng dĩ kiến ư thế-nhân chi tiếu. (Từng đã thấy người đời họ cười). Hà luyện-luyện ư anh đồ nhược thi. (Thì sao lại còn quyển-luyện đến anh đồ như trên ấy)...? »

Bài làm :

(Bài này ở trong quyển Long-khê văn-tập 龍溪文集 của ông Đôn-tâu 遯叟 Vũ... người làng Mộ-trạch Hải-dương soạn). Đây trích một đoạn giữa.

Thưa : « Em tưởng anh đồ chi sự-nghiệp : Đền xanh một ngọn, án tuyết chuyên-cần; quyển vàng nghìn pho, cửa huỳnh giống-giả.

« Còn trong trần-lụy, anh đồ là « vị vũ chi giao long », may khoa thi mà đánh chiếm bằng vàng, tức năm nọ chi hàn-nho, năm nay đã ông Cống ông Nghè chi đài-các. Em mà may

« duyên ưa lá thắm, thì trước vì anh « sau vì thiếp, cũng thỏa lòng ư võng « lọng chi nghênh-ngang ;

« Còn thua trần ai, anh đồ là « vị « sơn chi hồ báo ». may gặp vận mà « vua tước nước, tức ngày xưa chi tiện « sĩ, ngày nay đã quan Thượng quan « Án chi phong-lưu. Em mà nhờ phật « đẹp chỉ hồng, thì chàng nên ông thiếp « nên bà, cũng đắc ý ư ngựa xe ch « dủng-dĩnh

« Dài lưng tổn vải, bấy giờ đã « vàng đai bạc chi bảnh-bao ; ăn n « lại nằm, ngày nay đã võng thắm lọng « xanh chi chêm-chện . . . »

Coi đó thì biết cái vận-sự học-hành thi-cử ngày trước, cái tư-tưởng về sự-nghiệp của kẻ sĩ ngày trước, thái-bình vô-sự là dường nào. Đời đã không có cái gì cạnh-tranh kích-thích, làm kẻ sĩ chỉ lo học giỏi đồ cao, quan to là bề hi-vọng, không còn phải vì ai mà thực-nghiệp, giảng học-thuyết gì nữa.

Nay ta cũng không cần hỏi cái lỗi đã qua, ta khoan-dung mà cho rằng cái gì cũng có thời-thế, ngày ấy như thế cũng xong đi rồi. Duy ngày nay là buổi thế-giới giao-thông, mà cũng là lúc loài người thi nhau tiến-hóa. Tranh nhau về học-thuật, về phát-minh, về kỹ-xảo, thực-nghiệp. Xã-hội nước ta thua kém mọi bề, cái hình-thức anh đồ tuy thay đổi, mà lối học-hành, sự hi-vọng chưa dễ đã hơn kém gì anh đồ. Lắm kẻ trong phái tây-bọc, mới ngó tới ngõ nhà trường văn-minh, tưởng mình đã hóa khác anh đồ rồi, lên câu tự-đắc, mà có biết đâu rằng nay cũng hư-văn, cũng ký-tụng. Bài văn chấp đụp điền sách Tàu với bài văn cấp trong sách tây thì có khác gì. Anh trước nhờ thuộc lòng để làm văn-sách, thì anh sau nhờ thuộc lòng để thi vấn-dáp phỏng có gì khác. Đến như học cho giỏi, đồ cho cao, quan cho to, hoặc làm sở nào cho cao lương, anh sau hăng-hái chẳng chịu thua gì anh trước. Tiền-đồ đối

học của tồ-quốc đã lấy gì đáng mừng. Hay năm có vông đào, hay ăn có thóc kho, đạo học phát-minh đánh mất nhờ anh trước. Sữa bò với xam-banh, cấp ô đi sớm tối, thực-học nghiên-cứu đã nhờ gì anh sau. Vả nay là thời kinh tế khó-khăn của nhân-loại, anh sau lại càng di-hại cho xã-hội to hơn anh trước là lúc chữa giao-thông. Nếu anh sau không tỉnh mà thay đổi sự học, ta chắc nay mai sẽ lại bị các cô thề-nguyên, sĩ-vả và ruộng bỏ chừ không lâu.

Tuy-nhiên, trong cõi học có suy-nghĩ mới có sự-thực, một người không gồm được cả hai, thì xã-hội không thể thiếu cái bộn ăn no lại nằm được. Lúi-húi trong phòng văn với cặm-cụi trong ruộng khảo-nghiệm, cũng là hạng ăn no lại nằm cả. Duy ăn no lại nằm để giảng thực-học, lo giúp đời thì là ăn dưng công; còn ăn no lại nằm để nghiên hư-vấn, lo vinh thân thì là ăn hại của xã-hội. Xã-hội hoặc các cô phải xét kỹ hai điều ấy kéo oan có người.

2) — Đây là lời vợ khuyên chồng nên an phận mà cần-cù về việc canh-nông căn-bản.

3) — Đây là lấy hiếu-trung làm gốc cho thực-nghiệp. Thờ cha kính mẹ, đóng góp việc nước, không có tiền thóc lấy gì lo liệu. Thực-nghiệp không lia luân-lý, thực là thiết-dáng.

4) — *Tiểu-sinh* 小生 là học-trò nhỏ, như nói: ấu-học-sinh. *Lễ* 禮 là cái phép tôn-trọng hoặc lịch-sự đề đối với các bậc trên dưới mình. *Nghi* 儀 là cái văn-vẻ thuộc về lễ, như ăn nói, đứng ngồi, lên lui, chào hỏi, cư-xử, giao-tế, v.v., đều có phép-tắc tùy-nghĩ tiện-dụng cho hợp lễ, mới là người trang-nhã đáng yêu. Không thì là kẻ thô-suất ngu-tục đáng bĩ. Phép giáo-dục ngày xưa đã thành câu cách-ngôn: « *Tiên học lễ, hậu học văn* », nghĩa là trước phải dạy cho học-trò lấy mọi điều lễ-nghi luân-lý cho thành người

có đức, rồi mới đến mọi nghề văn-chương kỹ-thuật cho thành người có tài, tài-đức kiêm-toàn mới là quân-tử. Còn như có tài mà không có đức là kẻ liễu-nhân. — *Cách-vật tri-tri* xem nghĩa chương đầu sách này. — *Chế-tác* 制作 là chế-tạo ra khí-vật.

Đây là lời dạy con biết đường theo cái chương-trình giáo-dục cho thành tài-đức.

5) *Công* 功 là có công-lao, *danh* 名 là có danh-tiếng. *Công danh* là có công-lao thực thì có danh-tiếng thơm. Có hai bậc: Bậc tối-cao chỉ lo giúp đời, không kể công mà công bất-diệt, không cầu danh mà danh bất-hủ. Chó nên có câu: « *Đã chi về công-danh thì phú-quí không hệ-lụy đến lòng mình được* ».

Bậc dưới hết sức lập công-cán với nước để được huân-danh khen-ngợi, tước vị đền bồi.

Ngoài hai bậc trên ấy, tục cũng vẫn thường dùng hai chữ công-danh để nói cho sang-trọng, nhưng thực thì không đáng cả. Thượng thì gió chiều nào ngã chiều ấy, tìm kể vinh-phí; trung thì sống lâu lên lão làng, được chút bao-thưởng; hạ thì bán gia-tài mua danh-phận, được tiếng gọi trong tổng làng. Ôi! ba hạng này mà cũng gọi là công-danh, ưận là công-danh, thì hai chữ công-danh phỏng ai còn quý.

Đây là lời người vợ khuyên chồng về thực-nghiệp. Chắc lúc đó cũng vào cái thời buổi nhố-nhăng Hai chữ công-danh đã mất nghĩa rồi, mà người chồng còn cứ bỏ nhà đi theo đuổi về đường công-danh, nên vợ khuyên chồng ở nhà chăm việc canh-nông thực-nghiệp, vui có vợ chồng, mà có công làm có lúc được mùa nhiều thóc. Còn hơi theo đuổi về công-danh là cái đám công-danh hão kia.

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM và ĐÔNG-CHÁU

QUỐC-ÂM THI-VĂN TÙNG-THOẠI

IV

Đời xưa các bậc danh-nho thường thường lấy tài làm thơ-văn hay, mà đở được những cơn túng-kiết, như ông Lương Hữu-Khánh (梁有慶) đi qua đờ làm bài « Nho tăng đồng chu », mà được các tăng kính đãi vậy.

Ông Khánh là con ông Lương Đắc-Bằng (梁得朋) người làng Hội-triều, huyện Hoảng-hóa, xứ Thanh-hóa. Khi ông mới mười tuổi, mà thơ-văn đã nổi tiếng, cái thực-lượng cũng khác hơn người, một mình ăn nhiều gấp hai ba người, nhà ông rất nghèo, nên bà mẹ thường phải nhịn đói để nuôi con, về sau gia-kế càng ngày càng quãn, ông thưa với mẹ rằng: « Cha con làm quan thanh-bạch, cho nên con cháu nghèo-khò, con xin đi làm kiếm ăn để mẹ khỏi lo nghĩ ». Bà mẹ ngậm-ngùi than rằng: « Mẹ không có sức nuôi được con, để con phải đi tìm phương sinh-lý, trong lòng mẹ buồn-bã biết chừng nào, nhưng mẹ gia khôn biết làm sao cho được » rồi hàng nước mắt mẹ con ly-biệt với nhau. Ông đi đâu cũng chỉ cậy có năm ba chữ làm kế sinh-nhai; một hôm ông đi ngang bến đò Tam-kỳ, gặp năm sáu ông sư đang ở đám chay nào đó đi về, có tiểu mang oản quả rất nhiều, các sư thấy ông đói cho ông vài oản xơi, ông nói rằng: « Hàn-nho nhịn đói cả ngày, may gặp các đức Đại-bồ-tát, tưởng rằng bố-thi cũng không tiếc gì, mà sao cho tôi ít như vậy, tôi cũng không cần ăn làm gì ». Các sư cười rằng: « Hẳn đã xưng là học trò, nay ta ra cho hẳn một bài thơ, đầu đề là « Nho tăng đồng chu » hạn làm đến khi đờ đến bến cho xong, thì cho cả các thứ oản quả đó. » Ông vô bụng chịu nhận lời, nghĩ một chút rồi đọc ngay bài thơ rằng:

*Một hôm kinh-sử trap kim-cương,
Người lờ cùng sang một chuyển giang;
Đám hội nhà chay người đùng-dinh,
Đài vàng gác tia lờ nghênh-ngang;
Người sao chẳng nhớ lời Hàn Dũ,
Tớ hầy còn căm sự Thủy-Hoàng;
May gặp (?) chuyển này người biết lờ,
Người thi nên bụt lờ nên sang.*

Các sư nghe đều kính-phục là hay, bèn tặng cho hết các thứ oản quả đó, ông ăn hết sáu bảy mười oản ngay trong một lúc, người cả thuyền đều kính cái thực-lượng của ông, các sư sẵn ở trong gói một quan tiền, lại cũng tặng luôn cho ông mà bảo rằng: « Nhà nho có đại-tài như vậy, nay tuy còn ở trong trần-ai, chưa ai biết đến, nhưng công-hầu khanh-tướng ắt hẳn có ngày, xin vạ phần trân-trọng. » Nói rồi hai bên cùng từ-biệt.

*
*

Ông hoàng-giáp Phạm Như-Xương (范如昌) người tỉnh Quảng-nam, đương năm ất Dậu gặp cơn quốc-biến, có một bài cảm-sự rằng:

*Võng lọng nghênh-ngang giữa cõi trần,
Biết ai là chúa biết ai thần;
Ngũ-thiều tấu hết khôn nghe phụng,
Lỗ-sử tu rồi chẳng thấy lân;
Mỏi mắt Hi-Di đời Ngũ-qui,
Nhọc lòng Gia-Cát đất tam-phân;
Thôi thôi đã thế thôi hay thế,
Nhờ lượng cao dày cứu lấy dân.*

Bài thơ này cũng là dùng điển chữ Hán, mà nhắm chừng những người đã có Hán-học, thì ai cũng hiểu là hay.

Cồ-nhân đối với sự làm thơ cũng sinh nhau lắm, xem như câu chuyện

của hai nhà văn-sĩ lúc triều Mạc, thì cũng đủ biết.

Ông Phạm Trấn (范鎮) người làng Lam-kiều, ông Đỗ Uông (杜汪) người làng Đoàn-lâm, hai ông nguyên ở gần với nhau, và đều nổi tiếng là người học giỏi; trong niên-hiệu Quang-bảo hai ông cùng thi đỗ, ông Trấn đỗ trạng-nguyên, ông Uông đỗ bảng-nhơn, cùng vinh-qui một ngày, mà tranh nhau đi trước, khi đi về đến làng Đoàn-lâm, chỗ ấy có một cái cầu gọi là cầu Cốc, có một người con gái tên là cô Loan bán hàng ở đấy, có xin hai ông một bài thơ, ông Uông nhân lấy đề là « Cô Loan bán hàng cầu Cốc », ước rằng mỗi người vịnh một bài thơ quốc-âm, mỗi câu phải có một tên con chim, ai làm xong trước thì được đi trước, hạn đi qua khỏi cầu, thì phải vịnh cho xong, ông Trấn vừa qua khỏi cầu, thì vịnh xong ngay bài thơ rằng :

*Quay vạc dôi bên cánh phượng cong,
Giữ gian bán chác tựa đò công ;
Xanh-le mở khệp nem hồng mới,
Bạc-ác phò-phang rượu vệt nồng ;
Miệng uốn lưỡi oanh chào chủ khách,
Trầu tèm mỡ sẽ thết ông chồng ;
Yến-oanh đón rước vira ban tối.
Ông mõ ba-ba lại gác ông.*

Ông Uông thì chỉ mới nghĩ được một câu rằng :

*Dặm liễu lơ-thơ
Đường hòe lèo-đèo*

Ông Uông nói rằng : « Thơ này tất là thơ ông đã làm sẵn mới được thiệp như vậy, cũng không chịu nhượng; kíp khi đi đến cầu Minh-luân (明倫橋) gặp một cái nhà mới làm xong, người chủ nhà xin hai ông vịnh cho một câu, ông Trấn liền vịnh rằng :

*Niên-niên tăng phú-qui,
年年增富貴
Nhật-nhật thọ vinh-hoa ;
日日壽榮華*

Tích-nhân hữu thử-ngữ,

昔人有此語

Kim-nhật hạ tân-gia.

今日賀新家

Ông Uông ngẫm nghĩ một hồi lâu nói rằng : « Cái lời tán-tụng thôi cũng đến như vậy là cùng, mà ông Trấn mở miệng ra thì vịnh xong ngay, không phải có thần-trợ mà được như vậy hay sao ? » Nhân mới chịu nhượng cho ông Trấn đi trước.

* * *

Ông Nguyễn Trọng-Tri (阮仲旻) người làng Văn-sou, huyện Tuy-viễn tỉnh Bình-dịnh, ông thi đỗ cử-nhân khoa binh-tí năm Tự-đức thứ 26 (1873). Ông là một người rất có khí-tiết, nhân việc khởi-nghĩa sau thất-bại bị cách khử cử-nhân, ông lại đỗ tú-tài, làm chức tư-vụ tại Huế, không bao lâu bỏ quan về nhà mở trường dạy học. Ông có cái tính thích ngâm vịnh mà rất khinh-thể ngạo-vật, có nhiều bài thơ quốc-âm rất thần-tinh, như bài thơ vịnh mấy ông nghe ở Huế rằng :

*Tro bụi thương thay mấy chú nghe,
Bảo dưng hờn-hở bảo dưng phe ;
Ngáy hai cơm quán ăn qua bữa,
Tháng một lương vua lĩnh lấy lễ ;
Giấy thăm đeo bài trông cũng lịch,
Tráp son hầu chữ ngẫm mà ghê !*

Ông có một bài thơ tự-vịnh bằng chữ Hán, cũng có lý-thú lắm, thơ rằng :

*Tự quái kim lai Nguyễn Trọng-Tri,
Hành-tung đại dị thiếu-niên thi ;
Hoặc nhân túy-lý mạ đồng-bối,
Diệp phục sần-trung sán tiều-nhi ;
Vị lão xuất môn hoàn ý trượng,
Phi cuồng khoản khách khước vong y ;
Đối nhân... thời tương-vấn,
Bất-diện kỳ gian thị dữ phi.*

自行或亦未非對不
 怪蹤因復老狂人辨
 今大醉愁出坎...其
 乘與裏中門客聞
 阮少罵噴還却時是
 仲年同小倚忘相與
 旒時輩兒杖衣問非

Hai bài thơ này lời đều quên mất hai câu kết, thật đáng tiếc, nhưng chỉ đọc qua từng ấy câu, cũng đủ biết giọng thơ ông, và biết nhân-cách ông là người hạc nào.

Ông Ông Ích-Khiêm (翁益謙) người tỉnh Quảng-nam về đời Tự-đức, ông từng mấy phen phụng-mệnh ra dẹp giặc ở Bắc-kỳ, tướng-tài cùng uy-vọng của ông, không mấy người không biết, nhưng cái nghề làm thơ của ông thì tưởng ít ai biết đến.

Nguyên trước ông đã làm tham-tán đại-thần, coi quản-vụ ở các tỉnh Bắc-kỳ, thì lúc bấy giờ ông Tôn-thất Thuyết (宗室說) quan còn nhỏ hơn ông, sau ông bị cách lại trở ra làm huy-hạ ông Thuyết, mà ông Khiêm người vẫn quá ngạo, nên ông Thuyết giận, kiểm kê mà xiềng lại hạ ngục tại Lạng-sơn (諒山). Ông ở trong ngục có ba bài thơ hay lắm, mà cũng vẫn là ngạo, tiếc chỉ nhớ được có mấy câu như sau này

Ủa-ủa nhân sao đến nỗi này?
 Ở đây danh-lợi buộc mình đây!
 Bên tai rỗng-rảnh đường đeo ngọc,
 Dưới bụng xênh-xang tựa thắt đai;
 Cái tháp Trần Phồn ngồi bên đất,
 Khúc đàn Dữ-lý gảy theo tai;

Bài này câu 5, 6 cần phải chú-thích. Nguyên ông Khiêm ra lần này là ra lấy công chuộc tội, phải chịu ở dưới quyền phép ông Thuyết; nhưng lúc ông mới đến thì ông Thuyết đãi ông như anh em, cho ngồi chung một chiếu, chưa được bao lâu thì khóa cò lại mà bỏ vào ngục, cho nên nói thế.

Sau khi vua Tự-đức thăng-hà, trong triều rối loạn, ông Khiêm lúc bấy giờ cũng là một tay giỏi ở trong đám rối-loạn ấy, nhưng mà vì cái tài của ông làm cho ông Tường (阮文祥) ông Thuyết phải đố-ky, mời xiềng ông một lần nữa, đày vào tỉnh Bin'-thuận, rồi bị cấm-cố chết đói ở trong ngục.

Ông Khiêm tên chữ là Mục-chi (牧之) người làng Phong-lệ (豐麗) huyện Diên-phước, tỉnh Quang-nam, lúc trẻ thông-minh khác thường, năm Thiệu-trị thứ 7 (1847) mới 15 tuổi thi đỗ cử-nhân, vua thấy ông trẻ tuổi mà thi đỗ, có ý ái-tài, đòi vào Tả-dã-lậu-viện (左待漏院) phúc-thi, đề tỏ cái cao-tái của ông, vua ra đầu đề là *Thiếu-niên đăng-khoa*, ông làm xong ngay, có câu rằng: "Đặc lộ đa anh-tuấn, hà tài đáp thánh-minh 得路多英俊何才答聖明", vua khen là người có thực-học.

Tuy từ đầu đời Tự-đức bắt đầu ra làm quan, chinh đông phạt bắc, trải qua hơn 150 trận đánh, mà phần nhiều là được thắng-trận, các tướng giặc nước Tàu hễ nghe tiếng ông thì kinh sợ thất-thổ, văn-thần mà có võ-công, dẫu cho ông là đệ-nhất, ông thường làm chức Tiểu-phủ-sứ, tục nhân xưng là ông Tiểu, không luận gần xa, nghe đến tiếng ông đều kinh-phục cả.

Năm Tự-đức thứ 35 (1882) ông đốc quân đắp đồn Lộ-châu và đồn Thái-dương, nhân muốn mau rồi, có quá nghiêm-khắc, bị giáng xuống chức chủ-sự, sai ra làm chức phòng-thủ đồn Hòa-quân (和勻屯) ông có làm bài cảm-hưng bằng chữ Hán rằng:

Có lừ thả ca Đường-giới khúc,
 沽酒且歌唐介曲
 Lâm lưu nan diều Khuất Nguyên hồn;
 臨流難弔屈原魂
 Hòa-quân đãi tội cam thân phận,
 和勻待罪甘臣分
 Vũ-lộ lồi-dinh vạn-lý môn.
 雨露雷霆萬里門

Không bao lâu ông lại thăng lên chức Thị-giảng, Biện-lý bộ Lễ, đầu năm Kiến-phúc (1884) thăng lên chức Thị-lang, phong tước là Kiên-trung-nam (堅忠男) tháng 5 năm ấy, ông suất 50 lính thăng về tỉnh Quảng-nam thăm nhà, và ông có cưới một người làm vợ hầu, ngự-sử là Đào Hữu-Ích (陶有益) hạch ông dám giao-thông với các phủ-dệ (府第) và thiện-phát binh-mã, ông phải cách chức, án thành, bị phát giải vào Bình-thuận sung quân, đày đi đến Quảng-ngãi, ông phải bện, xin cho được nghỉ-ngơi đôi hôm, ông viện lẽ rằng ông theo việc binh-mã lâu năm, bị thương khắp cả mình, mỗi khi trời thay đổi, đau nhức không chịu được, quan tỉnh cũng có lời xin giùm, nhưng Tường, Thuyết không cho, giải vào đến Bình-thuận lại bị tuyệt-thực mà chết.

Lúc ông mới đỗ cử-nhân về, cưới vợ tại làng Châu-lâu, cách quê ông độ bảy tám làng, có một hôm ông đi vào làng vợ, giữa đường khát nước, bẻ mía của người ta mà ăn, bị người làng đó bắt được, tuy biết ông là một ông cử-nhân, nhưng cũng không tha; sau ông làm quan to về, hề mỗi khi đi vào làng vợ, thì sức lý-dịch chỗ làng bắt ông khi trước, phải ra dọn đường, cứ bị ông trừng-phạt luôn luôn, vì ông có tính không chịu khuất ai bao giờ, mà hề đã chịu khuất rồi, thì thế nào cũng báo thù lại cho được mới thôi.

Ông làm quan tại Kinh, phải thuộc ở dưới quyền Tường, Thuyết, ông có tính khùng, mà Thuyết thì ngu-dốt, Tường thì gian-trá, cho nên đương-thời ở Kinh có câu truyền-tụng rằng:

*Nước Nam có bốn gian-hùng,
Tường gian Viêm lão, Khiêm khùng, Thuyết
ngu.*

*Lại thêm hai chú vũ-phu,
Đề Đức, đề Soạn, cong khu chịu đòn.*

Ông vẫn tức Tường, Thuyết lắm, nhưng không thể nào làm cho hả hơi được, một hôm ông đương ăn cơm tối, nghe tin có Tường, Thuyết đến chơi, ông tắt đèn ngay, cứ ngồi ăn như vậy; Tường, Thuyết hỏi sao quan lớn xơi cơm mà không đốt đèn, ông đáp rằng: «Bầm hai quan lớn, như thằng ăn vụng, thì mấy khi có đèn». Ông nói câu ấy, có ý mắng Tường, Thuyết hay ăn của lót, Tường, Thuyết giận lắm, nhưng không biết làm sao được, chỉ thù để bụng mà thôi.

Lại một hôm ông làm thịt chó, mời các quan đến uống rượu, chung-quanh bàn ăn đều dọn thịt chó, chỉ ở trước mặt ông có một món thịt lợn thối. Các quan hỏi rằng: «Đấy những thịt gì?» Ông lấy tay chỉ chung quanh bàn mà nói rằng: «Cả thấy đây đều là chó cả, chỉ có một món thịt lợn ở đây thôi». Ăn rồi, gọi lính pha nước, thì chỉ nghe lính dạ vâng luôn luôn, mà không thấy đem nước lên, ông liền cầm hèo, chạy ngay xuống bếp, đánh lính mà mắng rằng: «Chúng bay sao chỉ lo ăn mà không lo việc nước!» Có ý nói chàm đến các quan, ai nghe cũng bất-bình, mà không làm gì được ông.

Lúc ông Thuyết làm thống-đốc quân-vụ đại-thần, ông đặc-chỉ ra làm quân-thứ tán-tương, ông ra đến quân-thứ, ông Thuyết hỏi trong Kinh có việc gì không? Ông thưa rằng: «Không, chỉ hôm tôi đi có vào hầu cụ ông (tức ông Tôn-thất Đỉnh) cụ ông có dặn tôi rằng: «Ông ra xem thử thằng Thuyết tôi ở ngoài Bắc ra thế nào?» Ông giả mượn tiếng ông cụ nói mà gọi ông Thuyết là thằng Thuyết, phạm những việc như vậy đều là do cái tính ngạo của ông cả.

Lại có khi ông đi đánh giặc, thắng trận rồi nửa đêm cưỡi voi kéo quân về thành, khi đến cửa thành, thì ông cứ

cởi quần cởi voi đi thẳng vào, các quan nghe tin thẳng-trận, ai ai cũng chạy đến hỏi thăm, ra thì thấy ông ở trên lưng voi nhảy xuống, hai tay che lấy hạ-bộ mà nói rằng: « Xin lỗi các quan, tôi nhân xông-pha hãm trận, tuột rơi mất quần ». Vừa nói vừa thở, làm ra bộ nhọc-mệt lắm, các quan thấy vậy, biết là ông ngạo đời, nhưng cứ phải làm thinh vậy, mà bảo người cầm quần ra cho ông bận.

Ông là một bậc người có trí có dũng, mấy năm đi dẹp giặc các nơi, thường lập được công to, oai-danh lừng lẫy, ông đi qua tỉnh nào, các quan đều khiếp-sợ, thù phụng ông một cách rất đặc-biệt, ông nào có ý khinh-thường, thì ông dọa rằng: « Đề tôi xin cho quan-lớn đi quân-thứ » là tỏ ra ý rằng: những hạng người bất tài, hễ đi quân-thứ, thì bị thua trận mà chết, cho nên ông mới nói như vậy. Đương-thời có một ông tên là Vũ Tiến-Thắng (武進諱) thi đỗ phó-bảng, cũng là người tỉnh Quảng-nam, làm chức án-sát tại Hà-nội, tự-thị mình là đỗ đại-khoa, dẫu ông không được cần-thận, ông cũng bảo với ông Thắng rằng: « Đề tôi xin cho quan-lớn đi quân-thứ ». Ông Thắng đáp lại rằng: « Đi quân-thứ thì đi, bộ mặt này không phải là mặt sợ giặc đâu. » Ông liền tâu cử ông Thắng cho đi quân-thứ; đến khi lâm-trận, ông bỏ một mình ông Thắng với giặc, mà mình không đem quân ra ứng-viện, ông Thắng liền bị giặc giết ngay.

Ông mỗi khi lâm-trận thường cởi cả quần áo, xen vào trong quần-ngũ, tay cầm một thanh gươm đề đốc-chiến, hễ người nào thoái-thác, thì ông chém ngay, người nào giỏi xung-đột có quân-công, thì ông cũng tức-thì chỉ đích-danh, tâu xin vua hậu-thưởng, vì thế những người lính dũng-cảm, vui lòng đi đánh trận, hễ một tiếng trống giục lên, thì ai nấy đều hung-hăng xung-trận; ông lại rất tinh binh-pháp, bày

trận nhiều cách lạ, khi tới khi lui, mau như chong-chóng, quân giặc không biết đầu mà lườm, những thổ-phi nước Tàu, nghe đến cái tên ông, thì đã kinh-hãi thất-thần, lo lui chạy cho thoát nạn, cho nên quân ông thường được thắng-lợi.

Khi ông Hoàng Tá-Viêm (phò-mã) làm Thống-đốc quân-vụ đại-thần, ông phải ở dưới quyền ông Diêm, trận đánh nào có công, đều về ông Diêm cả. Cho nên ông Nguyễn Tư-Giản có tặng cho ông một bài thơ, có câu rằng:

Viên tú mạc khoa chân-cốt tướng,
猿臂莫誇真骨相
Phong hầu nguyên thuộc chúa-gia nô.
封侯原屬主家奴

Ông Diêm nghe lấy làm căm lắm.

Thơ vịnh Bàng-than

Ở về huyện Chí-linh xứ Hải-dương, có một chỗ thác nước tên là Bàng-than (cũng gọi là Bình-than, Bài-than), phát nguyên từ hai con sông Xương và sông Cầu, chảy quanh xuống núi Chi-linh, núi Phá-lại, ngọn nước quanh co lai-láng, trong truyện Trần cung-nữ thi Huyền-quang (陳宮女試玄光傳) có câu rằng:

Dầu mà cạn nước Bàng-than,
Rửa làm sao sạch tiếng oan cho thầy.

chính là chỉ chỗ đấy. Trong dã-sử chép: Xưa có một người cống-sĩ, người xứ Hải-dương, đi theo con đường miền bắc lên kinh-dô ứng-thi, (thi hội) khi đi ngang qua một nhà quan kia, thấy có một cô con gái đương đứng ngoài cửa, cống-sĩ giả làm học-trò nghèo vào xin tư-lương. Cô con gái hỏi: — Người ở đâu? Cống-sĩ trả lời: — Người xứ Hải-dương. Cô bảo: — Hải-dương có thác nước Bàng-than, có phải là học-trò thử làm một bài thơ coi nào; cống-sĩ liền vịnh rằng:

Một vũng Bàng-than vạnh-vạnh tròn,
 Bốn mùa nước chảy biết bao mòn ;
 Le-te vô kéo bên kia bãi,
 Đứng-dính chày dăm mái nọ non ;
 Lay-xổ đầu ghềnh sào một cột,
 Lập-lờ mặt nước đá hai hòn ;
 Thuyền ngư đi lại khoan thì nhặt,
 Nhơn-nhờn triều lên nước dẫy con.

Cô con gái ấy khen hay, cho tiền, khoa ấy cống-sĩ thi đỗ tiến-sĩ, sau vinh-qui rồi, đến cưới cô ấy làm vợ.

Bài này vì giọng thơ có hơi bướng-bỉnh, nhiều kẻ cho là thơ của Hồ Xuân-Hương, nhưng sai với sự thực, không khác gì cho bài thơ bán than là của Trần Khánh-Dư vậy. Vả lại trong bài thơ cũng chữa di chữa lại nhiều lần, nhiều câu khác với nguyên-văn. Đã đành thơ của cò-nhân làm ứng-khầu, không khỏi có chữ chưa hay lắm, có thể chữa được, nhưng tưởng đã chép thơ cò thì chép đúng nguyên-văn, dù chữa có hay hơn cũng không nên chữa. Chuyện này do một nhà văn-nhân lúc triều Lê, đồng-thời với cô Xuân-Hương, chép trong tập Lê-triều dã-sử, rất là rõ-ràng. Xin cứ lục ở sách ra, không phải là nghe lời truyền-khẩu.

Thơ cũng có bài tùy tục mà hay, không thể bỏ được, như bài :

Nắng cực lâu ngày đất ruộng khô,
 Kiền-thành mặt-đào cả ông cò ;
 Chẳng biết cầu mưa hay cầu-tự,
 Dám hỏi ông thần ở Bích-ngô.

Về đời Thành-thái, viên tri-huyện huyện Hà-đông tỉnh Quảng-nam, nhân gặp lúc trời đại-hạn, đi cầu mưa ở một cái miếu tại làng Bích-ngô, khi đi đem cả cò hầu đi ; thời-nhân giễu mà vịnh một bài ấy.

Trong bài thơ tuy có chữ nghe không được nhã, nhưng tôi tưởng những câu chuyện vui mà khiến cho người nghe phải bật cười, đều là câu có ý tục lời

tục, tục mà làm cho người đọc phải bật cười, thế không phải là thanh hay sao ? Con người ta chỉ trong lúc cười, nét mặt rất thanh-tú, thế thì câu chuyện mà làm cho người có vẻ thanh-tú, há lại là câu chuyện tục hay sao ? Cho nên tôi dám nói rằng : « Những câu rất tục chính là những câu rất thanh-nhã vậy. »

Xưa ông Trạng Quỳnh đi chơi đến xứ Tuyên-quang, vừa gặp một cô con gái nhà quan đi trông gặt lúa, ông giả làm một người học trò khó đói đi đến xin lúa, cô ấy bảo làm một bài thơ, ông liền đọc rằng :

Tuyên-quang, Hoàng-hóa cũng thi vua,
 Nắng cực cho nên phải mất mùa ;
 Lại đứng đầu bờ xin xổ chị,
 Chị nữ lòng nào chị chẳng cho.

Thơ ấy đến bây giờ đâu đâu cũng truyền tụng, các sách phần nhiều có chép lại, thế không phải là một câu thơ rất thanh-nhã đáng thuật lại hay sao ?

Ông Trạng Quỳnh là người làng Bột-thượng, tỉnh Thanh-hóa, người đời Hậu-Lê, ông lúc bé đã nổi danh, chưa đến hai-mươi tuổi đã thi đỗ hương-cống, (cử-nhân) tính rất thích-thắng, lại hay khôi-bài, đi học ở trường Quốc-tử-giám, hạch thường đỗ đầu, nhưng ông không thích ra làm quan, nhà vua thường sai ông giúp việc tiếp rước sứ Tàu, trong khi nói chuyện, ông thường có ý tự-phụ, sứ Tàu có ý không thích. Một hôm nhân xem các bức cò-họa, sứ Tàu sai người tùy-viên cùng ông thi vẽ, hạn rằng : Hễ đánh một tiếng trống, phải vẽ được một con vật gì. Ông nói rằng : « Đánh một tiếng trống vẽ mười con vật, cũng có thể được, kẻ chi một con vật ». Người Tàu cho là nói khoác, sai để đủ giấy bút ở bàn, ông sai người mài một nghiên mực rất to, khi đánh trống người Tàu mới vẽ con chim gần xong, ông thì chỉ lấy hai bàn tay bôi mực, rồi in trên giấy, giơ tay

lên bảo kảng : « Đây là mười con giun vậy ». Sứ Tàu kinh-phục.

Ông bình-sinh khinh đời ngạo vật, khi lướt cả một đời, trong triều vương công, đều chịu khuất-phục, cho ông là Đông-phương Sóc giáng-sinh.

Lúc ông còn bé, quan thừa-ty xứ Thanh mới tựu-ly, ông mang hai quả cau đến làm lễ tân-quan, quan thừa-ty giận, sai lính trói lại, đem ra giam nắng, đến bữa cơm trưa, quan thừa-ty ăn cơm ném xương cá vào bể nước trước sân, cá tự lại ăn, bèn vịnh câu rằng : « Nước trong leo-lẻo cá ăn cá », bảo ông đối được, thì tha cho về, ông liền đọc rằng : « Trời nắng chang chang người trói người. » Quan thừa-ty liền tha ngay.

Ông có nhiều thơ hay và dạt-sự, sẽ in vào bộ Quốc-học tùng-san, để cống-hiến độc giả.

Ông lại có bài văn tế bố và bố vợ, cũng rất buồn cười.

Văn tế rằng :

Ông Phó Hiến-nam, ông Tri-phủ Kiến, ông thấp le-le ; ông cao nghiêng-nghệ. Ngờ là : ông sống tám mươi ; ông sống chín mươi, đều đến một trăm ; chẳng ngờ : ông chết tháng tám, ông chết tháng mười, cùng về một chuyển. May sao nhà cũng có ăn, chẳng có phen này thì biển.

Thương nhớ hai ông, ô-hồ mấy tiếng !

Lại có câu rằng :

Con người lộng-lộng trong như ngọc,
Thằng bé hăm-hăm đáng tựa đình.

Câu thơ này cũng một câu tạo tục, do một nhà nghĩa-sĩ vịnh ra.

Ông Vũ Huy-Trác người lúc cuối nhà Lê, người làng Lộng điền, huyện Đại-yên, ông rất sớ-trường về từ phú, cho nên đương-thời có câu ngạn rằng : *Gà Văn-cú, phú Lộng-diên*. Ông thi đỗ tiến-sĩ làm quan nhà Lê, khi quán nhà Tây-sơn ra lấy mất Bắc-hà, sai sứ

đến đòi ông ra làm quan, ông giả bệnh thanh-mạnh không chịu ra, sứ nhà Tây-sơn bốn lần chữ : « Nhãn mạnh dương cử », bảo ông vịnh thơ, ông liền vịnh hai câu ấy, sứ Tây-sơn biết không thể khuất-phục ông được, mới chịu thôi mà về.

Ở về đời Tây-sơn năm Mậu-thìn (1788) có chỉ vua truyền các quan văn võ làm quan với triều Lê khi trước, đều phải đến thành Thăng-long hầu-bồ, lại truyền sức các huyện các tổng đều phải cử những người văn-học, để cho nhà-nước lựa dùng ; lại sai trấn-binh đi tới tận nhà thôi-giục vào kinh-dô Phú-xuân, các nhà văn-sĩ đương-thời sợ phải gông cùm đánh đập, đều phải ra ứng-cử, hễ người nào trốn tránh thì bắt giam

Nguyên lúc đầu Tây-sơn ra lấy Bắc-thành, đều là một tay ông Cống-Chính bày mưu thiết-kế mà thành công-cuộc to, cho nên đương-thời cho bọn hương-cống là bọn không phải khinh-thường được, phàm những người đã đỗ rồi, nhà nước đều lấy mưu-kế lang-lạc cả.

Khi ấy có một vị hương-cống ở huyện Nam-thần, tên là Nguyễn Bá-Xuồng là học trò ông Vũ Huy-Trác, cũng bị cử ra, chưa kịp đi thì có 30 người lính đồn đến vây tận nhà, gươm giáo bày khắp trước sân, bách phải đi ngay, ông Trác có tặng một bài thơ rằng :

Sinh hiền tự cò trọng cung tinh,

聘賢自古重弓旌

Dĩ lễ nhi kim khước dĩ binh ;

以禮而今却以兵

Khởi thị dằng-la tùy vật phụ,

豈是藤蘿隨物附

Bất tri đào lý hương thụ vịnh ;

不知桃李向誰榮

Từ phương hồ-thỉ quân kim nhật,

四方弧矢君今日

Bán thế phong-trần ngã thử sinh ;

半世風塵我此生

Sư đệ chi tình hà dĩ tặng,

師弟之情何以贈

Tặng quán lưỡng tự tự bình-ninh.

贈君兩字自平寧

Xưa có người làm lại-ty, thăng đến kinh-lịch, liền bị tội phải giáng xuống làm lại-ty, bài thơ tự-vịnh có câu rằng:

Bởi vì vo lằm nên sẵn sợi,

Há vụng xoay ra, phải lộn vòng.

Quốc-âm gọi « Lại-ty » là « nhà tơ » cho nên trong câu thơ lấy tơ mà vịnh, thí-dụ đã luyện, mà ý-từ cũng hay ; những tay xảo-lại nên đọc dấy mà tự-tính.

Lại có viên thừa-ty, học dốt mà tham, gặp một người học-trò ở làng Thạch-lôi 石磊, thấy người ấy có bộ kiêu-ngạo, viên thừa-ty vịnh câu rằng:

Lôi磊 kia đã nặng bằng ba thạch石,

Người học trò liền đối rằng :

Tơ 司 nọ xem khinh đáng nửa đồng 同.

Chữ Lôi có ba chữ Thạch 石, chữ ty là có một nửa chữ đồng 同 ; hai câu này lấy cái tượng-hình chữ mà vịnh ra câu thơ đối rất chỉnh. Nghe đầu người học trò này sau thi đỗ làm đến quan to.

Sở-cuồng biên-tập

LUẬN-NGŨ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

論語國文解釋

VI

XIX

可再之子後思子季
矣。斯曰。聞行。而三文

Dịch-âm. — Qui-Văn-tử tám tư nhi hậu hành. Tử văn chi viết: « Lái tư khả hĩ ».

Dịch-NGHĨA. — Qui-Văn-tử phạm làm sự gì tất nghĩ đi nghĩ lại mãi rồi sau mới làm. Đức Khổng nghe dấy mà chê rằng: « Phạm sự cứ hai lần nghĩ đã kỹ rồi vậy ».

Chú-giải. — Qui-Văn tử = Quan Đại-phu nước Lỗ, tên là Hành-Phụ 行父. Tám-tư = Nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần, ý là chỉ so tính lợi hại mà nghĩ quẩn. Tái = Hai, nghĩ đến hai lần thì đã biết rõ lẽ phải trái rồi.

Đây là nói người quân-tử xử-sự, chuộng ở hết lẽ, mà lại qui về quá.

(1) Xem Nam-Phong số 172.

quyết ; nếu nghĩ quanh-quẩn mãi, thì lại khởi ra ý riêng mà sinh lằm.

XX

及思及其道知有武子
也。不也。知則邦道子
可其可。愚無則邦雷

Dịch-âm. — Tử viết: « Nịnh Vũ-tử bang hữu đạo tắc tri, bang vô đạo tắc ngu ; kỳ tri khả cập dã, kỳ ngu bất khả cập dã ».

Dịch-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Ông Nịnh Vũ-tử lúc nước có đạo thời trí, lúc nước không đạo thời ngu ; điều trí ông ấy người ta còn khá kịp, điều ngu ông ấy, người ta chẳng khá kịp vậy ».

Chú-giải. — Nịnh Vũ-tử = Quan đại-phu nước Vệ tên là Du 俞. Bang hữu-đạo = Trở về đời Văn-công là vua hiền mà nước trị. Bang-vô-đạo =

Trở về đời Thành-công là vua bất-
hiền mà nước loạn. Trí = Sáng khôn.
Nói về khi làm việc nước hay sáng biết
thời-cơ, yên đạo thường xử lẽ thuận.
Ngu = Ngạ tối, hình như khờ dại. Nói
về khi hết lòng vì vua, chẳng tránh sự
gian nan nguy-hiểm. Những khi ấy thì kẻ
trí xảo chẳng chịu làm, mà Vũ-tử cứ
làm, bình như là khờ dại, thế mà hay
toàn được thân cứu được vua.

Đây là khen cái nết trung vua yêu
nước của Vũ-tử, chẳng hơn người về
điều trí, mà chính hơn người về điều
ngu.

XXI

之。所。章。斐。子。薰。歸。曰。子
以。不。然。狂。之。與。歸。在
裁。知。成。簡。小。吾。與。陳。

Dịch-âm. — Tử tại Trần, viết: « Qui
dur qui dur, Ngô-dàng chi tiều-tử cuồng
giản, phỉ nhiên thành chương, bất tri
sở dĩ tài chi ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng ở nước
Trần, than rằng: « Ta về vậy dư! Ta
về vậy dư! Kẻ tiều-tử trong đảng ta
lắm người ý-chí cuồng giản, vẫn về
vậy coi cũng nên chương, nhưng chẳng
biết tự mình sửa-sang lấy mình ».

Chú-giải. — Ngô-dàng tiều-tử =
Những gã học-trò trong bọn ta. Trở về
những kẻ môn-nhân ở nước Lỗ khi ấy.
Cuồng giản = Cuồng = Ngông, ý-chí
cao xa. Giản = Giản-lược về sự thực.
Phỉ nhiên thành chương = Rõ rệt nên
văn-chương. Trở về cái chí-thú cao-
minh, qui-mở rộng lớn, đã có văn-vẻ
khá xem. Tài-chi = Cắt sửa đây, cắt
sửa cho hợp về đạo trung-chính, để
chữa bớt cái bệnh ngông-cuồng.

Đây là lời than của đức Khổng khi
ngài chu-du liệt-quốc, đạo học chẳng
thi-bành ra được, nên mới nhớ đến
bọn học-trò quê nhà, muốn về mà dạy
học, để truyền đạo-thống cho đời sau.

XXII

用。怨。舊。不。叔。伯。子
希。是。惡。念。齊。夷。曰。

Dịch-âm — Tử viết: « Bá-Di, Thúc-
Tề, bất niệm cựu ác, oán thị dụng
hĩ ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng:
« Ông Bá-Di, ông Thúc-Tề chẳng truy-
niệm điều ác cũ của người ta, nên ít
kể oán giận ».

Chú-giải. — Bá Di, Thúc Tề = Hai
con vua nước Cồ-trúc 孤竹, có tiếng
là người phẩm-hạnh thanh-nghiêm. Bất
niệm cựu ác = Chẳng nghĩ ác cũ, ý là
quên đi. Đối với người khi đã đời ác
làm thiện rồi, thì chẳng truy-niệm điều
ác cũ của người ta ngày trước nữa.
Oán thị dụng hĩ = Oán giận ấy ít, ít
có kẻ oán giận hai ông là nghiêm-khắc
thái quá.

Đây là kể ra cái độ-lượng khoa-
dung của bậc thánh-giả chí-thanh 聖
者之清.

XXIII

之。鄰。乞。乞。高。謂。子
而。諾。醜。直。微。曰。
與。其。焉。或。生。孰。

Dịch-âm. — Tử viết: « Thục vị Vi-
Sinh Cao trực, hoặc khát ế yên, khát
chư kỳ lân nhi dĩ chi »

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng:
« Ai bảo người Vi-Sinh Cao là người
trực, xem ngay như một điều có kẻ
đến xin giấm anh ta, mà anh ta xin ở
láng diềng để cho người ».

Chú-giải. — Vi-Sinh Cao = Người
nước Lỗ vốn có tiếng là người trực.
Trực = Thẳng, phải rằng phải, trái
rằng trái, có rằng có, không rằng
không, mới là người trực.

Đây là xét một việc nhỏ mà chế Vi-
Sinh Cao dụng ý là x quanh, để chiều
lòng người mua ân-huệ, không phải là
người trực.

XXIV

丘 邱 友 之 之 左 令 子
亦 明 其 匿 丘 邱 色 曰
恥 恥 人 怨 亦 明 足 巧
之 之 左 而 恥 恥 恭 言

Dịch-âm.— Tử viết : « Xảo ngôn, lệnh sắc, tú cung, Tả-Khuru Minh sĩ chi, Khuru diệc sĩ chi. Nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả-Khuru Minh sĩ chi, Khuru diệc sĩ chi ».

Dịch-Nghĩa.— Đức Khổng nói rằng : «Nói ra lời tốt, làm ra sắc lạnh, quá bề cung-kính đó là hạng người xiêm-nịnh, ông Tả-Khuru, Minh lấy làm xấu hổ những nét ấy, Khuru này cũng lấy làm xấu-hổ những nét ấy. Giấu điều oán đi mà lại làm bạn với người mình oán ấy, đó là hạng người gian-hiềm, ông Tả-Khuru Minh lấy làm xấu-hổ những nét ấy, Khuru này cũng lấy làm xấu hổ những nét ấy ».

Chú-giải.— Tú = Quả-dáng. Nặc = giấu kín. Tả-Khuru Minh = Người hiền đời xưa.

Đây là bảo kẻ học-giả nên gìn lòng giữ nét cho thẳng, chớ nên bắt chước về hai hạng người đáng xấu hổ ấy, mà lập tâm cho thành-thực.

XXV

懷 安 子 施 顏 友 願 各 顏
之 之 之 勞 淵 共 車 言 淵
朋 志 子 曰 敝 馬 爾 季
友 子 路 願 之 而 衣 志 侍
信 之 曰 曰 無 伐 無 輕 裘 子 子
之 少 老 願 善 憾 與 曰 曰
者 者 聞 無 朋 路 盡

Dịch-âm.— Nhan-Uyên, Qut-Lộ thị. Tử viết : « Hạp các ngôn nhĩ chi ».

Tử-Lộ viết : « Nguyên xa mã, ý khinh cừ, dữ bằng hữu cộng, lệ chi nhi vô hám ».

Nhan-Uyên viết : « Nguyên vô phạt thiện, vô thi lao ».

Tử-Lộ viết : « Nguyên văn tử chi chi ».

Tử viết : « Lão giả an chi, bằng hữu tin chi, thiếu giả hoai chi ».

Dịch-Nghĩa.— Thầy Nhan-Uyên và thầy Qut-Lộ ngồi hầu, đức Khổng nói rằng : « Nhà ngươi sao chẳng đều nói cái chi-nguyện ra cho ta nghe ? »

Thầy Tử-Lộ nói rằng : « Tôi nguyện rằng dồ xe ngựa và áo cừu nhẹ tốt, cùng bè bạn cùng dùng, dẫu đến rách nát mà cũng không tức giận ».

Thầy Nhan-Uyên nói rằng : « Tôi nguyện rằng không khoe điều giỏi của mình, không phô cái công của mình ».

Thầy Tử-Lộ nói rằng : « Xin nghe cái chi-nguyện của nhà thầy ».

Đức Khổng nói rằng : « Đối với người già thì ta nuôi lấy cho được yên ; đối với bè bạn thì ta giao-liếp bằng điều tin ; đối với người trẻ thì ta vỗ về bằng điều ân ».

Chú-giải.— Ý = Mặc, áo mặc. Khinh = Nhẹ tốt. Chương này hai chỗ nói về bằng-hữu đều tỏ rộng về hạng người đồng-bồi với mình khắp trong thiên-hạ, không phải là hạng người bạn riêng. Phạt = Khoe-khoang. Thiện = Điều hay, điều sở-đắc ở mình. Thi = Phô bày. Lao = Công-lao khó-nhọc.

Xem toàn chương này thì biết cái chi thầy Tử-Lộ coi các vật dùng là vật chung mà không biên-lạn. Chỉ thầy Nhan-Uyên thì coi điều tài giỏi công-lao của mình, cũng là của chung mọi người mà không kiêu-căng. Đến như chi đức Khổng, thì như trời như đất bao-hàm muốn khiến cho muôn vật đều đắc sở cả.

XXVI

者 自 而 其 能 未 乎 已 子
也 訟 內 過 見 見 吾 矣 曰

Dịch-âm.— Tử viết : « Di hi hời Ngô vị kiến năng kiến kỳ quá nhi nội tự tụng giả dã ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Thôi vậy thôi! Ta chưa thấy người nào hay biết lỗi mình mà trong lòng tự trách mình đấy vậy ».

Chú giải. — Di hi hồ = Thôi vậy thôi, là lời than tiếc rằng chẳng thể trông thấy được nữa. Nội-tự-tụng = trong tự-trách, miệng chẳng nói ra mà trong lòng tự trách lấy mình.

Đây là ngài than về người ta ít hay biết xét mình đòi lỗi để răn kẻ học-giá phải nên biết hối-ngộ mà đòi lỗi mình.

XXVII

好 如 者 信 必 室 子
學 丘 焉。如 有 之 曰。
也。之 不 丘 忠 邑。十

Dịch-âm. — Tử viết: « Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khuru giả, bất như Khuru chi hiếu học dã ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Trong một cái ấp mười nhà, tất cũng có người-tự-chất trung-tín như Khuru này, nhưng chẳng bằng Khuru này hiếu học vậy ».

Chú-giải. — Thập-thất = Mười nhà, là nói về cái ấp nhỏ. Trung-tín = Trung hậu tin-thực, nói về cái tự-chất tốt tự trời sinh ra.

Đây là nói cái chất tốt thì cũng dễ được nhiều người trung tín, nhưng cái đạo rộng thì khó biết, cần phải chăm học mới đến được bậc thánh-nhân. Vậy không nên cậy có chất tốt mà chẳng chăm học.

THIÊN UNG-DÃ THỨ SÁU

雍 也 第 六

Gồm 28 chương

凡 二 十 八 章

I

簡。	亦	行	伯	面。	子
子	無	簡	子	子。	曰。
曰。	乃	以	子	仲	雍
雍	大	臨	曰	弓	也
之	簡	其	居	間	可
言	乎。	民	敬	子	也
然。	行	不	而	桑	南

Dịch-âm. — Tử viết: « Ung dã khả sử nam diện ».

Trọng-Cung vấn Tử-Tang-Bá-tử. Tử viết: « Khả dã giản ».

Trọng-Cung viết: « Cư kính nhi hành giản, dĩ lâm kỳ dân, bất diệc khả hồ? Cư giản nhi hành giản, vô nãi thời giản hồ? »

Tử viết: « Ung chi ngôn nhiên ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Thầy Ung kia khá khiến ở ngôi nam-diện »

Thầy Trọng-Cung nhân hỏi người Tử-Tang-Bá-tử là người thế nào? Đức Khổng nói rằng: « Bá-tử khá vậy là người giản ».

Trọng-Cung nói rằng: « Minh tự xử nghiêm-kính, mà thi-hành ra giản-dị để cai-trị dân, chẳng cũng là nên ư? Nếu mình tự-xử giản-dị, mà làm việc gì cũng giản-dị, chẳng hóa ra quá giản lắm ư? »

Đức Khổng nói rằng: « Thầy Ung bàn thế là phải ».

Chú-giải. — Ung = Tên thầy Trọng-Cung. Nam-diện = Ngành mặt phương nam, cái ngôi của ông vua ngồi đó để thi-hành chính-trị. Trọng-Cung là người khoan-hồng giản-trọng có cái đo-lượng đấng nhân-quân, cho nên đức Khổng lấy ngôi nam-diện ước khen. Tử-Tang-Bá-tử = Người nước Lô, là người giản dị quá đáng. Khả = khá, hơi khá-khả mà chưa thật hết phải. Giản = Giản-dị, không phiền-nhiều. Lâm = Thống trị, tức là ngự ngôi trên để cai-trị dân.

Đây là thầy Trọng-Cung luận về đức giản cốt phải tự-trị mình cho nghiêm-kính trước đã, rồi làm việc gì thì giản-dị cốt giữ lấy đại-thể để trị dân, thì dân không phiền-nhiều, đó là một cách giản-nghiêm. Nếu mình tự-xử giản-lược mà làm việc gì cũng cầu-giản quá, thì khờ-khờ còn có phép tắc gì nữa. Đó là ý thầy Trọng-Cung không muốn bắt chước như Bá-tử là người cầu giản

quá, cho nên đức Khổng khen lời luận về đức giã như thế là phải.

II

也。未 矣。不 遷 回 子 孰 哀
聞 今 幸 怒 者 對 爲 公
好 也 知 不 好 曰 好 問
學 則 命 貳 學 有 學 弟
者 亡 死 過 不 顏 孔 子

Dịch âm. — Ai-công vẫn đệ-tử thực vi hiếu học? Khổng-tử đối viết: « Hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá, bất hạnh đoán mệnh tử hi! Kim dã tắc vô, vi vẫn hiếu học giả dã ».

Dịch-NGHĨA. — Vua Ai-công hỏi kẻ đệ-tử trong môn-dồ ai là người hiếu-học? Đức Khổng thưa rằng: « Trước kia có Nhan Hồi là kẻ hiếu-học, chẳng đời điều giận, chẳng hai lần lỗi, chẳng may đoán-mệnh chết rồi! Nay vậy thì không có ai, chửa nghe có người nào hiếu-học ».

Chú-giải. — Bất thiên-nộ = Chẳng đời điều giận, nghĩa là giận người nọ chẳng đời giận sang người kia. Bất nhị-quá = Chẳng hai lần lỗi, nghĩa là lầm lỗi một lần chẳng hề lầm lỗi đến hai lần, đều là cái công-phu chăm học hay tự-trị mình.

Đây là truy-thuật về cái sự thực hiếu-học của Nhan Hồi hay nên giận không hề giận lây đến người khác, hay đời lỗi: không hề lầm lỗi đến hai lần, hiếu-học một cách chân-chính tự-trị; mà lại cả tiếc rằng không mấy người hiếu-học được như Nhan-tử vậy.

III

與 栗 富 聞 齊 粟 益 母 子
爾 九 之 之 也 也 五 日 請 華
鄰 百 原 之 也 乘 乘 與 與 粟 使
里 十 思 之 也 肥 之 之 栗 子 於
鄰 十 爲 之 也 馬 之 之 日 齊 齊
鄰 子 之 之 也 衣 之 之 得 與 子
鄰 曰 之 之 也 衣 之 之 與 之 爲
鄰 母 與 之 也 輕 之 之 子 與 之 其
鄰 以 之 之 也 裘 之 之 與 之 請

Dịch âm. — Tử-Hoa sử u 78. Nhiễm-tử vị kỳ mẫu thỉnh túc. Tử viết: « Dĩ chi hữ. » Thỉnh tch. Viết: « Dĩ chi dĩu. » Nhiễm-tử dĩ chi túc ngũ bình.

Tử viết: « Xích chí thich 78 dã, thừa phi mã, ý khinh cừu. Ngô vãn chi dã, quân-tử châu cấp bất kế phú ».

Nguyên-Tư vi chi tề, dĩ chi túc cừu bách, từ.

Tử viết: « Vô, dĩ dĩ nhi lân lý hương đảng hồ ».

Dịch-NGHĨA. — Thầy Tử-Hoa vì đức Khổng đi sứ sang nước Tề. Thầy Nhiễm-tử vì mẹ Tử-Hoa xin đức Khổng cho thóc. Đức Khổng nói rằng: « Cho mẹ Tử-Hoa thóc một hũ ». Thầy Nhiễm-tử hiềm rằng ít mà xin thêm. Đức Khổng nói rằng: « Cho một dữu ». Thầy Nhiễm-tử đem thóc năm bình của mình ra cho mẹ Tử-Hoa.

Đức Khổng nói rằng: « Xích kia khi sang nước Tề, cưới con ngựa béo, mặc áo cừu nhẹ. Ta nghe đó rằng: Người quân-tử giúp cho kẻ thiếu, chẳng nói cho kẻ giàu ».

Thầy Nguyên-Tư làm chức gia-tề cho đức Khổng đức Khổng cho Nguyên-Tư thóc chín trăm, Nguyên-Tư từ-chối.

Đức Khổng nói rằng: « Chớ từ, có thừa thì đem giúp cho lân-ly hương-đảng nhà người chẳng nên ư! »

Chú giải. — Tử-Hoa = Tức là Công-Tây Xích. Sử = người vâng mệnh đi thay mặt Hữ = Sáu đấu bốn thăng. Dĩu = Mười sáu đấu. Bình = Mười sáu học, là kẻ một số nhiều. Thich = Đi sang. Châu = Giúp đỡ. Nhiễm-tử = Tức Nhiễm-Câu Nguyên Tư = Học trò đức Khổng tên là Hiến. 78 = Chức gia-thần, tức là quan Tề một ấp. Khi ấy đức Khổng làm quan Tư-khẩu nước Lỗ, mà Nguyên-Tư làm chức gia-thần. Cừu-bách = Chín trăm, không rõ là chín trăm gi, nhưng là kẻ một số bằng-lộc thường của quan Tề. Lân = làng diềng 5 nhà. Lý = Xóm, 25 nhà.

Bương = Làng. 12,500 nhà. *Đàng* = Một làng 500 nhà,

Đây là ghi chép về sự đức Khổng khi dùng của cho người đều thích-hợp với nghĩa-lý, không phải rằng có lộn với thầy Xích mà hậu với thầy Tư vậy. Còn như thầy Nhiễm-tử mà cho nhiều để làm ơn huệ, thì ấy Nguyên-Tư mà từ chối tự nghĩ là liêm, đều không hợp nghĩa cả.

IV

共用雖弊牛弓子
舍山欲且之曰謂
諸川勿角子犂仲

Dịch Âm. — Tử vi Trọng-Cung viết : « Li nguưu chi tử tuynh thả giốc, tuy dục vật dụng, sơn xuyên kỳ xá chử ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng bàn riêng với thầy Trọng-Cung mà rằng : « Con trâu lang lờ kia, sắc nó đỏ và sừng nó đều-dặn, người ta tuy vì nó là con loài trâu lang mà chẳng dùng để tế, nhưng thần núi thần sông há lại bỏ chẳng ! »

Chú-giải. — *Trọng-Cung* = Trọng-Cung là người hiền, mà người cha có hạnh ác, cho nên đức Khổng mới mượn truyện con loài li-nguưu mà phẩm bình, « bảo rằng loài trâu lang mà sinh được con có sắc đỏ, thì cũng đáng dùng để tế thần. Người con mà hiền hơn cha thì tất là đặc-dụng với đời, *Li* = Sắc tạp, lang-lờ chẳng thuần. *Tuynh-thả giốc* = Sắc đỏ và sừng ngay ngắn. Con trâu như thế là hợp vào cách hi-sinh dùng để tế thần. Lê nhà Châu lấy sắc đỏ làm qui cho nên hi-sinh dùng loài đỏ.

Xem chương này thì biết người hiền sinh ra không cứ hệ về khí-loại ; tuy là con người ác mà hiền, người đời tất cũng chẳng bỏ vậy.

V

而月餘遠三也子
已至則仁月具曰
矣焉日其不心回

Dịch Âm. — Tử viết : « Hồi dã kỳ tam tam nguyệt bất vi nhân, kỳ đạ, tắc nhật nguyệt chí yên nhi dĩ hi ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Hồi kia vậy, cái tâm người ba tháng chẳng trái điều nhân ; người khác thì hoặc ngày hoặc tháng, một lần đến cõi nhân mà thôi ».

Chú-giải. — *Nhân* = Cái đức hồn-nhiên thiên-lý của bản-tâm. *Tam bất vi nhân* = Tâm chẳng trái nhân ; trong tâm tuy ết không tư-dục mà thì ởng giữ được đức nhân. *Tam nguyệt* = Ba tháng, nói cái thờ-kỳ được lâu. *Nhật- nguyệt chí yên* = Ngày tháng đến vậy, nghĩa là hoặc một ngày một lần, hoặc một tháng một lần, cái tâm cũng có lúc đến được cõi nhân, nhưng ở trong cõi nhân ấy chẳng được lâu vậy.

Đây là khen thầy Nhan Hồi, thường giữ hoàn-toàn tâm-đức được lâu, kẻ đệ-tử trong môn-đồ chẳng ai kịp vậy.

VI

從也。白。達。從。問。由。使。季
政。與。求。於。政。政。有。也。從。康
乎。白。也。從。也。日。果。從。子
何。求。可。政。與。賜。於。政。也。問
有。也。使。乎。日。也。從。與。仲
於。政。有。也。使。乎。日。由

Dịch Âm. — *Qui Khang-tử vấn Trọng-Do khả sử tưng chính dã dư ? Tử viết : « Do dã quả, ư tưng chính hồ hà hữu ».* *Viết : « Tử dã khả sử tưng chính dã dư ? »* *Viết : « Tử dã đạt, ư tưng chính hồ hà hữu ».* *Viết : « Cầu dã khả sử tưng chính dã dư ? »* *Viết : « Cầu dã nghệ, ư tưng chính hồ hà hữu ».*

Dịch-Nghĩa. — *Qui Khang-tử hỏi : « Cái tài Trọng-Do khả khiến tưng-chính được chưa ? »* Đức Khổng nói rằng : « Do kia có cái tài quả-quyết, đối với sự tưng-chính có khó gì ». Lại hỏi rằng : « Tài thầy Tử khả khiến tưng-chính

được chưa? » Đức Khổng nói rằng: « Từ kia có cái tài thông - đạt, đối với sự tưng-chính có khó gì ». Lại hỏi: « Tài thầy Cầu khá khiến tưng-chính được chưa? » Đức Khổng nói rằng: « Cầu kia có nhiều tài-nghệ, đối với sự tưng-chính có khó gì ».

Chú-giải. — *Tưng chính* = Làm chức quan đại-phu coi chính nước. *Quả* = Quyết-doán mọi sự. *Đạt* = Thông-đạt mọi lẽ. *Nghệ* = Có nhiều tài-năng.

Đây là nói ba thầy (Do, Tử, Cầu) đều có cái sở-trường, có thể đem cái tài phẩm ấy ra mà ứng-dụng được.

VII

上 吾 復 辭 曰 宰 子 季
 矣 必 我 焉 善 閔 焉 氏
 任 者 如 為 子 為 使
 汝 則 有 我 焉 費 閔

Dịch-âm. — *Qui thị sử Mãn Tử-Khiên vi Phi tề. Mãn Tử-Khiên viết:* « *Thiên vị ngã từ yên; như hữu phục ngã giả, tắc ngô tất tại Vấn thượng hồ.* »

Dịch-nghĩa. — Họ Quý khiến người triệu thầy Mãn Tử-Khiên ra làm quan Tề ấp Phi. Thầy Mãn Tử-Khiên nói với sử giả rằng: « Khéo vì ta từ chối với họ Quý, nếu chẳng nghe mà lại với ta lần nữa, thì ta tất tránh đi ở trên sông Vấn vậy ».

Chú-giải. — *Qui-thị* = Họ Quý, kẻ quyền-thần nước Lỗ. *Mãn Tử-Khiên* = Học trò đức Khổng, tên là 損. *Phi* = Ấp riêng của họ Quý. *Thiên* = Khéo, là ý ủy-khúc chối từ cho khéo. *Phục* = Lại triệu lên nữa. *Vấn* = Tên một con sông ở phía nam nước Tề phía bắc nước Lỗ. *Tất tại Vấn thượng* = Tất ra ở trên sông Vấn. *Tỏ ý lánh ra cõi ngoài chẳng chịu làm quan.* Cỗ lễ quan Đại-phu không được với người hiền ở ngoài cõi.

Đây là thầy Mãn-tử chẳng muốn làm bề tôi họ Quý là chốn quyên-môn, mà tỏ ra lời kiên-quyết chối-từ.

VIII

疾 也 疾 也 矣 曰 孺 子 伯
 也 而 也 而 夫 亡 執 問 牛
 有 斯 有 斯 之 其 之 有
 斯 人 斯 人 命 手 自 疾

Dịch-âm. — *Bá-Nguru hữu tật, tử vấn chi, tự dữ chấp kỳ thủ, viết:* « *Vong chi, mệnh hi phù! Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã!* »

Dịch-nghĩa. — Thầy Bá-Nguru có bệnh, đức Khổng đến hỏi thăm, tự ngoài cửa sổ cầm lấy tay Bá-Nguru mà than rằng: « Bệnh này chết mất thôi, là mệnh trời vậy ôi! Người này vậy mà có bệnh này! Người này vậy mà có bệnh này vậy! »

Chú-giải. — *Bá-Nguru* = Học trò đức Khổng, họ Nhiễm 冉 tên Canh 耕, có tiếng là người đức-hạnh sánh với thầy Nhan thầy Mãn. *Tật* = Bệnh, tiên-nho cho là bệnh phong.

Đây là đức Khổng đến thăm Bá-Nguru khi có bệnh, ngỡ lời vĩnh-quyết, tỏ nghĩa thầy trò, thương tiếc cho Bá-Nguru không đáng có bệnh ấy mà có bệnh ấy; lại đổ cho mệnh trời mà nói gi-i-thuyết đi.

IX

回 其 回 不 在 食 回 子
 也 樂 也 堪 陋 一 也 曰
 賢 不 其 巷 瓢 一 賢
 哉 改 憂 人 飲 箪 哉

Dịch-âm. — *Tử viết:* « *Hiên tại Hồi dã! Nhất đan tự, nhất biểu ẩm, tại lậu hạng, nhân bát kham kỳ u, Hồi dã bất cải kỳ lạc, Hiên tại Hồi dã!* »

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Hiên thay Hồi kia vậy! Một rổ cơm, một bầu nước, ở trong ngõ hẹp nghèo đến như thế, nếu người khác xử về

cảnh ấy thì sao kham được sự buồn rầu, mà HỒi kia chẳng vì cảnh nghèo mà đổi cái vui của mình, hiên thay HỒi kia vậy!»

Chú giải. — Đan = Cái rỏ dựng cơm mà đan bằng tre. Biều = Loài quả bầu già, chế ra làm đồ đựng nước.

Đây là đức Khổng khen thầy Nhan HỒi hay lấy đạo-học tự vui; cảnh nghèo chẳng đủ làm hệ-lụy cái tâm.

X

女。面。者。力。也。力。子。非。冉。
畫。廢。中。不。子。不。之。不。求。
今。道。足。曰。足。道。說。曰。

Dịch âm. — Nhiễm-Cầu viết: «Phi bất duyệt tử chi đạo, lực bất túc dã». Tử viết: «Lực bất túc giả, trung đạo nhi phế, kim nhữ hoạch».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Nhiễm-Cầu nói rằng: «Không phải là chẳng vui mền cái đạo của thầy, nhưng sức mình chẳng đủ theo vậy». Đức Khổng nói rằng: «Cái người sức chẳng đủ là trong tâm vẫn cố cầu đạo, mà đến giữa đường hết sức phải bỏ. Nay nhà người là tự vạch ngăn lại mà chẳng chịu tiến».

Chú giải. — Lực bất túc = Sức chẳng đủ, là ý muốn tiến mà cố sức chẳng tiến được. Trung đạo = Giữa đường, nửa đường. Hoạch = Vạch, tự mình vạch xuống đất để làm giới-hạn, là ý tiến được mà chẳng muốn tiến.

Đây là trách thầy Nhiễm-Cầu không hay vui lòng cầu đạo mà lại dồ cho sức chẳng đủ, để cảnh-sách thầy ấy phải tự cường mà hướng tiến lên.

XI

儒。小。無。子。爲。曰。子。子。
人。爲。儒。君。女。夏。謂。

Dịch-âm. — Tử vị Tử-Hạ viết: «Nhà vi quân-tử nho, vô vi tiểu-nhân nho».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng dạy thầy Tử-Hạ rằng: «Nhà người nên cố làm hạng nho quân-tử, chớ làm hạng nho tiểu nhân».

Chú giải. — Nho = Là một hạng người học-vấn. Quân-tử nho = Nhà nho chân-chính học về đường tu-thân sửa tính. Tiểu-nhân nho = Nhà nho giả-dối, học về đường cầu lợi cầu danh.

Đây là đức Khổng dẫn tiến cho thầy Tử-Hạ leo bậc chân-nho.

ĐÔNG-CHÂU và LÙNG-VÂN

dịch thuật



GƯƠNG ĐẸP ĐÀN-BÀ

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

TẬP THỨ HAI

(Kể về hôn bích-ngọc nhà tiều-gia)

VI

Trình hiếu vẹn hai

À Thục-Hoa vốn là con gái họ Ngô đất Hoài-dương. Nhà nghèo xác, thường có khi hai ba ngày ở dưới bếp không có ngọn lửa nấu ăn. Cha mẹ đành bó tay không có kế sách gì nữa, đã toan ngồi nhịn đói để đợi chết mà thôi. Khi ấy Thục-Hoa tuổi mới mười hai, dung-nhan tuyết-thế, trông như là gái thanh-xuân đã đến đôi tám. Tay nhà nghèo mộc-mạc, chẳng trang-sức gì, mà xinh đẹp về vẻ thiên-nhiên, khiến người nhất-kiến ai nấy đều phách-đảo hồn-xiêu.

Hoặc có người bảo cha mẹ rằng :

— Trong nhà có của báu lạ, mà ngồi đây chịu cảnh nghèo khổ, sao lại ngu thế a ?

Người cha mẹ nói rằng :

— Nhà bốn vách rỗng như di bụi, còn có cái vật báu gì ?

Người hoặc nói rằng :

— Sao ông bà ngu lắm thay ! Đời xưa chẳng có câu rằng : « Sinh trai chớ vội mừng, sinh gái chớ thương-bi. Họ Dương sinh con gái, vang-vẻ cả môn-mi » đấy ư ! Nhà ông bà có cô thiếu-nữ dung-quang xinh đẹp như vậy, nếu đem bán về chỗ nhà giàu sang làm thiếp-mọn, hay hoặc đem bán vào chỗ lầu hồng, thì lại càng được giá đắt, há chẳng phải cái vật báu là gì ?

Người cha mẹ ngậm-ngùi đáp rằng :

— Sinh con ra, ai cũng muốn trao

lơ cho phải lứa, gieo cầu cho đáng nơi, nếu được như á Dương Quí-Phi ngày xưa, thì mới dám nói sự về-vang. Nay bán vùi bán dập con đi làm hạng thiếp-mọn, hạng lầu xanh, thì lại còn nói sự về-vang gì nữa.

Người hoặc lại nói rằng :

— Ông bà nói như vậy, thôi đành chẳng về-vang thì chớ, lại chẳng đủ cứu-khở cứu-nạn lấy một thời hay sao ?

Người cha mẹ nghe nói mới hiểu ra, bảo Thục-Hoa rằng :

— Lời nói người ấy cũng có lẽ, con có thể giáng cái chí, nhục cái thân để toàn tính - mệnh cho cha mẹ được không ?

Thục-Hoa nói rằng :

— Có cha mẹ mới có thân con, nay cha mẹ đã có mệnh bảo, thì dầu dẫm vào chỗ lửa nóng nước sôi, con cũng chẳng dám từ chối.

Cha mẹ mới đem bán Thục-Hoa về chốn hồng-lâu, được thân-giá là năm trăm lạng bạc, nhờ cái bạc ấy để lần hồi tế-độ hàng ngày.

Thục-Hoa khi đã vào chốn hồng-lâu, tó-lục chuốt hồng, ứng tiếp tân-khách, lại có phần chu-đào hơn mọi người, vương-tôn quí-khách đối với Thục-Hoa rất là hoan-ngheh. Người mụ đầu lấy làm mừng lắm, coi Thục-Hoa như một cái cây đề lay rụng lấy đồng tiền. Sau dần-dà cũng có người khách biết rằng Thục-Hoa là con nhà tử-tế, vào chốn hồng-lâu không phải là bán-tâm, tó ý mua chuộc về làm lẽ mọn ; hoặc cũng có người xui Thục-Hoa thừa-cơ trốn đi, Thục-Hoa đều chẳng ưng-thuận,

nhân đem tâm sự tỏ-dãi ra với khách rằng : « Tôi vào đây là tôi phụng-mệnh cha mẹ tôi mà đến đây, thân tôi tuy phong-trần, nhưng cha mẹ tôi được hưởng phần an-lạc. Tôi hán mình vào đây đã đủ làm được nghĩa-vụ rồi, lại còn ban mua mấy lần nữa. Và lại người mẹ già đối với tôi là kẻ ân-nhân, không phải là kẻ thù-nhân, nay bội-bạc người ta mà trốn đi là bất-nghĩa, tôi chẳng nỡ làm ».

Người mẹ dầu nghe được những lời ấy, từ đó tin trọng Thục-Hoa, coi như phần thân-thích một nhà. Duy Thục-Hoa lại có một cách khéo-khôn, là trong khi tiếp khách, chỉ tiếp những khách phong-nhã hào-hoa, đến như những khách thô-bỉ, coi ra không phải là tướng lương-hảo, thì dầu kim-tiền chẳng vào thế nào mặc dầu, Thục-Hoa cũng không tiếp. Thục-Hoa đối với khách, thường chu-tri về dương tinh-thần, mà từ-chối về dương vật-chất, cho nên những người khách thưởng-thức Thục-Hoa, phần nhiều là những người có nhan-phẩm hần-hoi, vì thế mà Thục-Hoa dầu lạc vào cái địa-ngục phong-trần, mà vẫn y-nhiên như người xử nữ trong khuê-các. Thục-Hoa lại là người khéo dành-dựm, chẳng lãng-phí như mọi người. Sau khi đã được ba năm, kim-tiền chưa lại được một số rất giàu, đem một số gấp đôi chuộc cái thân lại với mẹ già, về nhà nuôi cha mẹ.

Thục-Hoa khi đã về nhà, cầm cái chủ-nghĩa chẳng lấy chồng, chung-thân phụng-dưỡng cha mẹ. Hoặc có người khuyên Thục-Hoa rằng :

— Cô đã chẳng lấy chồng, sao chẳng vào chùa thí phát di tu ?

Thục-Hoa đáp rằng :

— Tôi nếu xuất gia, ai nuôi cha mẹ.

Câu rằng : *Có tu đâu, vì bằng có tu chùa nhà, thờ cha kính mẹ ấy là chân tu.* » Ấ Thục-Hoa quả thế vậy.

VII

Giết giặc ác gặp vua minh.

Lục Úy-Nông, người đất Từn-Giang có người con gái tên là Châu-Anh. Châu-Anh tuy áo quần mộc-mạc mà phong-vận thiên-nhiên, dầu tiên-nữ Hằng-nga, chẳng hơn gì mấy. Cho nên những phường hiếu-sắc, trông thấy không khỏi rỏ dãi thêm thường. Song le Châu-Anh là người đoan-trang nghiêm-trọng, ít nói ít cười, dù bày ra cái điệu-kê gì mặc dầu, cũng khó làm ra được một cái cười của nàng. Nàng thật đã là đẹp như hoa đào lý mà nghiêm tựa chất băng-sương vậy.

Cách nhà họ Lục hơn mười dặm, có một cái trại gọi là Ôn-gia-trang. Người trang-chủ là Ôn-cầu, vốn là kẻ giáo-hoạt tinh-quái, tinh lại hiếu-sắc, phàm con gái người nào hơi có nhan-sắc một chút, hề qua mắt Ôn-cầu mà anh ta để mắt đến là tất bị mắc vào trong lưới bẫy anh ta. Ôn-cầu vốn là nhà giàu có nhiều điền-sản. Một hôm chàng ta đi thu thuế, đường đi qua cửa nhà họ Lục, thích-ngộ Châu-Anh đang đứng giữa cửa, chàng nhạc thấy Châu-Anh xinh đẹp lạ thường, ngỡ là thần-tiên giáng-thế, phách-động hồn-siêu, đứng nhìn Châu-Anh hồi lâu mới quay cổ về.

Ôn-Cầu về hỏi người nhà, biết rằng là con gái họ Lục còn chưa có chồng, chàng mừng lắm, liền sai người đến nói với họ Lục, dạm Châu-Anh về làm tiểu-thiếp, xin đem một số tiền lớn làm tiền thù-tặng. Cha nàng là Lục Úy-Nông cá giận, đuổi băng-nhân ra. Ôn-Cầu vì cơ ấy đem lòng oán họ Lục, mới bày mưu lập kế, dùng của hối-lộ cho kẻ tham-quan, vu-hãm Úy-Nông vào tội. Úy-Nông liền bị đẩy ra đất Vân đất Quý. Mẹ con Châu-Anh ở nhà rất là sợ-hãi khóc lóc kêu oan, nhưng còn kêu vào đâu cho được, chỉ kêu trời

khóc đất mà thôi. Có ngờ đâu cái thảm-kịch đã phải diễn đến đây mà thôi. Đau, lại còn thảm-khốc gấp bao nhiêu nữa.

Lạ gì cái thói phú-ông giáo-hiệt bấy lâu, cây cỏ kim-liền làm thế-lực, bình-nhật thường đem tiền bạc sai khiến bọn tham-quan; bọn tham-quan chỉ vì đồng tiền mà làm nô-lê cho lũ phú-ông, cho nên kẻ giáo-hiệt kia mới tha-hồ mà hoành-hành làm những điều phi-pháp, dân dẫu có miệng, mà không biết kêu oan vào đâu, thực đáng thương thay!

Giữa lúc mẹ con Châu-Anh đương thăm-thiết kêu gào, dường như muốn vạch trời ra để tỏ nỗi oan, thì Ôn-Cầu ở đâu đột-ngột đến, sóng thẳng vào trong nhà cùng với mấy kẻ gia-nhân sức-vóc lực-lưỡng hiệp bắt Châu-Anh đem đi, chẳng nói chẳng rằng gì cả. Người mẹ vội vàng chạy ra giăng lại, liền bị đánh ngã lăn xuống đất, lại cố bò dậy cướp lấy Châu-Anh nhưng rút lại đều bị kẻ gia-nhân như beo như cọp kia đánh đập đau quá, ngã gục xuống không dậy được nữa, chỉ nằm lăn ra mà kêu gào. Những người gần đấy đều tỏ ra ý bàng quang không ai dám đến cứu. Nếu thế thì cái thế-lực của Ôn-Cầu tưởng cũng đủ biết vậy.

Về đến nhà Ôn-cầu, Châu-Anh liền bị rớt vào một cái tầm-thất, rồi thì nào, là vú em con hầu xúm quanh lại Châu-Anh cũng chẳng chuyển-động chút nào chỉ khóc-lóc cầu cứu mà thôi. Kịp đến lúc đêm khuya canh vắng, những đũa nô-li kia đều đã đau về đấy, chỉ còn có Châu-Anh ngồi ở trong buồng, một mình nghĩ-ngợi. Nàng tự nghĩ rằng mình là thân-phận con gái, yếu ớt không làm gì được, nếu đợi đến lúc thẳng Ôn-Cầu nó đến thì khó khỏi bị ô-nhục, chi bằng ta một chết cho toàn được cái tiết trinh. Nhưng nghĩ lại thì cha mình vô-cố mà bị vu-hãm, mẹ

mình sống chết chưa biết thế nào, nếu mình cầu-thả chết đi thì thù kia ai là người vào mà lại khiến cho thẳng giặc kia được tiêu dao ở ngoài vòng lưới phép, mình chết như thế phỏng có ích gì. Nghĩ đến đây, trong tâm hồi-hồi, đau-dớn vạn-trạng, đôi hàng ai-lệ chưa chan, nàng ngả đầu về một bên lấy tay tỉ vào gò má, ngửa mặt trông lên, đôi mắt dăm-dăm, trầm-ngâm nghĩ-ngợi. Chợt đôi lông mày thấy chau lại chừng đã nẩy ra kế-sách gì hay, nàng liền gục đầu xuống giường, nhắm hai mắt lại để dưỡng cái tinh-thần, chợt bên ngoài có tiếng giầy lạch-cạch, nàng biết rằng Ôn-Cầu đã đến, nhưng cứ nằm im giả cách không biết. Ôn-Cầu mở cửa vào, nét mặt tươi cười, lại gần Châu-Anh vỗ vào vai mà yên-ủi rằng:

— Mĩ-nhân ơi! Nếu nàng chịu theo tôi, tôi sẽ làm đẹp hết thầy cái lòng nàng nguyện-vọng. Nàng chớ bi-thương. Cha nàng bị tôi, tuy nay phải đi đây xa-xôi, nhưng nếu nàng để tôi vào trong mắt xanh, tôi xin chẳng tiếc đồng tiền gỡ cho cha nàng khỏi tội.

Châu-Anh nghe nói, làm ra dáng bộ hoan-nghênh mà rằng:

— Ông nói thật đấy chẳng?

Ôn-Cầu đáp:

— Ai lại dám nói dối nhau.

Châu-Anh giả-cách mừng rỡ, vui-vẻ nói rằng:

— Nếu ông gỡ cho cha tôi khỏi tội, tôi đâu dám tiếc cái thân mọn này.

Ôn-Cầu mừng lắm, trong khi âu-yếm đã có chiều lả-lơi, nhưng Châu-Anh gượng cười nói rằng:

— Vội gì liễu ép hoa nài, thiếp tôi đã về đến đây, ngày xuân thiếp hãy còn dài, sau này chẳng thiếu gì ngày hoan-lạc, há phải vội-vàng trong một thời-khắc này hay sao? Đêm nay chính là đêm thiếp tôi về làm bạn với ông, dẫu không phải là có lẽ-nghĩa hẳn-hoai, nhưng cũng là duyên trời xe lại, ta nên

đặt một tiệc cùng nhau uống rượu làm vui lễ thưởng-thức cái đêm tốt-đẹp này.

Ôn-Cầu lấy làm phải, liền sai nhà bếp tiến đồ rượu lên. Hai người chốc rượu mời nhau, chén hà sánh giọng quỳnh-tương, đĩa chén bày la-liệt, Châu-Anh cố ý làm cho Ôn-Cầu rõ thật say-sưa nên cố mời chiều-miên mãi chẳng thôi. Chẳng bao lâu mà Ôn-Cầu đã quá say, ngã đầu xuống giường, hồn-mê bất tỉnh. Châu-Anh liền lên ra ngoài, lấy một con dao, nhằm cổ Ôn-Cầu chém mạnh một nhát, đầu liền rời khỏi xác, máu chảy đầm-dia, mà hồn phách Ôn-Cầu cũng theo lưỡi dao bay về địa-phủ.

Châu-Anh biết rằng sự này quan-hệ mạng người, khó tránh được tội chết, bèn quì xuống ngoài về nhà mình mà khấn rằng : « Cha ơi ! Mẹ ơi ! Con đến nhà này, thân con đã dội cái tiếng xấu ở đời, không sao biện bạch được nữa, khó phần sống thừa để làm hồ-nhuốc cho cha mẹ. Nhưng cũng may mà đầu giặc đã lia, thù lớn đã báo, thế là cái chức-phận của con đã xong, xiu từ đây giã-biệt cha mẹ ». Châu-Anh khấn xong loay cầm dao để tự-sát. Song lại nghĩ rằng ta nếu chết đi mà chẳng nói gì, thì cái tội những kẻ đồng-ác với Ôn-Cầu vu-hãm cho ta chữa mình, chỉ bằng ta bằng sống để nói ra cho mình, bấy giờ ta sẽ chết. Nghĩ thế nàng bèn thôi.

Kịp đến sáng, người nhà thấy sự liền hô-hoán đi báo quan. Quan về xét thì Châu-Anh chỉ một mực nói rằng : « Tôi chẳng bằng lòng Ôn-Cầu thì tôi giết » mà thôi, vì nàng biết rằng bọn tham-quan ô-lại này cùng với Ôn-Cầu là một đồng một cốt, nếu nói ra thì sự tất chẳng thành. Rút lại nàng bị kết về tội giết người, đệ án lên bộ Hình để đợi ngày chuẩn-y xử-tử.

Thề-lệ khi ấy phạm những án đại-hình xử-tử, thề nào cũng có một viên thanh-tra đại-thần đi xét lại rồi mới thi-hành, Châu-Anh ở trong ngục ít-lâu,

kịp đến lúc quan thanh-tra đến nơi, liền đem nàng ra xét lại. Nàng bèn công-trạng kể rõ sự tình oan khổ đầu đuôi, bộ Hình phải lập ra phiên hội-dồng để xét lại cái án ấy. Khi Hình-bộ đệ bản-án lên vua, không ngờ vua cũng đã có một bản án thảo tự bao giờ, đúng như lời viên thanh-tra kể, cả triều đều lấy làm kinh-hãi. Hay đâu là vì vua đã từng đi vi-hành trong dân-gian, đã biết rõ sự nhà Châu-Anh oan-khò vậy.

Kết cục viên thanh-tra vì hết lòng minh-xét được thăng-thưởng, Châu-Anh vì giết giặc giúp-dám được khỏi tội, người cha Châu-Anh là Lục Úy-Nông được về nhà yên-nghỉ, bọn tham-quan ô-lại vì vu-phản tội-dồng đều phải cách-chức đẩy ra viễn-biên để sung-quân.

Thiên-hạ đều khen là công-bằng, và ngợi khen Châu-Anh chẳng xiết. Sự ấy thuộc về đời vị minh-quân Kiêu-Long nhà Thanh vậy.

VIII

Thuyền nghĩa hóa ra thuyền tình.

Có một cậu công-tử tên là Lý-Cu, con một ông quan ở Yên-kinh ; một hôm mang một số kim-tiền lớn đi thuyền xuống Kinh-lãng để cưới vợ. Nhà vợ cũng là một nhà qui-tộc. Khi ở dưới thuyền thấy bọn lái thuyền ghé vào tai nhau thì-thăm bàn-bạc mà mắt thì cứ lăm-lét nhìn vào đồ hành-lý của mình, đến đêm lại nghe có tiếng mài dao, công-tử lấy làm chột da, biết rằng bọn này tất là đồ bất-lương, chúng chỉ đợi đến chốn nào vắng-vẻ là cái mư-gian của chúng tất phát-hiện, trong tâm rất lấy làm lo-sợ. Đến ngày thứ hai thuyền đỗ ở ven một cánh bãi rộng, bọn lái thuyền nối gót nhau lên bờ mua đồ vật chỉ còn một mình công-tử với kẻ gia-đồng ở dưới thuyền. Ngồi buồn công-tử bèn bước ra mạn-thuyền

đi lại cho khuấy-khỏa và đề tìm cái phương pháp thoát-thân. Chợt trông sang chiếc thuyền bên cạnh, thấy một vị nữ-lang thanh-xuân chừng độ đôi chín, dung mạo xinh-đẹp, đang chú mắt nhìn vào mình rồi hỏi rằng :

— Tôi xem công-tử phong-thái hiên-ngang, không phải người thường, mà sao nét mặt lo buồn như vậy ?

Công-tử nguyên là người phàm-hạnh đoan-chính, thấy vị nữ-lang đường-dột hỏi mình như vậy, liền nói rằng :

— Trong-cò-lễ nam-nữ phân-biệt, sao cô chẳng biết thế mà lại đường-dột hỏi tôi như vậy. Vả chẳng có cũng không có thế giải được cái lòng lo buồn của tôi.

Người nữ-lang đáp rằng :

— Công-tử sao lại coi khinh người trong thiên-hạ thế ? Biết đâu tôi lại chẳng giải được sự lo cho công-tử hay sao ? Công-tử lo về điều gì, xin cứ nói cho tôi biết.

Công-tử biết là vị nữ-lang ấy quả có thực-tâm bèn đem hết thực-tình ra kể. Nữ-lang mới vạch kế cho mà rằng :

— Nếu quả thế, công-tử nên đem số tiền ấy gửi sang thuyền tôi, rồi công-tử giả-cách phát bệnh gì đó, sai người nhà mở hòm lục-lợi tìm thuốc, cố ý cho bọn lái thuyền nom thấy, chúng thấy trong hòm không có tiền của gì thì cái gian-muru của chúng tất thôi đi, công-tử sẽ thoát được hiểm mà về, nếu không thế tất sẽ nguy đến tính-mệnh. Tôi họ Vương, tiểu tự là Huệ-Phân, nhà ở thành ấy ngõ ấy rồi công-tử từ nay đến nhà tôi, tôi sẽ đem chỗ nguyên-kim toàn số hoàn lại công-tử. Tôi vì thấy điều nghĩa mà làm, chứ không phải là có ý gì khác đâu.

Công-tử khi ấy trong bụng nghĩ rằng nếu không nghe theo kế ấy thì cái tai-vạ tất đến nơi, mới đem cái số kim-tiền của mình mang đi đó ; hết thầy

đưa cho nữ-lang. Khi ấy nữ-lang cũng chỉ có một mình ở dưới thuyền, một lúc người cha và các khách về, chiếc thuyền ấy liền nhờ neo gióng buồm tiến đi.

Công-tử cũng cứ theo như lời người nữ-lang đã mưu tính, giả cách kêu đau bụng, gọi người nhà lấy thuốc rồi mở hết đồ hành-lý ra, lục-lối tìm tòi, gỡ hết bọc này đến bọc khác. Bọn lái thuyền chỉ thấy toàn là quần áo sách vở, còn ra không có gì là trọng-bảo cả, mưu-gian quả-nhiên thôi.

Thầy trò công-tử đều được thanh-thoi an-toàn lên bờ, bèn hỏi thăm đến nhà vị nữ-lang đề cảm-tạ và lấy lại cái số tiền. Người cha vị nữ-lang, lấy làm ngạc-nhiên, mắng nữ lang rằng :

— Là con gái, sao chẳng giữ lời khước-huân lại dám thiện-tiền cầm tiền của con trai, nữ-hạnh đề đâu ? trình-khiết đề đâu ?

Nữ-lang thưa rằng :

— Thưa cha, vì con thấy công-tử đây ở bước nguy-uan nên con ra tay cứu lấy cái tính-mệnh của công-tử, chủ-tân là làm việc nghĩa, chứ không có sự gì là ám-muội, xin cha biết cho.

Công-tử cũng nói rằng :

— Nữ-lang đã ra tay nghĩa-hiệp cứu người, tưởng cũng không thể đem thường-tình thường-lễ ra mà so kể được. Nay tôi có số vàng ba nghìn, xin để lại một nửa gọi là một chút tạ ơn nữ-lang.

Nữ lang nói rằng :

— Bản-lâm tôi vì nghĩa mà làm, chứ không phải vì tình mà cũng không phải vì lợi. Muốn vẹn điều nghĩa thì phải xa điều lợi, xin đa-tạ công-tử, tôi quyết xin từ-chối tiền này.

Nữ-lang quả-quyết không nhận, bắt-đắc-dĩ công-tử phải cả n-tạ mà mang toàn số tiền ấy đi. Đến Kinh-lăng, nhờ được số tiền ấy còn trọn vẹn, sự cưới vợ của công-tử được thành. Trong tâm

công-tử ki-ôn xiết cảm kích cái lòng tốt của nữ-lang, mới đem sự ấy nói chuyện cùng vợ. Người vợ cũng rất lấy làm cảm-kích kính-phục mà rằng :

— Người ấy thật là một người hiệp-nữ mà sẽ tất là một bậc hiền-phụ, tôi thiết tưởng không nên bỏ qua, công-tử nên đón về làm bạn với tôi và giúp đỡ việc nhà, công-tử nghĩ sao ?

Công-tử cả lấy làm phải, bèn trùng-lai nhà nữ-lang ngỏ ý cầu thân. Người cha nữ-lang cũng vui lòng mà rằng :

— Con tôi với công-tử mặt nước cánh bèo, duyên may gặp gỡ, bá chẳng phải là sự trời. Duy công-tử đã có vợ cả rồi, biết rằng lượng cả có bao-dung. Thương sao cho trọn sẽ thương, tính sao cho vẹn mọi đường thì tôi sẽ xin vâng.

Công-tử nói rằng :

— Sự này nguyên là tự nhà tôi chủ-trương chứ không phải là do ý tôi, sẽ xin không có điều gì đáng lo ngại.

Người cha nghe nói bèn ưng lời, nữ-lang cũng lấy làm xúng-ý. Công-tử bèn kết một chiếc thuyền hoa đón nữ-lang về Kim-lăng, một nhà hòa-hợp. Thật là một rỗi hai tiên, thế-gian ít có vậy.

TẬP THỨ BA

(Kể về những đóa danh-hoa trong hương-quốc) (1)

I

Hai đóa hoa hợp-truyện

Ả danh-kỹ họ Lâm tên là Đại-Ngọc, vốn là một vị nguyên-nhung trong làng hương-phấn, làm tay lĩnh-tự cho bọn chị em. Mấy phen r gỏi hàng Lâm-tri đã phá sản kiệt-quệ, ả đều mấy phen chấn hưng lại được. Thừa bình-sinh của ả, cái lịch-sử vui cười rất nhiều, nay lược ra vài chuyện như sau :

Đại-Ngọc người phong-hậu xinh đẹp mà tính sắc-xảo khôn ngoan, từng mở

ngôi hàng bán hương ở đất Hán-khâu. Một hôm một vị quan to ở địa-phương với ả đến mời rượu tiếp khách. Trong khi tiệc rượu, vị quan ấy có đề mắt xanh đến ả, nhân lúc vui cười có cùng ả ngỏ lời thề ước-nguyện ba sinh.

Về nhà, Đại-Ngọc tìm-lim cười nói một mình rằng :

— Khách trong làng chơi, phần nhiều là phường chém-chỉnh, chúng ta phần nhiều là giống éo-le, tin gì một lời ước-nguyện. Tuy vậy thói phong-lưu có thể đem tái-tình ra mà hiệp-bách được. Ta phải làm cho viên quan kia mắt cho ta một số tiền mới được, chứ bá lại chỉ một lời thề bảo ấy hay sao ?

Nghĩ vậy, sáng hôm sau ả bèn ngồi một cái kiệu đi đến dinh viên quan to kia, đưa danh-thiếp xin vào yết-kiến. Người canh cửa trông thấy chữ trong danh-thiếp đã tưởng là một viên hàn-lâm nào, kịp đến khi trông thấy nhan-sắc Đại-Ngọc cả lấy làm ngạc-nhiên, không dám ăn-nặc, cầm cái danh-thiếp vào trình. Khi ấy viên quan đương cùng bọn liêu-hữu nha-tuộc làm việc quan, tiếp được danh-thiếp của Đại-Ngọc rất lấy làm lung-túng khó nghĩ, phải sai lính ra bảo Đại-Ngọc rằng :

— Chỗ này không phải là chỗ các ả nên vào, cứ về nhà, bao giờ có mệnh quan sẽ hay.

Đại-Ngọc biết rằng mưu mình đã trúng, nhất-định không nghe, cứ nâng-nặng đòi vào cho được. Người giữ cửa hết sức ngăn-trở đến nỗi phải xô-xát, Đại-Ngọc không biết làm thế nào, bèn nói lớn lên rằng. Quan đã có lời thề ước-nguyện cùng ta mà nay sao lại nở cự-tuyệt ta một phen tương-kiến thế ư ? rồi tỏ ra nét mặt hờn giận ra về.

Hôm sau ả liền sai người mang thư trách viên quan là phụ-nghĩa. Viên quan khờ vì ả làm phiền-nhiều mãi, phải mang số bạc ba trăm lạng cho ả,

(1) Kỹ nữ.

sự phiến-nhiều ấy mới thôi. Viên quan ấy có than rằng :

— Quán-tử không hi ngôn, lời xưa nói thật chẳng sai. Từ nay ta đối với bọn kỹ-nữ dễ thường không dám hi ngôn nữa.

Khi Đại-Ngọc ở Thượng-hải cũng gặp một viên quan sắp-sửa vì việc nước xuất-dương, làm tiệc tiễn-biệt tân-hữu, có mời cả đến hầu rượu. Ấy cũng vì có cái nhan-sắc khuynh-thành, nên cũng được viên quan ấy thưởng-thức. Ấy ngọt ngào mời viên quan ấy đời gót ngọc đến chơi nhà, nên quan ấy đã toan nhận lời, sau vì tả hữu can ngăn nên lại thôi. Đại-Ngọc mới than rằng :

— Ta chẳng được gặp hiền-quan ở nhà thực là trời vậy, chứ kể tả người hữu sao lại có thể khiến ta chẳng được gặp thay !

Sau có người bạn hỏi Đại-Ngọc nói thế là ý sao, ả mỉm cười đáp rằng :

— Ngày hôm sau là ngày viên quan ấy phải xuất-dương, nếu đến nhà ta sẽ cưỡng-bách phải cho ta một số tiền hương-phấn, nếu không thì ta sẽ giữ lại, sợ quá kỳ xuất-dương là phải nghe theo.

Ai nấy nghe đều tức lưởi cho Đại-Ngọc là một ả sắc-xảo khôn-ngoa, sẽ biết cái ba-dào ở trong sắc-hải không phải là nhỏ vậy.

Đồng-thời với Lâm Đại-Ngọc lại có ả Lục Lan-Phân cũng là một tay danh-kỹ. Lan-Phân nguyên tên là Hồ Nguyệt-Nga, con gái họ Triệu ở Tô-châu, thiên-nhiên kiêu-mị, sắc đẹp hơn người, cho nên tự thuở nhỏ đã nổi danh ở trong hoa-quốc. Nửa vời lấy một chàng làm việc sở luân-thuyền họ Trịnh, vì vợ cả ghen tuông bị ruồng bỏ, mới đổi họ tên là Lục Lan-Phân.

Lan-Phân sắc đẹp nhất đời ấy. Khi ấy vào khoảng vua Đạo-quang, người Thái-tây sắp-sĩ giao-thông với Trung-quốc, có chụp một bức ảnh Lan-Phân đem về nước, đề là « Mĩ-nhân của China ». Thanh danh Lan-Châu truyền-đạt ra hải-ngoại, Lan-Phân cũng đủ tự-hào. Lan-Phân tuy cùng với Đại-Ngọc tề danh, nhưng Đại-Ngọc tính sắc-mắc nồng-nàn, Lan-Phân tính dịu-dàng trầm-tĩnh ; Đại-Ngọc ưa vẻ nùng-hậu, Lan-Phân ưa bề nhã-đạm, cho nên khách phong-nhã đời ấy phần nhiều bỏ Đại-Ngọc mà tới Lan-Phân, cho nên tiếng diễm-lệ của Lan-Phân ở trong làng hoa so với Đại-Ngọc lại có phần hơn.

Ít lâu khép cửa phòng hoa, tạ-tuyệt tân-khách, rồi chuag-tĩnh với một người họ Trương, sinh được một đứa con gái liền bị bệnh mà chết. Trương cũng vì Lan-Phân làm lễ tống-táng chu-tất, để vào chiếc minh-tĩnh rằng : « Tiên-thất Lục Lan-Phân ». (1)

Than ôi ! « Sống làm vợ khắp người ta, khéo thay ! ác xuống làm ma không chồng », lịch-sử của bọn kỹ-nữ xưa nay vẫn thế. Nay Lan-Phân có chồng đó vậy, chẳng cũng là vinh-bạc sao ! Kia những kẻ nổi chìm trong bể nghiệt, tưởng cũng nên sớm-sửa hồi đầu.

II

Danh-kỹ Tiểu Phụng-Tiên

Tiểu Phụng-Tiên là hạng kỹ-nữ đa-tình, lại cũng là hạng kỹ-nữ nghĩa-hiệp. Nét hoa khuôn nguyệt, áp-dào quần-phương, khách trong làng chơi xô đến như nước chảy.

Phụng-Tiên cùng với Tùng-Pha tương-quân là Thái Ngạc có lời thề nguyện ba-sinh, đã định ngày kết-hôn. Chẳng ngờ đâu mấy kia chưa hợp mà tan, trắng nợ chưa tròn đã khuyết, trời chẳng giúp Phụng-Tiên, khiến Thái

(1) Tiên-thất cũng như vong-thê.

tướng-quân vội bỏ mọi đường phiến-não chốn nhân-gian mà về cõi an-lạc vậy.

Phượng-Tiên khóc Thái tướng-quân một cách rất bi-thương thê-thiết, chẳng ăn uống gì đến ba ngày. Phượng-Tiên phong-phú về ái-tình, coi đây cũng khá rồi.

Khi Thái tướng-quân đương quyến-luyến Phượng-Tiên, mình mình ta ta, trợn cười suốt đêm, cuộc say đây thảng đã toan cho cảnh ấy là cảnh vui-thú cuối cùng của mình, không tưởng gì nữa. Phượng-Tiên thương thương can-ngăn rằng : « Tướng-quân chớ nên như vậy. Hiện nay giặc Viên đương sắp sửa hoành-bành để-chế, thiên-hạ còn rối loạn về nhiều. Tướng-quân là một vai vĩ-nhân trong hàng dân-quốc, nên bắt-chước như ai gối đầu ngọn giáo nằm đợi trời sáng, thề quét sạch chốn trung-nguyên. Thiếp tôi trộm nghĩ rằng : phạm kẻ anh-hùng, tất đã thoát khỏi cái thường-tình của nhi-nữ. »

Thái Ngọc nghe Phượng-Tiên nói, trong mê-mộng chợt đổi ra tỉnh-ngộ, mới từ-giã Phượng-Tiên quay về Vân-nam, đứng đầu phát cờ nghĩa đánh Viên Thế-Khải, kết-cục đảo-trừ được vạ để-chế.

Tóm lại mà bàn, công-nghiệp Thái Tướng-quân danh lớn-lao thật, nhưng nếu Phượng-Tiên mà lại như người kỹ-nữ khác, không phải là người nghĩa-hiệp, thì biết đâu Thái tướng-quân lại chẳng tự mình làm lầm lẫn mất cơ-hội của mình ru ! Thế thì cái công của Phượng-Tiên cũng nên nhớ.

Thái tướng-quân khi đã chết về sau, Phượng-Tiên cực chẳng đã lại phải truy-lạc vào bờ róc phong-trần. Nhưng từ đây về sau, Phượng-Tiên lúc nào cũng mặt ủ mày chau, dường như có sự đau-dớn lắm vậy. Suu có một danh-nhân kia, chẳng tiếc nghìn vàng, hết sức mua cười, kết-cục vẫn không được một

tiếng khuyuh-quốc của mỹ-nhân, vì Phượng-Tiên chung tình với Thái tướng-quân đã thắm, cho nên dẫu có ngou chời quét sàu, mà mối sàu trong dạ ai quét được thay !

II

Danh-kỹ Bối-Cầm

Bối-Cầm là một vị trạng-nguyên trong hoa-quốc thuở nọ, diễm-lệ thiên-nhiên, xuân xanh đôi chín, dung-quang yểu-diệu, mắt phượng mày ngài, thực là một giống vừa si-tình vừa diễm-thái, sinh ra mà đã thế ngay, không phải đợi đức chuốt gì cả. Bối-Cầm là người trầm-tĩnh ít cười nói và hiếu-học. Đồ văn-phòng từ-bảo như là nghiên bút giấy mực, hàng ngày bày la-liệt ở trước án ngồi, thường thường thích viết ra mọi bức chân thảo triệu lệ, dù các lối chữ. Vì thế khách trong làng chơi, phần nhiều là những kẻ văn-nhân học-sĩ.

Có một hôm Bối-Cầm ở trong một hí-viện kia xem diễn-kịch, vì khi ấy có một vai đào trứ-danh là Giả Bích-Vân, mới sung vào làm con hát viện ấy. Tối hôm ấy diễn tích « Chàng bán dầu độc-chiến ở hoa-khôi ». Bích-Vân đóng vai hoa-khôi là vai diễn khéo của Bích-Vân đã trứ-danh xưa nay.

Bối-Cầm khi ấy cùng với người khách quen cùng ngồi ở trong lò hạng nhất, bàn luận về cái tình-trạng trong bản kịch, đều nói ra những lời thanh nhã. Kịp xem đến hồi ở hoa-khôi tỏ tình cùng chàng bán dầu, thật là đả-n-thả u căn-vấn vì khiến ở hoa-khôi tái-sinh, cũng chẳng qua như vậy. Sẽ biết cái tài diễn-kịch của vai đào Bích-Vân đã đến nghề thần-hóa. Người khách vốn là kẻ lãng-mạn phong tình, thích-ngộ cùng với Bối-Cầm xem diễn kịch ấy, cũng lấy làm sự kỳ-ngộ, nhả nói sẽ với Bối-Cầm rằng :

— Nàng sắc đẹp như hoa, rành là một gái hoa-khôi vậy, tiếc thay tôi chẳng

phải là chàng đi bán dầu, nàng định xử-trí với tôi làm sao đây ?

Bối-Cầm khi ấy chẳng biết trả lời thế nào, chỉ đáp lại bằng một nụ cười mà thôi. Đó cũng là một cách khôn-ngoaan kín-đáo của bọn kỹ-nữ. Câu chuyện ấy bị người khách ngồi ở lò bên cạnh, nghe tiếng tức khắc lên tiếng nói rằng :

- Tôi chính là chàng bán dầu đấy, nàng có chịu dẫn thân về với tôi không ?

Người khách trước ghét người thứ hai là kẻ đường đột chẳng nhã-nhặn, ngó lời ra mắng. Hay dầu người khách kia cũng chẳng chịu nhượng-bộ, đôi bên ngõ-hầu đã đến sắp-sửa dụng-vũ. May thay Bối-Cầm cùng với khách thứ hai, trước kia đã từng tiếp mặt một lần, vì thế Bối-Cầm mới ra đứng giữa, hết sức điều đình, nói lên rằng :

— Hoa-khôi chỉ kén khách bán dầu, không kén khách dụng-vũ, ai muốn lấy hoa-khôi, trước hết hãy chừa cái nghề dụng-vũ ấy đi.

Hai người khách mới đổi giọng làm cười, cùng nhau nhượng-bộ. Bối-Cầm biết rằng sự điều-đình đã thành-công, mới từ-giã hai người mà trở gót tiên ra về. Rồi hai người khách cũng thung-dung trở ra về.

Đó cũng là một sự giải-thoại trong làng chơi.

IV

Danh-kỹ Trương Thu-Ngọc

Trương Thu-Ngọc là một vị quan-âm trong xóm hoa, phù-dụng là nét mặt, dương-liễu là vẻ mày, vốn là một vai đặc-sắc trong hương-quốc. Thu-Ngọc thường thân với một người khách Sơn-tây, người ấy vốn là người biển-lặn, nhất sinh ít khi chịu bỏ tiền ra làm việc gì hay cho ai. Chỉ Thu-Ngọc nói ra một lời, thì tức khắc ném vàng ra như ném dãi, hào phóng lại gấp mấy người thường.

Gặp khi ấy tỉnh An-huy có nạn nước lụt, chốn nào chốn ấy, dân đói ngòn-

ngang. Hoặc có người bảo Thu-Ngọc rằng :

— Người thân với cô là người khách Sơn-tây, người ấy trong lòng lúc nào cũng có vạn kim, cô sao chẳng dành lấy một đêm, đem sự trạng nước lụt thuyết-pháp cho người ấy hay, khiến người ấy dốc túi lặn làm phúc với kẻ cùng-dân, chẳng hay lắm ru !

Thu-Ngọc nghe nói cả lấy làm cảm-giác, dường như có thần thiêng liêng xui mách con tâm, tức khắc nói với người khách Sơn-tây, khiến người khách bỏ ra một số vàng lớn để giúp dân bị nạn. Người khách gạt đầu vàng-vàng, tức-khắc đem ra nghìn vàng giao cho hội nghĩa-chần, tuyệt-nhiên không có nét mặt khó khăn gì cả. Song le bản ý người khách không ở về sự trợ-chần, mà chỉ ở vì chiều ý Thu-Ngọc đấy mà thôi. Những kẻ nạn-dân vì có cô Thu-Ngọc làm vị thuyết-pháp-sư, mà cứu được sinh-mệnh có nghìn vạn người, Thu-Ngọc chẳng phải là một vị quan-âm cứu-khò cứu-nạn là gì.

V

Danh-kỹ Kim Tiểu-Bảo

Tiểu-Bảo là hạng kỹ-nữ phi-thường, xuất-hiện tại nơi Tam-dương Thất-lý là nơi hàng-viện trứ-danh, cùng với Á Lâm Lục-Trương, Á Trương Thu-Ngọc, Á Lý Tân-Hương cùng gọi là bốn vị kim-cương trong hoa-phổ. Mà Tiểu-Bảo tuổi lại ít nhất, lộng-lẫy bé xinh, sắc đẹp say người, người đời gọi là thượng-phẩm.

Khi ấy xã-hội bên Đông Á mới bắt đầu duy-tân, sĩ-phu phần nhiều còn ham-chuộng lối cũ, ít ai đã hiểu biết danh-từ mới. Tiểu-Bảo từng nuôi một tên nô-bộc nhanh-trao lanh-lợi, đặt tên là « Đông-Bảo », đi đâu cũng khiến đi hầu, mà gọi đến tên luôn. Kể thuyết-giả thường bảo rằng Tiểu-Bảo là người có văn-minh tư-tướng, cho nên một

đưa nó-bộc nhỏ-mọn cũng đặt cho cái tên-danh-từ.

Chỗ Tiểu-Bảo ở đề là Thiên-lương-các. Tiểu-Bảo tính ưa lan, biết vẽ lồi mặc-lan. Những quạt nền trắng trong có vẽ cảnh mặc-lan của những khách quen thân cầm đó, phần nhiều là của Tiểu-Bảo vẽ tặng. Thường có khi cầm bút đối khách vẽ lan làm đồ trân-tặng, so với Lý Tần-Hương đối khách họa thơ, đều là vẽ tài-tình đặc-biệt, ít có người kịp.

Tiểu-Bảo lại có tính khảng khái, hay thành-tựu những sự tốt cho người. Có một chàng học-sinh họ Thâm cùng với Tiểu-Bảo, chẳng qua mới có cái duyên tiếp mặt nhau một lần, sắp-sửa xuất-duong du-học, chỉ khổ về nơi không có tư-bản làm học-phi. Tiểu-Bảo tức-khắc lấy ra của chiền-đầu (1) năm trăm đồng, tặng cho chàng họ Thâm, mà ân-cần chúc vọng về sự thành-tài.

Từ đấy lừng-lẫy trong một thời-kỳ, ai nấy đều khen Tiểu-Bảo là bậc biệp-kỹ. Việc ấy vậy, người kỹ-nữ khác có bất-chước được không?

VI

Danh-kỹ Vương Bảo-Ngọc

Vị á-nguyên trong hoa-quốc là Vương Bảo-Ngọc, dung-quang yêu-điệu, phong-cách thanh-tân, lại càng khéo về cách thù-tiếp ứng-đối, cho nên khách làng chơi trong một thời, chẳng ai là chẳng khuynh-đảo. Nên chỉ sự sinh-hoạt về nghề vãng-lai nghèo-tống, hàng ngày càng thấy thịnh-vượng.

Có một chàng công-tử họ Hà, vốn là người lồi-lạc phong-ưu, chẳng khác gì « *Ngũ-lăng chàng trẻ ganh đua, xiết bao the thắm chước mua ngón đàn* ».

Chàng họ Hà cùng với Bảo-Ngọc một phen tiếp-kiến, tức-khắc khuynh-tâm, có cái chí một nền Đồng-lước khóa xuân hai kiêu đã lâu, nhưng chàng họ Hà vốn là kẻ bó tay sợ cai sự-tử, tuy đề chi đã lâu, mà chẳng dám công-nhiên thực-hành ấy là một việc hám-hận lớn cho thuở binh-sinh của Vương Bảo-Ngọc vậy.

Có một tối chàng họ Hà đặt tiệc thế khách ở một nơi từu-lâu, mà mình đứng làm chủ-tịch. Trong tiệc có một người khách vốn cùng chàng họ Hà chơi rất thân, sướng-khởi yêu-cầu Hà chủ-tịch gọi bậu chị em đến mời rượu. Khách trong tiệc đều biểu-dồng-tình. Chàng họ Hà tức-khắc triệu một tên đệ-nhất danh-hoa là Bảo-Ngọc đến, Ngờ đâu người bạn ấy cố-ý bày trò, lẳng-lặng khiến người đi mời người vợ chàng họ Hà đến, mà chẳng cho ai biết.

Phút chốc Bảo-Ngọc hài tiều thoãn-thoắt đến, mà vợ chàng họ Hà cũng gót sen bước vào. Đồi con phượng mái gặp nhau, máu gheu tức-lỗi, người vợ chàng họ Hà thì nắm tai chàng họ Hà, lời kéo thúc-giục đi về. Bảo-Ngọc thì kéo tay chàng họ Hà mời lại ngồi, không cho đứng lên, diễn thành ra một cái thú-kịch hai cô Chức-nữ tranh nhau một chàng Ngưu-lang. Khắp trong liệc ai nấy đều vỗ tay cười ầm cả lên, làm cho chàng họ Hà bèn Sở bên Tê, vạn-trạng khổn-đốn.

Liền có một người khách đứng lên làm kẻ điều-dinh nói rằng :

— Họ Hà ở trong tiệc này là họ Hà của chúng tôi, không phải là họ Hà của Bảo-Ngọc, mà cũng không phải là họ Hà của Quý-phu-nhân. Quý-phu-nhân không có pháp-luật được bắt họ Hà, Bảo-Ngọc không có chức-phận được giữ họ Hà, hai người hành-dộng, đối với chúng tôi đều có lỗi cả. Bảo-

(1) Chiền đầu = Cái đồ-vật hay hoặc số tiền của khách trong làng chơi tặng cho kỹ-nữ.

Ngọc nên uống rượu phạt mà lui về. Còn quý-phu-nhân về hay chẳng về, uống rượu phạt hay chẳng uống rượu phạt, thì xin quý-phu-nhân tự xử lấy, chứ chúng tôi đây, trọng danh-nghĩa, không khi nào chịu dè cho kẻ khác giữa trong tiệc bắt cóc họ Hà mà đem đi đâu.

Người khách nói xong liền rót chén rượu phạt đưa cho Bảo-Ngọc. Bảo-Ngọc tiếp lấy uống xong, liền trở ra về. Còn vợ họ Hà thì đứng yên chẳng động, chẳng nói chẳng rằng, vẫn còn tỏ ra nét mặt căm giận. Cuối cùng hỏi rằng :

— Tiệc này là tiệc gì ?

Người khách đáp rằng :

— Tiệc này là tiệc chúng tôi đồng-minh với nhau, về một thứ hội-dâng một vợ một chồng, cấm cui người trong hội-dâng không ai được lấy hai vợ.

Người vợ chàng họ Hà liền mỉm miệng cười, rồi cũng rót chén rượu uống, xin lỗi mà trở ra về.

VII

Danh-kỹ Kỳ-Trần

Kỳ-Trần trời cho sắc đẹp, mặt ngọc xinh thay ! Thật là một kẻ mỹ-nhân mắt đời cũng thường-thức.

Kỳ-Trần hơi biết nghệ-thuật làm thuốc, duy một môn nhãn-khoa thì thật là diệu-thủ hồi-xuân.

Có một người khách nguyên có bệnh đau mắt, cùng với Kỳ-Trần chắc cũng có nhân-duyên từ kiếp trước sao đây. Một hôm người khách ấy cùng với Kỳ-Trần uống được đàm tâm, suốt đêm không ngủ, mà đôi con mắt người khách ấy, nước mắt bỗng chảy ra như mưa, trong giây phút đôi quầng mắt đều đỏ chót. Người khách thanh-niên kia cơ-hồ đã giống như con thỏ ngọc trong cung thiềm bị đám mây che phủ.

Kỳ-Trần thấy tình-trạng ấy, tức khắc đem phương thuốc « Tới linh nhãn-được » làm sẵn của mình ra hòa với sữa, vì người khách ấy diêm mắt cho. Trong hai ngày, người khách ấy bệnh mắt khỏi cả, lại có phần quang-minh hơn ngày thường. Người khách mới chế ra một bức, đề bốn chữ rằng : « Nhãn khoa quốc thủ », đề tặng Kỳ-Trần. Chị em trong đồng-viện đều gọi Kỳ-Trần là Nhãn-khoa quốc-thủ. Kỳ-Trần cũng thừa-nhận chẳng từ chối.

Từ đấy, nghề nhãn-khoa của Kỳ-Trần cả phát-đạt, Kỳ-Trần chẳng khác nào là một vị nhãn-khoa y-sĩ, nhà Kỳ-Trần chẳng khác gì một nơi bệnh-viện về nhãn-khoa, Kỳ-Trần bề sinh-hoạt đã phong-phú, bề danh-dự đã hơn người, mới nghĩ đổi cái phương-trám để tiếp khách trong nhà mới lập riêng ra một phòng tiếp khách, mà chuẩn-hạn có giờ, để chuyên tiếp đãi hiền-sĩ bốn phương mở cuộc đàm-luận thanh-nhã mà thôi, không yêu-cầu tặng phí gì cả. Mà dưới hoa anh-dào, thấp-thoáng rất những xe ngựa của bậc hiền-nhân quân-tử.

Ồi ! Kỳ-Trần, Kỳ-Trần ! Cái lịch-sử kỹ-nữ mà như thế dư !

VIII

Danh-kỹ Túy-Ngọc-Lâu

Túy-Ngọc-Lâu nữ-sĩ sinh ra tự ngõ Ô-y, tiếng nổi dậy thuyên Chu-lước, phong-cách là phong-cách Lạc-thần, tài-hoa là tài-hoa Tạ-nữ. Hỡi chạc xuân-xanh thì tuổi vừa đôi chín. Cười nói như đóa hoa hương nhỏ, cử-động như cành liễu gió rung. Cùng với Túy-Ngọc tiếp mặt, khiến người như ăn quả phong-đỉnh lệ-chi, hương có, sắc có, vị có, dăm-thăm lúc nào không biết, tâm hồn nào cũng phải khuynh-đảo.

Túy-Ngọc lại sở-tràng về nghề ca, — tự trong lò giáo-dục mà ra. — cung thương réo-rắt, âm-diệu rõ-ràng. Sở-

tràng nhất là về lối hát Khai-sơn-phủ, chìm bổng lên xuống, chốn nào cũng hay, thực là một vẻ tuyệt-diệu chốn nhân-gian.

Túy-Ngọc tình trung-hậu mà tình thật-thà, không cậy mình là bậc tài-sắc. Đối khách ít khi phát-ý hờn giận, chẳng xá bất chước cái thuật giảo-biệt của hàng kỹ-nữ, để đánh lừa bọn thanh-niên. Bọn chị em có kẻ chê Túy-Ngọc là đàn ngu, Túy-Ngọc nói rằng :

- Chúng ta chẳng may sinh-hoạt về nghiệp phong-trần, đã chẳng được kể với hạng thượng-lưu xã-hội ; trong vòng thiên-duyên thiên-quả, thế nào cũng phải khéo về đường tu, nếu chuyên dùng lối làm cho say mê người, chỉ qui hồ lấy được nhiều tiền, thì chung-thân bao giờ có cái hi-vọng ra khỏi địa-ngục ma quỷ ấy ru !

Như Túy Ngọc-Lâu nữ-sĩ kia chẳng là vị Tân-hoa thiên-nữ hiện-thể đấy dư ! Hiện nay phong-tục đơn sai, đạo-dức suy-sút, kia lắm kẻ miệng na-mô, trong bụng một bồ dao găm, há chẳng phải là kẻ có tội với nữ-sĩ đó thay !

IX

Kỹ-nữ Quán-Phương

Quán-Phương thực chẳng hồ cái danh hiệu hoa-quốc trang-nguyên, linh-lung thể ngọc, càng ngấm càng xinh. Anh-đào miệng chúm, cây giáng-thụ phải ghen hồng; dương-liễu mây thanh, nét viên-sơn còn thua biếc. Cách mai gầy mà càng đẹp, gót ngọc mềm như chất bông. Lại lông lánh đưa tình, trời sinh ra con mắt đẹp, thực đã khiến người thấy mặt mà hồn xiêu. Vì thế mà quán-luyệt trong đồng bối, áp-đảo cả quán-phương. Đọc đến tên mà nghĩ đến nghĩa, thì ả kia tên là Quán-Phương thực là phải lắm.

Quán-Phương thích lối ăn vận giả làm con trai, sáng-lãng mê-li, chẳng khác nào cây ngọc rung-dộng trước

luồng gió, khiến người lại nhớ phong-cách Bình-Nguyên-quân, rõ là một vai hào-hoa công-tử mới ra đời vậy.

Một hôm Quán-Phương bộ-hành vào ngõ Tàng-lộ, phía tây Nê-thành-kiều, chỗ ấy là chỗ xóm bình-khang. Quán-Phương thủng-hĩnh dạo bước đi ngắm hoa, bất chước một chàng công-tử khi mới xuống ngựa gì đó, có một người kỹ-nữ tuổi còn măng trẻ, chẳng biết hình quạ sống mái, chạy ra chào đón, cố nài ép vào trong viện, tay nâng chén hà sành giọng quỳnh-tương. Quán-Phương cũng làm ra bộ khách làng chơi, nửa bỡn nửa thật, nửa tỉnh nửa say, kết cục tặng cho người kỹ-nữ cái giấy bạc năm đồng rồi đứng lên.

Sau Quán-Phương đem chuyện ấy nói với người khách quen, do người khách quen ấy tuyên-bố ra, rồi một thời kỳ trong chốn bình-khang, truyền làm câu chuyện thú, thế thì là người tiêu-sái xuất-trần như Quán-Phương, trong bọn bình-khang ít thấy mấy ả.

X

Kỹ-nữ Đình-Đình

Ả Đình-Đình kể về bề sắc, thì hoa còn thua đẹp, kể về khuôn mặt thì trắng còn kém tròn. Đình-Đình nghĩa là đình-đình ngọc lập, chừng chạc hơn người, thực là một vị danh-nương trong hương-quốc.

Có một vị công-tử người huyện Từ-minh, quen thân với Đình-Đình Từ-minh công-tử thường ở ngụ trong một nhà lữ-diêm, cứ buổi chiều mát tất dùng điện-thoại mời. Đình-Đình đến chốn ngụ, hoặc giờ trò cầm kỳ thi họa, hoặc nói chuyện hồi lâu, Đình-Đình mới trở ra về.

Đình-Đình tình thông-tuệ, đối với khách quen khéo chiều ý lựa chỉ, cho nên phàm khách trong chốn Chương-đài, vô-luận là người hạng nào, đều phải khuyh-đảo ở trước bóng hồng-

quần. Nên chỉ tiếng diêm xôn-xao, hơn cả hàng chị em trong đồng-viện.

Đình-Đình hay đi ngao-du ngoạn-thưởng, thích nhất là hay đi xem chớp bóng. Trong trường ảnh-hi không lần nào là không có bóng dáng Đình-Đình thấp-thoảng ở nơi đó.

Một hôm về lúc ảnh-hi đang khai diễn, Đình-Đình ngồi xem, có một chàng thiếu-niên ngồi ở bên cạnh, Đình-Đình hốt-nhiên lấy tay dùng-sức, vả miệng chàng thiếu-niên kia đánh bốp một cái, chàng thiếu-niên chẳng nói chẳng rằng, chỉ cầm đầu lâu trốn đi. Kẻ bàng-quan lúc ấy cũng chẳng ai hiểu là vì cớ làm sao.

Sau chàng Tứ-minh công-tử đến thăm chỗ trang-các của Đình-Đình, Đình-Đình đem sự ấy thuật lại cho công-tử nghe, mới biết rằng trong khi nhà ảnh-hi thay đổi phim ảnh, đèn điện tắt đi, suốt viện tối om, chàng thiếu-niên kia thừa cơ trong giây phút bặc-ám, bá cổ Đình-Đình hôn má

trộm một cái, muốn bắt chước lối mới tỏ lấm lòng thờ vị thần ái-tình. Đình-Đình vốn không ưa lối ấy, vả lại ghét là thói gian, cho nên dãi lại cho chàng ấy một cái bả và bằng ngà ngọc để chàng ấy biết tay. Tứ-minh công-tử nhân hỏi Đình-Đình rằng :

— Kể thiếu-niên kia vì thói gian mà bị vả, sự ấy không kể chi. Nay nếu có kẻ nào đường-đường chính-chính, dùng lối mới thờ thần ái-tình đối với nàng thì nàng có thừa-nhận không?

Đình-Đình đáp rằng :

— Tôi không khi nào thừa-nhận cả. Chúng ta ở đâu mà ra? Phạm trong làng chơi, một là say tình, hai là say nghĩa, ba là say nhân, say thơ Lê-Bạch, say đàn Bá-Nha, dùng về lối văn-minh thuần-túy, hơn là dùng về lối văn-minh bác-tạp.

Kể nghe lời ấy đều khen ngợi Đình-Đình. Ấy cũng là một đoạn lịch-sử có tư-tưởng có thú-vị của hàng kỹ-nữ.

TÙNG-VÂN biên-dịch

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Nói chuyện Viễn-dông.— Đã lâu loan cả thế-giới đều chú-ý đến xứ Viễn-dông này, nào là vì phong-trào duy-tân cùng cách-mệnh thành công của Trung-hoa, nào vì cái mầm gieo loạn của chủ-nghĩa cộng-sản trong các thuộc-địa. Dân Ấn-độ thì theo Cam-địa mà vận-động bất-hiệp-tác với đế-quốc Anh, gần đây lại có cuộc Trung-Nhật xung đột và cuộc cách-mệnh Xiêm-la. Cách-mệnh Xiêm-la đã yên rồi, duy còn chuyện Trung-Nhật là dang-dai, quyền-lợi của Âu-Mĩ cũng dính-dấp vào đó. Thời-cực Viễn-dông vì vậy mà ai cũng chú-ý tới, huống nữa là mình, thật mình nói

chuyện nhà chưa hết, có thì giờ đâu mà nói chuyện người ta, nhưng không nói không được, vì Trung-hoa là nước láng giềng của mình, một việc to lớn dần hay dần nhỏ của người bên cạnh mình đều có liên-lạc hay ảnh-hưởng không nhiều thì ít đến mình.

Vậy dần cho có nghị-luận cũng không phải là vô-ích.

Cứ theo lịch-sử quá-khứ, có nhiều lúc Trung-hoa thịnh thì ta thịnh, mà Trung-hoa suy-đồi loạn-lạc thì cái mảnh đất này cũng rung-động, nhất là thời-cuộc Trung-hoa về năm 1858-1884 và 1902.

Ngoài cái ảnh-hưởng trên đàn chính-trị ra, còn vấn-đề kinh-tế, cái dây thương-mại nó giàng buộc Trung-hoa với ta. Nói sơ mà nghe, cái vận-mệnh Trung-hoa, đại-đề nó quan-hệ một cách mật-thiết với ta là như thế.

Sau khi Âu-hóa, Nhật thắng được Trung-hoa (1894), thắng Nga năm 1904-1905 lấy Đại-liên, sáp-nhập Triều-liên, binh-lực một ngày một mạnh, thì Nhật bức-hiệp Trung-hoa đủ điều. Nhật có ý làm chủ-nhân ông Châu Á này là từ đó.

Việc cần nhất cho họ là phải chinh-phục Trung-hoa trước để thêm thực-lực. Mà muốn lấy Trung-hoa thì phải giật lấy Mãn Mông là cửa ải đầu tiên của Trung-hoa để có chỗ trú chân và lấy thêm sức. Cái đường đi nước bước của Nhật là như thế. Bề ngoài thì dùng kế thương-mại để che mắt thế-giới, mà người Nhật lần-lượt kéo nhau qua kinh-doanh lập-nghiệp trong nước Tàu, nhiều nhất thì xứ Mãn-châu và Mông-cổ, vì trong hai xứ này quyền lợi của Âu Mĩ thì ít, dân-trí còn thấp hèn, mà của-cải thì nhiều.

Vì thế Nhật mượn tiếng bảo-hộ quyền-lợi và sinh-mệnh của dân họ, mà kéo binh lần lần lên đất Tàu, kiếm cơ gây chuyện với Tàu để xâm-chiếm đất đai. Thấy thái-độ Nhật như thế Tàu liền kêu nài với hội Quốc-tế-liên-minh, nhân-dân Tàu thì nổi lên tẩy-chay hàng Nhật. Nhật lại vin lấy cơ ấy mà kéo binh qua thêm nhiều. Trung Nhật đã từng « choảng » nhau nhiều trận. Thế là đối với Nhật, điều ước phi-chiến, điều-ước chín nước, chẳng có chút mãnh-lực nào cả. Từ vụ Thượng hải kết-liên đến giờ, thời-cuộc nước Tàu cũng rối như tơ vò.

Trên Mãn-châu thì Nhật lợi-dụng bọn người Mãn, lập nên Mãn-quốc bắt Phổ-Nghi để lên ngôi, nhưng đó toàn là vai trò Nhật đóng cho cả. Trung-hoa thì phản-kháng bằng lời nói, Vạn-quốc thì

xi-xào cho qua chuyện. Nhật không núng gì, vừa rồi lại ký hiệp ước công nhận nước Mãn châu. Nước Mãn-châu mới này tuy có tiếng một nước, nhưng kỳ-thực là thuộc-địa của Nhật, sẽ cũng một số phận với Triều-liên kia.

Thấy Nhật thắng-lợi như thế, ta không nên cho người Trung-quốc là vô-dụng cả, có chăng là bọn quân phiệt, mấy anh tai to mắt lớn trong chánh-giới Tàu. Lòng nghĩa-khi của dân Trung-hoa cũng đã nhiều phen làm cho thế-giới cảm-động. Quân nghĩa-dũng hiện nay thừa chết thiếu sống, cố tranh giành lại với Nhật từng tấc đất; nhưng cứ lấy địa-vị khách quan mà nói thì rồi Nhật cũng thắng. Vì sao?

Chính-phủ Nam-kinh thì chỉ phản-kháng Nhật bằng lời nói, không chịu giúp binh-khi cho địa-phương, mà Chính-phủ địa-phương thì ai lo phần nấy, vận-mệnh Tàu chỉ trông vào Tướng Giới-Hạch.

Binh-quyền đều ở trong tay họ Tướng. Thế mà Tướng không dám rục-rịch, vì nếu thân-chính cầm quân lên Mãn-châu, thì địa-vị Tướng ở trong chánh-giới Nam-kinh sẽ phải vào tay người khác. Vừa rồi lại có tin Tướng chủ-trương thân Nhật, chịu cắt đất Mãn-châu cho Nhật, để Nhật dùng bả-mị đánh phá Tàu nữa. Còn như hội Quốc-tế liên-minh đâu có phải người đi điều-tra, nhưng sự can-thiệp của hội cũng chưa chắc là có hiệu-quả gì.

Vì chính trong số hội-viên của hội có nhiều cường-quốc thiên về phe Nhật, rồi đây sau khi xem xét tờ trình của ban ủy-viên điều-tra Lytton, thì hội Quốc-tế sẽ phán-xử thế nào? Bất buộc các nước có chân trong hội phải tuyệt-giao với Nhật chăng? Chưa chắc đã được. Trên đất Tàu thì nước nhiều nước ít, đều có quyền-lợi riêng, họ không thương gì anh Tàu mà ghét anh Nhật, nếu Nhật cũng cắt đất nhường họ đảm-bảo quyền-

lợi cho họ, thì chẳng những họ sẽ về phe với Nhật hay đứng trung-lập, mà có lẽ cũng công-nhận nước Mãn-châu kia nữa.

Công-luận)

Thế-giới có hòa - bình được không ? — Hòa-bình, hòa-bình! Các nước trên mặt địa-cầu này đều gặp nhau mà nói chuyện hòa-bình. Bây cuộc hội-nghị này, lập hội-nghị khác, mục-dịch cũng chỉ để tìm phương-pháp ngăn-ngừa nạn chiến-tranh. Thấy cái gương Âu-châu đại-chiến mà ai cũng ghê sợ những cảnh tan-khố, như kẻ ăn chưa mà sợ bị ghê răng vậy.

Ngoài mắt ai cũng nói: muốn hòa-bình thì phải giảm binh, . . nhưng bề trong thì nước nào nước ấy lo sắm-sửa súng ống thuốc đạn thêm, lo cải-cách quân-đội, lo đề-phòng biên-giới. Có người dám nói rằng: thế-giới năm 1932 chẳng khác nào như thế-giới trước năm 1914. Tuy hòa-bình ở bên ngoài mà sắm-sửa để gây việc binh-đao ở bên trong (une paix armée).

Theo như các bản thống-kê của hội Quốc-liên đã lập thành thì năm 1925, 62 nước trong hoàn-cầu phải tốn hết 3 478 triệu « đô-la » để dùng vào việc quốc-phòng (défense nationale). Năm 1930 cũng 62 nước ấy xài đến 4 128 triệu « đô-la », 1930 trở lại đây số tiền chi-phí về việc quốc-phòng lại tăng lên hơn 5 ngàn triệu. Đem so-sánh với mấy năm trước trận Âu-châu đại-chiến, thì ngày nay tiền chi-phí về việc binh hơn hồi trước gấp 70 phần trăm. Lại nữa, các nước còn phải bỏ ra 60 ngàn triệu phát-lãng mỗi năm để trả tiền phụ-cấp cho quân lính bị thương, cho cựu-chiến-sĩ, v. v. .

Bỏ là chưa kể khoản tiền chi-tiểu để tu kiêu bồi lộ, đặt đường rầy xe lửa thêm, sẽ đặt vô-tuyến-điện thêm vì những sự công-lạc này rất có ích cho chiến-tranh về sau.

Trong quyển Annuaire de la Bourse có kể rằng các xưởng kỹ-nghệ riêng không phải là của chính-phủ nước nào, tiền vốn bỏ ra để dùng vào việc đúc súng ống thuốc đạn cả thảy là 403 ngàn triệu đồng mã-khắc.

Nước Pháp phải xuất trong ngân-sách 60, 20% phần trăm để trả tiền phụ-cấp, nợ chiến-tranh và tiền sắm binh-khí. Nước Anh 53, 90%. Ý 44, 80%. Đức 41, 40%. Nước Thụy-sĩ là một nước nhỏ ở Âu-châu cũng dùng đến phần nửa các món tiền thuế để mua thêm súng ống mỗi năm.

Muốn biết vì sao các nước đua nhau sắm khí-giới, chúng ta xem xét sự mở mang về nền kinh-tế theo chế-độ hiện-thời chứ không nên liên-kết xã-hội tư-bồn và việc sắm binh khí làm một, rồi căn cứ vào đó mà truy-nguyên vì sao các nước lại đua nhau chi phí về việc binh. Xã-hội tư-bồn mới phát-triển ra đều trong vòng 30 năm trở lại đây. Bước đầu thế-kỷ đế-quốc (ère impériale) cũng đã có nhiều xứ mà ta có thể gọi là « thư thái » được rồi. Nhưng nước « thư thái » ấy có thể đi chinh-phục rất dễ dàng các dân-tộc tư-bồn (peuples capitalistes) đã văn-minh hơn. Chinh-phục mà khỏi phải lưu-huyết, khỏi phải dùng nhiều khí-giới.

Coi một việc liệt cường đoàn-kết nhau để đánh Trung-hoa hồi cuối thế-kỷ thứ chín đó thì đủ biết là thế nào rồi! Đó cũng chưa phải là lúc các nước đua nhau sắm binh-khí. Thật sự, việc đua nhau sắm binh-khí là sau lúc các nước « thư thái » đi chia rẽ châu Phi châu Á xong. Những nước tư-bồn (pays capitalistes) bị thiệt-thòi, không cho ăn được một rẻo đất, một « miếng » thuộc-địa hay bảo-hộ gì hết, nên định sắm súng ống thuốc đạn cho nhiều, dùng võ-lực, để đánh ẹp các nước « thư thái ». Thấy vậy không lẽ nhịn thua, nếu không bắt chước lát sẽ bị người tới đập đầu trong nay mai, nên các nước

« *thư thối* » cũng rủ nhau mà sắm thêm binh-khí, để phòng thủ nước nhà và bảo hộ cho các xứ thuộc-địa của mình.

Bây giờ là thời-kỳ rắc-rối giữa liệt-cường đế-quốc puissances impérialistes).

Sự sắm khí giới, sửa sang quân đội làm tốn hao không biết bao nhiêu cho các nước, nhưng cũng không thể nói đó là một nguyên-nhân của nạn kinh-tế khủng-hoảng ngày nay. Nạn kinh-tế khủng-hoảng chỉ là nạn khủng-hoảng về sức sinh-sản quá thặng mà thôi. Còn tiền dùng sắm binh-khí, tiền bồi-thường quân-phi, tiền trả nợ chiến-tranh là lấy trong ngân-sách mà ra. Ngân-sách thiếu hụt thì phải đánh thuế cho nhiều. Bởi vậy sự thuế một ngày một nặng. Đói khổ, khốn khổ cũng vì đó mà ra.

Nguyên-nhân xác thật của nạn khủng-hoảng hiện thời còn nhiều điều bí-yếu hơn nữa. Chúng ta không nên lấy mắt lạc-quan mà đem so bề ngoài, bề ngoài giả dối của xã-hội hiện-tại, của thế-giới ngày nay.

Tựu trung, các nước trên thế giới đem « *mắt nạ hòa-bình* » ra để che đậy lẫn nhau chớ bề trong thì vẫn hầm ngọn lửa bên ngòi thuốc súng để chờ dịp gây nên vụ chiến-tranh sau này.

Giả-sử như ngày nay, nạn khủng-hoảng đã tràn lan khắp thế-giới thì cũng chỉ nguy-ngập trong mấy tháng sau này mà thôi.

Trong hoàn cảnh bao nhiêu nước đều phải cùng chung chịu một số-phận như nhau. Nước Hoa-hỳ có tiếng là giàu-có nhất, nhưng cũng không có tiền mà trợ-cấp cho cựu chiến-binh. Viện kinh-tế ở Mạc-tư-khoa cho nạn khủng-hoảng hiện thời là một trào-lưu đem chủ-nghĩa tư-bồn trở lại mực cũ của thế-kỷ vừa qua.

Bây giờ nếu các nước đồng bè nhau giảm binh, nghĩa là bỏ bớt một khoản tiền chi-phi to lớn, vô-ích cho nhân-

loại kia đi, thì có thể nào như đem một phương thuốc giúp cho nạn khủng-hoảng ngày nay chẳng?

Nạn khủng-hoảng ngày nay không có dính-dấp gì với vấn-đề tài-bình cả. Sở-di có nạn khủng-hoảng là vì thị-trường ít mà sức sinh-sản nhiều. Nếu ngày nào thị-trường nhiều người mua lắm mà sức sinh-sản lại bớt đi, thì chừng đó mới có thể nói là nạn khủng-hoảng đã giảm lẫn.

Vấn-đề tài-bình, vấn-đề bồi-thường nợ chiến-tranh v. v... chỉ là một phương thuốc hay xấp thì, một phương thuốc trị ngoài da cho nạn khủng-hoảng bớt ăn sâu vào « *gan ruột* » các ngân-hàng, ngân-sách cùng các chỗ đôn chác trên thị-trường thế-giới.

Sự tài-bình không thể nào làm cho dứt nạn khủng-hoảng được. Người ta lại nói rằng giảm binh-bị tức là giúp cho sức mua chác (capacité d'achat) được tăng thêm, nhưng lý lẽ chỉ sai lầm đó thôi.

Ví-dụ như vấn-đề tài-bình mà có thực-hiện được, món tiền dùng vào việc quốc-phòng để dùng vào các việc khác, việc học-chánh vệ-sinh v. v. hay là sự thuế giảm bớt đi nữa, thì sức mua chác không tăng thêm mà chỉ di-dịch là cùng.

Chúng ta phải lập-tâm nhớ rằng: nếu thế-giới mà giảm binh thì nạn khủng-hoảng cũng chẳng thể nào dứt được.

Lại nữa, tài-bình cũng không thể nào làm cho thế-giới hòa-bình đâu. Khổ ọc loài người chỉ nghĩ sai lầm bởi vì sự đi kiếm thị-trường mới, sự tranh dành lẫn nhau vì nguyên-liệu, sự nắm chặt khi-giới trong tay để tự-vệ là một việc bắt buộc liệt-cường phải làm.

— Đừng tưởng lầm rằng việc sắm khí-giới là một sự hòa theo của các nước hay là vì lòng độc-ác của loài

người, không nên tưởng sai như thế; sấm khỉ-giới là một điều cần ích giữ vững cột của xã-hội hiện-thời.

Nếu bỏ cả binh-bị, thì chế-độ hiện-thời nhất là nền móng quốc-tế trong vài ngày sau sẽ đổ-nát hết. Cho việc sấm khỉ-giới lớn kém nhiều là vô ý nghĩa, muốn nói cho đúng hơn thì nên nói cách tổ-chức của chế-độ tư-bồn ngày nay mắc-mổ đó thôi.

Nếu ngày nào vấn-đề tài-binh mà có thật-hiện được thì liệt-cường cũng chớ vội mừng rằng ngòi lửa chiến-tranh đã như hòa-ước tài-binh mà dui tắt. Xem qua những lời bàn cãi của đại-biểu các nước tại hội nghị tài-binh ở Genève thì chúng ta cũng đủ biết loạn là lời giả-dối, mưu lừa gạt lẫn nhau. Nếu bàn về những vấn-đề không thật thì trăm miệng một lời, đưa tay xin thực-hành lập tức, còn nói về vấn-đề tài-binh thì đại-biểu nước nào như nước ấy, cũng êm du như bán-thạch, họa chăng là chỉ một người đứng ra xin tán-thành đó thôi.

Bởi vậy cho nên ông JAURÈS có viết rằng: « Chủ-nghĩa tư bản có bọc theo ở bên trong cái vỏ chiến-tranh, cũng như hễ có mây thì phải có sấm sét » .. Nội một lời nói của ông JAURÈS cũng đủ chứng rằng: ngòi lửa chiến-tranh vẫn núp sau mặt nạ hòa-bình và vỏ chiến-tranh sắp xảy ra trong nay mai. Coi như việc sau này đủ biết từ ngày 1er Juillet 1931 tới ngày 1er Mai 1932, 76 nước trên hoàn-cầu đã lắng thính thương-chính, 34 nước đã thêm súng ống thuốc đạn v. v. mà những lời đàm-thoại tại hội-nghị Genève cũng không thấy thay đổi chút nào hết.

Chung qui hội nghị tài-binh ở Genève cũng phải chịu một phen thất-bại nữa.

Nói đến vấn-đề tài-binh, chúng ta cũng nên biết qua số binh lính của các

nước là bao nhiêu. Trong 1000 người ở các nước có mấy người đi lính?

Pháp: 17,6; Esthauvie: 12,1; Ý-đại-lợi: 12; Bỉ-lợi-thì: 10,9; Lô-mã-ni: 10,5; Yougoslavie: 10,2; Ba-lan: 10; Tiệp khắc: 9,5; Phanh-lan: 9,3; Lettonie: 7,5; Anh-cát-lợi: 6,2; Nga Sô-Viết: 3,7.

Ngoài mới nói tài-binh, tài-binh, xướng chủ-nghĩa hòa-bình liên Âu liên Mỹ mà rọt đồng hồ, sấm khỉ-giới, mộ binh lính nhiều hơn ai hết.

(Trung-lập)

Thời-cục nước Tàu. — Trung-uơng chính-phủ. — Nước Tàu đương lúc nội-tru ngoại-hoạn giao-bách, mà trong chính-cục lại xảy ra nhiều việc rắc rối, bọn quân-phiệt chỉ chực tranh cướp lẫn nhau. Từ khi Uông Tinh-Vệ từ-chức chủ-tịch viện hành-chính, nằm dưỡng bệnh trong một bệnh-viện ở Thượng-hải có tuyên ngôn rằng bọn quân-phiệt ức-chế các tỉnh, là một điều trở ngại lớn cho việc giải-quyết tình-thế khủng-hoảng của Trung-hoa. Vì cái tình-thế ấy mà Tàu không thể ngăn được nước ngoài xâm lấn, mà bên trong thì không thành được việc thống-nhất.

Uông chia bọn quân-phiệt làm hai hạng:

1) Hạng độc đoán, ích-kỷ, toàn dân nên công-phá;

2) Bọn có trí-thức, dùng quân-lực để thành-tựu lý-thuyết mình. Bọn này nên đem lực giúp Quốc-dân-đảng để tạo-tác lại nước Tàu.

Xem thế thì Uông lại có ý hợp-tác với Tưởng chẳng.

Tổng Tử-Văn, tổng-trưởng bộ Tài-chính, Trần Công-Bác tổng-trưởng bộ Mỹ-nghệ, Chủ-Dân-Nghị thư-ký viện Hành-chính, cùng các quan tổng-trưởng khác đã tới Thượng-hải để thương-

ngộ với Ông Tinh-Vệ, vì Ông sắp sửa đáp tàu André Lebon đi Âu-châu.

Sau buổi hội-kiến ấy, Tổng Tử-Văn tuyên bố với các đại-biểu báo-quản rằng ngày mai các quan tổng-trưởng các bộ sẽ họp đề bàn bạc công việc; Tổng lại nói đến giữa tháng Décembre sau này, các hội-đồng trung-ương hành-chính và kiểm-soát của Quốc-dân-đảng sẽ họp kỳ Đại-hội-đồng thứ ba, để cử người thế chân cho Ông Tinh-Vệ vào chức chủ-tịch viện Hành-chính.

Chu Gia-Hoa, tổng-trưởng bộ Học được cử làm tổng-trưởng bộ Giao-thông và Bru-diện, mà trước đây tổng-trưởng bộ Nội-vụ Chu Thiệu-Lương kiêm cả.

Hồng Văn-Hạo, quản-dốc việc địa-chất ở Bắc-bình được cử làm tổng-trưởng bộ Học.

Tờ trình của hội-đồng điều-tra Lytton.— Hội đầu tháng này ở Genève, ở Đông-kinh và ở Thượng-hải cùng một lúc sẽ tuyên-bố bản tờ trình của hội-đồng điều-tra ở Mãn-châu do Lord Lytton làm chủ-tịch. Tờ trình ấy có 400 trang chữ đánh máy, chia làm 10 thiên. Trong tờ trình bày tỏ các sự hỗn-độn ở Mãn-châu làm thiệt thòi cho nước Nhật và chỉ-nghị lập ra Mãn-châu-quốc, song lại nói ngày nay không sao bồi phục các việc như trước nữa.

Hội-đồng nhường quyền cho hội-đồng quản-trị hội Vạn-quốc xem xét có nên tổ-cáo, hoặc khuyên răn thế nào chăng. Hội-đồng khuyên nên công-nhận việc đặt một chính-phủ tự-trị có đủ quyền lực để giữ gìn quyền-lợi Trung-hoa, của Nhật-bản và của Nga ở Mãn-châu, nên bãi việc binh ở Mãn-châu, hai nước Trung Nhật nên điều-định với nhau về đường kinh-tế, và liệt-quốc nên hợp-tác với nhau để tu-tạo lại nước Trung-hoa. Hội-đồng có nói Nhật-bản đã công-nhận cho Mãn-châu-

quốc độc-lập, song việc ấy cũng không làm giảm mất cái giá-trị của tờ trình này, nên hội-đồng khuyên hội-đồng quản-trị xét xem các cơ quan tổ-chức ở Mãn-châu có cái gì hay thì lợi-dụng lấy. Hội-đồng khuyên đặt một cuộc hội-ngộ có các đại-biểu của Trung-hoa, của Nhật-bản, của nhân-dân Mãn-châu và có cần ra thì cho cả các đại-biểu các nước trung-lập dự nghị, để kê-cứu việc tổ-chức lại việc hành-chính ở Mãn-châu, khiến cho giữ gìn được quyền-lợi của Trung-hoa, nên dùng các cố-vấn ngoại-quốc, mà phần nhiều là người Nhật, nên lập các giao-ước Trung Nhật, nói về quyền-lợi của hai nước, cái thề-lệ đặt cuộc trọng-tài, hai bên cam-đoan với nhau không khai-hiến với nhau và sẽ hứa cùng giúp đỡ lẫn nhau, sau cùng là hai nước nên ký với nhau một bản thương-ước.

Chính-phủ Nam-kinh chưa công-bố cái ý-kiến đối với bản báo-cáo Lytton ra làm sao. Bản báo cáo ấy hiện còn đương đem bàn bạc ở ngoại-giao bộ. Bộ ấy có ý-kiến gì sẽ đệ trình hội-đồng trung-ương chính-trị của Quốc-dân-đảng. Đoàn La Văn-Cán, lấy tư-cách là tổng-trưởng bộ Ngoại-giao, hoặc Tổng Tử-Văn lấy tư-cách là tổng-trưởng bộ Tài-chính và quyền chức chủ-tịch viện hành-chính sẽ thay lời chính-phủ mà tuyên-bố ý-kiến.

Công việc còn phải lâu mới xong, và mới đây các viên chức trong chính-phủ quốc-dân lại phân-tranh không hợp ý nhau, như vậy thì công việc lại càng chậm lằm. Các nhà đương-cục đối với một vấn-đề quan-trọng như thế, không ai muốn xuất-diện, chỉ đợi cho người khác thi-thố trước mình. Vả cũng nên công-nhận rằng không làm thế nào cho vừa ý tất cả các nhà chính-trị, như được lòng cả Tướng Giới-Thạch lẫn Ông Tinh-Vệ. Tướng thì đương ở Hán-khâu lo hành-động

đề tiêu-trừ bọn Cộng-sản, còn Ông thì nghỉ dưỡng bệnh ở núi Mộ-câu-sơn mới trở về Thượng-hải, mà trở về đây cũng lại vào năm dưỡng bệnh ở một nhà thương.

Tôn Khoa có tuyên-bố với các báo ở Thượng-hải như sau này: Các khoản trong tờ trình của hội-đồng Lytton chỉ cho nước Trung-hoa cái lợi hư-danh và cho Nhật-bản cái lợi đích-thực. Tôn có chỉ-nghị câu nói: « Nếu Mãn-châu không tự ý yêu-cầu độc-lập, thì cho xứ ấy được tự-trị », cho câu ấy là một câu trái ngược. Sau Tôn có nói: Nước Trung-hoa phải tự định lấy cái chính-sách của mình, và chớ trông ở Hội Vạn-quốc để khôi-phục lại đất Mãn-châu.

Còn cái ý-kiến của chính-phủ thì chưa thể biết được, nhưng cái ý-kiến của tư-nhân có thể tóm-lắt lại như sau này:

Đại-đề phần thứ nhất trong bản báo cáo ấy nói về các việc đại-cương thì được dư-luận cho là nói phải và chính-dàng, chỉ trừ đoạn nói về việc đề-chế là dư-luận không bằng lòng mà thôi. Người ta nói: Không thể trách Trung-hoa dùng cái khí-giới của kẻ yếu để tự-vệ cho mình, và Trung-hoa chỉ còn có khí-giới ấy để tự-vệ, chứ ngoại-giả không còn có khí-giới nào nữa.

Người ta nói hội-đồng điều-tra hình như muốn lấy cái kết-quả cho là cái nguyên-nhân, và Nhật-bản không thể lấy việc đề-chế mà tha thứ cho việc nước ấy khởi-hấn được, vì Trung-hoa đề-chế để báo thù lại việc nước Nhật gây lên trước, nghĩa là sau khi Nhật-bản giết hàng trăm người Trung-hoa ở Hán-thành độ tháng *Juillet* 1931, người Trung-hoa mới thi-hành việc đề-chế đối với Nhật-bản.

Vì đoạn ấy có một ý-kiến nên tế-nhận, là ý-kiến của Ngũ Triều-Khu nguyên đại-sứ của Trung-hoa ở

Washington, năm trước đây bỏ chức đại-sứ để theo về chính-phủ biệt-lập ở Quảng-châu, và trong khi đảng nam giải-hòa với chính-phủ Trung-ương loàn làm tổng-trưởng bộ ngoại-giao, đã công-bố. Ngũ có nói: hội-đồng điều-tra sở-dĩ nói về việc đề-chế hàng bao nhiêu trang giấy, chắc là có ý chỉ-nghị Trung-hoa, vì là Hội Vạn-quốc sợ phật ý các cường-quốc, không muốn xui giục các nước yếu dùng cái khí-giới ấy, là khí-giới riêng của các nước yếu, mà làm cho nó thành ra cái lệ nguy-hiểm cho sau này. Ông lại nói: các nước lớn là hội-viên có thể-lực trong hội Vạn-quốc cũng từng bị tổn-hại về việc đề-chế của Trung-hoa, và sự nhớ đến việc cũ ấy tất cũng có ảnh-hưởng đến việc soạn bản báo-cáo của hội-đồng điều-tra.

Còn như phần thứ hai, là phần nói về mọi cách của hội-đồng khuyên dùng để giải-quyết việc phân-tranh Trung-Nhật, thì dư-luận Trung-hoa công-kích dữ-dội. Cứ kể ra có một vài điều cũng được dư-luận cho là phải, nhưng có ba điều thì dư-luận Trung-hoa đồng-thanh phản-đối.

Như việc khuyên đặt một hội-đồng tư-vấn để ấn-định việc tổ-chức chính-thể của Mãn-châu, việc nói nên đặt một chính-thể tự-trị cho ba tỉnh đông-bắc, việc nói nên ấn-định cương-giới cho đất Mãn-châu, thành thử cả Trung-hoa và Nhật-bản đều phải rút quân về. Ba điều ấy dư-luận xét ra Trung-hoa không thể nhận được, vì là phạm đến cái chủ-quyền bất-khả-xâm-phạm.

Những vị yếu-nhân của Chính-phủ Mãn-kinh như Tướng Giới-Thạch và Tổng Tư-Vấn cũng lo ngại mình thì-thở thế nào cho Ông Tinh-Vệ sau này không phản-đối được, nhất là Ông mới đây lại từ chức chủ-tịch viện Hành-chính xuyt gây nên việc chia rẽ như năm ngoái.

Xem vậy thì rõ tại làm sao bề ngoài thì thấy người Trung-hoa công-kích kịch-liệt bản báo-cáo *Lytton*, mà ngầm thì người Trung-hoa lại hình như bằng lòng bản báo-cáo ấy.

Sau cùng ta lại nên nói chính bữa 15 ông hội-viên trong hội-đồng Trung-ương hành-chính, trong số ấy có cả Phùng Ngọc-Tường, công-bố một bản điện-tín chu-tri tỏ tình phản-kháng bản báo-cáo *Lytton* và yêu-cầu nên trực-tiếp hành-động ở Mãn-châu, mà Cố Duy-Quân sứ-thần Trung-hoa ở Paris, và đại-biêu tại Hội Vạn-quốc tuyên-ngôn với các báo ở Genève, thì chỉ trừ có mấy điều trong bản báo cáo là không biểu-đồng-tình, còn thì ưng-thuận bản báo-cáo ấy, Chính-phủ Nam-kinh từ trước tới giờ nhiều lần tuyên-bố cam-đoan tuân các khoản của Hội Vạn-quốc xét ra nên thi-hành để giải-quyết việc phân-tranh của hai nước, vậy chính-phủ Nam-kinh có thể xử trí được cách khác hay không.

Các đoàn-thể Thượng-hải đối với bản báo-cáo Lytton. — Các đoàn-thể ở Thượng-hải có phát lời tuyên-ngôn tỏ bày ý-kiến với bản báo-cáo của *Lytton*, nói Trung-quốc tin cậy Hội Quốc-tế liên-minh là lầm. Nước Nhật dẫu mấy lần phá hoại điều-ước mà Hội Quốc-liên không hề theo như điều-ước đã định mà ngăn cản được người Nhật. Bản báo-cáo của *Lytton* tỏ ý bênh nước Nhật, quân Nhật đánh Thượng-hải Trung-quốc bị thiệt hại rất to; về miền đông-bắc lương-dân Trung-quốc bị giết hại kẻ có hàng nghìn, vậy mà trong bản báo cáo *Lytton* không hề có một chữ nào nói đến sự bạo-hành của quân Nhật. Sau khi bản báo-cáo *Lytton* phát-biêu, cái vọng-tưởng của Trung-quốc tin cậy Hội Quốc-liên chắc hẳn nguội rồi, thời từ nay kíp nên tự mình lo lấy mình. Cuối cùng bản tuyên-ngôn ấy thúc giục nhân-dân Trung-hoa nên

cứ quyết lòng kháng Nhật và giúp đỡ quân nghĩa-dũng ở Đông-bắc.

Tòa Nội-các Nhật với bản báo-cáo Lytton. — Quan Thủ-tướng Nhật-bản là M. Saito có cho biết cái ý-kiến về bản báo-cáo *Lytton* như sau này:

Bộ ngoại-giao đương kê-cứu các phương-sách đối-phó với Hội Vạn-quốc về việc Mãn châu. Quan Thủ-tướng Nhật lại nói lời lẽ trong bản báo cáo ấy không tán-thành cho nước Nhật, vì bản báo-cáo ấy là theo ý riêng của các hội-viên trong phái-bộ *Lytton*. Ngài lại nói: Nước Nhật phải hết sức dự bị, và phải nhất quyết không đổi ý, thì mới đối-phó được tình-thế ngày nay.

Gần đây hội-đồng các quan thượng-thư đã họp, quan tổng-trưởng bộ ngoại-giao có bày tỏ mọi lẽ với tòa Nội-các về các mệnh lệnh giao cho M. Yosue Suoka nay mai sẽ đi Genève để phân-trần cái ý-kiến của Nhật-bản đối với bản báo-cáo *Lytton*.

10) Chính-phủ Nhật-bản không cử đại-biêu chính-thức đến dự Hội Vạn-quốc, trong khi Hội Vạn-quốc bàn về điều thứ XV trong bản hiệp-ước phụ-Nay xét ra tại các buổi hội-đồng nay mai, sẽ bàn đến các vấn-đề quan-trọng, nên lại cử đại-biêu chính-thức đến dự. Nếu cần ra M. Ma Suvka sẽ thế chân quan đại-sứ Nagavka để dự các buổi hội-đồng của hội-đồng quản-trị Hội Vạn-quốc.

20) Nay Nhật-bản đã công-nhận cho Mãn-châu-quốc thì nhiều khoản kết-luận trong bản báo-cáo *Lytton* thành ra vô-ích;

30) Nước Nhật xét ra cần phải trực-tiếp điều-đinh với Trung-hoa và Mãn-châu-quốc, và nếu Hội Vạn-quốc đề-xướng lên việc điều-đinh như thế, thì Nhật-bản sẽ sẵn lòng ưng-thuận ngay;

40) Cái cơ chính gây nên sự rối-loạn ở Viễn-đông là sự hỗn-độn ở Trung-quốc trong bản báo-cáo *Lytton* cũng công-nhận như thế;

50) Hễ Hội Vạn quốc ưng-thuận các khoản trong bản báo-cáo nói về việc tổ-chức lại nước Trung-hoa, thì đại-biểu của Nhật-bản cũng ưng-thuận;

60) Nếu đại-hội-lồng Hội Vạn-quốc ưng-chuẩn một khoản quyết-nghị không công-nhận cho Mãn-châu-quốc, hoặc không cho Mãn-châu-quốc tự-trị, như lời bản báo-cáo *Lytton*, thì đại-biểu của Nhật sẽ lui không dự Hội Vạn quốc nữa.

Tờ điều-ước của nước Mãn kỳ với nước Nhật. — Nước Nhật đã ký điều ước với Mãn-châu-quốc từ ngày 15 Septembre. Tờ điều-ước ấy như sau

Nước Nhật thấy rõ Mãn-châu-quốc tự ý mình tổ-chức thành một nước độc-lập, và Mãn-châu-quốc đã tỏ bày ý muốn của mình là thừa-nhận những bản hiệp-ước quốc-tế của nước Tàu đã ký, nên hai chính-phủ Nhật-bản và Mãn-châu vì lẽ bang-giao, mỗi nước phải kính-trọng quyền-lợi đất đai của mỗi nước, và vì lẽ duy-trì sự hòa-bình ở Viễn-đông mà quyết định với nhau như sau này:

10) Mãn-châu-quốc phải thừa-nhận và phải cam-đoan, chỉ trừ ra khi nào hai nước Nhật và Mãn-châu ký điều-ước khác mà thôi. — Kính trọng quyền lợi của Nhật-bản và Nhật-kiều ở địa-phận Mãn-châu, chiếu theo điều-ước Hoa-Nhật và các tờ giao-kèo Hoa-Nhật công và tư;

20) Nhật-bản và Mãn-châu phải thừa-nhận rằng sự xâm-chiếm đất đai, có phương hại tới sự hòa-bình và trật-tự của một nước trong hai nước đã ký giao-kèo với nhau, bởi thế phải hiệp-lực mà phải duy-trì cuộc phòng-thủ. Quân Nhật tự nhiên là phải cần dùng về việc ấy thì được đóng ở Mãn-châu.

Tờ điều-ước này sẽ ban hành trong ngày hai nước đã ký với nhau.

Nói tóm lại, Mãn-châu-quốc đã giao cho nước Nhật giữ gìn sự trị-an.

Các điện báo có cho biết rằng ở ngoại-quốc được tin ấy lấy làm nao-động. Việc ấy Nhật-bản dự định đã lâu, và liệt-quốc biết rằng thế nào Nhật-bản cũng làm, ấy thế mà ở nhiều nơi được tin lấy làm nao-động lắm.

Việc phân-tranh Trung Nhật hiện nay chỉ quan-hệ nhất cho hai nước là Hoa-kỳ và nước Nga. Chẳng sớm thì chầy, Hoa-kỳ sẽ phải hành-động và tất là Hoa-kỳ sẽ xin triệu tập cuộc hội-nghị chín nước.

Còn như nước Nga, thì cái thái-độ thế nào.

Nay bản giao-ước *Changchun* đã ký rồi, thì tình-thế nó rõ lắm. Động đến Mãn-châu-quốc tức là động đến nước Nhật. Nước Nga có thể diềm-nhiên làm ngơ mà công-nhận cho Mãn-châu-quốc hay không. Hay là nước Nga muốn đợi thời để cứu với lấy quyền-lợi của mình ở bắc bộ Mãn-châu mà không phải điều-đinh với chính-phủ Mãn-châu-quốc.

Việc ấy còn đợi thời-thế xoay vần làm sao mới biết được.

Phái-bộ của Mãn-châu sang Nhật. — Phái-bộ ngoại-giao đầu tiên của Mãn-châu-quốc phái sang Nhật đã đáp chuyển xe hỏa riêng rời khỏi Trường-xuân. Phái-bộ có 17 vị, đứng đầu là ngoại-giao tổng-trưởng Tạ Giới-Thạch. Quan thủ-tướng Trịnh Hiếu-Tư và nguyên-lão viện-trưởng Trương Cảnh-Huệ ra tận ga tiễn phái-bộ. Phái-bộ tới Đông-kinh, Nhật-hoàng sẽ tiếp phái-bộ vào dâng tờ quốc-thư của Tổng-chấp-chính Phò-Nghi, tỏ lời cảm tạ Nhật đã thừa-nhận Mãn-châu. Sau cuộc hội-kiến ấy các quan tổng-trưởng Nhật sẽ trao đổi ý-kiến với Tạ Giới-Thạch về tình-hình Mãn-châu. Tạ có ý cùng Nhật điều-đinh một bản thương-

ước và việc bãi bỏ quyền tài-phán lĩnh-sự. Còn về bản hòa-ước của Mãn cùng Nga thì Tạ sẽ đi hỏi ý-kiến Nội-Điền, vì Nga chẳng bằng lòng ký hòa-ước với Mãn. Tạ lại bày tỏ cho Nội-Điền biết hòa ước Nhật, Mãn, Nga là tối cần.

Tình-hình nội-chiến ở Sơn-đông, Tứ-xuyên và Qui-châu. — Cứ theo các bức điện tin ở Tế-nam phủ thì cuộc tranh-đấu của chủ-tịch tỉnh Sơn-đông Hàn Phục-Cừ và ti-tướng Lưu Trần-Niên, có cái tính-cách cực quan-trọng. Nguyên Hàn và Lưu sở-dĩ đến đánh nhau cũng vì số tiền 50 vạn bạc của chính-phủ Trung-ương tháng tháng cấp cho quân-đội Sơn-đông. Lưu đòi Hàn phải cấp cho quân mình mỗi tháng 20 vạn, Hàn không nghe, viện lẽ Lưu chỉ phải nuôi quân bản-bộ riêng thôi thì cấp 12 vạn. Lưu đòi 14 vạn rưỡi, Hàn cũng không nghe. Thế là đôi bên đem nhau ra bãi chiến-trường.

Lại còn các đảng quân-phiệt ở Tứ-xuyên vẫn đánh nhau để tranh quyền-chính ở Tứ-xuyên. Một đảng là tướng Lưu Văn-Huy chủ-tịch chính-phủ Tứ-xuyên hiện kiểm đốc hơn 70 châu, có 120.000 quân lính về đảng Uông Tinh-Vệ, và một đảng là phe của Tướng Giới-Thạch.

Có tin đồn rằng ở Tứ-xuyên, tướng Dương Xâm tuyên-ngôn sẽ đem quân đến đứng làm trọng-tài cho các tướng Lưu Trương và Lưu Văn-Huy.

Tỉnh Qui-châu mới đây lại phát sinh cuộc nội-loạn nữa. Cuộc nội-loạn này nghe ra tại viên cựu chủ-tịch là Mao Quang-Tướng phản-đối viên chủ-tịch hiện-nhiệm mà ra; đôi bên đã bắt đầu xung-đột với nhau.

Sơn-đông chưa dứt, kể đến Tứ-xuyên, bây giờ lại thêm Qui-châu nữa. Ôi! nội-loạn như thế, lấy gì mà đối ngoại!

Gần đây có tin rằng các tướng-tá hạ-cấp tỉnh Tứ-xuyên đã tuân-lệnh

viện Hành-chính Trung-ương đình-chỉ quân-sự hành-động, và thỉnh-cầu các quan-quan cao-cấp tỉnh ấy kịp mở hội-nghị để giải-quyết thời-cục.

Còn về việc xung-đột ở Sơn-đông, từ ngày viên đại-biêu của hội-quản-ủy vắng lệnh đi đến chỗ điều-đình, nay về tới Nam-kinh, thấy nói Hàn Phục-Cừ và Lưu Trần-Niên đều tuân-lệnh nghỉ đánh cả.

Tình hình Mãn-châu. — Nước Nhật từ sau khi thừa-nhận chính-phủ Mãn-châu, đối với việc xâm chiếm Mãn-châu chia hai bước tiến hành:

1^o) Trừ tuyệt quân nghĩa-dũng đóng ở các nơi; 2^o) Tiến đánh-Nhiệt-hà, một mặt tiến dòm phía bắc Trung-hoa; thực hiện chính-sách Mãn-Mông, kinh-doanh Đông-tam-tỉnh và Nội-Mông, Sáp-cáp-nhĩ, Nhiệt-hà. Chương-trình thi hành đã định rõ-ràng, các nhà đương-cục Trung-hoa đã trừ cách phòng giữ.

Toàn-quyền đại-sứ Nhật là Võ-Đằng có diện cho các lĩnh-sự Nhật ở phía bắc Trung-hoa, nói đem thêm một vạn quân đến Cát-lâm, Hắc-long-giang, chuyên đánh quân Mã Chiếm-Son, Phùng Chiếm-Hải; lại lấy ba vạn quân nữa hạn trong ba tháng tiêu-diệt quân nghĩa-dũng Đông-tam-tỉnh.

Son, quân nghĩa-dũng vẫn còn hăng-hái mạnh thế lắm. Tin Hắc-hà nói rằng Tô Bình-Văn ở Mãn-châu-ly sau khi đã thoát-ly nước Mãn-châu, liền họp sức với quân nghĩa-dũng và quân Mã Chiếm-Son đánh đường Tề-ngang. Lĩnh-sự Nhật ở Lô-tân phải trốn vào quân lĩnh-sự Nga. Các quan chức nước Mãn-châu, các cố-vấn và người Nhật tất cả hơn trăm người đều bị giết.

Tô Bình-Văn và Mã Chiếm-Son đã làm xong cuộc liên-lạc, hiện đã tiến quân vây bọc tỉnh-thành Hắc-long-giang. Bộ-đội của Mã do con đường Tề-khắc đánh lấy trấn Thái-an, định

quân kéo nhau chạy trốn vào Hắc-viên.

Đảng-quân ở dưới quyền chỉ-huy Phùng Chiếm-Hải, Mã Chiếm-Sơn liên hợp đánh quân Nhật, chiến-sự mỗi ngày một lan rộng. Trận đánh dữ dội ở khoảng Tề-tề-cáp-nhĩ, Ngang-ngang Khê, kết-quả quân Mã lấy được ga Tề-khắc.

Ngoài ra lại còn trận kịch-chiến ở khoảng Tề-ngang; cuộc huyết-chiến ở ga Ngang-khê; cuộc đại-chiến ở đường Thâm-hải; hơn vạn quân nghĩa-dũng tiến đánh đường Đại thông. Quân Phùng Chiếm-Hải thì chiếm được thành Cát-lâm, lại kéo đến đánh Trường xuân. Quân Hoàng Bình-Di thì chiếm được Chú-khố và Thông-giang-khẩu, lại đi đánh Xương-đồ. Quân nghĩa-dũng của hai bộ Trương Minh-Ngũ, Vương Hiền-Đình thì đánh tới Cầm châu. Quân của Cảnh Kế-Chu đánh lấy được huyện Cầm-tây, bắt được viên tướng Nhật là Quạt-Tĩnh. Ở ngoài Sơn-hải-quan thì có bọn chí-sĩ kháng Nhật là Thiệu Chi-Doanh Trần Huyền ở một giải Phong-nhuận, Ngọc-diễn, xưng là đạo quân đông bắc kháng Nhật thứ 61, hiện đang họp ở Nam-lĩnh. Ở Liêu-ninh thì có Đường Tự-Ngũ lập chính-phủ ở Thông-hóa để chống nhau với quân Nhật. Đại sứ Nhật là Võ-Đặng dụ Đường Tự-Ngũ không được, Võ-Đặng quyết đem mấy sư-đoàn đến đánh Liêu-dông; lại dùng 12 chiếc máy bay chuyên đi ném bom xuống quân Đường Tự-Ngũ.

Theo số thống-kê của quân Nhật trong một năm nay thì máy bay Nhật bị hủy 47 chiếc.

Bộ lực-quân Nhật trú cách cứu-tế những linh bị thương. — Tin Đông-kinh nói: Lục-quân và hải-quân Nhật đánh nhau ở Thượng-hải và Mãn-châu chết mất tất cả 3279 người, còn bị thương: lục quân 1801 người, hải-quân 520 người. Từ nay về sau quân nghĩa-dũng hoạt-động lại càng hăng, hi-sinh tất nhiều, nghiệm như cuộc Nhật Nga chiến-tranh năm phần đều thành ra người tàn-tật cả, bộ lực-quân Nhật hiện đang khổ-tâm trú cách cứu-tế những linh bị thương.

Số tiền của Nhật tổn về vụ Mãn-châu. — Có một tạp-chí Tàu xuất-bản ở Thâm-dương, có nói rõ số tiền vốn của Nhật bỏ ra ở đất Mãn-châu là bao nhiêu?

Số ấy tới 1.510 triệu 756 nghìn, chia ra như sau này:

Hỏa-xa 356 triệu 316 nghìn; các sở Công 302 triệu 569 nghìn; Canh-nông, Lâm-khoáng 241 triệu 46 nghìn; Thương mại 117 triệu 733 nghìn; Công nghệ 110 triệu 121 nghìn; Ngân-hàng 106 triệu 705 nghìn; Tài-chính 97 triệu 635 nghìn; Thương-khẩu 63 triệu 834 nghìn; Chở chuyên 28 triệu 36 nghìn; Điện-khí và hỏa-khí 37 triệu 283 nghìn; Các việc vặt 40 triệu 458 nghìn; gộp cả thấy là 1.510 triệu 756 nghìn viên.

Một mình sở Hỏa-xa chiếm mất hết một phần tư số vốn này vậy.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 10 năm 1932)

Đức Bảo-dại đi quan-sát. — Thượng tuần tháng 10 này đức Bảo-dại đi thăm trường Quốc-học và trường Đồng-khánh ở Huế, Ngài có ban lời khuyên lon các học-trò. Ngài lại đi thăm trường

Bách-công, trường thí-nghiệm hóa-học, nhà thương, các trại lính ở Huế và phủ Khâm-sứ.

Phiên Hội-đồng viện Cơ-mật. — Đức Bảo-dại mới định rằng mỗi tuần lễ một lần họp Hội-đồng Cơ-mật vào ngày

thứ ba hồi 8 giờ rưỡi sáng, do Ngài ngự ra chủ-tọa. Mỗi phiên Hội-đồng đem xét những việc gì, thì phải dâng lên ngự-lãm từ thứ bảy trước. Mỗi tháng cứ phiên Hội-đồng Cơ-mật thứ ba đầu tháng thì tất cả các vị hoàng-thân và các quan đại-thần đều đến dự Hội-đồng cả.

Đức Bảo-đại ban tiền làm phúc. — Đức Bảo-đại có xuất ra một số tiền 400 đồng ban cho hội « Trung-kỳ chân-tế xã-hội », do bà hội-trưởng COLOMBON phụng lĩnh. Ngài lại xuất ra 150 đồng ban cho nhà thương dưỡng bệnh lao, do ông LE NESTOUR chánh sở Y-tế phụng lĩnh.

Đức Bảo-đại bái-yết các tôn-miếu. — Đức Bảo-đại đã đến bái-yết Triệu-miếu (thờ đức Nguyễn Kim), Thái-miếu (thờ đức Nguyễn Hoàng), Hưng-miếu (thờ đức Hưng-tổ sinh ra đức Gia-long) và Thế-miếu (thờ đức Gia-long cùng các vua sau).

Số tiền dự chi của Nam-triều năm 1932. — Tòa Khâm sứ Trung-kỳ dự-định các việc chi-tiền của Nam-triều về năm 1932 là 1.880.964 đồng.

Lại bắt được 100 người hội kín nữa. — Từ mồng 4 đến mồng 8 tháng 10 này, sở mật-thám bắt dư-đảng hội-kín ở Cầm-giang 23 người, ở Chi-linh 4 người, ở làng Lai-vu (về Kim-thành) 2 người. Trong bọn 23 người ở Cầm-giang có một tay trọng-yếu tên là Khóa Vạc quán ở Thái-bình, trước đã bị bắt về hội kín, mà vượt ngục Thái-bình trốn đi. Lại từ mồng 9 đến 13, bắt ở Mĩ-thọ 22 người và một tay súng lục, ở Bến-tre 30 người cùng những đảng-nhân khác ở các tỉnh sắp đến tụ họp ở Sài-gòn cộng tới 70 người. Trong số bắt được có 2 tên trọng yếu: một tên là Vũ tức Vàng tức Thiệu, hãn tự-xưng là tổng-trưởng một chi-bộ trong đảng; một tên là Hồ Văn-Lang tức Thái Giao-

Lang là tổng thư-ký của đảng mà số mật-thám đã tìm nã trong hai năm nay.

Quan Thống-sứ đi kinh lý các tỉnh. — Từ ngày quan phó Toàn-quyền PACÈS lĩnh chức Thống-sứ Bắc kỳ, thì ngài đi kinh-ly khắp các tỉnh trong xứ. Tháng trước Ngài đã đi thăm mấy tỉnh Bắc-giang, Bắc-ninh, Tuyên-quang, Vĩnh-yên, Hưng-yên, Thái-nguyên, Yên-báy, Phú-thọ và Phú-ly. Ngày mồng 3 tháng này Ngài đi kinh-ly tỉnh Hải-dương và Hải-phòng. Mồng 8 Ngài cùng quan Toàn-quyền đi kinh-ly tỉnh Nam-định, có đến thăm các sở công, các nhà máy sợi, máy nước, máy rượu, nhà xéc, nhà thương, dự lễ khánh-thành nhà hội-quán hội Thề-dục và khánh-thành nhà Nông-phổ ngân-hàng. Ngày mồng 10 Ngài đến thăm tòa Đốc-ly Hà-nội, Ngày 18 Ngài đi kinh-ly tỉnh Hà-dòng, sau khi ngài thăm các sở công và trại lính thì đến thăm nhà thương, Ngài thấy đông người đến đê, chữa bệnh và xin thuốc, nên Ngài hứa sẽ cho làm thêm ba khu nhà nữa cho người ốm vào chữa bệnh.

Bầu xảo tranh vẽ tại phủ Khâm-sứ Huế. — Mới đây phủ Khâm-sứ có mở một cuộc đấu-xảo tranh vẽ của cả người Pháp người Việt. Có những bức tranh tuyệt-diệu của ông LOUIS ROLLET, LÉON FÉLIX và những bức của bà BONNAL DE NOREUIT ông BOUTELLE, BONFILS, MÈGE là những tay danh-họa người Pháp, những bức của các ông MAI TRUNG-TƯỚNG, ba anh em ông PHI-LONG, PHI-HÙNG và cô MỘNG-HOÀ cùng ông LÊ HỮU-KHÁNH là những nhà họa-sĩ người Việt-Nam ta. Đức Bảo-đại cùng quan Khâm-sứ xem đến bức tranh nào cũng có ban khen các nhà danh-họa. Đức Bảo-đại có mua một bức tranh vẽ mĩ-nhân của ông MAI TRUNG-TƯỚNG giá 200 đồng.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ đi kinh-lý. — Ngày mồng 9, quan Khâm-sứ CHATEL đi kinh-lý ở Vinh.

Quan Toàn-quyền vào Huế. — Ngày 11, quan Toàn-quyền PASQUIER đã vào Huế để thương-nghị các công-việc cùng đức Bảo-đại. Ngày 14 ngài đã trở về Hà-nội.

Việc nấu rượu ở Bắc-kỳ. — Mới có một công-ti « Nguyễn Hữu-Nhu » đã được phép lập một lò nấu rượu tại Hà-đông, bắt đầu từ tháng 7 năm 1933 là ngày hết hạn hợp-đồng của sở Thương-chính đã ký với công-ti *Distilleries de l'Indochine*.

Cuộc đấu-xảo mỹ-nghệ tại Đông-dương Kinh-tế-cục bên Pháp. — Quan Tổng-trưởng và Thứ-trưởng bộ Thuộc-địa là ông ALBERT SARRAUT và ông CANDACE đã khánh-thành cuộc đấu-xảo các đồ chạm và tranh vẽ sơn của trường Mỹ-thuật Hà-nội tại Đông-dương Kinh-tế-cục. Đến dự có bà PAUL REYNAUD, các ông FERNAND, PILA, MARTIAL, MERLIN, MASPÉRO, ông đốc trường Mỹ-thuật Paris, một phóng-viên báo *Daily Mail*, ông GALIERA quản đốc viện Bảo-tàng, các tay bình phẩm mỹ-thuật MARGUILLIER và RABOSSON. Cuộc đấu-xảo này được nhiều người hoan-ngheh lắm.

Quan Thống-sứ dự cuộc đấu-xảo của hội Chấn-hưng mỹ-nghệ Bắc-ninh. — Ngày 15, hội « Chấn-hưng mỹ-nghệ » có mở cuộc đấu-xảo công-nghệ thường-miên. Dự cuộc có quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Công-sứ cùng các quan các công-sở, các quan tỉnh và các thân-hào trong hàng tỉnh.

Hội-dồng Chính-phủ thường-trực. — Hồi 9 giờ rưỡi sáng ngày 15, ban thường-trực hội-dồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

Quan Phụ-chính thân-thần Tôn-thất Hán hồi hưu. — Ngày mồng 7, quan Phụ-

chính thân-thần Tôn-thất Hán đã bãi-mệnh tại điện Cần-chính mà về trí-sĩ. Khi bãi-mệnh có đình-thần thiết triều; bãi-mệnh xong, có bá-quan đưa Ngài về Bộ. Ngài trái thờ bảy triều, 77 tuổi, hai lần trí-sĩ. Ngày 16, quan Phụ-chính bãi-biệt đức Hoàng-thượng mà về biệt-thự, Hoàng-thượng có tặng Ngài một tượng đồng của đức Tiên-đế (Khải-định) xưa, để tỏ lòng ghi nhớ công phụ-tá của Ngài, và sắc cho bá-quan văn võ cùng một đạo binh đủ lỗ-bộ kỳ-xi nhã-nhạc rước Ngài về biệt-thự ở làng Lai-thế, tổng Ngọc-anh, huyện Phú-vang.

Thái-tử nước Lào đỗ Luật-khoa cử-nhân. — Thái-tử SAVANG là con trưởng vua SISAVANG-VONG nước Lào đi du-học bên Pháp, có bằng cấp khoa-học Luân-lý và Chính-trị rồi, nay lại đỗ Luật-khoa cử-nhân.

Cử đại-biểu dự Thượng-hội-dồng Thuộc-địa bên Pháp. — Ngày mồng 2, ở Trung Nam Bắc-kỳ và Cao-miên đều có cuộc bầu-cử một ông đại-biểu đi dự Thượng-hội-dồng Thuộc-địa bên Pháp. Những ông được trúng-tuyển như sau này: Trung-kỳ ông LIGAUX, Nam-kỳ BUI QUANG-CHIÊU, Bắc-kỳ bầu không hợp lệ đến ngày 23 bầu lại, ông BOREL trúng cử, và Cao-miên thì ông MARINETTI.

Lễ Vạn-thọ tại Huế. — Âm-lịch ngày 23 tháng 9 là ngày Vạn-thọ khánh-liết của đức Bảo-đại, theo lệ thường thì trong Đại-nội làm lễ tế Mụ, tại triều thì văn võ bá-quan làm lễ triều-hạ rồi Hoàng-thượng ban tiệc rượu, có quan Khâm-sứ Trung-kỳ cùng các quý-quan đến dự. Buổi tối tại cung An-định mở cuộc dạ-yến khoản-dãi các quan Tây Nam, có các cuộc vui như khiêu vũ, cờ-nhạc, tám nữ-nhạc mặc áo mã-tiên múa hát chúc thọ, múa song-quan và múa bài-bông; ngoài thì các công-sở, các

trường học và các trại binh cả Trung Bắc-kỳ đều được nghỉ cả ngày.

Ông Phạm Quỳnh vào Kinh. — Ông PHẠM QUỲNH là chủ-bút bản-chí mới phụng Chỉ thị Thượng-thư sung Ngự-tiền Văn-phòng Đồng-ly. Mồng 7 tháng Noyembre 1932 này thì Ngài vào Kinh phó-nhiệm.

Hội-đồng Cổ-vấn. — Ngày 24, hội-đồng Cổ-vấn đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội do quan Thống-sứ PAGES chủ-tọa.

Rượu ti hạ giá. — Nhà Thương-chính bá-cáo cho nhân-dân biết rằng theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 14 tháng 10 năm 1932 rượu trắng thường của nhà-nước kể từ ngày 21 tháng 10 năm 1932 bán theo giá hạ như sau này :

Giá bán cho các bài lẻ

Rượu trắng 35 phân :

a) Mỗi lít rượu thùng 0 \$ 235.

b) Mỗi chai lít (không kể vỏ) 0 \$ 25.

Rượu trắng 45 phân :

Chai 0¹75 (không kể vỏ) 0 \$ 25.

Giá bán cho người mua uống

Rượu trắng 35 phân :

a) Mỗi lít rượu thùng 0 \$ 25.

b) Mỗi chai lít (không kể vỏ) 0 \$ 27.

Rượu trắng 45 phân :

Chai 0¹75 (không kể vỏ) 0 \$ 27.

Còn rượu ngũ-gia-bì, rượu cúc rượu sen thì không thay đổi giá.

Khánh-thành máng nước Uông-bì.

— Ngày 26, quan Toàn-quyền PASQUIER quan Thống-sứ PAGES cùng quan Chánh kỹ-sư Công-chánh GASSIER đã đi Uông-bì để khánh-thành máng nước dẫn nước cho thành-phố Hải-phòng dùng. Đoạn rồi quan Toàn-quyền đi thăm mỏ than Clotilde của công-ti mỏ-than miền Đông-triều, và đi thăm đài Thiên-văn Phù-liễn, rồi về Hà-nội.

Tha 20 người quốc-sự-phạm ở Thanh hóa. — Mới đây quan Tổng-đốc và

quan Công-sứ Thanh-hóa đã cho tha 20 người bị cáo nghi là có chân trong hội kín.

Một điều tiết-kiệm về nhà binh. — Mới đây quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã đồng ý với quan Thống-tướng định từ năm 1933 trở đi, ngoài hai đạo binh ở thành-phố Hà-nội và Hải-phòng ra, còn các đạo binh ở các tỉnh đồn khác cả khổ đỏ khổ-xanh từ hàng cai trở xuống đều không được cấp áo quần vải trắng để mặc những ngày nghỉ như trước nữa.

Dựng tượng Hoa-Thịnh-Đốn ở Sài-gòn. — Chiều ngày 29, thành-phố Sài-gòn đã làm lễ dựng tượng bán thân ông Hoa-thịnh-đốn (GEORGES WASHINGTON) của nước Hoa-kỳ tặng cho thành-phố, quan Thống-đốc Nam-kỳ và quan Lãnh-sự Hoa-kỳ đều có đọc diển-văn, các quan chức thân-hào Pháp Mĩ đến dự lễ đông lắm.

Giải-thưởng của hội Chấn-hưng mĩ-nghệ Bắc-ninh. — Hội Chấn hưng mĩ-nghệ đã mở cuộc thi các nghề khéo từ ngày 15 đến 20, hội-đồng xét thưởng có ông GRESSON làm chủ-tọa, các ông DELOUSTAL, PHẠM GIA-NÙNG và NGUYỄN HỮU-HẬU làm hội-viên, xét rồi thưởng các nhà nghề khéo như sau này :

Nghề chạm gỗ 5 giải ; nghề gỗ tàn-thời 1 giải ; nghề sơn 3 giải ; nghề giầy 3 giải ; nghề nông 2 giải ; nghề ghế máy 1 giải ; nghề làm mũ 3 giải ; nghề sừng 2 giải ; nghề chiếu lối mới 2 giải ; nghề thêu 3 giải ; nghề dăng-tên 1 giải ; nghề đúc 4 giải ; nghề nặn 2 giải ; nghề khảm 2 giải, nghề bạc 1 giải ; nghề vẽ 1 giải ; nghề ướp chè sen 2 giải ; nghề làm đèn 1 giải ; nghề làm bánh 2 giải.

Hội-đồng Chính-phủ. — Hội 9 giờ rưỡi sáng ngày 31, hội-đồng Thường-trực của Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa.

DƯ-LUẬN TRONG NƯỚC

«Lạy» có làm mất danh-giá hay không? — Không biết là do ông Trưởng-viện Trung-kỳ dân-biểu kêu nài, hay là tự đức Kim-thượng hạ chỉ bãi lệ đình thần lễ vua, ta hãy biết rằng việc hủy bỏ lệ này thật là thích-thời hợp-thế, đúng với phong trào xã-hội. Lệ bá-quan lễ vua, kể nhỏ lạy người lớn này, thịnh hành trong gần hai mươi thế-kỷ, tưởng không phải là phong-tục hủ-lậu, thói quen hồ-đồ, nay bởi một nét cây viết mà công-bố là công-cuộc của di-vãng rồi, cũng nên tỏ bày một đôi lời đề trần-tĩnh lấm lòng hoài-cổ đôi chút. Buds xưa hết thầy quốc-dân đều lấy cái chủ-nghĩa tôn-quân thần-thượng làm chuẩn-dịch của xã-hội, cái lệ lạy vua là một điều rất kính cần, ai cũng điềm-nhiên rằng việc lạy chẳng làm nhục cho kẻ lạy-lễ, mà cũng không cho là điều vinh riêng cho người thọ-lễ.

Ông nghị-trưởng Trung-kỳ đứng vào cái địa-vị là nhà thay mặt cho hết thầy binh-dân, kêu nài bãi lệ lạy vua, là rất đúng với điển-cổ, lại hợp với tấm lòng sở-nguyên của nhân-dân nữa. Nếu ông đứng vào cái địa-vị cá-nhân mà yêu-cầu việc này thời ông chẳng phải là không lạm-quyền, và ông đã làm một việc đối với ông là vô-can, ở ngoài cái phạm-vi của một cá-nhân người làm dân trong đám con đồ vậy...

Vua tức là thay mặt dân, nói trái lại, dân tức là vua, mà nhất ban quốc-dân vốn là một đoàn-thề vô hình, vậy ông vua cũng là một chức-vị vô hình không lẽ nào dân lại lạy vua, chẳng lẽ mình lạy mình hay sao? Bởi lẽ đó ta có thể nói rằng ông nghị-trưởng dân-biểu Trung-kỳ là đại biểu của nhất-ban quốc-dân đã khẩn-cầu

bãi lệ lạy vua là do điển-cổ. Đức Kim-thượng sở-dĩ hạ chỉ bãi sự lạy, cũng là bởi ngài không muốn coi thấy một điều trái lẽ, gia dĩ lại không hợp thế thuận thời nữa.

Lấy cái địa-vị cá-nhân thì người nào không có chức phẩm của triều-đình, không được phép lễ vua bao giờ. Người thường dân lạy nhau là một điều khoán-tước có định hạn chớ không phải là sự ngẫu-nhiên cưỡng-bách đâu. Lúc còn nhỏ thì lạy cha xá mẹ, đi học lạy thầy, tiều-vinh-qui thì bái lạy cha mẹ vợ; kể nào ơn nhờ phúc đức ông bà, thì đâu làm quan tới bậc đường-quan, mới được cái hân hạnh lạy vua. Thuộc về binh-dân: người này tự-do xem xét đáng kính người kia là ân-nhân thì bái lạy, đề tỏ lòng tôn-kính; còn như kẻ nào bị cưỡng-bách phải lạy kẻ khác thì chẳng những cuộc lạy này không có ảnh-hưởng gì, lại hay sinh ra đều gay-go, lắm khi đồ máu rất gớm ghê nữa. Những bậc trung-thần nghĩa-sĩ đời xưa thà chịu mất đầu, còn hơn là phải lạy một cách oan-khúc.

Trên kia nói rằng đình-thần mới có quyền được lạy vua, bởi vậy sự lạy vua rất có giá-trị, cho nên lăm người thiên kiến, thuyên đưa lái cũng đưa, lo lót đề mình cũng được khoái-chí lạy vua. Lệ lạy vua rất tôn-nghiêm, duy bậc đình-thần trong triều mới được lạy ở trước sân Rồng. Còn trăm quan ở biên giới thì hàng năm lạy vua ở vọng-cung, không được lạy ở giữa triều. Vì sự lạy vua đối với dư-luận, là một điều vinh diệu, cho nên các quan vô kinh để phải lo cửa này chạy cửa khác mới được phần hạnh-phúc lạy vua. Phép lạy vua khó-khăn như thế, chiếu lệ xưa cho đúng là một phong-tục rất

cao-thượng, song vì trong đám quan-trưởng, hoặc tự bọn thường-dân có người hãnh-cầu những sự danh-giá một cách trái ngược, cho nên đã gây ra lắm cái mồi hối-lộ làm cho sự bái lạy có cái phương-diện xấu-xa hủ-lậu vậy. Có một điều kỳ-cổ là dầu lệ-luật hay phong-lục nào còn có thể lấy đồng tiền làm đen lòng người được, chứ phép lạy vua, thời sự hối-lộ không có công-hiệu bao giờ. Ai được lạy vua tất là người có phẩm-hàm cao, bạch-đình dầu có lạy cũng là cóc vái trời đó thôi!

Cái quan-niệm sự lạy vua dầu trong buổi kim-thời này cũng không phải hệ-trọng đâu. Kìa như quan Thiệu Hà-dông là một bậc Pháp-học tân-tiến, và quañ tống-đốc Trần Văn - Thông, nguyên-quán tại Nam-kỳ, năm xưa hai ngài đứng đầu « Thân thương phái bộ » xứ Bắc-kỳ về để-đó bái yết đức Tiên-đế, cũng đều khăn-cầu được lạy vua là điều nghĩa-vụ hệ-trọng nhất. Phạm Quỳnh tiên-sinh dầu có chức phận, song không làm quan, vì có chân trong phái-bộ, cũng dự cuộc lạy một cách rất thành-kinh, hoàn-toàn. Nhà chủ tàu là ông Bạch Thái-Bưởi, ở Bắc-kỳ thường kêu là ông vua tàu, lại nhiệt-thành lạy vua hơn nữa.

Ông vốn bán-thân bất-toại, nếu sụp xuống để lạy, thì tất năm luôn không thể nào đứng dậy nữa. Phái-bộ rất lo cho tinh-mệnh ông, không biết xử-trí thế nào được cho vụ lạy vua không đến nỗi trở nên một lần bi-kịch rất thương-tâm. Ông Bưởi thì nhất mực lạy, dầu ông tuyệt-mạng ở giữa sân Rồng, cũng hả lòng. Việc này rắc-rối, gay-go quá, song tới cái thời-khắc trót cùng, trong khi phái-bộ đã xếp lớp ở trước sân Rồng, sắp sửa lạy vọng, (chớ không phải là lạy vua), có thánh-chỉ ban riêng cho ông Bưởi, không phải lạy sụp xuống đất như mọi người,

ông chỉ đứng yên một chỗ, gãi đầu trong khi đồng-phái hành-lễ mà thôi.

Xem như vậy thì ngay buổi hiện-thời khắp từ quan tới dân sự lạy vua không phải là một điều bắt buộc để làm nhục cho người ta đâu.

Những bậc mũ cao áo dài, đứng trong cái địa-vị làm thần-tử thì tự-do mà thọ-lĩnh cái nghĩa-vụ lạy vua, tùy theo phẩm-trật của mình.

Lại nên biết rằng không phải là các bậc đế vương giữ độc-quyền được nhận lạy của thần-tử đâu. Từ thượng-cổ tới giờ, ta coi trong lịch-sử thấy lắm bậc anh-vương hùng-đế qui vương đất mà lạy những kẻ hàn-nho, bần-sĩ, kẻ « mặc áo vải » thường khi được thọ-lĩnh sự lạy của vua, lại nghiêm-nhiên mà hạch-sách rất kịch-liệt nữa.

Đại để cái ý nghĩa sự lạy là như thế; thuộc về phương-diện tinh-thần vốn rất là cao-thượng; còn trong phương-diện vật-chất, tưởng cũng có vẻ oai nghi, sở dĩ có điều điên-đảo là do tâm lòng ó-mị a-dua của bọn ham danh trục lợi, lạy quàng lạy xiên, lạy chẳng phải đường, hoặc là do những bậc có quyền nhận lạy, lại lạm quyền ý thế, áp chế kẻ dưới phải lạy mình một cách trái phong ngược tục, mà gây ra những mối xung-đột cho dư-luận vậy.

TRẦN-VĂN-QUANG
(Đuốc-Nhà-Nam)

Một giờ bộ-kiến đức Bảo-đại

(Của ông Viện-trưởng viện Dân-biểu Trung-kỳ). — Ngày 1er Octobre 1932, tiếp thư vện Cơ-mật tin cho tôi biết: đến 10 giờ rưỡi ngày thứ hai 3 Octobre (mồng bốn tháng chín Annam), đức Hoàng-thượng sẽ tiếp riêng tôi tại điện Quang-minh. Đứng ngày giờ ấy tôi vào đến 1á-vu điện Cấn-chánh, có quan Đô-thống trong Nội dẫn kiến. Khi vào

đến điện Quang-minh, tôi vái chào Hoàng-thượng xong rồi, Hoàng-thượng ban cho tôi ngồi và từ trà.

Hoàng-thượng ban rằng: Trẫm muốn tiếp riêng ông để bàn chuyện thời-chính, vậy ông có ý-kiến gì, thời cứ nói thực Trẫm nghe...

Ngày 10 tháng 9 năm 1932, Trẫm mới thân-chính, có tuyên-bố bản Án-dụ nói về các việc cải-cách, trong có nói đến viện Nhân-dân đại-biểu; ông là Viện-trưởng, sẽ được dự hội-đồng Thượng-thư. cũng như mọi chức Thượng-thư Dân-biểu, vậy ý ông và quốc-dân thế nào?

Tôi tâu:— Về dịp hội-loan, quốc-dân đều có nẩy lòng hi-vọng, họ hi-vọng về cái tân-học-thức của Hoàng-thượng sẽ thực-hiện ra một cái tân-chính-thể cho nước Tân-Việt-Nam sau này. Từ ngày Hoàng-thượng về nước, quốc-dân trông thấy những cách cử-chỉ giao tiếp của ngài, đều theo lối giản-tiện, đưng-dẫn, thì phần nhiều dư-luận đều có tỏ ý lạc-quan. Những lời tuyên-bố trong Án-dụ, nhân-dân còn đợi xem sự thực hành; nhất là vấn-đề Lập-hiến ngày nay, thì quốc-dân ai cũng nóng lòng mong mỏi. Nói đến vấn-đề Nhân-dân đại-biểu-viện, trước hết tôi xin thay mặt nhân-dân cảm ơn Hoàng-thượng đã công-nhận cho... Còn như cho viện Nghị-trưởng được dự hội-đồng Thượng-thư và coi như một chức Thượng-thư Dân-biểu, điều ấy cũng là đặc-án của Hoàng-thượng, muốn cho Dân-viện được thêm

danh-dự, và được tham-chính một cách mật-thiết hơn trước, chúng tôi cũng xin tỏ lòng cảm tạ; nhưng chúng tôi thiết tưởng: đó chẳng qua là một việc cải-cách tạm-thời trước khi Hoàng-thượng chưa kịp khảo-sát đến việc cải-cách vĩnh-viễn. Vậy chúng tôi nếu được anh em tỏ lòng tin cậy, thời chỉ xin lấy tư-cách Nghị-trưởng hiện-thời đi tham-dự các kỳ hội-đồng, để trực-liếp tỏ bày nguyện-vọng nhân-dân cho chính-phủ xét đoán mà thôi, còn cái tên Dân-biểu thượng-thư, thời chúng tôi không dám lạm-nhận, vì nó không hợp với cơ-quan nghị-pháp. Theo ý-nguyện nhân-dân, viện chúng tôi sẽ xin phép Hoàng-thượng kính dâng mấy bài thỉnh-cầu, như các vấn-đề lập-hiến, tổ-chức lại Nhân-dân đại-biểu-viện, chỉnh-đốn quan-lại, cải-lương giáo-dục, cải-định hương-chính, vân vân.

Hoàng-thượng ban.— Các ông cứ thảo, xong rồi đưa lên Trẫm xem.

Tôi hỏi.— Xin Hoàng-thượng cho tôi được biết ý-kiến về vấn-đề Lập-hiến.

Hoàng-thượng ban.— Trẫm chưa định được, vì chưa xét rõ thời-cục và dân-trí thế nào.

Hoàng-thượng hỏi.— Ở trong Viện có bao nhiêu Nghị-viện? Những hạng người nào? Có nhiều người giỏi không? Cách tổ-chức và cách làm việc thế nào? Có phải nhà công-hội ở gần gare Huế không? Ông có làm việc luôn ở đó không?

Tôi đem lịch-sử và hiện-trạng của Dân-viện tâu thêm rằng: Ngoài cái viện

hiện-tại này, trong nước còn nhiều người tri-thức, cũng muốn ứng-cử vào Viện để giúp việc cho nước, cho dân. Chúng tôi ước ao, Hoàng thượng... thương đồng với chính-phủ Bảo-hộ, mở rộng quyền bảo-cử và quyền tham-chính cho Dân-viện, để đến kỳ tổng-tuyển-cử sang năm đây, bọn tân-cựu tri-thức sẽ đều vui lòng mà tranh ra ứng-cử, thời trong Viện sẽ có một số lớn người đủ tư-cách để lo giúp việc dân, việc nước cho được công-hiệu hơn.

Hoàng-thượng nghe lời tâu đoạn này có vẻ nghĩ-ngợi lắm.

Hoàng-thượng hỏi. — Việc giáo-dục ở thôn-quê thế nào?

Tôi tâu. — Việc giáo-dục ở thôn-quê, đương còn khuyết-diểm nhiều lắm; kể ra 100 đứa trẻ, mới có chừng 10 đứa được học mà thôi. Nay Bảo-hộ đã giao việc tiểu-học cho Nam-triều, Hoàng-thượng lại có tuyên-bố sẽ đặt bộ Quốc-dân giáo-dục, vậy xin Hoàng-thượng lưu-ý đến việc đào-luyện các giáo-sư và sửa đổi chương-trình tiểu-học cho đúng với ý-nghĩa quốc-dân giáo-dục, và xin khích-khuyến thế nào cho mỗi làng lớn hoặc hai ba làng nhỏ, đều có một cái công-trường, lại rộng phép cho lập tư-trường như xưa, thời mới mong cho giáo-dục phổ-cập được. Tôi tâu đến tình-trạng dân nghèo, dân đói, Hoàng-thượng có dáng cảm-động và rất chú-ý.

Hoàng-thượng hỏi. — Hiện các thầy dạy các trường làng là hạng nào?

Tôi tâu. — Phần nhiều là hạng mới đậu Tiểu-học văn-bằng; hạng này tuổi trẻ, học ít, mà phần nhiều lại không có môn học sư-phạm, trước kia bộ Học Nam-triều, có đặt trường sư-phạm ở mấy nơi, để đào-luyện một hạng hương-sư, tổng-sư, kén những hạng cựu khoa-mục như cử-nhân, tú-tài, khóa-sinh, học-sinh, cấp lương vào học tập trường ấy trong hạn sáu tháng hay một năm, khi tốt-nghiệp rồi, bổ làm giáo-sư các trường làng, trường tổng, toàn dạy bằng quốc-văn cả; khi ấy học trò đều vui lòng theo học, và học được mau lắn, vì phụ huynh học-trò ở hương-thôn đều thích hạng giáo-sư có tư-cách đứng-dẫn ấy; khi ấy có thi bằng Tuyển-sinh, nay đổi là bằng Sơ-học yếu-lược vậy.

Hoàng-thượng hỏi. — Nghe nói có nhiều làng phải chịu tiền học-phi, mà con em không được học phải không?

Tôi tâu. — Số ấy có thực, vì có trường cách xa nhau đến 3, 4 cây số, không tiện cho con em tới trường, còn học-phi thời cứ theo số đình, điền mà bõ chung cả. Vả lại tuy gọi tiền học-phi, nhưng chính-phủ cũng có dùng để tiêu về việc nhà thương nữa. Nay chính-phủ đã định bỏ khoản học-phi ấy rồi, vậy từ nay những làng nào có trường, thì làng ấy phải chịu học-phi mà thôi.

Tôi có xin lập trường Trung-học Tú-tài ở Huế, để tiện cho học-sinh Trung-kỳ khỏi phải ra Hà-nội hoặc vào Sài-gòn, khó khăn và tốn phi lắm. Sự ấy Viện Dân-biểu đã thỉnh-cầu từ 4 năm nay, nhưng xem chừng ngân-sách

đương thiếu tiền, nên khó mong sự thực-hành được. Vậy xin Hoàng-thượng trợ cấp, lập ra một trường Trung-học để đào-tạo nhân-tài, thực là một việc rất cần thiết.

Hoàng-thượng ban — Đề sẽ thương với quan Khâm-sứ.

Hoàng-thượng có tỏ ý phàn-nàn về những du-học-sinh ta ít người học làm thầy giáo về nước mà dạy ở các trường Trung-học, Đại-học. Những người đầu về công-nghệ chuyên-môn, thời hiện nay khó kiếm việc làm, vì gặp hồi kinh-lế khủng-hoảng.

Tôi tâu. — Điều ấy thực có, vài năm nay đã có một số du-học-sinh thành tài về nước, mà phần nhiều chưa tìm được công-việc làm, lưu-trung cũng có người đầu bằng Cử-nhân, Tiến-sĩ về Triết-học hay văn-chương, có thể dạy ở các trường Trung-học và Cao-đẳng tiểu-học được, mà tại sao cũng không được dùng! Còn những người đầu về công-nghệ chuyên-môn thì thực là khó tìm công-việc trong lúc kinh-lế đình-đốn này. Tôi thấy ở Huế có đặt Cờ-học-viện, mà chưa thấy làm được việc gì có ích, vậy xin Hoàng-thượng đổi làm một viện Việt-Nam Hàn-lâm, vừa chọn người cựu-học yém-bác để trừ thuật và phiên-dịch những sách nho có chân giá trị, lại vừa kén những hạng tân-học tốt nghiệp ở tây về mà chưa tìm được việc làm, đều dùng vào viện ấy để phiên-dịch những sách Thái-tây có thể đem dạy ở các trường học, hoặc

truyền-bá tư-tưởng được, thì thực là một sự giúp ích về việc khai-hóa, lại vừa giúp cho các hạng người trên ấy có việc làm nữa.

Hoàng-thượng ban. — Sẽ bàn với quan Khâm-sứ về việc ấy. Ngài lại ban cần phải sửa đổi hội du-học bảo-trợ lại, để có thể trợ-cấp thêm cho du-học-sinh, sự ăn dùng học-hành bên tây phí-tồn nhiều, mà hội trợ-cấp chỉ được số ít, nên có nhiều học-sinh túng quẫn lắm.

Tôi tâu. — Hiện nay hội Du-học bảo-trợ cũng đã cần tiền, vậy xin Hoàng-thượng nên trừ cách thêm vốn cho được dư-dụ.

Hoàng-thượng có tỏ ý : đến hết tháng một tây sẽ đi tuần-sát các tỉnh phía bắc Trung-kỳ, trước hết đến tỉnh Thanh-hóa cung-yết tôn-lăng, thứ đến các tỉnh khác ; sau về sẽ đi tuần-sát các tỉnh phía Nam. Ngài cho việc đi tuần-sát là cần lắm, muốn xét rõ việc hành-chính các tỉnh và để nhân-dân có nguyện-vọng gì đều được trực-tiếp mà thỉnh-cầu.

Tôi tâu. Điều ấy hay lắm, chắc nhân-dân cũng lấy làm hoan-ngheh.

Sau hết tôi tâu. — Việc nước đương còn nhiều điều cần phải thương-định chỉnh-đốn và kiến-thiết, nhưng sự quan-hệ trước nhất là vấn-đề dụng nhân, vậy xin Hoàng-thượng lưu-ý trước nhất về việc kén chọn nhân-tài, để giúp đỡ Hoàng-thượng được nên công-việc.

... Tôi vái chào xin lui.

Tôi về trọ nghỉ, trong bụng chứa-
chôn môi cảm-tình.

Nghị-trưởng: NGUYỄN-TRÁC

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyền
giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mời xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn
và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyền thứ I | 4 hào. |
| Quyền thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

Giới-thiệu sách mới

Mạnh-tử quốc-văn giải-thích, quyền hạ. — Của ông Tú Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến và ông Tú Tùng-vân Nguyễn Đôn-Phục dịch-thuật.

Sách này đặt nguyên-văn chữ nho, có dịch âm, giải nghĩa, chú-thích rõ-ràng, giúp ích cho các nhà muốn nghiên-cứu lấy tinh-thần chữ nho, thì sẵn có văn quốc-ngữ đó đem ra mà đối-chiếu suy xét rất là dễ hiểu, thật là một quyển sách có giá-trị, không những là bảo-lữn được nền cựu-học, mà giúp công giảng-cứu cho các nhà tân-học nữa. Nay đương lúc các nhà học-giả trong nước nhiệt-tâm muốn điều-hòa lấy hai cái học-thuật tư-tưởng Đông Tây, mà lại được bộ sách Mạnh-tử quốc-văn giải-thích ấy ra đời, đề cung-ưng về sự nhu-yếu trong học-giới, thật là thích-hợp lắm!

Khổ sách 14×23 phân tây.

Quyển thượng 512 trang, giá 3 \$ 00.

Quyển hạ hơn 400 trang, giá... ..

